HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐÀO VĂN QUANG

THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH VÙNG NAM TRUNG BỘ HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS.TS Đặng Quang Định

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐÀO VĂN QUANG

THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH VÙNG NAM TRUNG BỘ HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ

Mã số: 9229002

Người hướng dẫn khoa học: 1. GS, TS TRẦN VĂN PHÒNG

2. TS PHẠM VĂN GIANG

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả



Đào Văn Quang

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
Chương 1. TỔNG QUAN NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN 9
1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến những vấn đề lý luận về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh 9
1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến thực trạng quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh 27
1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến giải pháp quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh 35
1.4. Khái quát giá trị các công trình nghiên cứu đã tổng quan và những vấn đề đặt ra mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu 43
Chương 2. THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH VÙNG NAM TRUNG BỘ HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN 50
2.1. Một số khái niệm cơ bản liên quan 50
2.2. Khái lược vùng Nam Trung Bộ và đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ 61
2.3. Biểu hiện thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay 68
2.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay 76
Chương 3. THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH VÙNG NAM TRUNG BỘ HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA 92
3.1. Thực trạng thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay 92
3.2. Những vấn đề đặt ra từ thực trạng thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay 138

Chương 4. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUÁN TRIỆT SỰ THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH VÙNG NAM TRUNG BỘ THỜI GIAN TỚI 154
4.1. Nâng cao năng lực nhận thức lý luận và tư duy biện chứng của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ trong vận dụng sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn vào việc ra quyết định 154
4.2. Đổi mới quy trình và hoàn thiện cơ chế bảo đảm thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định 161
4.3. Tăng cường gắn kết giữa chủ trương chung của trung ương với điều kiện thực tiễn địa phương vùng Nam Trung Bộ trong việc ra quyết định 171
4.4. Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, phản hồi chính sách, kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình trong việc ra quyết định 181
KẾT LUẬN 192
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ 195
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 196
PHỤ LỤC 218

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CBCC	Cán bộ chủ chốt
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
NTB	Nam Trung Bộ
PCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
RQĐ	Ra quyết định
TKQĐ	Thời kỳ quá độ
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế biển và hội nhập quốc tế, yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, ngày càng trở nên cấp thiết. Các chủ trương, nghị quyết của Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ và đổi mới phương thức lãnh đạo đều đặt ra yêu cầu cán bộ phải có năng lực tư duy lý luận, khả năng tổng kết thực tiễn và năng lực tổ chức thực hiện các quyết định lãnh đạo, quản lý. Đối với cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, những người giữ vai trò quan trọng trong lãnh đạo, định hướng và quyết định các vấn đề phát triển của địa phương, yêu cầu đó càng có ý nghĩa trực tiếp. Vì vậy, nghiên cứu sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh là vấn đề có ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

Về phương diện lý luận, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời được Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo trong hoạt động cách mạng và lãnh đạo, quản lý. Nguyên tắc này đòi hỏi lý luận phải được hình thành, bổ sung và phát triển trên cơ sở thực tiễn; đồng thời, thực tiễn phải được định hướng, soi sáng và cải tạo bằng lý luận khoa học. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông" [118, tr.95]. Đây là cơ sở phương pháp luận quan trọng để xem xét hoạt động ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, bởi chất lượng quyết định không chỉ phụ thuộc vào việc nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách và pháp luật mà còn phụ thuộc vào khả năng nhận thức đúng thực tiễn, vận dụng lý luận phù hợp với điều kiện cụ thể và kiểm nghiệm quyết định trong quá trình

tổ chức thực hiện. Do đó, việc quán triệt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn có ý nghĩa quan trọng đối với tính đúng đắn, tính khả thi và hiệu quả của các quyết định lãnh đạo, quản lý.

Về phương diện thực tiễn, hoạt động ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh trong thời gian qua đã góp phần cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc quán triệt và vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định vẫn còn những hạn chế nhất định. Ở một số trường hợp, việc cụ thể hóa chủ trương, chính sách chưa thật sự sát với điều kiện và yêu cầu thực tiễn địa phương; việc điều tra, khảo sát, dự báo, phân tích và tổng kết thực tiễn còn chưa đầy đủ; có biểu hiện vận dụng lý luận thiếu linh hoạt hoặc đề cao kinh nghiệm thực tiễn mà chưa chú trọng đúng mức cơ sở lý luận. Những hạn chế đó có thể làm giảm tính khả thi, hiệu quả của quyết định, thậm chí dẫn đến việc phải điều chỉnh trong quá trình tổ chức thực hiện. Thực trạng này đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu, làm rõ những yếu tố tác động, biểu hiện và nguyên nhân của việc quán triệt chưa đầy đủ nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Yêu cầu đó càng có ý nghĩa đối với vùng Nam Trung Bộ, khu vực có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, đồng thời có những đặc điểm đa dạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và không gian phát triển. Khu vực có tiềm năng phát triển kinh tế biển, du lịch, logistics, năng lượng và liên kết vùng, nhưng cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như thiên tai, biến đổi khí hậu, tình trạng thiếu nước, sự chênh lệch về điều kiện phát triển giữa các địa bàn và yêu cầu kết nối giữa duyên hải với Tây Nguyên. Những đặc điểm này đòi hỏi cán bộ chủ chốt cấp tỉnh phải nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời có khả năng phân tích đặc điểm địa phương, dự báo những biến động, xác định đúng vấn đề và lựa chọn quyết định phù hợp với

điều kiện, nguồn lực và khả năng tổ chức thực hiện. Nếu thiếu sự gắn kết giữa lý luận với thực tiễn, quyết định có thể không phản ánh đúng yêu cầu phát triển của địa phương, dẫn đến hạn chế về tính khả thi và hiệu quả.

Trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế biển, tăng cường liên kết vùng và đổi mới quản trị địa phương đang đặt ra những vấn đề mới đối với hoạt động ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh. Thực tiễn phát triển luôn vận động, biến đổi, trong khi việc nhận thức và vận dụng lý luận cũng phải được bổ sung, phát triển phù hợp. Vì vậy, cán bộ chủ chốt cấp tỉnh không chỉ cần có năng lực nhận thức và vận dụng lý luận mà còn phải biết phát hiện vấn đề từ thực tiễn, tổng kết kinh nghiệm, kiểm tra tính đúng đắn của quyết định và điều chỉnh phương thức lãnh đạo, quản lý khi điều kiện thực hiện thay đổi. Đây là yêu cầu quan trọng nhằm nâng cao chất lượng quyết định, đáp ứng nhiệm vụ phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

Về phương diện nghiên cứu, đã có nhiều công trình đề cập đến mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, cũng như hoạt động ra quyết định trong lãnh đạo, quản lý. Các công trình này cung cấp những luận cứ quan trọng về cơ sở triết học, phương pháp luận và yêu cầu nâng cao chất lượng quyết định. Tuy nhiên, việc nghiên cứu sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, nhất là trong điều kiện đặc thù của vùng Nam Trung Bộ, vẫn cần được tiếp tục làm rõ một cách hệ thống dưới góc độ triết học. Những vấn đề cần nghiên cứu sâu hơn bao gồm nội hàm của sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định; các yếu tố tác động; biểu hiện của việc quán triệt nguyên tắc này trong quá trình ra quyết định; thực trạng, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra; cũng như các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quán triệt nguyên tắc trong thời gian tới.

Xuất phát từ những vấn đề lý luận và thực tiễn nêu trên, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài ***"Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay"*** làm luận

án tiến sĩ. Việc nghiên cứu đề tài nhằm góp phần làm rõ cơ sở lý luận về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh; đánh giá thực trạng, xác định nguyên nhân và những vấn đề đặt ra tại vùng Nam Trung Bộ; từ đó đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả quán triệt nguyên tắc này trong hoạt động lãnh đạo, quản lý ở địa phương.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu của luận án

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, luận án phân tích, đánh giá thực trạng quán triệt nguyên tắc này trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ, từ đó đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ này trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Để thực hiện mục đích nghiên cứu nêu trên, luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

- *Một là,* tổng quan và đánh giá các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài; xác định những kết quả đã đạt được, những vấn đề còn chưa được làm rõ và những nội dung luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

- *Hai là,* phân tích, luận giải và làm rõ cơ sở lý luận về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh; xác định nội hàm, các yếu tố tác động và những biểu hiện chủ yếu của việc quán triệt nguyên tắc này trong hoạt động ra quyết định.

- *Ba là,* khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ; làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra.

- *Bốn là,* đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

Đối tượng nghiên cứu của luận án là sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ, tập trung vào quá trình vận dụng lý luận vào phân tích thực tiễn, lựa chọn và tổ chức thực hiện các quyết định lãnh đạo, quản lý có tính định hướng phát triển địa phương.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án

- *Về nội dung:* Luận án nghiên cứu cơ sở lý luận, các yếu tố tác động, biểu hiện và thực trạng quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh; từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quán triệt nguyên tắc này.

- *Về không gian:* Luận án nghiên cứu tại khu vực Nam Trung Bộ gắn với Tây Nguyên, bao gồm các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa và Lâm Đồng [48].

Việc lựa chọn không gian nghiên cứu này xuất phát từ xu hướng tăng cường liên kết phát triển giữa khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, từng bước hình thành không gian phát triển có sự gắn kết về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Đồng thời, đây là khu vực có điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội đa dạng, chứa đựng nhiều tiềm năng, lợi thế nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển, từ đó đòi hỏi hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh phải bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn.

- *Về thời gian:* Luận án khảo sát thực tiễn từ năm 2015 đến năm 2026, tập trung vào các quyết định và hoạt động lãnh đạo, quản lý trong giai đoạn này.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận của luận án

Cơ sở lý luận của luận án được xác lập trên nền tảng thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hạt nhân phương pháp luận của luận án là nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong triết học Mác - Lênin, theo đó thực tiễn vừa là cơ sở, động lực, mục tiêu, vừa là tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý của lý luận. Nguyên tắc này giữ vai trò chi phối hoạt động nhận thức và thực tiễn lãnh đạo, quản lý, đặc biệt trong việc ra quyết định.

Trên cơ sở đó, luận án kế thừa và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về sự gắn bó hữu cơ giữa lý luận và thực tiễn, đồng thời tiếp cận các quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng đội ngũ cán bộ, đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao chất lượng quản trị như những định hướng cụ thể hóa nguyên tắc này trong điều kiện hiện nay.

Từ đó, luận án vận dụng nhất quán các nguyên lý và quan điểm lý luận để nghiên cứu sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ, làm rõ bản chất, nội dung và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

4.2. Phương pháp nghiên cứu của luận án

Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; đồng thời sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

- *Phương pháp phân tích - tổng hợp:* được sử dụng xuyên suốt luận án nhằm phân tích các tài liệu, công trình nghiên cứu và dữ liệu thực tiễn; từ đó tổng hợp, khái quát và luận giải các vấn đề phục vụ mục tiêu nghiên cứu.

- *Phương pháp khái quát hóa - hệ thống hóa*: được sử dụng xuyên suốt quá trình nghiên cứu, đặc biệt trong tổng quan tình hình nghiên cứu và xây dựng cơ sở lý luận của luận án, nhằm hệ thống hóa các quan điểm, cách tiếp cận và kết quả nghiên cứu có liên quan; từ đó khái quát những vấn đề lý luận cốt lõi, xác định khoảng trống nghiên cứu và định hướng nội dung nghiên cứu của luận án.

- *Phương pháp lịch sử - lôgíc*: được vận dụng để phân tích quá trình hình thành, phát triển và nội dung của quan điểm về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn; đồng thời làm rõ sự vận động, phát triển của quan điểm này và yêu

cầu vận dụng vào việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh trong điều kiện hiện nay.

- *Phương pháp thống kê, so sánh*: được sử dụng để thu thập, xử lý, phân tích và đối chiếu các số liệu, dữ liệu thực tiễn liên quan đến việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ; qua đó làm rõ thực trạng, đặc điểm, xu hướng vận động và những khác biệt cần tiếp tục phân tích, lý giải.

Bên cạnh đó, luận án sử dụng kết hợp nguồn dữ liệu sơ cấp và thứ cấp. Dữ liệu thứ cấp được khai thác từ sách, tạp chí khoa học, các công trình nghiên cứu, văn bản của Đảng, Nhà nước và báo cáo của các cơ quan Trung ương, địa phương; dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát, tổng hợp và xử lý thông tin phục vụ nghiên cứu.

5. Đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

Thứ nhất, luận án đã luận giải và làm rõ nội hàm, các biểu hiện cơ bản và những nhân tố ảnh hưởng đến sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh dưới góc độ triết học Mác - Lênin; qua đó góp phần bổ sung cơ sở lý luận cho nghiên cứu về hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Thứ hai, luận án phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ; chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục giải quyết.

Thứ ba, luận án đề xuất hệ thống giải pháp phù hợp với đặc điểm vùng Nam Trung Bộ nhằm quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, qua đó góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo, quản lý ở địa phương.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

- *Về ý nghĩa lý luận:*

Luận án góp phần bổ sung và làm rõ cơ sở lý luận về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định của cán bộ lãnh đạo, quản lý; làm rõ nội hàm, đặc điểm và các nhân tố tác động đến việc vận dụng

nguyên tắc này trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của vùng Nam Trung Bộ hiện nay.

- *Về ý nghĩa thực tiễn:*

Kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp luận cứ khoa học phục vụ việc nâng cao chất lượng hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ; đồng thời có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy và bồi dưỡng về công tác lãnh đạo, quản lý, đặc biệt tại các trường chính trị và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

7. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục các công trình nghiên cứu của tác giả có liên quan đến đề tài, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án được kết cấu gồm 4 chương, 14 tiết:

Chương 1: Tổng quan những công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án.

Chương 2: Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay - một số vấn đề lý luận.

Chương 3: Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay - thực trạng và những vấn đề đặt ra.

Chương 4: Giải pháp nâng cao hiệu quả quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ thời gian tới.

Chương 1
TỔNG QUAN NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ SỰ THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH

1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

Việc kế thừa, phân tích và đánh giá các công trình nghiên cứu tiêu biểu trong và ngoài nước về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn có ý nghĩa quan trọng trong việc hệ thống hóa những kết quả đã đạt được, đồng thời nhận diện các hướng tiếp cận, nội dung nghiên cứu và những vấn đề còn chưa được làm rõ. Trên cơ sở đó, mục này tập trung trình bày, phân tích và đánh giá một số công trình tiêu biểu, qua đó làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu, đồng thời chỉ ra khoảng trống khoa học cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Cuốn sách của Nguyễn Vinh Quang (2003), *25 vấn đề lý luận trong công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc* [134], đã làm rõ những quan điểm cơ bản của các học giả Trung Quốc về mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn trong tiến trình cách mạng. Tác giả khẳng định vai trò định hướng của lý luận đối với thực tiễn, đồng thời chỉ ra rằng lý luận phải bắt nguồn từ thực tiễn và quay trở lại phục vụ thực tiễn; qua đó nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình cải cách, mở cửa trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Trung Quốc. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận ở bình diện lý luận chung và kinh nghiệm vĩ mô của Trung Quốc, chưa đi sâu phân tích sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể như ra quyết định lãnh đạo, quản lý, cũng như chưa gắn với điều kiện đặc thù của Việt Nam ở cấp địa phương.

Cuốn sách của Tập Cận Bình (Về quản trị đất nước, Quyển 1, 2014; Quyển 5, 2024) [242] là công trình có giá trị lý luận và thực tiễn tiêu biểu, thể hiện nhất quán nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong tiến trình phát triển của Trung Quốc đương đại. Thông qua hệ thống các bài phát biểu, chỉ thị và bài viết, công trình đã làm rõ cách thức vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác vào điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể của Trung Quốc, đồng thời luận giải và định hướng giải quyết nhiều vấn đề thực tiễn lớn như xây dựng Đảng cầm quyền, xóa đói giảm nghèo, phát triển chất lượng cao và mở rộng hợp tác quốc tế. Qua đó, công trình góp phần làm rõ cơ chế chuyển hóa từ lý luận thành chủ trương, chính sách và hành động thực tiễn trong quản trị quốc gia. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận ở tầm vĩ mô, gắn với quản trị quốc gia và kinh nghiệm của Trung Quốc, chưa đi sâu phân tích sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cấp địa phương, cũng như chưa đặt trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Bài viết của Trịnh Vĩnh Lưu (Zheng Yong-liu) và Trần Lỗ Hạ (Chen Lu-xia) (2021), *"Triết học thực tiễn và lý thuyết về thực tiễn"* [106], đã nghiên cứu mối quan hệ giữa triết học thực tiễn và lý thuyết về thực tiễn, qua đó làm rõ vai trò của thực tiễn trong việc hình thành, phát triển và vận dụng tri thức lý luận. Nghiên cứu chỉ ra rằng lý thuyết về thực tiễn đã kế thừa và mở rộng những luận điểm của triết học thực tiễn hiện đại sang nhiều lĩnh vực khoa học xã hội, góp phần tăng cường sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn trong nhận thức và hoạt động xã hội. Bài viết gợi mở cho nghiên cứu sinh cách tiếp cận về sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn trong nhận thức và hoạt động lãnh đạo, quản lý.

Cuốn sách *Sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong công tác xây dựng* của Viện Nghiên cứu Xây dựng Đảng Trung ương Trung Quốc (2022) [243], đã àm rõ nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong công tác xây dựng Đảng trên nền tảng lý luận Mác-xít, khẳng định lý luận giữ vai trò

định hướng, thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý và được cụ thể hóa thông qua các hoạt động chỉnh đốn Đảng, phòng, chống tham nhũng. Công trình góp phần làm rõ sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn trong xây dựng Đảng ở Trung Quốc. Tuy nhiên, nghiên cứu chủ yếu tiếp cận từ góc độ chính trị - tổ chức, chưa phân tích một cách hệ thống dưới góc độ triết học và chưa làm rõ cơ chế vận dụng nguyên tắc này trong hoạt động ra quyết định lãnh đạo, quản lý.

Cuốn sách của Sergey Bodrunov (2023), *Hệ kinh tế tri thức/Nền kinh tế phi kinh tế* [25], đã phân tích xu hướng chuyển đổi sang kinh tế tri thức và đề xuất khái niệm "Noonomy" như một mô hình phát triển mới, nhấn mạnh vai trò chi phối của tri thức, khoa học - công nghệ và các quy luật khách quan đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Công trình góp phần làm rõ yêu cầu đổi mới tư duy hoạch định chính sách theo hướng phát triển bền vững. Tuy nhiên, nghiên cứu chủ yếu tiếp cận từ góc độ kinh tế học, chưa phân tích một cách hệ thống mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn dưới góc độ triết học, cũng như việc vận dụng nguyên tắc này trong hoạt động ra quyết định của cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Bài viết của Mahmutović, O. (2025), "Ma trận nhận thức luận của tính chủ thể hiện thực trong học thuyết thực tiễn của C. Mác" [114], đã chỉ ra cơ sở nhận thức luận trong học thuyết thực tiễn của C. Mác, khẳng định thực tiễn không chỉ là phương thức cải tạo thế giới mà còn là nền tảng của quá trình nhận thức. Tác giả phân tích mối quan hệ biện chứng giữa tư duy và hiện thực vật chất, giữa chủ thể và khách thể, đồng thời chỉ ra rằng chân lý được kiểm nghiệm thông qua thực tiễn lịch sử - xã hội. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh nhận thức luôn mang tính lịch sử, gắn với điều kiện sản xuất vật chất và được phát triển thông qua hoạt động thực tiễn cải biến hiện thực.

Bài viết của Hồ Diệu Huy (Hu Yaohui) (2025), "Triết học với tư cách là một thực hành lý luận: Diễn giải lại quan niệm triết học mác-xít của Althusser" [93], đã nghiên cứu quan niệm của Louis Althusser về triết học Mác từ góc độ "thực hành lý luận", làm rõ mối quan hệ giữa triết học, lý luận

và thực tiễn. Tác giả cho rằng Althusser khẳng định lập trường "thực tiễn giữ vai trò ưu tiên", phản đối quan điểm tuyệt đối hóa lý luận, đồng thời nhấn mạnh sự thống nhất giữa lý luận và hiện thực thông qua phép biện chứng của các mâu thuẫn trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Nghiên cứu cũng chỉ ra triết học Mác là công cụ lý luận phục vụ cải tạo hiện thực và đấu tranh xã hội, qua đó làm nổi bật bản chất cách mạng của triết học Mác.

Tại Việt Nam, trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán quan điểm đề cao nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, đồng thời kiên quyết khắc phục các biểu hiện tách rời hai mặt này trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Trên nền tảng đó, nhiều công trình nghiên cứu trong nước đã tập trung luận giải vấn đề này dưới các góc độ khác nhau. Việc tổng quan các công trình tiêu biểu không chỉ nhằm hệ thống hóa những kết quả đã đạt được mà còn góp phần làm rõ những khoảng trống nghiên cứu cần tiếp tục bổ sung trong luận án.

Bài viết của Trần Văn Phòng (2000), *"Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong tư tưởng triết học Hồ Chí Minh"* [124], đã làm rõ sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là nguyên tắc cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời chỉ ra vai trò của nguyên tắc này trong việc tiếp thu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Bài viết nhấn mạnh rằng việc quán triệt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn góp phần khắc phục khuynh hướng giáo điều và kinh nghiệm chủ nghĩa, qua đó nâng cao giá trị phương pháp luận trong giải quyết các vấn đề thực tiễn và năng lực lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu tiếp cận ở bình diện tư tưởng - triết học, chưa đi sâu phân tích sự vận dụng nguyên tắc này trong các hoạt động cụ thể như ra quyết định lãnh đạo, quản lý, cũng như chưa gắn với điều kiện thực tiễn của đội ngũ cán bộ ở cấp địa phương.

Cuốn sách của Nguyễn Đức Bình (2005), *Về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* [23], đã trình bày có hệ thống

những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học và sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới. Công trình làm rõ nguyên lý thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa Mác - Lênin, khẳng định rằng lý luận về chủ nghĩa xã hội chỉ có giá trị khi xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam và phản ánh đúng điều kiện, đặc điểm phát triển của đất nước; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa gắn với vận dụng sáng tạo lý luận trong thời kỳ quá độ. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận ở tầm vĩ mô và bình diện lý luận chung về con đường phát triển của Việt Nam, chưa đi sâu phân tích sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong các hoạt động cụ thể như ra quyết định lãnh đạo, quản lý, cũng như chưa gắn với thực tiễn đội ngũ cán bộ ở cấp địa phương.

Đề tài khoa học *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về đánh giá, quy hoạch, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước* của Ban Tổ chức Trung ương (2008) [79], đã nghiên cứu một cách có hệ thống các vấn đề lý luận và thực tiễn trong công tác đánh giá, quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý. Công trình làm rõ các nguyên tắc, nội dung và yêu cầu của công tác cán bộ trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đồng thời bước đầu chỉ ra mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình xây dựng, sử dụng đội ngũ cán bộ, qua đó khẳng định vai trò của việc đổi mới công tác cán bộ đối với phát triển đất nước. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận từ góc độ công tác tổ chức - cán bộ, chưa đi sâu luận giải một cách hệ thống mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn dưới góc độ phương pháp luận triết học, cũng như chưa phân tích sự vận dụng nguyên tắc này trong hoạt động ra quyết định của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh.

Bài viết của Nguyễn Trọng Tứ (2016), *"Thực hiện nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy lý luận chính trị"* [189], đã khẳng định thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là nguyên tắc cơ bản của nhận thức khoa học và hoạt động cách mạng. Trên cơ sở kế thừa tư tưởng Hồ Chí

Minh, công trình làm rõ yêu cầu hình thành lý luận từ thực tiễn và định hướng trở lại thực tiễn, đồng thời nhấn mạnh việc đổi mới giảng dạy lý luận chính trị theo hướng gắn với thực tiễn nhằm phát triển tư duy độc lập và năng lực vận dụng của người học. Qua đó, bài viết góp phần làm rõ giá trị phương pháp luận của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực giáo dục lý luận chính trị. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu tiếp cận trong phạm vi giảng dạy lý luận chính trị, chưa phân tích một cách hệ thống mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn dưới góc độ triết học, cũng như chưa gắn với các hoạt động cụ thể như ra quyết định trong lãnh đạo, quản lý.

Bài viết của Tiền Tú Anh (2018), *"Vận dụng mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn trong việc nâng cao chất lượng đào tạo"* [1], đã làm rõ bản chất của lý luận như sự khái quát kinh nghiệm thực tiễn thành tri thức khoa học, đồng thời khẳng định vai trò định hướng của lý luận đối với thực tiễn nhằm khắc phục tư duy cảm tính. Trên cơ sở đó, bài viết nhấn mạnh yêu cầu gắn giảng dạy lý luận với đời sống xã hội và thực tiễn đổi mới đất nước, qua đó góp phần làm rõ ý nghĩa phương pháp luận của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển năng lực vận dụng của người học. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu tiếp cận trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, chưa phân tích một cách hệ thống mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn dưới góc độ triết học, cũng như chưa gắn với hoạt động ra quyết định trong lãnh đạo, quản lý.

Bài viết của Hà Văn Thiều (2020), "*Vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy các môn Khoa học xã hội và nhân văn*" [155], đã làm rõ vai trò của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt trong các học viện, nhà trường quân đội. Bài viết khẳng định tri thức khoa học chỉ phát huy giá trị khi gắn với thực tiễn công tác, huấn luyện và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; đồng thời đề xuất đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng kết hợp lý thuyết với thảo luận, xử lý tình huống và cập nhật thực tiễn. Qua đó, bài

viết góp phần làm rõ ý nghĩa phương pháp luận của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo và xây dựng bản lĩnh chính trị cho người học. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu tiếp cận trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo và môi trường quân đội, chưa phân tích một cách hệ thống mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn dưới góc độ triết học, cũng như chưa gắn với hoạt động ra quyết định trong lãnh đạo, quản lý ở cấp địa phương.

Bài viết của Phạm Anh Hùng (2023), *"Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam"* [92], đã làm rõ tính tất yếu, vai trò và phương thức vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bài viết khẳng định lý luận phải xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, đồng thời giữ vai trò định hướng cho thực tiễn đổi mới và hội nhập; qua đó làm rõ sự vận động của nguyên tắc này trong việc bổ sung, phát triển Cương lĩnh và văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu tiếp cận ở tầm vĩ mô và bình diện lý luận chung, chưa đi sâu phân tích sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong các hoạt động cụ thể như ra quyết định lãnh đạo, quản lý, cũng như chưa gắn với thực tiễn đội ngũ cán bộ ở cấp tỉnh.

Cuốn sách của Nguyễn Thị Thu Hường (2023), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển con người toàn diện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc* [96], đã làm rõ sự thống nhất giữa lý luận mác-xít về phát triển con người toàn diện với thực tiễn xây dựng chủ nghgiax xã hội đặc sắc Trung Quốc từ năm 2012 đến nay. Thông qua phân tích năm phương diện phát triển (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và văn minh sinh thái), công trình góp phần chỉ ra mối liên hệ giữa mục tiêu phát triển và quá trình hoàn thiện con người trong điều kiện cụ thể của Trung Quốc. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận từ góc độ chính sách và thực tiễn, chưa đi sâu luận giải mối quan hệ giữa lý

luận và thực tiễn ở bình diện phương pháp luận triết học, cũng như chưa gắn với các hoạt động cụ thể như ra quyết định trong lãnh đạo, quản lý.

Cuốn sách của Nguyễn Xuân Thắng (2023), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về đổi mới, phát triển đất nước* [146], đã hệ thống hóa những luận điểm khoa học về con đường phát triển của Việt Nam trong bối cảnh mới trên cơ sở quán triệt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Công trình khẳng định thực tiễn đổi mới là nguồn gốc, động lực và tiêu chuẩn kiểm nghiệm của lý luận, đồng thời nhấn mạnh vai trò định hướng của lý luận trong hoạt động ra quyết định. Qua đó, công trình làm rõ quá trình hình thành, điều chỉnh các chủ trương, chính sách từ tổng kết thực tiễn và sự phát triển của lý luận thông qua thực tiễn triển khai, góp phần bảo đảm cơ sở khoa học và tính khả thi của các quyết định phát triển. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận ở tầm vĩ mô và bình diện lý luận chung về phát triển đất nước, chưa đi sâu phân tích sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh, cũng như chưa gắn với điều kiện đặc thù của từng vùng.

Bài viết của Nguyễn Thị Thanh Thủy (2025), *"Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn"* [161] đã tiếp cận sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong tư tưởng Hồ Chí Minh như một nguyên tắc phương pháp luận nền tảng: thực tiễn là điểm xuất phát và tiêu chuẩn kiểm nghiệm của lý luận; lý luận được khái quát từ thực tiễn và trở thành kim chỉ nam định hướng hành động. Bài viết đồng thời nhấn mạnh vai trò của điều tra, khảo sát thực tế và chỉ ra hai khuynh hướng lệch lạc cần khắc phục là giáo điều và kinh nghiệm chủ nghĩa. Qua đó, bài viết góp phần làm rõ nội hàm, biểu hiện và ý nghĩa phương pháp luận của nguyên tắc này đối với hoạt động lãnh đạo, quản lý hiện nay. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu dừng ở bình diện nguyên tắc chung, chưa đi sâu phân tích cơ chế, quy trình và tiêu chí đánh giá việc vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Nhìn chung, các nghiên cứu trong và ngoài nước đã làm rõ nhiều khía cạnh của mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, từ bình diện triết học, tư tưởng đến các lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu tiếp cận ở tầm vĩ mô hoặc theo từng lĩnh vực riêng lẻ, chưa đi sâu phân tích một cách hệ thống sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định của cán bộ lãnh đạo, quản lý, đặc biệt là ở cấp tỉnh gắn với điều kiện đặc thù của vùng Nam Trung Bộ. Vì vậy, luận án tập trung kế thừa những giá trị lý luận đã đạt được, đồng thời tiếp tục nghiên cứu, làm rõ vấn đề này dưới góc độ triết học gắn với thực tiễn cụ thể.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến việc ra quyết định lãnh đạo, quản lý

Cuốn sách của Michael J. Mauboussin (2006), *Những sai lầm khi ra quyết định* [113], đã phân tích bản chất và quy trình ra quyết định, chủ yếu trong bối cảnh tổ chức kinh doanh. Tác giả tiếp cận ra quyết định như một chu trình gồm các bước từ xác lập bối cảnh, nhận diện vấn đề đến xây dựng, đánh giá và lựa chọn phương án; đồng thời nhấn mạnh vai trò của tư duy phản biện, nhận diện rủi ro và các sai lệch nhận thức trong điều kiện môi trường biến động. Qua đó, công trình cung cấp các công cụ tư duy nhằm nâng cao chất lượng và tính linh hoạt của quá trình ra quyết định. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận dưới góc độ kinh tế học hành vi và quản trị kinh doanh, chưa đi sâu phân tích hoạt động ra quyết định trong lĩnh vực lãnh đạo, quản lý nhà nước, cũng như chưa đặt vấn đề trong mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn dưới góc độ phương pháp luận triết học.

Cuốn sách của Michael Nicholas (2018), *Kỹ năng ra quyết định hiệu quả* [115], đã trình bày có hệ thống các nguyên lý và kỹ năng cần thiết cho quá trình ra quyết định. Tác giả tiếp cận ra quyết định như sự kết hợp giữa lý trí và cảm xúc, giữa tư duy logic và trực giác, trong đó việc đạt được quyết định hiệu quả đòi hỏi sự cân bằng giữa các yếu tố này. Công trình nhấn mạnh vai trò của việc nhận thức đầy đủ bối cảnh, tuân thủ quy trình ra quyết định khoa

học và phát huy tư duy sáng tạo, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả lựa chọn và năng lực thích ứng của chủ thể trong môi trường biến đổi. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận ở góc độ kỹ năng cá nhân và quản trị nói chung, chưa đi sâu phân tích hoạt động ra quyết định trong lĩnh vực lãnh đạo, quản lý nhà nước, cũng như chưa đặt vấn đề trong mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn dưới góc độ phương pháp luận triết học.

Cuốn sách của Son Masayoshi (2019), *Bí quyết ra quyết định dành cho lãnh đạo* [112], đã khẳng định vai trò then chốt của hoạt động ra quyết định trong lãnh đạo, nhấn mạnh mỗi quyết định đều có tác động trực tiếp và lâu dài đến tổ chức và con người. Công trình chỉ ra rằng quyết định đúng đắn có thể tạo động lực phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động, trong khi quyết định sai lầm dễ dẫn đến những hệ lụy nghiêm trọng; đồng thời đặc biệt nhấn mạnh vai trò của yếu tố thời điểm và việc cân nhắc đầy đủ thông tin như những điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng quyết định. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận từ góc độ kinh nghiệm lãnh đạo trong lĩnh vực kinh doanh, chưa đi sâu phân tích hoạt động ra quyết định trong khu vực công, cũng như chưa đặt vấn đề trong mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn dưới góc độ phương pháp luận triết học.

Cuốn sách của David Cotton (2020), *Rèn luyện kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề* [49], đã trình bày hệ thống các công cụ và phương pháp hiện đại trong giải quyết vấn đề và ra quyết định. Tác giả nhấn mạnh cách tiếp cận hợp tác, đề cao nguyên tắc dân chủ trong thảo luận và khuyến khích sự tham gia của nhiều chủ thể nhằm nâng cao chất lượng phương án, giảm thiểu rủi ro và tăng cường trách nhiệm tập thể. Qua đó, công trình gợi mở những giá trị thực tiễn quan trọng trong việc nâng cao chất lượng ra quyết định trong bối cảnh môi trường biến động và yêu cầu phát huy dân chủ ngày càng cao. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận ở góc độ kỹ năng và quản trị tổ chức nói chung, chưa đi sâu phân tích hoạt động ra quyết định trong lĩnh vực lãnh đạo, quản lý nhà nước, cũng như chưa đặt vấn đề trong mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn dưới góc độ phương pháp luận triết học.

Bài viết của Nazarov Azamat Sottarovich (2020), *"Các khía cạnh tâm lý của việc ra quyết định quản lý"* [238], đã tiếp cận ra quyết định như "mắt xích trung tâm" của hoạt động quản lý, phản ánh sự tương tác giữa năng lực chủ quan của người lãnh đạo và các điều kiện khách quan của môi trường tổ chức. Bài viết phân tích cấu trúc phân cấp của quá trình ra quyết định, đồng thời làm rõ vai trò của các yếu tố tâm lý như động cơ, cảm xúc, ý chí, đặc biệt là hiện tượng "đấu tranh động cơ" trong lựa chọn phương án khi đối mặt với tình huống phức tạp. Bên cạnh đó, tác giả bài viết nhấn mạnh ý nghĩa của ra quyết định nhóm và cơ chế phản tỉnh tập thể trong việc hạn chế sai lệch cá nhân, qua đó khẳng định quyết định quản lý hiệu quả là kết quả của sự kết hợp giữa lý trí, ý chí, hệ giá trị và kinh nghiệm thực tiễn của chủ thể. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu tiếp cận dưới góc độ tâm lý học quản lý, chưa đi sâu phân tích hoạt động ra quyết định trong lĩnh vực lãnh đạo, quản lý nhà nước, cũng như chưa đặt vấn đề trong mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn dưới góc độ phương pháp luận triết học.

Cuốn sách của Du Khả Bình (2020), *Hiện đại hóa Quản trị Nhà nước của Trung Quốc* [24], là công trình có giá trị lý luận và thực tiễn về quá trình chuyển đổi phương thức quản trị ở Trung Quốc. Tác phẩm làm rõ mối quan hệ giữa lý luận "quản trị tốt" và thực tiễn chính trị đặc thù, nhấn mạnh hiện đại hóa quản trị không chỉ là cải cách thể chế, pháp luật mà còn là đổi mới phương thức vận hành quyền lực theo hướng từ "quản lý" sang "quản trị". Thông qua phân tích các cải cách ở cấp địa phương, công trình chỉ ra mô hình ra quyết định dựa trên thực nghiệm chính sách và tổng kết thực tiễn, trong đó lý luận được điều chỉnh, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và nâng cao hiệu lực, tính chính danh của hệ thống quản trị. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận trong bối cảnh thể chế và điều kiện đặc thù của Trung Quốc, chưa đi sâu phân tích hoạt động ra quyết định dưới góc độ phương pháp luận triết học, cũng như chưa gắn với điều kiện cụ thể của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh tại Việt Nam.

Cuốn sách của M. Turpin, M.A. Marais (2022), *Ra quyết định: Lý luận và thực tiễn* [240], đã phân tích một cách hệ thống quá trình ra quyết định từ xác định vấn đề, lựa chọn phương án đến tổ chức thực thi và đánh giá kết quả, qua đó làm rõ mối quan hệ giữa tư duy lý luận và hành động thực tiễn của chủ thể. Công trình nhấn mạnh sự khác biệt giữa mô hình ra quyết định lý tưởng và hành vi thực tế, đồng thời đề xuất kết hợp phân tích định lượng với kinh nghiệm và trực giác quản trị. Việc phân loại quyết định từ có cấu trúc đến phi cấu trúc cho thấy yêu cầu linh hoạt, thích ứng của năng lực ra quyết định trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận dưới góc độ lý thuyết và kỹ thuật ra quyết định trong quản trị nói chung, chưa đi sâu phân tích hoạt động ra quyết định trong lĩnh vực lãnh đạo, quản lý nhà nước, cũng như chưa đặt vấn đề trong mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn dưới góc độ phương pháp luận triết học.

Cuốn sách của Trương Hiểu Yến (2022), *Nghiên cứu lý luận và thực tiễn ra quyết định của Đảng Cộng sản Trung Quốc* [232], đã phân tích cơ chế ra quyết định theo nguyên tắc dân chủ tập trung của Đảng Cộng sản Trung Quốc dưới góc độ gắn kết giữa lý luận và thực tiễn. Công trình nhấn mạnh vai trò của việc kết hợp các nguyên lý lý luận về lãnh đạo với hoạt động điều tra, nghiên cứu thực tiễn nhằm bảo đảm tính khoa học và hiệu quả của các quyết định chiến lược; đồng thời làm rõ xu hướng ứng dụng dữ liệu và công nghệ số trong hoàn thiện mô hình ra quyết định, qua đó góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và quản trị trong bối cảnh chuyển đổi số. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận trong khuôn khổ thể chế và điều kiện đặc thù của Trung Quốc, chưa đi sâu phân tích hoạt động ra quyết định dưới góc độ phương pháp luận triết học, cũng như chưa gắn với thực tiễn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh tại Việt Nam.

Cuốn sách của Busov V.I. (2024), *Lý luận và thực tiễn ra quyết định quản lý* [237], đã nhấn mạnh tính thống nhất hữu cơ giữa chủ thể và đối tượng quản lý như điều kiện nền tảng bảo đảm hiệu quả của hoạt động ra quyết định.

Thông qua phân tích các thí điểm kinh tế và việc vận dụng các thuật toán tối ưu hóa trong bối cảnh hậu Covid-19, công trình làm rõ quá trình chuyển hóa từ lý thuyết hệ thống sang hành động quản lý cụ thể, qua đó khẳng định vai trò của sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn trong ra quyết định quản lý hiện đại. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận dưới góc độ lý thuyết hệ thống và kỹ thuật tối ưu hóa trong quản trị, chưa đi sâu phân tích hoạt động ra quyết định trong lĩnh vực lãnh đạo, quản lý nhà nước, cũng như chưa đặt vấn đề trong mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn dưới góc độ phương pháp luận triết học.

Cuốn sách của *Vladimir Viktorovich Glukhov (2024), Quản trị chiến lược và ra quyết định trong điều kiện bất định* [241], đã nghiên cứu quá trình ra quyết định chiến lược trong bối cảnh bất định gắn với biến động kinh tế và tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp mới. Tác giả chỉ ra những hạn chế của mô hình quản trị truyền thống dựa trên dự báo dài hạn, đồng thời đề xuất cách tiếp cận quản trị theo kịch bản và tăng cường năng lực thích ứng. Công trình nhấn mạnh sự kết hợp giữa các công cụ phân tích hiện đại như dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo với tư duy, trực giác và kinh nghiệm của nhà lãnh đạo, qua đó làm rõ yêu cầu gắn kết giữa lý luận quản trị và thực tiễn ra quyết định trong các hệ thống kinh tế phức tạp. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận trong lĩnh vực quản trị chiến lược và kinh tế, chưa đi sâu phân tích hoạt động ra quyết định trong khu vực công, cũng như chưa đặt vấn đề trong mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn dưới góc độ phương pháp luận triết học gắn với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Cuốn sách của Anatoly Viktorovich Karpov (2024), *Tâm lý học ra quyết định quản lý* [235], đã làm rõ sự gắn kết giữa lý luận tâm lý học và thực tiễn ra quyết định trong quản lý hiện đại. Tác giả tiếp cận ra quyết định như một chức năng tâm lý tổng hợp, chịu sự chi phối của đặc điểm nhân cách, kinh nghiệm và các sai lệch nhận thức của chủ thể lãnh đạo. Thông qua phân tích các "bẫy tâm lý" trong thực tiễn quản lý, công trình đề xuất kết hợp giữa phân tích logic, các thuật toán ra quyết định với trực giác và kinh nghiệm, qua đó

góp phần nâng cao hiệu quả ra quyết định trong điều kiện phức tạp và bất định. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận dưới góc độ tâm lý học quản lý, chưa đi sâu phân tích hoạt động ra quyết định trong lĩnh vực lãnh đạo, quản lý nhà nước, cũng như chưa đặt vấn đề trong mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn dưới góc độ phương pháp luận triết học gắn với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Cuốn sách của Baruch Fischhoff (2025), *Ra quyết định: Nghiên cứu và hỗ trợ con người trước những lựa chọn khó khăn* [236], đã hệ thống hóa các nghiên cứu hiện đại về khoa học ra quyết định, làm rõ cơ sở nhận thức, tâm lý và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng quyết định, đồng thời nhấn mạnh vai trò của thông tin, dữ liệu, dự báo và bằng chứng. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận từ khoa học ra quyết định và khoa học hành vi, chưa nghiên cứu vấn đề ra quyết định dưới góc độ triết học Mác - Lênin, nhất là nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong ra quyết định của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam.

Cuốn sách của Jari Stenvall, Tony Kinder và Hanna Vakkala (đồng chủ biên) (2026), *Công nghệ mới nổi và giải quyết vấn đề đổi mới trong quản trị hành chính công* [239], tập trung làm rõ vai trò của công nghệ mới nổi, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo trong đổi mới quản trị, hỗ trợ giải quyết vấn đề và nâng cao chất lượng ra quyết định trong khu vực công. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận từ góc độ quản trị công và chuyển đổi số, chưa nghiên cứu ra quyết định dưới góc độ triết học Mác - Lênin, đặc biệt chưa làm rõ nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quyết định của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam.

Ở Việt Nam, nghiên cứu về hoạt động ra quyết định trong lãnh đạo, quản lý ngày càng được quan tâm, đặc biệt trong bối cảnh đẩy mạnh đổi mới hệ thống chính trị và cải cách hành chính nhà nước. Các công trình trong nước thời gian qua đã tiếp cận vấn đề này từ nhiều góc độ như quản lý nhà nước, khoa học tổ chức - cán bộ, hành vi quản lý và kỹ năng lãnh đạo; bước đầu làm

rõ quy trình, yêu cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng ra quyết định. Tuy nhiên, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào từng khía cạnh hoặc lĩnh vực cụ thể, chưa có nhiều công trình tiếp cận một cách hệ thống dưới góc độ phương pháp luận triết học gắn với mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn. Tiêu biểu có các công trình sau:

Cuốn sách của Nguyễn Thị Hà và Lê Văn Hòa (2012), *Các kỹ năng cần thiết cho cán bộ chính quyền cấp cơ sở* [71], đã hệ thống hóa các kỹ năng thiết yếu đối với đội ngũ cán bộ chính quyền cơ sở, trong đó kỹ năng ra quyết định quản lý được xác định là kỹ năng cốt lõi của hoạt động lãnh đạo, quản lý. Công trình làm rõ mối liên hệ giữa ra quyết định với các kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá và tạo sự đồng thuận xã hội; qua đó nhấn mạnh rằng hiệu quả của quyết định phụ thuộc vào sự kết hợp đồng bộ giữa năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý và phẩm chất công vụ của cán bộ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận dưới góc độ kỹ năng quản lý ở cấp cơ sở, chưa đi sâu phân tích hoạt động ra quyết định ở cấp tỉnh, cũng như chưa đặt vấn đề trong mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn dưới góc độ phương pháp luận triết học.

Bài viết của Ngô Thị Hạnh (2012), *"Kỹ năng ra quyết định của cán bộ lãnh đạo"* [76], đã xác định kỹ năng ra quyết định là khả năng lựa chọn phương án tối ưu để giải quyết vấn đề trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, qua đó phản ánh trực tiếp năng lực lãnh đạo của cán bộ. Tác giả cho rằng kỹ năng này bao gồm các bước phân tích thông tin, đánh giá phương án, dự báo hệ quả và tổ chức thực hiện quyết định trong điều kiện thực tiễn cụ thể. Việc hình thành kỹ năng ra quyết định đòi hỏi sự kết hợp giữa trang bị lý luận khoa học và rèn luyện qua thực tiễn, đồng thời gắn với năng lực tổ chức, kiểm tra và điều chỉnh trong quá trình triển khai. Qua đó, bài viết khẳng định kỹ năng ra quyết định là yếu tố cốt lõi của năng lực cán bộ lãnh đạo và là cầu nối giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động quản lý. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu tiếp cận

dưới góc độ kỹ năng cá nhân trong hoạt động lãnh đạo, chưa đi sâu phân tích hoạt động ra quyết định ở cấp tỉnh, cũng như chưa luận giải một cách hệ thống mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn dưới góc độ phương pháp luận triết học.

Cuốn sách của Phạm Ngọc Thanh (Chủ biên) (2013), *Đổi mới văn hóa lãnh đạo và quản lý ở Việt Nam hiện nay* [148], đã nghiên cứu một cách hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về văn hóa lãnh đạo, quản lý; phân tích các nhân tố tác động đến văn hóa lãnh đạo, quản lý trong điều kiện đổi mới và hội nhập quốc tế, đồng thời đề xuất các quan điểm, giải pháp đổi mới văn hóa lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam. Công trình làm rõ vai trò của văn hóa, đạo đức công vụ, trách nhiệm, phong cách và phương pháp lãnh đạo trong nâng cao chất lượng hoạt động lãnh đạo, quản lý và hiệu quả tổ chức thực hiện quyết định. Đây là tài liệu tham khảo có giá trị trong nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Cuốn sách của Hoàng Văn Hải (2016), *Ra quyết định quản trị* [75], đã phân tích việc vận dụng tư tưởng quản trị hài hòa Đông - Tây trong hoạt động ra quyết định. Cuốn sách làm rõ các vấn đề cốt lõi của ra quyết định trong quản trị như khái niệm, bản chất, vai trò, mô hình và phương pháp ra quyết định, đồng thời nhấn mạnh vai trò của trí tuệ tập thể và yếu tố văn hóa trong quá trình này. Trên cơ sở đó, tác giả vận dụng các nguyên lý khoa học ra quyết định vào thực tiễn Việt Nam thông qua các tình huống điển hình trong tổ chức, doanh nghiệp, qua đó làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định của nhà quản trị. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, chưa đi sâu phân tích hoạt động ra quyết định trong khu vực công và hệ thống chính trị, cũng như chưa luận giải mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn dưới góc độ phương pháp luận triết học.

Đề tài khoa học *Vai trò của người đứng đầu trong quá trình ra các quyết định lãnh đạo chiến lược hiện nay* của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2017) [65], đã khẳng định ra quyết định là hành vi có chủ đích, mang

tính sáng tạo của người lãnh đạo nhằm định hướng, tổ chức và huy động các nguồn lực thực hiện mục tiêu chiến lược. Công trình nhấn mạnh vai trò then chốt của người đứng đầu trong việc xác định vấn đề và lựa chọn phương án hành động phù hợp, đồng thời coi ra quyết định lãnh đạo là một quá trình liên tục, gồm chuỗi quyết định có quan hệ tác động qua lại trong bối cảnh các vấn đề phức tạp, biến động và khó dự báo. Qua đó, nghiên cứu làm rõ yêu cầu về bản lĩnh, năng lực thích ứng và trách nhiệm của người lãnh đạo trong xử lý các thách thức chiến lược hiện nay. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận hoạt động ra quyết định dưới góc độ quản trị chiến lược và vai trò cá nhân người đứng đầu, chưa đi sâu luận giải mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình ra quyết định, cũng như chưa gắn với điều kiện đặc thù của từng vùng lãnh thổ trong quản lý cấp tỉnh.

Cuốn sách của Nguyễn Thanh Giang (2020), *Kỹ năng và nghệ thuật lãnh đạo - Những vấn đề lý luận và thực tiễn* [69], đã khẳng định quyết định lãnh đạo là quá trình chuyển hóa tư duy lý luận thành hành động thực tiễn, giữ vai trò cầu nối giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Tác giả cho rằng quyết định khoa học, kịp thời có ý nghĩa định hướng hệ thống, tạo sự đồng thuận và khai thác hiệu quả nguồn lực; ngược lại, quyết định sai lầm hoặc chậm trễ có thể dẫn đến những hệ quả tiêu cực đối với tổ chức và xã hội. Công trình đồng thời nhấn mạnh giá trị của quyết định chỉ được hiện thực hóa thông qua tổ chức thực hiện, giám sát và điều chỉnh phù hợp, qua đó làm rõ vai trò trung tâm của kỹ năng ra quyết định trong năng lực lãnh đạo, quản lý. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận ra quyết định dưới góc độ kỹ năng và nghệ thuật lãnh đạo, chưa đi sâu luận giải mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình ra quyết định, cũng như chưa xem xét một cách hệ thống trong bối cảnh hoạt động của cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh.

Cuốn sách của Nguyễn Bá Chiến, Lê Hải Bình (đồng chủ biên) (2024), *Quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả - Cơ sở lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay* [44], đã phân tích một cách hệ thống cơ sở lý luận về quản trị quốc

gia hiện đại, làm rõ các đặc trưng, nguyên tắc và những yếu tố tác động đến quản trị quốc gia; đồng thời đánh giá thực trạng quản trị quốc gia ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, công trình đề xuất các yêu cầu và điều kiện bảo đảm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia, trong đó nhấn mạnh vai trò của việc hoạch định, tổ chức thực hiện các quyết sách và nâng cao chất lượng hoạt động lãnh đạo, quản lý. Đây là tài liệu tham khảo có giá trị trong nghiên cứu hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam hiện nay.

Bài viết của Nguyễn Thị Hà (2025), *"Nâng cao năng lực ra quyết định lãnh đạo đáp ứng yêu cầu của bối cảnh mới"* [72], đã phân tích khái niệm, đặc điểm, vai trò và những yêu cầu đối với năng lực ra quyết định lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và đổi mới quản trị quốc gia. Tác giả đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực ra quyết định, nhấn mạnh năng lực pháp lý, ứng dụng khoa học - công nghệ, hoàn thiện quy trình và phát huy đạo đức công vụ. Bài viết là tài liệu tham khảo có giá trị đối với nghiên cứu hoạt động ra quyết định của cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Bài viết của Nguyễn Hữu Công, Nguyễn Thị Thảo (2025), *"Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị hiện nay: thành tựu và giải pháp"* [50], đã phân tích những kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong bối cảnh mới; đồng thời đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng lãnh đạo, quản trị và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Qua đó, bài viết góp phần làm rõ các yêu cầu về đổi mới tư duy lãnh đạo, nâng cao năng lực hoạch định, tổ chức thực hiện và chất lượng ra quyết định của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, là tài liệu tham khảo có giá trị đối với nghiên cứu hoạt động ra quyết định trong khu vực công.

Từ các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về ra quyết định lãnh đạo, quản lý có thể thấy, vấn đề này đã được tiếp cận khá đa dạng từ góc độ quản

trị học, tâm lý học, kỹ năng lãnh đạo, quản trị chiến lược. Các nghiên cứu đã làm rõ bản chất, quy trình, mô hình ra quyết định; nhấn mạnh vai trò của người đứng đầu, yếu tố chủ quan, trí tuệ tập thể, công nghệ và bối cảnh bất định; đồng thời bước đầu chỉ ra các điều kiện nâng cao chất lượng quyết định trong thực tiễn quản lý. Tuy nhiên, phần lớn các công trình mới dừng lại ở việc phân tích ra quyết định như một quá trình kỹ thuật - quản trị hoặc năng lực cá nhân, chưa đi sâu luận giải một cách hệ thống dưới góc độ phương pháp luận triết học về mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình ra quyết định của chủ thể lãnh đạo, quản lý. Đặc biệt, chưa có nhiều nghiên cứu gắn vấn đề này với điều kiện đặc thù của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh ở các vùng cụ thể, trong đó có vùng Nam Trung Bộ. Vì vậy, luận án tập trung tiếp cận hoạt động ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh từ góc độ triết học Mác - Lênin, làm rõ sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình ra quyết định, đồng thời gắn với bối cảnh và đặc thù phát triển của vùng Nam Trung Bộ hiện nay.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN THỰC TRẠNG QUÁN TRIỆT SỰ THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH

Các công trình nghiên cứu liên quan đến thực trạng quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong ra quyết định có thể khái quát thành hai nhóm chủ yếu. Nhóm các công trình nước ngoài tập trung tiếp cận vấn đề từ góc độ quản trị, khoa học ra quyết định, tâm lý học hành vi và chính sách công, qua đó làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng quyết định trong những bối cảnh khác nhau. Nhóm các công trình trong nước chủ yếu tiếp cận trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam, nhấn mạnh vai trò của sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động của đội ngũ cán bộ. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện có nhìn chung chưa đi sâu phân tích một cách hệ thống thực trạng quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Cuốn sách của Peter F. Drucker (2001), *Drucker tinh hoa* [56], đã tiếp cận ra quyết định và quản trị từ góc độ chuyển hóa tri thức, tư duy phân tích và kinh nghiệm thực tiễn thành hành động có mục tiêu, kết quả. Công trình nhấn mạnh yêu cầu xác định đúng vấn đề, phân tích điều kiện thực tiễn, lựa chọn phương án và thiết lập cơ chế phản hồi nhằm nâng cao hiệu quả quản trị. Qua đó, nghiên cứu cung cấp những gợi mở về vai trò của tư duy, kinh nghiệm và thực tiễn trong nâng cao chất lượng quyết định. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận từ quản trị doanh nghiệp phương Tây, chưa luận giải mối quan hệ lý luận - thực tiễn dưới góc độ triết học Mác - Lênin và chưa phân tích đặc thù ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh ở Việt Nam.

Cuốn sách của Charles Conteh và Frank L. K. Ohemeng (2009), *Chính sách ra quyết định ở các nước đang phát triển* [234], đã phân tích quá trình hoạch định và ra quyết định chính sách ở các quốc gia đang phát triển, nhấn mạnh vai trò của tri thức chuyên gia, năng lực nội sinh và các yếu tố tác động từ môi trường bên ngoài. Công trình cho thấy chất lượng quyết định chính sách không chỉ chịu ảnh hưởng của các tác động quốc tế mà còn phụ thuộc vào năng lực chủ động của chủ thể ra quyết định và điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia. Qua đó, nghiên cứu cung cấp gợi mở về vai trò của năng lực chủ thể và bối cảnh thực tiễn đối với chất lượng quyết định. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận ở cấp quốc gia và trong bối cảnh chính sách quốc tế, chưa đi sâu phân tích sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong ra quyết định của cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh ở Việt Nam.

Cuốn sách của Daniel Kahneman (2011), *Tư duy nhanh và chậm* [97], đã phân tích cơ chế vận hành của hai hệ thống tư duy: tư duy nhanh mang tính trực giác và tư duy chậm mang tính phân tích, lý tính. Công trình chỉ ra ảnh hưởng của thiên kiến nhận thức, kinh nghiệm chủ quan và lối mòn tư duy đối với quá trình đánh giá và ra quyết định, qua đó nhấn mạnh vai trò của tư duy phân tích và bằng chứng trong hạn chế sai lệch, nâng cao chất lượng quyết định. Nghiên cứu cung cấp cơ sở tham khảo về các yếu tố nhận thức tác động

đến hoạt động ra quyết định. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận từ tâm lý học và kinh tế học hành vi, chưa luận giải mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và chưa phân tích đặc thù ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Cuốn sách của Anne-Sophie Chaxel (2020), *Chính phủ và cá nhân đưa ra quyết định như thế nào trong thời kỳ khủng hoảng trường hợp virut Corona* [233], đã phân tích quá trình ra quyết định của chính phủ trong bối cảnh khủng hoảng Covid-19, nhấn mạnh vai trò của nhận thức tình huống, thu thập và xử lý thông tin trong lựa chọn phương án. Công trình cho thấy chất lượng quyết định chịu tác động của nhiều yếu tố và phụ thuộc vào cách chủ thể nhận diện, đánh giá, cân đối các lợi ích trong điều kiện thực tiễn cụ thể. Qua đó, nghiên cứu cung cấp gợi mở về vai trò của nhận thức, thông tin và phương pháp trong quá trình ra quyết định. Tuy nhiên, công trình chưa trực tiếp luận giải mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, cũng như chưa phân tích đặc thù ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Cuốn sách của Vladimir V. Glukhov (2024), *Quản trị chiến lược và ra quyết định trong điều kiện bất định* [68], đã phân tích hoạt động ra quyết định trong môi trường biến động, khó dự báo, nhấn mạnh vai trò của tư duy chiến lược và năng lực thích ứng của nhà quản lý. Công trình đề cao sự kết hợp giữa dữ liệu, dự báo và kinh nghiệm thực tiễn, đồng thời nhấn mạnh khả năng xử lý rủi ro và điều chỉnh quyết định trên cơ sở phản hồi từ thực tiễn. Qua đó, nghiên cứu cung cấp gợi mở về phương thức nâng cao chất lượng quyết định trong điều kiện thông tin không đầy đủ. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận từ quản trị chiến lược và kỹ thuật ra quyết định, chưa luận giải mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và chưa phân tích đặc thù ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Bài viết của Trần Văn Phòng (2002), "*Nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn của đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh vùng đồng bằng Sông Hồng"* [125], đã khảo sát năng lực tổng kết thực tiễn của cán bộ lãnh đạo chủ

chốt cấp tỉnh, chỉ ra những hạn chế trong vận dụng lý luận vào hoạt động lãnh đạo, quản lý. Bài viết khẳng định tổng kết thực tiễn là khâu trung gian quan trọng, góp phần gắn kết lý luận với thực tiễn; năng lực này hạn chế có thể dẫn đến vận dụng lý luận máy móc hoặc xử lý tình huống thiếu cơ sở khoa học. Qua đó bài viết nhấn mạnh yêu cầu tăng cường gắn kết lý luận với thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng quyết định lãnh đạo, quản lý. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu tập trung vào năng lực tổng kết thực tiễn, chưa phân tích đầy đủ cơ chế vận hành của sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong toàn bộ quá trình ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh trong điều kiện hiện nay.

Cuốn sách của Vũ Khoan (2014), *Kinh nghiệm và những bài học thực tiễn khi ra quyết định lãnh đạo* [100], đã tổng kết kinh nghiệm thực tiễn về hoạt động lãnh đạo, qua đó làm rõ những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng quyết định. Tác giả nhấn mạnh yêu cầu người lãnh đạo phải nắm vững bản chất vấn đề, có tư duy toàn diện, đặt lợi ích chung, đồng thời biết phân tích, xử lý thông tin khách quan, khoa học và linh hoạt trong điều kiện cụ thể. Cuốn sách cũng lưu ý sự phù hợp về thời điểm, trọng tâm, thứ tự ưu tiên và điều kiện tổ chức thực hiện của quyết định. Tuy nhiên, cuốn sách chủ yếu dựa trên tổng kết kinh nghiệm cá nhân, chưa xây dựng khung lý luận hệ thống về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Cuốn sách của Đào Trí Úc (chủ biên) (2017), *Quản trị địa phương ở Việt Nam hiện nay* [190], đã phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của quản trị địa phương trong đổi mới quản lý nhà nước, nhấn mạnh vai trò của chính quyền địa phương và yêu cầu nâng cao năng lực quản trị, trách nhiệm giải trình, hiệu quả ra quyết định của cán bộ lãnh đạo, quản lý. Công trình chỉ ra sự cần thiết gắn hoạch định chính sách với điều kiện thực tiễn của từng địa phương, qua đó nâng cao tính khoa học, khả thi và hiệu quả của các quyết định quản lý. Tuy nhiên, nghiên cứu chủ yếu tiếp cận từ góc độ quản trị địa phương và cải cách hành chính, chưa đi sâu phân tích cơ chế quán triệt sự thống nhất giữa lý

luận và thực tiễn trong ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh như một vấn đề lý luận độc lập.

Cuốn sách của Vũ Công Thương (2017), *Sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp xã ở các tỉnh miền Đông Nam bộ hiện nay* [163], đã phân tích mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo ở cơ sở. Công trình khẳng định sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là yêu cầu tất yếu của hoạt động lãnh đạo, quản lý; lý luận vừa định hướng nhận thức, vừa được bổ sung, phát triển từ thực tiễn. Việc quán triệt và vận dụng nguyên tắc này góp phần nâng cao chất lượng quyết định, bảo đảm sự phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Tuy nhiên, nghiên cứu chủ yếu tập trung ở cấp xã và địa bàn miền Đông Nam Bộ, chưa phân tích sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh ở vùng Nam Trung Bộ trong bối cảnh hiện nay.

Cuốn sách của Nguyễn Thị Huệ, Lương Công Lý (2018), *Thông tin chính trị - xã hội với việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp cơ sở vùng Đồng bằng Sông Hồng hiện nay* [91], đã phân tích vai trò của thông tin chính trị - xã hội trong quá trình ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp cơ sở. Công trình chỉ ra những hạn chế về hạ tầng, môi trường thông tin và năng lực tiếp nhận, xử lý thông tin của cán bộ, ảnh hưởng đến tính khách quan, kịp thời và hiệu quả của quyết định. Nghiên cứu nhấn mạnh yêu cầu khai thác, xử lý thông tin, nhất là thông tin từ nhân dân, nhằm nâng cao chất lượng ra quyết định. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tập trung nghiên cứu ở cấp cơ sở và nhấn mạnh vai trò của yếu tố thông tin trong ra quyết định, chưa đi sâu phân tích mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn như một chỉnh thể trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, đặc biệt ở cấp độ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Cuốn sách của Nguyễn Văn Thạo, Nguyễn Viết Thông (2018), *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn cấp thiết liên quan trực tiếp đến đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước* [149], đã làm rõ sự

phát triển, bổ sung lý luận của Đảng trên cơ sở tổng kết thực tiễn đổi mới. Công trình nhấn mạnh sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn trong hoạch định đường lối, hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Qua đó, nghiên cứu cung cấp cơ sở tham khảo về yêu cầu vận dụng lý luận phù hợp với điều kiện thực tiễn trong lãnh đạo, quản lý. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận vấn đề ở tầm khái quát lý luận - thực tiễn trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý nhà nước, chưa đi sâu phân tích trực tiếp cơ chế quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh như một đối tượng nghiên cứu riêng biệt, do đó cần tiếp tục được nghiên cứu, làm rõ và vận dụng trong điều kiện thực tiễn hiện nay.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2019), *Năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý* [82], đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về năng lực lãnh đạo, quản lý, trong đó xác định năng lực ra quyết định là một cấu phần quan trọng. Công trình nhấn mạnh sự kết hợp giữa tư duy lý luận, kinh nghiệm thực tiễn và năng lực tổ chức thực hiện, yêu cầu cán bộ vận dụng linh hoạt tri thức lý luận vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Qua đó, nghiên cứu cung cấp cơ sở tham khảo cho việc xem xét năng lực ra quyết định của cán bộ lãnh đạo, quản lý. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận vấn đề dưới góc độ lý luận chung về năng lực lãnh đạo, quản lý, chưa đi sâu phân tích trực tiếp cơ chế quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh trong bối cảnh hiện nay.

Cuốn sách của Trần Quốc Toản, Phùng Hữu Phú, Tạ Ngọc Tấn (2021), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong phát triển đất nước: Hiện trạng - vấn đề đặt ra - định hướng trong giai đoạn mới* [183], đã khái quát những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển đất nước giai đoạn 2011-2020 trên cơ sở tổng kết thực tiễn và tham khảo kinh nghiệm quốc tế. Công trình làm rõ sự phát triển của nhận thức lý luận gắn với thực tiễn đổi mới, đồng thời cung cấp luận cứ cho hoạch định chính sách và ra quyết định phát triển trong giai đoạn mới. Qua đó, nghiên cứu góp phần làm rõ yêu cầu kết hợp giữa lý luận và thực tiễn

trong xác định định hướng, giải pháp phát triển đất nước. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận ở tầm vĩ mô về phát triển và định hướng chiến lược, chưa đi sâu phân tích cơ chế quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Cuốn sách của Nguyễn Phú Trọng (2021), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* [186], đã tổng kết những vấn đề lý luận và thực tiễn của hơn 35 năm đổi mới, rút ra nhiều bài học có giá trị phương pháp luận. Tác phẩm nhấn mạnh yêu cầu vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội gắn với thực tiễn đất nước và điều kiện cụ thể của từng địa phương trong quá trình lãnh đạo, quản lý. Qua đó, công trình khẳng định ý nghĩa của sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn đối với việc bảo đảm tính đúng đắn, linh hoạt và hiệu quả của các quyết định lãnh đạo. Tuy nhiên, nghiên cứu chủ yếu tiếp cận ở tầm lý luận chính trị - tư tưởng và định hướng chiến lược phát triển đất nước, chưa đi sâu phân tích cơ chế vận hành của sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh hiện nay.

Cuốn sách của Nguyễn Phú Trọng (2023), *Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh* [187], đã làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhấn mạnh yêu cầu nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tác phẩm khẳng định việc quán triệt, vận dụng đúng đắn chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn là điều kiện quan trọng bảo đảm chất lượng lãnh đạo, quản lý và hiệu quả ra quyết định. Đồng thời, công trình nhấn mạnh yêu cầu gắn lý luận với thực tiễn trong rèn luyện, đánh giá và sử dụng cán bộ, góp phần nâng cao tính đúng đắn, khả thi và hiệu lực của các quyết định lãnh đạo. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận từ phương diện xây dựng, chỉnh đốn Đảng và công tác cán bộ, chưa đi sâu nghiên cứu quá trình ra quyết định như một hoạt động quản lý cụ thể, cũng như cơ chế quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Cuốn sách của Nguyễn Bá Chiến và Lê Hải Bình (2024), *Quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả - Cơ sở lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay* [44], đã phân tích thực trạng quản trị, ra quyết định và tổ chức thực hiện chính sách ở Việt Nam, nhấn mạnh yêu cầu gắn kết lý luận với thực tiễn. Công trình chỉ ra một số hạn chế trong chuyển hóa chủ trương, chính sách vào thực tiễn, như quyết định còn nặng tính hành chính, thiếu căn cứ dữ liệu và bằng chứng thực tiễn, nhất là ở địa phương. Tuy nhiên, nghiên cứu chủ yếu tiếp cận ở tầm quản trị quốc gia và cải cách thể chế, chưa phân tích hệ thống cơ chế và mức độ quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Cuốn sách của Nguyễn Bá Chiến (2025), *Quản trị nhân tài - Từ lý thuyết đến thực tiễn* [45], đã làm rõ sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn trong quản trị nhân tài và ra quyết định về công tác cán bộ, nhấn mạnh yêu cầu vận dụng lý luận khoa học gắn với tổng kết, kiểm nghiệm và điều chỉnh từ thực tiễn. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tập trung vào lĩnh vực quản trị nhân tài và ra quyết định trong công tác cán bộ, chưa đi sâu phân tích toàn diện quá trình ra quyết định trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ở cấp tỉnh như một chỉnh thể thống nhất, do đó cần tiếp tục được nghiên cứu và mở rộng khi xem xét thực trạng quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh hiện nay.

Từ tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy, vấn đề ra quyết định và mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn đã được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau. Các nghiên cứu nước ngoài chủ yếu tập trung vào khía cạnh kỹ thuật, hành vi và quản trị ra quyết định trong các bối cảnh tổ chức và chính sách công, trong khi các công trình trong nước nhấn mạnh nền tảng lý luận chính trị và kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện về thực trạng quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các kết quả nghiên cứu đã có, luận án tập trung phân tích thực trạng quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, làm rõ những hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra, qua đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng ra quyết định trong bối cảnh hiện nay.

1.3. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN GIẢI PHÁP QUÁN TRIỆT SỰ THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH

Trong những năm gần đây, vấn đề đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và ra quyết định đã được nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm tiếp cận. Các nghiên cứu không chỉ dừng lại ở việc nhận diện thực trạng mà còn bước đầu đề xuất những định hướng, phương thức và công cụ nhằm nâng cao chất lượng chuyển hóa lý luận vào thực tiễn. Tuy nhiên, các giải pháp còn mang tính phân tán, chưa được hệ thống hóa đầy đủ gắn với chủ thể cụ thể là đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh. Vì vậy, việc tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến giải pháp là cần thiết nhằm làm rõ cơ sở kế thừa và khoảng trống nghiên cứu của luận án.

Các công trình nghiên cứu của tác giả nước ngoài đã tiếp cận vấn đề giải pháp nâng cao chất lượng ra quyết định theo nhiều hướng khác nhau, qua đó gián tiếp làm rõ yêu cầu gắn kết giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động quản lý.

Cuốn sách của Ronald A. Howard và các cộng sự (1984, tái bản nhiều lần), *Các bài đọc về nguyên lý và ứng dụng của phân tích quyết định* [81], đã hệ thống hóa các nguyên lý và phương pháp phân tích quyết định, đề xuất các giải pháp mang tính phương pháp luận như cấu trúc hóa vấn đề, xác định mục tiêu, sử dụng dữ liệu và thiết lập quy trình phân tích logic, qua đó góp phần làm rõ cơ chế chuyển hóa tri thức lý thuyết thành phương án hành động, tăng cường sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn trong ra quyết định. Tuy nhiên,

công trình chủ yếu tiếp cận từ góc độ kỹ thuật của khoa học quyết định, chưa luận giải trực tiếp mối quan hệ mang tính nguyên tắc giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, đồng thời chưa tính đến các yếu tố đặc thù và bối cảnh ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Bài viết của Ralph L. Keeney (2004), *"Xây dựng năng lực ra quyết định tốt hơn"* [98], đã đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng ra quyết định thông qua việc phát triển tư duy ra quyết định khoa học, nhấn mạnh xác định đúng vấn đề, làm rõ mục tiêu và giá trị, cũng như cấu trúc hóa quá trình lựa chọn phương án. Những tiếp cận này góp phần tăng cường khả năng chuyển hóa tri thức lý thuyết thành hành động thực tiễn, qua đó thúc đẩy sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn trong ra quyết định. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu tiếp cận dưới góc độ cá nhân và kỹ năng ra quyết định, chưa đặt trong bối cảnh hệ thống chính trị - hành chính công, cũng như chưa phân tích các yếu tố đặc thù liên quan đến việc quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Cuốn sách của Gregory S. Parnell và cộng sự (2013), *Cẩm nang phân tích quyết định* [121], đã hệ thống hóa các phương pháp và công cụ phân tích quyết định hiện đại, đề xuất các giải pháp như chuẩn hóa quy trình, sử dụng thông tin và dữ liệu, phân tích đa tiêu chí và kiểm soát thiên kiến, qua đó góp phần nâng cao tính khoa học và khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn trong ra quyết định. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận dưới góc độ kỹ thuật và phương pháp của khoa học quyết định, chưa luận giải trực tiếp mối quan hệ mang tính nguyên tắc giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý.

Cuốn sách của David Cotton (2020), *Rèn luyện kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề* [49], đã đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng ra quyết định thông qua việc phát huy dân chủ, tăng cường thu thập và xử lý thông tin đa chiều, kết hợp linh hoạt các phương pháp ra quyết định và chú trọng cơ chế đánh giá, rút kinh nghiệm từ thực tiễn. Những tiếp cận này góp phần làm rõ yêu cầu gắn kết giữa tri thức lý luận với điều kiện thực tiễn, qua đó thúc đẩy

sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình ra quyết định. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận dưới góc độ kỹ năng cá nhân và phương pháp thực hành, chưa luận giải một cách hệ thống cơ chế quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, cũng như chưa gắn với bối cảnh đặc thù ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Cuốn sách của William P. Fox (2024), *Phân tích quyết định thông qua mô hình hóa và lý thuyết trò chơi* [67], đã đề xuất cách tiếp cận ra quyết định trong bối cảnh tương tác nhiều chủ thể với lợi ích khác nhau, nhấn mạnh việc dự báo hành vi, lựa chọn chiến lược và thích ứng với môi trường biến động. Công trình góp phần làm rõ yêu cầu vận dụng linh hoạt tri thức lý luận trong các tình huống thực tiễn phức tạp, qua đó tăng cường tính khả thi và hiệu quả của quyết định. Tuy nhiên, nghiên cứu chủ yếu tiếp cận từ góc độ phân tích chiến lược và mô hình toán học, chưa luận giải trực tiếp nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, hay yêu cầu ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Cuốn sách của Maria Palazzo và Alessandra Micozzi (2024), *Đổi mới tư duy về chiến lược và công cụ ra quyết định* [122], đã đề xuất cách tiếp cận ra quyết định theo hướng linh hoạt, đa chiều, nhấn mạnh việc điều chỉnh các mô hình lý thuyết phù hợp với bối cảnh cụ thể và điều kiện thực tiễn. Qua đó, công trình góp phần làm rõ yêu cầu vận dụng sáng tạo lý luận trong quá trình ra quyết định nhằm nâng cao tính thích ứng và hiệu quả. Tuy nhiên, nghiên cứu chủ yếu tập trung vào đổi mới công cụ và phương pháp, chưa phân tích sâu cơ chế bảo đảm sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình ra quyết định như một nguyên tắc phương pháp luận.

Bài viết của Teppo Felin và cộng sự (2024), *"Ra quyết định dựa trên lý thuyết: Cơ sở nền tảng và nhập môn"* [66], đã đề xuất cách tiếp cận ra quyết định dựa trên nền tảng lý thuyết, trong đó nhấn mạnh vai trò định hướng của lý luận trong việc nhận diện vấn đề, xây dựng giả thuyết và lựa chọn phương án hành động. Bài viết góp phần làm rõ cơ chế sử dụng lý thuyết như công cụ

dẫn dắt thực tiễn, qua đó tăng cường tính nhất quán và tính giải thích của quyết định. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu tập trung vào nền tảng nhận thức và khung lý thuyết của quá trình ra quyết định, chưa làm rõ đầy đủ cách thức kiểm nghiệm, điều chỉnh lý luận từ thực tiễn trong những bối cảnh cụ thể.

Bài viết của Vicki M. Bier (2024), *"Xu hướng trong phân tích quyết định"* [22], đã khái quát các xu hướng mới trong phân tích quyết định theo hướng tích hợp giữa phương pháp định lượng, yếu tố hành vi và bối cảnh xã hội, nhấn mạnh việc sử dụng dữ liệu và thông tin thực tiễn để nâng cao chất lượng quyết định. Qua đó, bài viết góp phần làm rõ yêu cầu kết hợp giữa tri thức lý thuyết và điều kiện thực tiễn trong quá trình ra quyết định. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu mang tính tổng quan xu hướng và định hướng phương pháp, chưa đi sâu luận giải cơ chế vận dụng và kiểm nghiệm sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn trong các tình huống ra quyết định cụ thể.

Ở trong nước, các công trình nghiên cứu đã tiếp cận vấn đề giải pháp quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong ra quyết định trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam.

Cuốn sách của Nguyễn Duy Quý (chủ biên) (2005), *Tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận* [140], đã làm rõ vai trò của tổng kết thực tiễn như một giải pháp nền tảng nhằm bổ sung, phát triển lý luận và nâng cao chất lượng hoạt động lãnh đạo, quản lý. Công trình khẳng định tổng kết thực tiễn là khâu trung gian quan trọng trong quá trình chuyển hóa giữa lý luận và thực tiễn, góp phần bảo đảm tính đúng đắn và khả thi của các quyết định. Tuy nhiên, nghiên cứu chủ yếu tiếp cận ở tầm phương pháp luận chung, chưa cụ thể hóa thành các cơ chế và quy trình vận dụng trong hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt ở từng cấp, đặc biệt là cấp tỉnh.

Bài viết của Trần Văn Phòng (2007), *"Nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn của đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh vùng đồng bằng Sông Hồng"* [128], đã xác định các nguyên tắc và đề xuất một số giải pháp nhằm

nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn, như nâng cao trình độ lý luận, đổi mới phương thức tổng kết, khắc phục bệnh hình thức, quan liêu và phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ chuyên môn. Những nội dung này góp phần làm rõ vai trò của tổng kết thực tiễn trong việc bảo đảm sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn, qua đó nâng cao chất lượng ra quyết định. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu tập trung vào năng lực tổng kết thực tiễn như một khâu riêng lẻ, chưa đặt trong một chỉnh thể giải pháp đồng bộ gắn với toàn bộ quá trình ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Cuốn sách của Đặng Xuân Hoan (2020), *Quản lý công trong bối cảnh mới* [80], đã đề xuất các giải pháp đổi mới quản lý công theo hướng nâng cao hiệu quả và tính trách nhiệm giải trình, nhấn mạnh quản lý dựa trên kết quả, tăng cường minh bạch thông tin và cơ chế phản hồi chính sách. Những tiếp cận này góp phần làm rõ yêu cầu gắn kết giữa định hướng lý luận với nhu cầu và điều kiện thực tiễn trong quá trình ra quyết định. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận ở tầm quản trị công nói chung, chưa đi sâu phân tích cơ chế quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong từng khâu của quá trình ra quyết định.

Bài viết của Nguyễn Đức Quyền (2010), *"Nâng cao năng lực tư duy lý luận cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp huyện ở tỉnh Lạng Sơn hiện nay"* [139], đã phân tích thực trạng và chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế trong vận dụng lý luận vào thực tiễn, đồng thời đề xuất các giải pháp như đổi mới giáo dục lý luận chính trị, gắn đào tạo với thực tiễn, phát huy tự học, tự rèn luyện và tăng cường kiểm tra, đánh giá. Những nội dung này góp phần làm rõ điều kiện bảo đảm sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn, qua đó nâng cao chất lượng ra quyết định. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu tập trung vào cấp huyện và khía cạnh tư duy lý luận, chưa mở rộng thành hệ thống giải pháp toàn diện gắn với quá trình ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Cuốn sách của Vũ Cao Đàm (2011), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học* [57], đã hệ thống hóa các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu khoa học, nhấn mạnh việc sử dụng bằng chứng, kiểm chứng giả thuyết và tổng kết

thực tiễn nhằm bảo đảm tính khách quan, khoa học trong nhận thức và hành động. Những nội dung này góp phần làm rõ cơ sở phương pháp luận cho việc gắn kết giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình ra quyết định. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận ở tầm phương pháp luận chung của nghiên cứu khoa học, chưa cụ thể hóa thành các giải pháp trực tiếp cho hoạt động ra quyết định trong lĩnh vực lãnh đạo, quản lý.

Cuốn sách của Nguyễn Hữu Hải (2014), *Khoa học ra quyết định quản lý* [74], đã hệ thống hóa quy trình và phương pháp ra quyết định trong quản lý, đề xuất các giải pháp như xác định vấn đề, thu thập và xử lý thông tin, phân tích phương án và lựa chọn tối ưu trên cơ sở khoa học. Công trình nhấn mạnh vai trò của thông tin, dữ liệu và tư duy phân tích trong việc nâng cao chất lượng quyết định, qua đó góp phần tăng cường sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, nghiên cứu chủ yếu tiếp cận dưới góc độ kỹ thuật và quy trình ra quyết định, chưa làm rõ cơ chế quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn như một nguyên tắc xuyên suốt trong hoạt động lãnh đạo, quản lý.

Cuốn sách của Vũ Công Thương (2017), *Sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo của CBCC cấp xã ở các tỉnh miền Đông Nam bộ hiện nay: Qua thực tế tỉnh Bình Phước* [163], đã luận giải và đề xuất một số giải pháp như nâng cao nhận thức, đổi mới phương pháp lãnh đạo và tăng cường gắn lý luận với thực tiễn cơ sở, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo. Mặc dù không trực tiếp bàn về ra quyết định, các giải pháp này có ý nghĩa gợi mở quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng vận dụng lý luận trong thực tiễn. Tuy nhiên, nghiên cứu chủ yếu giới hạn ở cấp xã và lĩnh vực lãnh đạo nói chung, chưa làm rõ các giải pháp cụ thể gắn với quá trình ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Cuốn sách của Nguyễn Thị Huệ, Lương Công Lý (2018), *Thông tin chính trị - xã hội với việc RQĐ của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp cơ sở vùng Đồng bằng sông Hồng hiện nay* [91], đã làm rõ vai trò của thông tin như cơ

sở khoa học bảo đảm tính đúng đắn và phù hợp thực tiễn của quyết định, đồng thời đề xuất các giải pháp như nâng cao năng lực tiếp nhận, xử lý thông tin và xây dựng môi trường thông tin đa chiều, đáng tin cậy. Những nội dung này góp phần tăng cường sự gắn kết giữa tri thức lý luận và thực tiễn thông qua kênh thông tin. Tuy nhiên, nghiên cứu chủ yếu tiếp cận từ góc độ thông tin và ở cấp cơ sở, chưa phát triển thành hệ thống giải pháp toàn diện gắn với quá trình ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Bài viết của Đoàn Minh Huấn (2019): "*Tổng kết thực tiễn phục vụ nghiên cứu lý luận của Đảng - thực trạng và những vấn đề đặt ra"* [89] đã àm rõ vai trò của tổng kết thực tiễn trong cung cấp luận cứ khoa học cho hình thành, điều chỉnh chủ trương, chính sách, qua đó tăng cường sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu tập trung vào công tác tổng kết thực tiễn phục vụ nghiên cứu lý luận, chưa cụ thể hóa thành hệ thống giải pháp gắn trực tiếp với toàn bộ quá trình ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Bài viết của Mai Văn Chính (2022), *"Nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ hiện nay"* [46] đã làm rõ yêu cầu kiểm soát quyền lực nhằm bảo đảm việc thực thi đúng nguyên tắc, thẩm quyền và mục tiêu, đồng thời đề xuất các giải pháp như hoàn thiện thể chế, tăng cường kiểm tra, giám sát và phát huy vai trò của tập thể, trách nhiệm người đứng đầu. Những nội dung này góp phần tạo cơ sở bảo đảm tính đúng đắn và tính thực tiễn của các quyết định trong công tác cán bộ. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu tiếp cận từ góc độ kiểm soát quyền lực, chưa làm rõ trực tiếp cơ chế quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong toàn bộ quá trình ra quyết định.

Bài viết của Đoàn Phú Hưng (2023), *"Tấm gương Hồ Chí Minh về gắn tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận với đề ra chủ trương, chính sách và sự vận dụng của Đảng ta"* [94] đã làm rõ quan điểm và thực tiễn vận dụng của Hồ Chí Minh trong việc gắn kết chặt chẽ giữa tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận nhằm đề ra chủ trương, chính sách phù hợp. Tác giả khẳng định tổng kết thực tiễn vừa là cơ sở hình thành vừa là tiêu chuẩn kiểm nghiệm giá trị của lý luận,

qua đó bảo đảm tính khoa học và tính khả thi của quyết định. Những nội dung này góp phần gợi mở định hướng tăng cường sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình ra quyết định. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu tiếp cận dưới góc độ tư tưởng và lịch sử vận dụng, chưa cụ thể hóa thành hệ thống giải pháp trực tiếp đối với hoạt động ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh hiện nay.

Bài viết của Nguyễn Thị Hương (2024), *"Nâng cao năng lực tư duy chiến lược cho đội ngũ cán bộ cấp chiến lược ở Việt Nam hiện nay"* [95], đã khẳng định vai trò của tư duy chiến lược trong việc phân tích, dự báo và ra quyết định phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước, đồng thời đề xuất các giải pháp như đổi mới đào tạo, bồi dưỡng, ứng dụng khoa học - công nghệ và xây dựng môi trường công vụ thúc đẩy tư duy chiến lược. Những nội dung này góp phần làm rõ điều kiện nâng cao chất lượng ra quyết định thông qua phát triển năng lực nhận thức của đội ngũ cán bộ. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu tiếp cận ở tầm định hướng và cấp chiến lược chung, chưa đi sâu vào các giải pháp cụ thể gắn với việc quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Bài viết của Trịnh Thanh Tâm (2025), "*Giải pháp tăng cường thực hiện trách nhiệm giải trình của cán bộ lãnh đạo, quản lý hiện nay"* [142] đã làm rõ vai trò của trách nhiệm giải trình trong bảo đảm tính minh bạch, kỷ cương và hiệu quả trong thực thi quyền lực, đồng thời chỉ ra các hạn chế về nhận thức, cơ chế pháp lý và tổ chức thực hiện. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các giải pháp hoàn thiện thể chế và gắn trách nhiệm giải trình với kiểm soát quyền lực, đánh giá cán bộ và trách nhiệm người đứng đầu. Những nội dung này góp phần tăng cường cơ sở bảo đảm tính đúng đắn và tính thực tiễn của các quyết định. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu tiếp cận dưới góc độ trách nhiệm giải trình, chưa luận giải trực tiếp cơ chế quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong toàn bộ quá trình ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Luận án tiến sĩ của Trần Thiên Tú (2025), *Nâng cao năng lực tư duy chiến lược của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ Việt Nam hiện*

nay [188] đã đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực tư duy chiến lược thông qua tăng cường nhận thức lý luận, tổng kết thực tiễn, đổi mới quy trình tham mưu và hoàn thiện cơ chế ra quyết định. Những nội dung này góp phần tạo cơ sở nâng cao chất lượng ra quyết định trên nền tảng gắn kết lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, các giải pháp chủ yếu tập trung vào phát triển năng lực tư duy chiến lược, chưa trực tiếp làm rõ cơ chế quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong toàn bộ quá trình ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã tiếp cận tương đối phong phú về giải pháp nâng cao chất lượng ra quyết định, góp phần làm rõ nhiều khía cạnh liên quan đến việc gắn kết giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động quản lý, lãnh đạo. Tuy nhiên, các nghiên cứu vẫn chủ yếu khai thác theo từng hướng riêng lẻ, thiếu sự tích hợp thành một hệ thống giải pháp đồng bộ và toàn diện. Đặc biệt, chưa có nhiều công trình tập trung trực tiếp vào việc quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh như một chỉnh thể phương pháp luận. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà luận án cần tiếp tục làm rõ.

1.4. KHÁI QUÁT GIÁ TRỊ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA MÀ LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.4.1. Giá trị của các công trình liên quan tới luận án đã tổng quan

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã tổng quan cung cấp những cơ sở khoa học quan trọng về lý luận, thực trạng và giải pháp liên quan đến sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ. Những giá trị chủ yếu của các công trình được khái quát trên ba phương diện sau:

Thứ nhất, về lý luận.

Các công trình đã góp phần làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về lý luận, thực tiễn, mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, cũng như hoạt động ra quyết định trong lãnh đạo, quản lý. Dưới góc độ triết học, các nghiên cứu đã luận giải vai trò của thực tiễn đối với quá trình hình thành, phát triển và kiểm

nghiệm lý luận; đồng thời làm rõ yêu cầu vận dụng lý luận vào thực tiễn và bổ sung, phát triển lý luận từ thực tiễn. Những kết quả này cung cấp cơ sở phương pháp luận để luận án tiếp tục nghiên cứu sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định.

Bên cạnh đó, các công trình thuộc lĩnh vực khoa học quản lý và chính sách công đã đề cập đến những khía cạnh cơ bản của quá trình ra quyết định, từ nhận diện vấn đề, thu thập và xử lý thông tin, phân tích phương án đến lựa chọn, tổ chức thực hiện và đánh giá quyết định. Các kết quả nghiên cứu này góp phần làm rõ những yêu cầu đối với việc vận dụng lý luận và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, đồng thời cung cấp cơ sở tham khảo để luận án nghiên cứu các biểu hiện của sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình ra quyết định.

Tuy nhiên, qua các công trình đã tổng quan, có thể thấy việc nghiên cứu mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn chủ yếu được tiếp cận ở bình diện triết học khái quát; trong khi nghiên cứu về ra quyết định phần lớn tập trung vào phương diện quản lý, quy trình và kỹ thuật ra quyết định. Vì vậy, cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và phương pháp luận về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, gắn với đặc điểm và yêu cầu phát triển của vùng Nam Trung Bộ.

Thứ hai, về thực trạng.

Các công trình đã cung cấp những tư liệu và kết quả nghiên cứu thực tiễn về việc vận dụng lý luận trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và ra quyết định ở những lĩnh vực, cấp độ khác nhau. Những nghiên cứu này phản ánh một số kết quả tích cực như nâng cao nhận thức, tăng cường tính khoa học trong hoạt động tham mưu, từng bước gắn việc hoạch định và thực hiện quyết định với yêu cầu thực tiễn. Đồng thời, một số công trình cũng chỉ ra những hạn chế trong quá trình vận dụng lý luận, như chưa phù hợp với điều kiện cụ thể, thiếu thông tin thực tiễn, dựa nhiều vào kinh nghiệm hoặc chưa chú trọng tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện quyết định.

Các nghiên cứu còn bước đầu phân tích nguyên nhân của những hạn chế trên, liên quan đến năng lực tư duy lý luận và tư duy thực tiễn của chủ thể, chất lượng thông tin, cơ chế tham mưu, phản biện và điều kiện tổ chức thực hiện quyết định. Những kết quả này là cơ sở tham khảo quan trọng để luận án kế thừa trong xây dựng nội dung và tiêu chí đánh giá thực trạng.

Tuy nhiên, các kết quả nghiên cứu còn phân tán theo ngành, lĩnh vực và cấp độ quản lý; chưa tập trung làm rõ một cách hệ thống thực trạng sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ. Đặc biệt, cần tiếp tục nghiên cứu mối quan hệ giữa những biểu hiện, kết quả, hạn chế và nguyên nhân của vấn đề này với đặc điểm kinh tế, chính trị, xã hội và yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn hiện nay.

Thứ ba, về giải pháp.

Các công trình đã đề xuất nhiều giải pháp có giá trị nhằm nâng cao chất lượng vận dụng lý luận vào thực tiễn và hiệu quả ra quyết định trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Những giải pháp chủ yếu tập trung vào nâng cao trình độ lý luận, năng lực tư duy và bản lĩnh của cán bộ; đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng; nâng cao chất lượng thông tin và hoạt động tham mưu; tăng cường tổng kết thực tiễn, kiểm tra, giám sát và trách nhiệm trong thực hiện quyết định.

Một số công trình còn đề cập đến yêu cầu phát huy dân chủ, mở rộng sự tham gia của các chủ thể có liên quan, nâng cao chất lượng phản biện và hoàn thiện cơ chế phản hồi từ thực tiễn. Những kết quả này cung cấp cơ sở tham khảo để luận án nghiên cứu các điều kiện và phương thức gắn kết lý luận với thực tiễn trong quá trình ra quyết định.

Tuy nhiên, các giải pháp đã tổng quan chủ yếu được đề xuất theo từng phương diện riêng lẻ, chưa được luận giải đầy đủ trong mối quan hệ thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của toàn bộ quá trình ra quyết định. Việc vận dụng các giải pháp vào điều kiện cụ thể của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ cũng cần được nghiên cứu sâu hơn. Do đó, cần tiếp tục nghiên

cứu xây dựng hệ thống giải pháp có cơ sở lý luận, gắn với những hạn chế và nguyên nhân được xác định từ thực tiễn, bảo đảm tính đồng bộ và khả thi.

Như vậy, các công trình đã tổng quan có giá trị quan trọng về lý luận, thực trạng và giải pháp, tạo cơ sở khoa học để luận án kế thừa và phát triển. Tuy nhiên, những kết quả đó chưa giải quyết đầy đủ, có hệ thống vấn đề sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ. Đây là cơ sở để luận án xác định những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ.

1.4.2. Những vấn đề mà luận án tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ

Trên cơ sở kế thừa những giá trị của các công trình đã tổng quan, luận án tiếp tục nghiên cứu sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ dưới góc độ triết học. Nội dung nghiên cứu tập trung vào ba nhóm vấn đề sau:

Thứ nhất, về lý luận.

Luận án tiếp tục làm rõ cơ sở lý luận về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trọng tâm là luận giải bản chất, nội dung và vai trò của sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn; làm rõ khái niệm, đặc điểm và các khâu cơ bản của việc ra quyết định; đồng thời xác định những biểu hiện của sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình nhận thức, lựa chọn, tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá quyết định.

Trên cơ sở đó, luận án phân tích các nhân tố tác động đến sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định, bao gồm năng lực nhận thức và tư duy của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh; chất lượng thông tin và hoạt động tham mưu; cơ chế, quy trình ra quyết định; môi trường chính trị, kinh tế, xã hội và đặc điểm vùng miền. Qua đó, luận án xác lập cơ sở lý luận và phương pháp luận phục vụ nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp.

Thứ hai, về thực trạng.

Luận án tiếp tục khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ. Nội dung tập trung làm rõ nhận thức và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn; mức độ gắn kết giữa cơ sở lý luận, thông tin thực tiễn và yêu cầu phát triển địa phương trong quá trình ra quyết định; việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh quyết định từ thực tiễn.

Trên cơ sở đó, luận án xác định những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong việc thực hiện sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Đặc biệt, luận án làm rõ những biểu hiện vận dụng lý luận chưa phù hợp với thực tiễn, dựa vào kinh nghiệm chủ nghĩa hoặc chưa phát huy đầy đủ vai trò của tổng kết thực tiễn và phản hồi trong quá trình ra quyết định. Việc phân tích thực trạng gắn với đặc điểm và yêu cầu phát triển của vùng Nam Trung Bộ, qua đó xác định những vấn đề đặt ra cần giải quyết nhằm nâng cao chất lượng ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Thứ ba, về giải pháp.

Từ cơ sở lý luận và kết quả đánh giá thực trạng, luận án tiếp tục nghiên cứu, đề xuất hệ thống giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ.

Các giải pháp tập trung vào nâng cao năng lực nhận thức lý luận, tư duy biện chứng và tư duy thực tiễn của cán bộ; hoàn thiện cơ chế, quy trình tham mưu và ra quyết định; nâng cao chất lượng thông tin phục vụ quyết định; tăng cường tổng kết thực tiễn, phản hồi và điều chỉnh quyết định; đồng thời phát huy kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện quyết định.

Luận án làm rõ cơ sở, nội dung và điều kiện thực hiện các giải pháp, bảo đảm sự gắn kết giữa yêu cầu nâng cao năng lực của chủ thể với hoàn thiện cơ chế, quy trình và môi trường thực tiễn. Qua đó, đề xuất những giải pháp có

tính đồng bộ, phù hợp với đặc điểm của vùng Nam Trung Bộ và yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh hiện nay.

Tóm lại, trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu đã tổng quan, luận án tập trung làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, thực trạng và giải pháp về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ. Những nội dung này vừa thể hiện hướng nghiên cứu tiếp nối các công trình đã có, vừa xác định những vấn đề trọng tâm mà luận án cần giải quyết, góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho việc nâng cao chất lượng ra quyết định trong hoạt động lãnh đạo, quản lý ở địa phương.

Tiểu kết

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài, có thể thấy vấn đề lý luận, thực tiễn và mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, cũng như hoạt động ra quyết định trong lãnh đạo, quản lý đã được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Các công trình đã góp phần làm rõ cơ sở lý luận của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời cung cấp những luận cứ khoa học về vai trò của nguyên tắc này đối với hoạt động nhận thức, thực tiễn và quá trình ra quyết định.

Về thực trạng, các nghiên cứu đã phản ánh việc vận dụng lý luận trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân. Về giải pháp, các công trình đã đề xuất nhiều định hướng nhằm nâng cao năng lực của chủ thể, chất lượng tham mưu, tổng kết thực tiễn và hiệu quả ra quyết định. Những kết quả đó là cơ sở quan trọng để luận án kế thừa, vận dụng và phát triển trong quá trình nghiên cứu.

Tuy nhiên, qua các công trình đã tổng quan, có thể nhận thấy việc nghiên cứu sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh dưới góc độ triết học vẫn cần được tiếp tục làm rõ một cách hệ thống, nhất là về cơ sở lý luận, biểu hiện trong thực tiễn và các giải

pháp phù hợp với đặc điểm của vùng Nam Trung Bộ. Đây là những vấn đề đặt ra cần được nghiên cứu trên cơ sở kết hợp giữa luận giải lý luận, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp.

Trên cơ sở kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có, luận án tập trung làm rõ cơ sở lý luận về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh; phân tích, đánh giá thực trạng, xác định kết quả, hạn chế và nguyên nhân; từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay.

Chương 2
THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH VÙNG NAM TRUNG BỘ HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN LIÊN QUAN

2.1.1. Lý luận, thực tiễn

Trong triết học Mác - Lênin, lý luận khoa học được hiểu là hệ thống tri thức khoa học đã được khái quát ở trình độ cao, phản ánh những mối liên hệ bản chất, tất yếu và các quy luật vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy con người. Nếu tri thức kinh nghiệm chủ yếu hình thành từ quan sát trực tiếp, phản ánh những mặt riêng lẻ, cục bộ và bề ngoài của sự vật, hiện tượng, thì lý luận là kết quả của quá trình tư duy trừu tượng, tổng hợp và khái quát hóa, nhằm nhận thức cái bản chất, cái phổ biến và cái có tính quy luật. Vì vậy, lý luận không chỉ có chức năng giải thích hiện thực mà còn giữ vai trò định hướng, dự báo và chỉ dẫn hoạt động thực tiễn của con người.

C. Mác và Ph. Ăngghen khi luận giải về lý luận cách mạng đã khẳng định: lý luận cộng sản là "biểu hiện khái quát của những quan hệ thực tại của một cuộc đấu tranh giai cấp hiện có, của một sự vận động lịch sử đang diễn ra trước mắt chúng ta" [109, tr.615]. Luận điểm này cho thấy lý luận chân chính không phải là sản phẩm của tư duy thuần túy hay những suy diễn siêu hình, mà là kết quả phản ánh hiện thực khách quan trong tính lịch sử - cụ thể của nó. Nói cách khác, mọi lý luận khoa học chỉ có thể hình thành trên cơ sở nắm bắt đúng bản chất của đời sống hiện thực và những xu hướng vận động của nó.

Kế thừa và phát triển tư tưởng đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Lý luận là sự tổng kết những kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội tích trữ lại trong quá trình lịch sử" [116, tr.497]. Quan niệm này đã chỉ rõ nguồn gốc thực tiễn và tính lịch sử của lý luận. Theo đó, lý luận không phải là hệ thống tri thức bất biến, khép kín, mà luôn được bổ sung, điều chỉnh và phát triển cùng với sự vận động của thực tiễn. Khi thực

tiễn biến đổi, những vấn đề mới nảy sinh đòi hỏi lý luận phải tiếp tục được phát triển để đáp ứng yêu cầu nhận thức và hành động.

Từ những luận điểm nêu trên có thể khái quát: lý luận khoa học là hệ thống tri thức khoa học mang tính khái quát, logic và hệ thống, được hình thành trên cơ sở tổng kết thực tiễn, phản ánh bản chất và quy luật vận động của hiện thực khách quan, đồng thời định hướng cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người. Đối với hoạt động lãnh đạo, quản lý xã hội, lý luận là cơ sở để xác định mục tiêu phát triển, lựa chọn phương hướng hành động, dự báo xu hướng vận động và hạn chế tính chủ quan, cảm tính, giáo điều, kinh nghiệm trong quá trình ra quyết định.

Song song với phạm trù lý luận, thực tiễn là phạm trù trung tâm của triết học Mác - Lênin, dùng để chỉ toàn bộ hoạt động vật chất-cảm tính có mục đích, mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên, xã hội và bản thân con người. Thực tiễn không đồng nhất với mọi hoạt động của con người nói chung, mà trước hết là những hoạt động vật chất - cảm tính diễn ra trong những điều kiện lịch sử - cụ thể, thông qua đó con người tác động vào thế giới khách quan, tạo ra của cải vật chất, thiết lập các quan hệ xã hội và thúc đẩy sự phát triển của đời sống xã hội.

Trong *Luận cương về Phoiơbắc*, C. Mác viết: "Các nhà triết học đã chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là cải tạo thế giới" [108, tr.12]. Luận điểm này đánh dấu bước chuyển căn bản của triết học Mác từ lập trường chiêm nghiệm, giải thích thế giới sang lập trường thực tiễn cách mạng, cải biến thế giới. Theo đó, nhận thức không dừng lại ở việc lý giải hiện thực, mà phải hướng tới cải biến hiện thực; giá trị của lý luận được kiểm chứng thông qua hiệu quả tác động vào đời sống thực tiễn xã hội.

Tiếp tục phát triển tư tưởng đó, V.I. Lênin khẳng định: "Quan điểm về đời sống, về thực tiễn phải là quan điểm thứ nhất và cơ bản của lý luận về nhận thức" [102, tr.167]. Điều này cho thấy thực tiễn giữ vị trí nền tảng trong toàn bộ quá trình nhận thức: là nguồn gốc nảy sinh tri thức, là động lực thúc đẩy nhận thức phát triển, là mục đích mà nhận thức hướng tới, đồng thời là tiêu chuẩn khách quan để kiểm tra tính đúng đắn của nhận thức, lý luận.

Từ đó có thể khái quát: thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất - cảm tính, có mục đích, mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên, xã hội và bản thân con người; là cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức và là tiêu chuẩn kiểm nghiệm sự đúng sai của lý luận. Trong điều kiện hiện nay, thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, đặc biệt là những vấn đề nảy sinh từ chuyển đổi mô hình tăng trưởng, quản trị vùng, liên kết tỉnh, bảo đảm quốc phòng - an ninh và thích ứng biến đổi khí hậu, đang đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Giữa lý luận và thực tiễn tồn tại mối quan hệ biện chứng: thực tiễn là cơ sở trực tiếp sản sinh lý luận, cung cấp chất liệu cho quá trình khái quát hóa, đồng thời kiểm nghiệm giá trị khoa học của lý luận. Mặt khác, lý luận với tư cách là sự phản ánh bản chất và quy luật của hiện thực có chức năng soi đường, định hướng, dự báo và nâng cao tính tự giác cho hoạt động thực tiễn. Thiếu cơ sở thực tiễn, lý luận dễ rơi vào giáo điều, xa rời cuộc sống; ngược lại, thiếu sự dẫn dắt của lý luận khoa học, thực tiễn dễ rơi vào tự phát, mò mẫm, mù quáng, kinh nghiệm chủ nghĩa.

2.1.2. Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

Trong triết học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận và thực tiễn là hai phương diện cơ bản của hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn xã hội của con người, luôn thống nhất biện chứng trong quá trình nhận thức và cải biến thế giới. Thực tiễn giữ vai trò cơ sở, nguồn gốc, động lực, mục đích và tiêu chuẩn kiểm nghiệm tính đúng đắn của lý luận; còn lý luận giữ vai trò khái quát hóa, định hướng, soi đường, dẫn dắt, chỉ đạo, dự báo cho hoạt động thực tiễn.

Về bản chất, thống nhất giữa lý luận và thực tiễn phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Hai phương diện này tuy khác nhau về chức năng và hình thức biểu hiện nhưng luôn gắn bó hữu cơ: không có thực tiễn thì lý luận không có cơ sở hình thành và phát

triển; ngược lại, thiếu sự soi đường của lý luận khoa học thì thực tiễn dễ rơi vào tính tự phát, mò mẫm, kinh nghiệm chủ nghĩa và hiệu quả thấp.

Thứ nhất, thực tiễn là cơ sở trực tiếp và nguồn gốc của lý luận. Mọi tri thức khoa học đều bắt nguồn từ đời sống thực tiễn. Thông qua lao động sản xuất, đấu tranh xã hội, thực nghiệm khoa học và các hoạt động thực tiễn khác, con người tích lũy kinh nghiệm, khái quát thành tri thức lý luận. Ph. Ăngghen khẳng định: "Chính việc người ta biến đổi tự nhiên, chứ không phải chỉ một mình giới tự nhiên, là cơ sở chủ yếu nhất và trực tiếp nhất của tư duy con người" [110, tr.720]. Điều đó cho thấy lý luận không hình thành một cách tự phát mà được hình thành và phát triển trên cơ sở tổng kết thực tiễn. Khi thực tiễn vận động và xuất hiện những vấn đề mới, lý luận cũng phải được bổ sung, phát triển; nếu tách rời thực tiễn sẽ trở nên giáo điều và mất khả năng định hướng hoạt động thực tiễn. Đây cũng là yêu cầu cơ bản để bảo đảm tính khoa học và tính cách mạng của lý luận.

Thứ hai, thực tiễn vừa là động lực, vừa là mục đích của lý luận. Sự vận động của đời sống xã hội luôn đặt ra những vấn đề mới, đòi hỏi lý luận phải được bổ sung và phát triển. Theo quan điểm của triết học Mác - Lênin, lý luận chỉ có giá trị khi phản ánh đúng hiện thực khách quan và đáp ứng yêu cầu cải tạo xã hội [107, tr.582]. Vì vậy, giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của lý luận không chỉ ở tính khái quát mà còn ở khả năng định hướng và giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Thứ ba, thực tiễn là tiêu chuẩn khách quan để kiểm nghiệm sự đúng sai của lý luận. C. Mác khẳng định: "Chính trong thực tiễn mà con người phải chứng minh chân lý" [108, tr.9-10]. Do đó, những lý luận phản ánh đúng hiện thực sẽ được thực tiễn khẳng định và tiếp tục phát triển; ngược lại, những lý luận xa rời hiện thực sẽ bị thực tiễn phủ định. Đây cũng là cơ sở phương pháp luận để khắc phục hai khuynh hướng sai lầm là bệnh giáo điều và bệnh kinh nghiệm, bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận với thực tiễn trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

Mặt khác, lý luận giữ vai trò định hướng, soi đường, dẫn dắt và chỉ đạo hoạt động thực tiễn. Với tư cách là hệ thống tri thức phản ánh bản chất và quy luật của hiện thực khách quan, lý luận giúp con người xác định mục tiêu, dự báo xu hướng phát triển và lựa chọn phương thức hành động phù hợp. Ph. Ăngghen nhấn mạnh: "Một dân tộc muốn đứng vững trên đỉnh cao của khoa học thì không thể không có tư duy lý luận" [110, tr.489]. Trong lãnh đạo, quản lý, lý luận tạo cơ sở cho việc hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện và xử lý hài hòa các mối quan hệ trong quá trình phát triển.

Lý luận chỉ phát huy giá trị khi được vận dụng vào thực tiễn. C. Mác viết: "Lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất, một khi nó thâm nhập vào quần chúng" [107, tr.580]. Hồ Chí Minh cũng phê phán bệnh "lý luận suông", đồng thời yêu cầu gắn lý luận với thực tiễn. Vì vậy, nếu thực tiễn không được soi đường bởi lý luận khoa học sẽ dễ rơi vào tự phát, mò mẫm và thiếu hiệu quả; ngược lại, lý luận chỉ có sức sống khi được kiểm nghiệm và hiện thực hóa trong thực tiễn. Điều đó cho thấy lý luận và thực tiễn chỉ có thể phát huy đầy đủ vai trò khi luôn gắn bó và tác động, thống nhất biện chứng với nhau.

Như vậy, thống nhất giữa lý luận và thực tiễn phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn cải biến hiện thực của con người. Đây vừa là nguyên tắc nhận thức luận cơ bản của triết học Mác - Lênin, vừa là cơ sở phương pháp luận định hướng hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

Từ những phân tích trên, tác giả luận án quan niệm rằng thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là sự thống nhất biện chứng giữa lý luận khoa học với hoạt động thực tiễn của con người; trong đó thực tiễn giữ vai trò cơ sở, nguồn gốc, động lực, mục đích và tiêu chuẩn kiểm nghiệm tính đúng đắn của lý luận, còn lý luận giữ vai trò định hướng, soi đường, dẫn dắt, chỉ đạo hoạt động thực tiễn. Sự thống nhất đó bảo đảm cho nhận thức ngày càng phản ánh đúng hiện thực khách quan, đồng thời nâng cao tính khoa học, tính khả thi và hiệu quả

của hoạt động thực tiễn. Đây cũng là cơ sở phương pháp luận quan trọng để nghiên cứu và đánh giá sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay.

2.1.3. Quyết định và ra quyết định lãnh đạo, quản lý

Trong khoa học lãnh đạo và quản lý, quyết định và ra quyết định là những phạm trù có vị trí trung tâm, phản ánh năng lực nhận thức, khả năng tổ chức và mức độ tác động của chủ thể lãnh đạo, quản lý đối với các quá trình kinh tế - xã hội. Hoạt động lãnh đạo, quản lý xét đến cùng đều được thể hiện và hiện thực hóa thông qua hệ thống các quyết định và quá trình tổ chức thực hiện các quyết định đó. Vì vậy, việc nhận thức đúng bản chất của hai phạm trù này có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng đối với nghiên cứu hoạt động lãnh đạo, quản lý nói chung và việc nghiên cứu hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh nói riêng.

Trước hết, quyết định lãnh đạo, quản lý là sự lựa chọn và xác lập phương án hành động của chủ thể có thẩm quyền nhằm giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn quản lý. Dưới góc độ pháp lý - hành chính, quyết định thường được thể hiện dưới dạng văn bản hoặc các hình thức chỉ đạo, điều hành nhằm xác định mục tiêu, phương hướng và biện pháp tác động đối với các quan hệ xã hội trong phạm vi nhất định. Tuy nhiên, nếu chỉ tiếp cận quyết định như một hình thức văn bản thì chưa phản ánh đầy đủ bản chất của nó.

Dưới góc độ khoa học lãnh đạo và triết học, quyết định là kết quả của quá trình nhận thức, phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án hành động phù hợp trong số những khả năng có thể. Nói cách khác, quyết định là sự biểu hiện tập trung của tư duy và ý chí của chủ thể lãnh đạo, quản lý trên cơ sở nhận thức hiện thực khách quan, được chuyển hóa thành định hướng và hành động cụ thể nhằm tác động tới quá trình vận động và phát triển của đời sống thực tiễn xã hội.

Từ cách tiếp cận trên có thể thấy, quyết định lãnh đạo, quản lý thể hiện một số đặc trưng cơ bản như tính khoa học, vì được hình thành trên cơ sở

nhận thức và phân tích khách quan; tính lựa chọn, vì gắn với việc cân nhắc giữa nhiều phương án khác nhau; tính quyền lực, vì do chủ thể có thẩm quyền xác lập và ban hành; tính mục tiêu, vì hướng tới giải quyết những vấn đề cụ thể; và tính trách nhiệm, vì mọi quyết định đều kéo theo những hệ quả chính trị, pháp lý, kinh tế và xã hội nhất định.

Nếu quyết định phản ánh phương diện kết quả của hoạt động lãnh đạo, quản lý thì ra quyết định phản ánh phương diện quá trình tạo ra kết quả đó. Có thể hiểu, ra quyết định lãnh đạo, quản lý là quá trình chủ thể có thẩm quyền sử dụng tri thức, thông tin, phương pháp và quyền hạn của mình để lựa chọn phương án hành động phù hợp nhằm giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn lãnh đạo, quản lý.

Về bản chất, ra quyết định là quá trình chuyển hóa từ nhận thức đến hành động có ý thức, trong đó tri thức lý luận, dữ liệu thực tiễn, kinh nghiệm quản lý, yêu cầu chính trị - pháp lý và điều kiện nguồn lực được tích hợp, xử lý và vận dụng trong mối quan hệ tác động qua lại. Vì vậy, ra quyết định không chỉ là thao tác kỹ thuật lãnh đạo, quản lý mà còn là hoạt động mang tính khoa học, tính chính trị và tính xã hội sâu sắc, phản ánh trình độ tư duy chiến lược, năng lực tổ chức và trách nhiệm của chủ thể lãnh đạo, quản lý.

Xét về phương diện vận hành, ra quyết định là quá trình bao gồm các bước cơ bản như nhận diện và xác định vấn đề cần giải quyết; thu thập, xử lý và phân tích thông tin; xây dựng và lựa chọn phương án; ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện quyết định trong thực tiễn. Các bước này có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất nhằm bảo đảm tính khoa học, tính khả thi và hiệu quả của quyết định.

Quyết định và ra quyết định có mối quan hệ thống nhất nhưng không đồng nhất. Quyết định phản ánh phương diện kết quả của hoạt động lãnh đạo, quản lý; còn ra quyết định phản ánh phương diện động thái, quá trình và cơ chế hình thành kết quả đó. Một quyết định chưa phù hợp có thể bắt nguồn từ những hạn chế trong quá trình ra quyết định như nhận diện chưa đúng vấn đề,

thiếu thông tin, đánh giá chưa đầy đủ tình hình hoặc lựa chọn phương án chưa phù hợp. Ngược lại, một quy trình ra quyết định khoa học, khách quan và dân chủ sẽ tạo điều kiện nâng cao chất lượng quyết định.

Trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn có ý nghĩa phương pháp luận đặc biệt quan trọng đối với quá trình ra quyết định. Đây vừa là cơ sở để chủ thể lãnh đạo nhận thức đúng bản chất và xu hướng vận động của thực tiễn, vừa là điều kiện để chuyển hóa tri thức lý luận thành các quyết định phù hợp với yêu cầu phát triển khách quan. Đồng thời, sự thống nhất đó góp phần hạn chế khuynh hướng chủ quan, duy ý chí hoặc tuyệt đối hóa kinh nghiệm thực tiễn trong lãnh đạo, quản lý.

Trên cơ sở kế thừa các quan niệm nghiên cứu có liên quan, tác giả luận án quan niệm rằng: *Quyết định lãnh đạo, quản lý là kết quả của quá trình ra quyết định, thể hiện ý chí và sự lựa chọn của chủ thể lãnh đạo, quản lý có thẩm quyền, được xác lập trên cơ sở nhận thức và đánh giá tình hình thực tiễn, nhằm định hướng, điều chỉnh hoặc giải quyết những vấn đề đặt ra trong hoạt động lãnh đạo, quản lý để thực hiện mục tiêu đã xác định*; còn *ra quyết định lãnh đạo, quản lý là quá trình hoạt động có mục đích của chủ thể lãnh đạo, quản lý có thẩm quyền, bao gồm nhận diện vấn đề, thu thập và phân tích thông tin, xác định mục tiêu, xây dựng, đánh giá và lựa chọn phương án hành động, trên cơ sở đó xác lập quyết định phù hợp nhằm định hướng, điều chỉnh hoặc giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn lãnh đạo, quản lý.* Như vậy, quyết định lãnh đạo, quản lý và ra quyết định lãnh đạo, quản lý có quan hệ thống nhất giữa kết quả và quá trình tạo ra kết quả. Quá trình ra quyết định là cơ sở trực tiếp hình thành quyết định; quyết định là sự kết tinh ý chí và sự lựa chọn của chủ thể sau quá trình nhận thức, phân tích, đánh giá và cân nhắc các phương án hành động.

2.1.4. Ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh

Trong hệ thống chính trị nước ta, cán bộ chủ chốt cấp tỉnh giữ vai trò lãnh đạo, quản lý các lĩnh vực quan trọng của địa phương, đồng thời trực tiếp

quyết định hoặc tham gia quyết định những vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với quá trình phát triển của tỉnh. Với vị trí là chủ thể lãnh đạo ở cấp trực tiếp cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương, đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh có vai trò quan trọng trong việc định hướng phát triển, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị và giải quyết những vấn đề đặt ra từ thực tiễn địa phương.

Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, cán bộ chủ chốt cấp tỉnh được hiểu là những người giữ vị trí lãnh đạo chủ yếu trong hệ thống chính trị cấp tỉnh, có thẩm quyền quyết định hoặc tham gia quyết định những vấn đề quan trọng liên quan đến định hướng phát triển và quản lý địa phương theo quy định hiện hành.

Trên cơ sở tiếp cận triết học và khoa học quản lý, có thể quan niệm: *Ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh là quá trình nhận thức và phân tích thông tin, đánh giá tình hình thực tiễn, lựa chọn và xác lập phương án hành động phù hợp với chức trách, thẩm quyền, nhằm định hướng, điều chỉnh hoặc giải quyết những vấn đề quan trọng đặt ra trong hoạt động lãnh đạo, quản lý ở địa phương.*

Khái niệm trên cho thấy, ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh không phải là hành vi đơn lẻ hay thao tác kỹ thuật thuần túy, mà là một quá trình nhận thức và lựa chọn mang tính hệ thống. Trong quá trình đó, chủ thể ra quyết định phải xử lý đồng thời nhiều mối quan hệ như giữa chủ trương, đường lối chung của Trung ương với điều kiện thực tiễn cụ thể của địa phương; giữa mục tiêu trước mắt với mục tiêu định hướng phát triển lâu dài; giữa yêu cầu phát triển với khả năng nguồn lực; giữa tăng trưởng kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh và phát triển bền vững, v.v.. Do đó, chất lượng ra quyết định phụ thuộc trực tiếp vào năng lực tư duy lý luận, khả năng nắm bắt thực tiễn, trình độ tổ chức thực hiện và trách nhiệm chính trị của chủ thể.

Từ cách tiếp cận trên có thể khái quát một số đặc trưng cơ bản của hoạt động ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh như sau:

Thứ nhất, tính chính trị - lãnh đạo là đặc trưng nổi bật. Hoạt động ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh gắn trực tiếp với việc cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương. Mỗi quyết định không chỉ là công cụ lãnh đạo, quản lý mà còn phản ánh năng lực lãnh đạo, quản lý khả năng định hướng phát triển và trách nhiệm chính trị của chủ thể.

Thứ hai, thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là yêu cầu có tính nguyên tắc. Lý luận giữ vai trò định hướng và cung cấp cơ sở phương pháp luận cho hoạt động nhận thức và lựa chọn; thực tiễn cung cấp căn cứ khách quan, dữ liệu và yêu cầu cụ thể của địa phương. Sự tách rời giữa hai phương diện này dễ dẫn đến khuynh hướng hoặc giáo điều, hoặc kinh nghiệm chủ nghĩa, làm giảm chất lượng và hiệu quả của quyết định.

Thứ ba, tính khoa học gắn với tính khả thi. Hoạt động ra quyết định phải được thực hiện trên cơ sở thông tin tin cậy, phân tích khách quan, phương pháp phù hợp và dự báo hợp lý; đồng thời phải tính đến nguồn lực, điều kiện tổ chức thực hiện và những tác động xã hội có thể phát sinh. Giá trị của quyết định không chỉ thể hiện ở tính đúng đắn về định hướng mà còn ở khả năng được hiện thực hóa trong thực tiễn.

Thứ tư, tính hệ thống và tổng hợp. Những vấn đề ở cấp tỉnh thường liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị. Vì vậy, chủ thể ra quyết định phải có tư duy tổng hợp, tầm nhìn toàn diện và khả năng phối hợp giữa các ngành, các cấp trong quá trình lãnh đạo và quản lý.

Thứ năm, tính quyền lực gắn với trách nhiệm cao. Ra quyết định là sự biểu hiện trực tiếp của quyền lực lãnh đạo, quản lý ở địa phương, đồng thời gắn với trách nhiệm giải trình trước Đảng, Nhà nước và nhân dân. Mỗi quyết định đều tạo ra những tác động nhất định đối với đời sống xã hội, vì vậy chủ thể ra quyết định phải chịu trách nhiệm đối với kết quả và hệ quả của quyết định trong thực tiễn.

Các đặc trưng trên có mối quan hệ hữu cơ, tác động và bổ sung cho nhau trong một chỉnh thể thống nhất. Trong đó, yêu cầu bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn giữ vai trò định hướng, chi phối toàn bộ quá trình ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, bảo đảm cho hoạt động lãnh đạo, quản lý vừa đúng định hướng chính trị, vừa phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương trong từng giai đoạn phát triển cụ thể.

Từ các khái niệm đã phân tích trên, có thể quan niệm: *Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh là sự gắn bó biện chứng giữa việc quán triệt, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước với việc xuất phát từ thực tiễn, nắm vững tình hình và yêu cầu phát triển của địa phương; đồng thời, thông qua tổng kết thực tiễn, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện để bổ sung nhận thức, điều chỉnh quyết định khi cần thiết, nhằm bảo đảm các quyết định có cơ sở khoa học, phù hợp với thực tiễn, khả thi và hiệu quả.*

Khái niệm trên thể hiện một số nội hàm cơ bản sau:

Thứ nhất, về chủ thể, đó là cán bộ chủ chốt cấp tỉnh - những người giữ cương vị lãnh đạo, quản lý chủ yếu trong hệ thống chính trị cấp tỉnh, có thẩm quyền hoặc giữ vai trò quyết định trong quá trình hoạch định, ban hành và tổ chức thực hiện các quyết định lãnh đạo, quản lý.

Thứ hai, về cơ sở lý luận, việc ra quyết định phải dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những tri thức khoa học có liên quan.

Thứ ba, về cơ sở thực tiễn, quyết định phải xuất phát từ điều kiện thực tiễn của địa phương, phản ánh đúng tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nguồn lực, yêu cầu phát triển và những vấn đề thực tiễn đang đặt ra.

Thứ tư, về phương thức thực hiện, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn được thể hiện xuyên suốt toàn bộ quá trình ra quyết định lãnh đạo, quản lý, từ

nhận thức, phân tích thông tin, dự báo, lựa chọn phương án, ban hành quyết định, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực tiễn và điều chỉnh quyết định khi cần thiết.

Thứ năm, về mục tiêu, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn hướng tới bảo đảm các quyết định lãnh đạo, quản lý đúng đắn về định hướng chính trị, pháp lý có cơ sở khoa học, phù hợp với thực tiễn, khả thi, hiệu quả và góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của địa phương.

Thứ sáu, về tính biện chứng, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn không chỉ thể hiện ở việc vận dụng đúng đắn lý luận vào hoạt động ra quyết định mà còn ở việc thông qua tổng kết thực tiễn, kiểm nghiệm kết quả thực hiện quyết định để bổ sung, phát triển lý luận, nâng cao nhận thức và năng lực ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Khái niệm trên là cơ sở lý luận trực tiếp để luận án xác định các biểu hiện, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh; đồng thời là căn cứ để phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ ở các chương tiếp theo.

2.2. KHÁI LƯỢC VÙNG NAM TRUNG BỘ VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH VÙNG NAM TRUNG BỘ

2.2.1. Vùng Nam Trung Bộ

Theo Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05/10/2025 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong phương án tổ chức không gian phát triển quốc gia, khu vực Nam Trung Bộ gắn với Tây Nguyên được xác định gồm 06 tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa và Lâm Đồng [48]. Trên cơ sở đó, luận án sử dụng phạm vi không gian này để nghiên cứu sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh. Để bảo đảm tính chính xác lịch sử, tính thống nhất và độ tin cậy của

tư liệu nghiên cứu, trong luận án này, tên gọi các địa phương được sử dụng theo đơn vị hành chính tồn tại tại thời điểm diễn ra sự kiện, ban hành văn bản hoặc công bố số liệu được trích dẫn. Do đó, trong một số trường hợp, tên gọi địa phương được sử dụng trong các dẫn chứng, số liệu và văn bản nghiên cứu có thể khác với tên gọi hoặc phạm vi đơn vị hành chính hiện hành theo phương án tổ chức không gian phát triển quốc gia nêu trên.

Việc xác định lại không gian vùng theo hướng liên kết khu vực duyên hải miền Trung với cao nguyên trung phần phản ánh tư duy phát triển mới của Nhà nước nhằm phát huy tính bổ trợ giữa kinh tế biển, công nghiệp - dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao, logistics và du lịch sinh thái [48; 138]. Với cách tiếp cận đó, vùng Nam Trung Bộ không chỉ được nhìn nhận như một đơn vị hành chính - lãnh thổ đơn thuần mà còn là một không gian phát triển tích hợp, có tính liên kết cao và giữ vai trò quan trọng trong cấu trúc phát triển [138].

Xét về vị trí địa lý, vùng Nam Trung Bộ hiện nay nằm trên trục phát triển Bắc - Nam, đồng thời là cửa ngõ kết nối giữa khu vực Tây Nguyên với biển Đông và một phần tiểu vùng Mê Kông mở rộng phát triển [138]. Đây là khu vực hội tụ nhiều tuyến giao thông huyết mạch quốc gia với sự phát triển đa dạng của các loại hình vận tải như đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không. Hệ thống cảng biển, khu kinh tế ven biển, sân bay quốc tế và các tuyến giao thông chiến lược tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu kinh tế, mở rộng thị trường và thúc đẩy liên kết vùng [138; 182]. Với đặc điểm đó, vùng Nam Trung Bộ không chỉ có vai trò quan trọng về phát triển kinh tế mà còn giữ vị trí đặc biệt về quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo và ổn định chiến lược khu vực miền Trung - Tây Nguyên [36].

Về điều kiện tự nhiên, vùng Nam Trung Bộ có cấu trúc lãnh thổ đa dạng, bao gồm khu vực ven biển, đồng bằng, trung du, miền núi và cao nguyên. Phía Đông là hệ thống biển, đảo, vũng, vịnh và ngư trường có giá trị kinh tế cao; phía Tây là khu vực trung du, miền núi và cao nguyên bazan rộng lớn, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp hàng hóa, lâm nghiệp và năng lượng tái tạo [138; 33]. Sự

đa dạng về điều kiện tự nhiên tạo ra lợi thế cho phát triển kinh tế tổng hợp, cho phép hình thành các chuỗi liên kết giữa sản xuất, chế biến, dịch vụ và xuất khẩu. Tuy nhiên, đây cũng là khu vực thường xuyên chịu tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu như bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất và các hiện tượng thời tiết cực đoan khác; nhiều địa phương thuộc nhóm có mức độ rủi ro thiên tai cao của cả nước [39]. Điều này làm gia tăng tính phức tạp và bất định của môi trường phát triển, đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với năng lực dự báo, quản trị và điều hành của các chủ thể lãnh đạo, quản lý ở địa phương.

Về phương diện kinh tế - xã hội, vùng Nam Trung Bộ có tiềm năng phát triển đa ngành, đa trung tâm với những lợi thế mang tính bổ trợ giữa các địa phương trong vùng. Một số địa phương có thế mạnh về kinh tế biển, công nghiệp và dịch vụ; một số địa phương có lợi thế về nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, kinh tế xanh và du lịch sinh thái du lịch sinh thái [182; 33]. Sự khác biệt đó tạo ra điều kiện thuận lợi cho việc hình thành các chuỗi liên kết phát triển và mở rộng không gian tăng trưởng trong bối cảnh mới. Tuy nhiên, trình độ phát triển giữa các địa phương còn chưa đồng đều; mức độ liên kết vùng, năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của một số địa phương vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế sẵn có [182; 105].

Về phương diện dân cư, văn hóa và xã hội, vùng Nam Trung Bộ là địa bàn cư trú của nhiều cộng đồng dân tộc như Kinh, Chăm, Ê Đê, Gia Rai, Ba Na, Raglai, Cơ Ho, Hrê, M’nông cùng nhiều dân tộc khác [231]. Sự giao thoa giữa văn hóa biển với văn hóa cao nguyên, giữa truyền thống bản địa với quá trình đô thị hóa và hội nhập quốc tế đã tạo nên bản sắc văn hóa phong phú, đa dạng, trở thành nguồn lực mềm quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân [231]. Tuy nhiên, sự chênh lệch về mức sống, chất lượng nguồn nhân lực, khả năng tiếp cận giáo dục, y tế và dịch vụ công giữa khu vực đô thị, ven biển với miền núi, vùng sâu, vùng xa vẫn còn khá rõ nét [182; 231]. Đây là những vấn đề tác động trực tiếp đến chất lượng phát triển bền vững và hiệu quả thực thi chính sách ở địa phương.

Về quốc phòng, an ninh và đối ngoại, vùng Nam Trung Bộ giữ vị trí đặc biệt quan trọng do có vùng biển rộng, nhiều cảng biển chiến lược và các tuyến hàng hải quốc tế đi qua [36]. Đồng thời, đây cũng là địa bàn chịu tác động mạnh của các thách thức an ninh phi truyền thống như thiên tai cực đoan, an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng, an ninh mạng, dịch bệnh và cạnh tranh khai thác tài nguyên biển [36; 39]. Những yếu tố đó đặt ra yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và mở rộng hợp tác đối ngoại trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Từ những đặc điểm trên có thể thấy, vùng Nam Trung Bộ có vị trí chiến lược đặc biệt, tiềm năng phát triển lớn và cơ cấu kinh tế - xã hội đa dạng; đồng thời cũng đặt ra nhiều yêu cầu và thách thức trong quá trình phát triển. Điều đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh phải quán triệt và vận dụng đúng đắn nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng, đồng thời đặt ra yêu cầu khách quan phải tăng cường sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay.

2.2.2. Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ

Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ là những cán bộ giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý chủ chốt trong hệ thống chính trị cấp tỉnh, trực tiếp tham gia nghiên cứu, tham mưu, thảo luận, quyết định hoặc chỉ đạo việc ban hành các quyết định quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và quản trị địa phương. Bao gồm chủ yếu: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố; lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; giám đốc các sở, ban, ngành; lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh [28]. Đây là lực lượng giữ vai trò trung tâm trong việc chuyển hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành các

chương trình hành động, chiến lược phát triển và quyết định quản lý cụ thể ở địa phương.

Từ góc độ phương pháp luận, đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh không chỉ là chủ thể quyền lực chính trị ở địa phương mà còn là chủ thể của hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Trong quá trình lãnh đạo, quản lý, đội ngũ này vừa thực hiện chức năng tiếp nhận, cụ thể hóa các định hướng mang tính lý luận ở tầm vĩ mô, vừa trực tiếp tổ chức và điều hành hoạt động thực tiễn tại địa phương. Vì vậy, chất lượng của đội ngũ cán bộ chủ chốt có ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực lãnh đạo, hiệu lực quản lý nhà nước, hiệu quả sử dụng nguồn lực và khả năng giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển. Đối với vùng Nam Trung Bộ - địa bàn có vị trí chiến lược, điều kiện tự nhiên đa dạng, mức độ phát triển chưa đồng đều và yêu cầu liên kết vùng ngày càng cao - vai trò của đội ngũ này càng trở nên quan trọng.

Theo số liệu do nghiên cứu sinh tự tổng hợp trên cơ sở khai thác thông tin từ Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Thành ủy; cổng thông tin điện tử các địa phương; quyết định kiện toàn nhân sự công khai và danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030, cập nhật đến tháng 3 năm 2026 (xem Phụ lục 1), tổng số cán bộ thuộc diện khảo sát tại 6 tỉnh, thành phố vùng Nam Trung Bộ là 413 đồng chí. Trong đó, Lâm Đồng có 93 đồng chí; Đà Nẵng có 75 đồng chí; Quảng Ngãi có 70 đồng chí; Đắk Lắk có 61 đồng chí; Gia Lai có 60 đồng chí; Khánh Hòa có 54 đồng chí. Sự khác biệt về số lượng phản ánh quy mô dân số, đặc điểm tổ chức bộ máy, phạm vi quản lý và yêu cầu phát triển của từng địa phương.

Về cơ cấu giới tính và thành phần dân tộc, toàn vùng có 81 cán bộ nữ, chiếm khoảng 19,6% tổng số cán bộ khảo sát; có 39 cán bộ là người dân tộc thiểu số, chiếm khoảng 9,4% (xem Phụ lục 2). Một số địa phương như Quảng Ngãi, Đắk Lắk và Lâm Đồng có tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số tương đối cao, phù hợp với đặc điểm cơ cấu dân cư và yêu cầu phát huy nguồn nhân lực tại chỗ. Điều này cho thấy công tác cán bộ trong thời gian qua đã bước đầu quan

tâm đến yêu cầu bảo đảm tính đại diện và tính bao quát trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Tuy nhiên, xét trên bình diện chung, tỷ lệ cán bộ nữ và cán bộ dân tộc thiểu số vẫn chưa thật sự tương xứng với yêu cầu đổi mới công tác cán bộ, mục tiêu bình đẳng giới và phát triển toàn diện nguồn nhân lực địa phương [16; 34].

Về trình độ chuyên môn, đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ có mặt bằng tương đối cao. Trong tổng số 413 cán bộ khảo sát, có 121 đồng chí trình độ cử nhân, 261 đồng chí trình độ thạc sĩ và 31 đồng chí trình độ tiến sĩ; riêng Đà Nẵng có 2 phó giáo sư trong nhóm khảo sát (xem Phụ lục 1). Như vậy, số cán bộ có trình độ sau đại học chiếm khoảng 70,7% (xem Phụ lục 2). Đây là biểu hiện của xu hướng chuẩn hóa ngày càng rõ nét đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh. Việc nâng cao trình độ chuyên môn không chỉ tạo điều kiện nâng cao năng lực hoạch định chính sách, phân tích tình hình và tiếp cận tri thức mới mà còn góp phần nâng cao năng lực xử lý những vấn đề phát triển ngày càng phức tạp [34].

Bên cạnh đó, đa số cán bộ chủ chốt cấp tỉnh đều được đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo tiêu chuẩn chức danh. Đây là điều kiện quan trọng để củng cố bản lĩnh chính trị, nâng cao năng lực quán triệt chủ trương của Đảng và giữ vững định hướng trong hoạt động công vụ. Tuy nhiên, trình độ văn bằng không đồng nhất hoàn toàn với năng lực thực tiễn. Trong bối cảnh chuyển đổi số, phát triển xanh, liên kết vùng và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt không chỉ dừng lại ở trình độ chuyên môn mà còn đòi hỏi năng lực tư duy đổi mới, khả năng tích hợp tri thức liên ngành, năng lực sử dụng dữ liệu và khả năng ra quyết định trong điều kiện có nhiều yếu tố biến động.

Về kinh nghiệm thực tiễn, đa số cán bộ chủ chốt cấp tỉnh trong vùng đã trải qua nhiều vị trí công tác khác nhau; nhiều đồng chí trưởng thành từ cơ sở, có hiểu biết tương đối sâu về địa bàn, dân cư và đặc điểm quản lý ở từng lĩnh vực. Đây là điều kiện thuận lợi để nhận diện vấn đề, nắm bắt yêu cầu thực tiễn và tổ

chức thực hiện quyết định sau khi được ban hành. Tuy nhiên, kinh nghiệm thực tiễn chỉ thực sự phát huy giá trị khi được soi sáng bởi tư duy lý luận khoa học và được bổ sung bằng phương pháp quản trị hiện đại. Nếu tuyệt đối hóa kinh nghiệm sẽ dễ dẫn đến khuynh hướng kinh nghiệm chủ nghĩa, làm giảm khả năng đổi mới và thích ứng với những yêu cầu mới của quá trình phát triển.

Về phong cách lãnh đạo và năng lực quản trị, đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ nhìn chung đã có những chuyển biến theo hướng dân chủ hơn, gần cơ sở hơn và chú trọng hiệu quả thực tiễn hơn. Nhiều địa phương trong vùng đã quan tâm cải thiện môi trường đầu tư, đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh [105]. Điều đó phản ánh sự chuyển biến trong tư duy điều hành từ quản lý hành chính đơn thuần sang quản trị phát triển. Tuy nhiên, trước yêu cầu mới của phát triển bền vững, kinh tế số, liên kết vùng và quản trị rủi ro, năng lực dự báo chiến lược, sử dụng dữ liệu, phối hợp liên ngành và xử lý các vấn đề phức hợp ở một bộ phận cán bộ vẫn còn những hạn chế nhất định.

Từ những phân tích trên có thể khái quát rằng, đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay có nhiều ưu điểm quan trọng như: bản lĩnh chính trị tương đối vững vàng; trình độ chuyên môn ngày càng được chuẩn hóa; kinh nghiệm thực tiễn khá phong phú; khả năng điều hành được rèn luyện trong điều kiện thực tiễn đa dạng và nhiều biến động. Đây là những tiền đề thuận lợi để nâng cao chất lượng hoạt động lãnh đạo, quản lý và bảo đảm việc vận dụng đúng đắn, sáng tạo mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình ra quyết định.

Tuy nhiên, đội ngũ này vẫn còn một số hạn chế cần được nhìn nhận khách quan như cơ cấu chưa thật sự cân đối; chất lượng giữa các địa phương và lĩnh vực chưa đồng đều; tỷ lệ cán bộ nữ và cán bộ dân tộc thiểu số còn thấp; năng lực tổng kết thực tiễn, tư duy chiến lược và dự báo ở một số trường hợp chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu mới; khả năng ứng dụng công nghệ số và phương pháp quản trị hiện đại còn hạn chế; phong cách lãnh đạo ở một số nơi chậm đổi mới.

Những đặc điểm trên không chỉ phản ánh thực trạng đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay mà còn đặt ra yêu cầu tiếp tục xây dựng đội ngũ này theo hướng vừa vững về chính trị, sâu về lý luận, giỏi về chuyên môn, có năng lực quản trị hiện đại và gắn bó chặt chẽ với thực tiễn địa phương. Đây đồng thời là điều kiện trực tiếp để nâng cao chất lượng ra quyết định, bảo đảm sự thống nhất ngày càng chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý ở vùng Nam Trung Bộ hiện nay.

2.3. BIỂU HIỆN THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH VÙNG NAM TRUNG BỘ HIỆN NAY

2.3.1. Sự cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với thực tiễn địa phương

Cán bộ chủ chốt cấp tỉnh giữ vai trò là chủ thể trực tiếp kết nối giữa định hướng chiến lược của Đảng, Nhà nước với quá trình tổ chức thực hiện ở địa phương. Thông qua hoạt động ra quyết định, đội ngũ này giữ vai trò chủ thể trực tiếp chuyển hóa các quan điểm, chủ trương mang tính định hướng ở tầm vĩ mô thành các quyết định lãnh đạo, quản lý phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Quá trình đó không chỉ đòi hỏi sự nắm vững lý luận mà còn yêu cầu cán bộ chủ chốt có năng lực tư duy biện chứng, bản lĩnh chính trị, khả năng phân tích, dự báo và xử lý linh hoạt các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn. Vì vậy, một trong những biểu hiện cơ bản của sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định của đội ngũ này là khả năng cụ thể hóa các định hướng lý luận thành những quyết định vừa đúng định hướng, vừa phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương và của vùng Nam Trung Bộ hiện nay.

Xét trên phương diện triết học, đây là quá trình vận động biện chứng từ cái chung đến cái riêng, từ tính phổ biến của lý luận đến tính đặc thù của sự vận dụng lý luận vào thực tiễn địa phương, đồng thời thông qua thực tiễn địa phương để kiểm nghiệm, bổ sung và phát triển lý luận. Trong đó, lý luận giữ vai trò định hướng phương pháp luận, còn thực tiễn quy định nội dung, hình thức và con đường hiện thực hóa các quyết định lãnh đạo, quản lý. Thực chất,

đây là quá trình chuyển hóa nhận thức lý luận thành hoạt động thực tiễn cụ thể, trong đó quyết định lãnh đạo, quản lý là phương thức tổ chức hiện thực hóa mục tiêu phát triển. Chất lượng của sự cụ thể hóa phản ánh trực tiếp trình độ nhận thức lý luận, năng lực tư duy biện chứng, bản lĩnh chính trị và khả năng tổ chức thực tiễn của chủ thể ra quyết định. Đồng thời, thông qua kết quả thực hiện các quyết định trong thực tiễn, chủ thể có điều kiện kiểm nghiệm, điều chỉnh và tiếp tục bổ sung, phát triển nhận thức cũng như năng lực vận dụng lý luận vào những điều kiện mới. Đây chính là quá trình tác động qua lại giữa lý luận và thực tiễn theo tinh thần của triết học Mác - Lênin.

Biểu hiện này được thể hiện ở các phương diện cơ bản sau:

Thứ nhất, bảo đảm tính nhất quán về chính trị - pháp lý trong quá trình cụ thể hóa.

Các quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh phải được xây dựng trên cơ sở quán triệt đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, qua đó bảo đảm sự thống nhất trong toàn bộ hệ thống chính trị. Tuy nhiên, tính nhất quán không đồng nghĩa với việc sao chép cơ học, mà là sự thống nhất biện chứng giữa định hướng chung với điều kiện thực tiễn cụ thể của từng địa phương trong vùng Nam Trung Bộ. Điều đó đòi hỏi chủ thể ra quyết định phải nắm vững bản chất của lý luận, phân biệt giữa những nội dung mang tính nguyên tắc với những nội dung cần vận dụng linh hoạt trong thực tiễn.

Thứ hai, thể hiện năng lực vận dụng sáng tạo lý luận vào điều kiện thực tiễn cụ thể của địa phương.

Việc cụ thể hóa đòi hỏi chủ thể lãnh đạo, quản lý phải chuyển hóa các nguyên lý, quan điểm lý luận thành hệ thống mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn hóa và nguồn lực của từng tỉnh trong vùng Nam Trung Bộ. Việc vận dụng sáng tạo lý luận phải được thực hiện trên cơ sở đánh giá đầy đủ điều kiện khách quan, nguồn lực, yêu cầu phát triển và đặc điểm đặc thù của từng địa phương trong vùng Nam Trung Bộ. Điều đó phản ánh trình độ tư duy biện chứng và năng lực xử lý mối

quan hệ giữa cái chung với cái riêng, giữa yêu cầu thống nhất của Trung ương với tính đặc thù của địa phương; đồng thời góp phần làm phong phú thêm nhận thức và kinh nghiệm vận dụng lý luận trong hoạt động lãnh đạo, quản lý.

Thứ ba, bảo đảm sự thống nhất giữa định hướng chiến lược và khả năng hiện thực hóa trong thực tiễn.

Các quyết định phải xác định rõ mục tiêu, lộ trình và giải pháp phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương; đồng thời bảo đảm tính khả thi, tính kịp thời và sự phù hợp với nguồn lực hiện có để các định hướng phát triển có thể được hiện thực hóa trong thực tiễn. Điều này phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa khả năng và hiện thực, trong đó quyết định lãnh đạo, quản lý giữ vai trò tổ chức và định hướng quá trình biến các tiền đề khách quan thành kết quả phát triển cụ thể. Nếu thiếu sự thống nhất này, quyết định dễ rơi vào tình trạng duy ý chí, thiếu tính khả thi hoặc không đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương trong từng giai đoạn.

Thứ tư, gắn quá trình cụ thể hóa với việc thường xuyên theo dõi và điều chỉnh trên cơ sở tổng kết thực tiễn

Quá trình theo dõi, tổng kết và điều chỉnh quyết định không chỉ nhằm bảo đảm hiệu quả quản lý mà còn tạo cơ sở để bổ sung, phát triển nhận thức và nâng cao năng lực vận dụng lý luận của cán bộ chủ chốt. Nhờ đó, mỗi chu trình ra quyết định mới đều được xây dựng trên cơ sở lý luận ngày càng được kiểm nghiệm, hoàn thiện từ thực tiễn địa phương.

Từ những phân tích trên có thể khái quát rằng, sự cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong các quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay không chỉ là hoạt động mang tính hành chính - kỹ thuật mà, về bản chất, là quá trình thống nhất biện chứng giữa lý luận và thực tiễn. Chất lượng của quá trình này phụ thuộc vào khả năng nắm vững và vận dụng sáng tạo lý luận, năng lực tư duy biện chứng, bản lĩnh và trách nhiệm của chủ thể ra quyết định, đồng thời được kiểm nghiệm, bổ sung và phát triển thông qua thực tiễn lãnh đạo, quản lý ở

địa phương. Chính sự tác động qua lại đó bảo đảm các quyết định vừa đúng định hướng, vừa có tính khả thi, kịp thời và phù hợp với điều kiện, nguồn lực phát triển của từng địa phương trong vùng Nam Trung Bộ.

2.3.2. Phản ánh đúng nhu cầu thực tiễn địa phương trong các quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay

Trong điều kiện vùng Nam Trung Bộ hiện nay đang đứng trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thích ứng với biến đổi khí hậu và xử lý những vấn đề nảy sinh từ quá trình phát triển, nhu cầu thực tiễn của các địa phương ngày càng đa dạng, phức tạp và biến động. Điều đó đặt ra yêu cầu các quyết định lãnh đạo, quản lý phải phản ánh đúng các yêu cầu thực tiễn khách quan. Điều đó đặt ra yêu cầu các quyết định lãnh đạo, quản lý phải phản ánh đúng các yêu cầu thực tiễn khách quan, bảo đảm tính kịp thời, tính khả thi và phù hợp với điều kiện, nguồn lực của từng địa phương; nếu không sẽ dẫn đến tình trạng xa rời thực tiễn hoặc làm giảm hiệu quả của quyết định trong quá trình tổ chức thực hiện.

Xét về bản chất, đây là quá trình phản ánh hiện thực khách quan trong tư duy và chuyển hóa thành hoạt động thực tiễn có mục đích, trong đó quyết định lãnh đạo, quản lý là hình thức biểu hiện tập trung của nhận thức đã được lựa chọn. Vì vậy, mức độ phản ánh đúng nhu cầu thực tiễn không chỉ thể hiện tính khách quan, tính khoa học của quyết định mà còn phản ánh trình độ nhận thức lý luận, năng lực tư duy biện chứng, khả năng phân tích, dự báo và trách nhiệm của chủ thể ra quyết định trong việc nhận diện đúng các vấn đề thực tiễn cần giải quyết.

Biểu hiện này được thể hiện ở các phương diện cơ bản sau:

Thứ nhất, quyết định được hình thành trên cơ sở nhận thức đúng đắn, toàn diện về thực tiễn địa phương.

Thực tiễn địa phương là một chỉnh thể đa chiều bao gồm các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa và điều kiện tự nhiên, luôn vận động và biến đổi. Việc nhận thức thực tiễn đòi hỏi phải đi từ hiện tượng đến bản chất, từ cái riêng đến cái chung, qua đó xác định đúng vấn đề cần giải quyết. Đây là tiền

đề bảo đảm tính khách quan của quyết định, đồng thời phản ánh trình độ tư duy biện chứng của chủ thể lãnh đạo, quản lý.

Quá trình nhận thức đúng thực tiễn không chỉ dựa trên việc thu thập và xử lý thông tin khách quan mà còn đòi hỏi chủ thể phải biết phân tích bản chất của các hiện tượng, dự báo xu hướng vận động và đánh giá đúng những điều kiện, nguồn lực của địa phương. Đây là biểu hiện trực tiếp của năng lực tư duy biện chứng trong hoạt động ra quyết định.

Thứ hai, quyết định phản ánh và hướng tới giải quyết những nhu cầu thực tiễn khách quan, cấp thiết của địa phương.

Nhu cầu thực tiễn không phải là những mong muốn mang tính chủ quan, mà là sự biểu hiện của các yêu cầu tất yếu nảy sinh từ quá trình vận động và phát triển của địa phương. Do đó, việc ra quyết định đòi hỏi phải xác định đúng trọng tâm, thứ tự ưu tiên, tập trung xử lý các vấn đề cấp thiết và các điểm nghẽn trong phát triển; đồng thời bảo đảm các giải pháp đề ra có tính khả thi, kịp thời và phù hợp với điều kiện, nguồn lực thực tế của địa phương. Đây là sự thống nhất giữa nhận thức và hành động trong việc ra quyết định lãnh đạo, quản lý.

Thứ ba, vận dụng sáng tạo lý luận trên cơ sở thực tiễn, khắc phục khuynh hướng giáo điều và kinh nghiệm chủ nghĩa trong ra quyết định.

Việc phản ánh đúng nhu cầu thực tiễn đòi hỏi chủ thể ra quyết định phải vận dụng lý luận một cách linh hoạt, sáng tạo trên cơ sở điều kiện cụ thể của từng địa phương. Nếu vận dụng lý luận một cách máy móc, không xuất phát từ thực tiễn sẽ dẫn đến khuynh hướng giáo điều; ngược lại, nếu tuyệt đối hóa kinh nghiệm thực tiễn, coi nhẹ vai trò định hướng của lý luận sẽ dễ rơi vào chủ nghĩa kinh nghiệm, thiếu cơ sở khoa học và định hướng phát triển. Vì vậy, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định được thể hiện ở khả năng kết hợp đúng đắn giữa yêu cầu, nguyên tắc chung với điều kiện cụ thể của địa phương, bảo đảm quyết định vừa đúng định hướng, vừa có tính khả thi và hiệu quả.

Thông qua quá trình vận dụng lý luận để giải quyết các vấn đề thực tiễn, cán bộ chủ chốt không chỉ kiểm nghiệm tính đúng đắn của những nhận thức và phương pháp đã vận dụng mà còn tích lũy kinh nghiệm, bổ sung, phát triển nhận thức và nâng cao năng lực vận dụng lý luận trong những điều kiện mới. Điều đó phản ánh mối quan hệ tác động qua lại giữa lý luận và thực tiễn, trong đó thực tiễn vừa là cơ sở kiểm nghiệm, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển nhận thức và năng lực tư duy của chủ thể ra quyết định.

Thứ tư, thể hiện ở khả năng điều chỉnh quyết định phù hợp với sự vận động của thực tiễn.

Thực tiễn luôn vận động và biến đổi, do đó quyết định cần được thường xuyên rà soát, đánh giá và điều chỉnh phù hợp với những điều kiện mới phát sinh. Quá trình này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả của quyết định mà còn tạo cơ sở để chủ thể tiếp tục hoàn thiện nhận thức, tích lũy kinh nghiệm và phát triển năng lực vận dụng lý luận trong các chu trình ra quyết định tiếp theo. Điều này phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn, trong đó thực tiễn vừa là cơ sở hình thành, vừa là cơ sở kiểm nghiệm, bổ sung và phát triển lý luận.

Từ những phân tích trên có thể khái quát rằng, việc phản ánh đúng nhu cầu thực tiễn địa phương trong các quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay là yêu cầu khách quan của hoạt động lãnh đạo, quản lý. Mức độ phản ánh đúng nhu cầu thực tiễn không chỉ quyết định tính khách quan, tính khả thi, tính kịp thời và hiệu quả của quyết định mà còn phản ánh trình độ nhận thức lý luận, năng lực tư duy biện chứng và khả năng vận dụng sáng tạo lý luận của chủ thể ra quyết định. Thông qua quá trình tổ chức thực hiện và tổng kết thực tiễn, nhận thức và năng lực vận dụng lý luận của cán bộ chủ chốt tiếp tục được bổ sung, phát triển, qua đó làm sâu sắc hơn sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định lãnh đạo, quản lý.

2.3.3. Được thực tiễn địa phương vùng Nam Trung Bộ kiểm nghiệm

Giá trị của một quyết định lãnh đạo, quản lý chỉ được khẳng định thông qua thực tiễn, tức là thông qua những phát triển cụ thể trong đời sống kinh tế -

xã hội, v.v... của địa phương. Sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của quyết định không tồn tại như một giá trị trừu tượng, mà được khẳng định trong kết quả của việc hiện thực hóa trong thực tiễn địa phương. Vì vậy, thực tiễn không chỉ là môi trường triển khai quyết định mà còn là cơ sở kiểm chứng và đánh giá tính phù hợp, tính hiệu quả của quyết định lãnh đạo, quản lý.

Trong điều kiện vùng Nam Trung Bộ hiện nay, trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và thích ứng với những biến đổi của điều kiện khách quan, vai trò kiểm nghiệm của thực tiễn đối với các quyết định lãnh đạo, quản lý ngày càng trở nên rõ nét. Điều đó đòi hỏi các quyết định không chỉ đúng về định hướng mà còn phải bảo đảm tính khả thi, tính kịp thời, phù hợp với điều kiện và nguồn lực của từng địa phương; đồng thời được khẳng định thông qua kết quả vận hành trong thực tiễn cụ thể.

Biểu hiện này được thể hiện ở các phương diện cơ bản sau:

Thứ nhất, kết quả thực tiễn phản ánh mức độ phù hợp của quyết định với thực tiễn khách quan.

Một quyết định được thực tiễn kiểm nghiệm là phù hợp khi tạo ra những chuyển biến tích cực, góp phần giải quyết các vấn đề đặt ra và phù hợp với xu hướng vận động, phát triển của thực tiễn địa phương. Đây là sự thống nhất giữa lý luận đúng đắn và hoạt động thực tiễn hiệu quả, trong đó tính đúng đắn của lý luận được khẳng định thông qua kết quả thực tiễn. Đồng thời, kết quả đó cũng phản ánh năng lực phân tích, dự báo, tổ chức thực hiện và trách nhiệm của cán bộ chủ chốt trong quá trình ra quyết định.

Thứ hai, hiệu quả thực tiễn là thước đo tổng hợp của chất lượng quyết định.

Hiệu quả thực tiễn không chỉ được thể hiện ở kết quả trước mắt mà còn ở tác động lâu dài, tính bền vững và khả năng lan tỏa trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Một quyết định được thực tiễn kiểm nghiệm là quyết định không chỉ đạt mục tiêu đề ra mà còn bảo đảm tính khả thi, tính kịp thời và phù hợp với điều kiện, nguồn lực của địa phương. Điều này phản ánh mối quan hệ giữa yêu cầu trước mắt với phát triển lâu dài, giữa tăng trưởng với phát triển bền vững, qua đó cho thấy giá trị của quyết định được xác lập trong toàn bộ quá trình vận động của thực tiễn.

Thứ ba, quá trình kiểm nghiệm dẫn đến việc điều chỉnh và hoàn thiện quyết định.

Thực tiễn không chỉ kiểm chứng mà còn tác động trở lại đối với quyết định, qua đó phát hiện những nội dung chưa phù hợp và thúc đẩy quá trình điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện. Quá trình này đòi hỏi cán bộ chủ chốt phải có năng lực tổng kết thực tiễn, tư duy biện chứng và bản lĩnh trong việc nhận diện đúng những hạn chế của quyết định để kịp thời điều chỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Điều này phản ánh mối quan hệ tác động qua lại giữa nhận thức và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý.

Thứ tư, thông qua kiểm nghiệm thực tiễn, nhận thức lý luận tiếp tục được bổ sung và phát triển.

Những kinh nghiệm và bài học rút ra từ thực tiễn không chỉ có ý nghĩa đối với việc hoàn thiện quyết định cụ thể mà còn góp phần bổ sung, phát triển nhận thức lý luận và nâng cao năng lực vận dụng lý luận của cán bộ chủ chốt trong các chu trình ra quyết định tiếp theo. Đây là quá trình vận động từ thực tiễn đến nhận thức và từ nhận thức trở lại thực tiễn ở trình độ ngày càng cao hơn.

Từ những phân tích trên có thể khái quát rằng, sự kiểm nghiệm của thực tiễn địa phương đối với các quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay không chỉ là quá trình đánh giá kết quả mà, về bản chất, là quá trình kiểm chứng, điều chỉnh và hoàn thiện quyết định trong mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn. Mức độ được thực tiễn kiểm nghiệm không chỉ phản ánh tính đúng đắn, tính khả thi và hiệu quả của quyết định mà còn là cơ sở để bổ sung, phát triển nhận thức lý luận, nâng cao năng lực tư duy biện chứng và khả năng vận dụng lý luận của cán bộ chủ chốt. Qua đó, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định ngày càng được củng cố và hoàn thiện.

Như vậy, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay được biểu hiện thông qua ba phương diện cơ bản: (1) cụ thể hóa đúng đắn chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với điều kiện cụ thể của địa

phương; (2) phản ánh đúng nhu cầu thực tiễn, bảo đảm các quyết định có tính khả thi, kịp thời và phù hợp với điều kiện, nguồn lực phát triển; (3) được thực tiễn kiểm nghiệm, qua đó tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện quyết định, đồng thời bổ sung, phát triển nhận thức và năng lực vận dụng lý luận của cán bộ chủ chốt. Ba phương diện này không tồn tại tách rời mà tạo thành một chỉnh thể biện chứng thống nhất, phản ánh quá trình vận động từ nhận thức đến hành động và từ hành động trở lại nhận thức. Qua đó cho thấy việc ra quyết định không chỉ là quá trình lựa chọn phương án hành động mà còn là quá trình chủ thể không ngừng học hỏi từ thực tiễn, phát triển tư duy và nâng cao chất lượng hoạt động lãnh đạo, quản lý trên cơ sở thống nhất giữa lý luận và thực tiễn.

2.4. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH VÙNG NAM TRUNG BỘ HIỆN NAY

Những nhân tố ảnh hưởng đến sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay là tổng thể những điều kiện, yếu tố khách quan và chủ quan tác động đến quá trình nhận thức, vận dụng lý luận và tổng kết thực tiễn trong hoạt động ra quyết định của chủ thể này. Trong điều kiện đặc thù của vùng Nam Trung Bộ hiện nay, các nhân tố đó không tồn tại tách biệt mà có mối quan hệ tác động qua lại, đan xen và chi phối lẫn nhau với những mức độ khác nhau. Trên cơ sở phân tích các yếu tố tác động từ môi trường khách quan và từ chính chủ thể ra quyết định, có thể khái quát một số nhân tố cơ bản sau:

2.4.1. Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và cơ chế quản lý

Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và cơ chế quản lý là nhân tố nền tảng, có vai trò định hướng và tác động trực tiếp đến sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay. Đây là hệ thống các quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc, quy định và cơ chế quản lý tạo cơ sở chính trị, pháp lý và thể chế cho quá trình nhận thức, vận dụng lý luận và tổ chức thực hiện các quyết định lãnh đạo, quản lý ở địa phương.

Về bản chất, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước là kết quả của quá trình tổng kết thực tiễn và khái quát lý luận ở phạm vi rộng, phản ánh những yêu cầu khách quan của quá trình phát triển đất nước trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Do đó, các quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh không thể được hình thành theo ý chí chủ quan mà phải quán triệt và vận dụng đúng đắn chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Mức độ đầy đủ, đồng bộ và phù hợp của hệ thống này tác động trực tiếp đến sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định.

Sự tác động của nhân tố này đối với sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong ra quyết định được thể hiện trên một số phương diện cơ bản sau:

Thứ nhất, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước giữ vai trò định hướng cho quá trình nhận thức và xác định mục tiêu trong hoạt động ra quyết định.

Mọi hoạt động lãnh đạo, quản lý của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh đều phải đặt trong khuôn khổ đường lối chính trị và yêu cầu phát triển chung của đất nước. Hệ thống chủ trương, chính sách và pháp luật không chỉ xác định mục tiêu phát triển mà còn cung cấp cơ sở phương pháp luận để chủ thể nhận thức, đánh giá tình hình và lựa chọn phương án hành động phù hợp. Đây là nhân tố quan trọng tác động đến sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, góp phần định hướng đúng quá trình nhận thức và lựa chọn phương án ra quyết định, hạn chế khuynh hướng chủ quan, duy ý chí hoặc kinh nghiệm chủ nghĩa.

Thứ hai, hệ thống chính sách, pháp luật và cơ chế quản lý tạo ra khuôn khổ thể chế cho việc chuyển hóa lý luận vào hoạt động thực tiễn.

Quá trình ra quyết định không chỉ là hoạt động lý luận mà còn là quá trình hiện thực hóa các mục tiêu phát triển thông qua những cơ chế tổ chức cụ thể. Hệ thống pháp luật, quy chế và cơ chế quản lý quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, quy trình và phương thức thực hiện quyết định, qua đó tác động trực tiếp đến khả năng chuyển hóa lý luận thành hoạt động thực tiễn trong quá trình ra quyết định và tổ chức thực hiện quyết định. Nếu khuôn khổ thể chế

thiếu đồng bộ hoặc chưa phù hợp sẽ làm suy giảm mức độ thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý.

Thứ ba, mức độ hoàn thiện và phù hợp của chủ trương, chính sách, pháp luật và cơ chế quản lý ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng vận dụng sáng tạo lý luận vào thực tiễn của chủ thể ra quyết định.

Chủ trương, chính sách và cơ chế quản lý vừa tạo ra định hướng chung, vừa tạo không gian cho sự vận dụng linh hoạt lý luận vào điều kiện thực tiễn cụ thể của địa phương. Khi hệ thống chính sách và cơ chế quản lý bảo đảm tính đồng bộ, rõ ràng và phù hợp với thực tiễn sẽ tạo điều kiện cho cán bộ chủ chốt cấp tỉnh chủ động lựa chọn các giải pháp phù hợp với thực tiễn của địa phương. Ngược lại, nếu cơ chế quản lý còn chồng chéo, thiếu thống nhất hoặc chậm được điều chỉnh sẽ hạn chế khả năng vận dụng sáng tạo lý luận vào thực tiễn, làm giảm mức độ thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định.

Thứ tư, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và cơ chế quản lý không chỉ định hướng hoạt động thực tiễn mà còn tác động đến quá trình tổng kết thực tiễn, bổ sung và phát triển lý luận.

Trong quá trình triển khai các quyết định ở địa phương, những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn sẽ tạo ra yêu cầu tiếp tục điều chỉnh cơ chế quản lý, hoàn thiện chính sách và bổ sung lý luận. Điều này phản ánh mối quan hệ tác động qua lại giữa lý luận và thực tiễn, trong đó thực tiễn không chỉ là cơ sở hiện thực hóa chủ trương, chính sách mà còn là nguồn bổ sung và phát triển cho lý luận và hệ thống thể chế quản lý.

Bên cạnh đó, chất lượng hệ thống thông tin, dữ liệu và công tác tham mưu có vai trò quan trọng trong việc chuyển hóa các chủ trương, đường lối, chính sách thành những quyết định cụ thể. Thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời cùng với hoạt động tham mưu có chất lượng giúp chủ thể nhận diện đúng thực tiễn, đánh giá đúng tình hình và lựa chọn phương án phù hợp; ngược lại, nếu thông tin thiếu chính xác hoặc công tác tham mưu còn hạn chế sẽ làm giảm khả năng vận dụng đúng đắn lý luận vào thực tiễn, ảnh hưởng đến chất lượng quyết định.

Đối với vùng Nam Trung Bộ hiện nay, trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế biển, tăng cường liên kết vùng, thích ứng với biến đổi khí hậu và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, nhân tố này càng có ý nghĩa quan trọng. Việc quán triệt và vận dụng đúng đắn chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gắn với điều kiện cụ thể của từng địa phương sẽ góp phần nâng cao mức độ thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Như vậy, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và cơ chế quản lý là nhân tố nền tảng, tác động trực tiếp đến sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh. Mức độ đầy đủ, đồng bộ và phù hợp của nhân tố này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng các quyết định lãnh đạo, quản lý và hiệu quả phát triển của địa phương.

2.4.2. Điều kiện thực tiễn của địa phương, đất nước và bối cảnh thời đại

Điều kiện thực tiễn của địa phương, đất nước và bối cảnh thời đại là nhân tố khách quan phản ánh những điều kiện lịch sử - cụ thể, trình độ phát triển và yêu cầu vận động của đời sống hiện thực, tác động đến sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay. Nhân tố này bao gồm điều kiện tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương; trình độ phát triển, định hướng và yêu cầu phát triển của đất nước; cùng những đặc điểm và xu hướng vận động cơ bản của thời đại. Những điều kiện đó tạo nên cơ sở khách quan, quy định những vấn đề cần giải quyết, khả năng lựa chọn phương án và những yêu cầu đặt ra đối với việc vận dụng lý luận trong hoạt động lãnh đạo, quản lý.

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, thực tiễn là cơ sở, động lực của nhận thức và là tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý. Vì vậy, việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh phải xuất phát từ điều kiện thực tiễn khách quan, đồng thời vận dụng lý luận phù hợp với yêu cầu của từng địa phương và từng giai đoạn phát triển. Khi điều kiện thực tiễn thay đổi, những

nhận thức, cách thức vận dụng lý luận và phương án đã lựa chọn cũng cần được xem xét, bổ sung hoặc điều chỉnh. Nếu không nhận thức đầy đủ đặc điểm và yêu cầu của thực tiễn, quyết định có thể thiếu căn cứ, không phù hợp với điều kiện cụ thể hoặc khó phát huy hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

Sự tác động của nhân tố này đến sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định được thể hiện trên một số phương diện cơ bản sau:

Thứ nhất, điều kiện thực tiễn cụ thể của địa phương quy định những vấn đề đặt ra và yêu cầu vận dụng lý luận trong việc ra quyết định.

Mỗi địa phương có những đặc điểm riêng về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, nguồn lực, cơ cấu kinh tế, dân cư, văn hóa và trình độ phát triển. Những đặc điểm đó tạo nên các vấn đề, nhu cầu và yêu cầu phát triển cụ thể, đòi hỏi cán bộ chủ chốt cấp tỉnh phải nhận diện đúng tình hình, xác định đúng trọng tâm và lựa chọn phương án phù hợp. Việc vận dụng lý luận không thể tách rời những điều kiện hiện thực của địa phương, mà phải căn cứ vào đặc điểm, nguồn lực, lợi thế và những khó khăn cụ thể để xác định mục tiêu, lộ trình và cách thức tổ chức thực hiện quyết định. Do đó, nhận thức đầy đủ điều kiện thực tiễn của địa phương là cơ sở quan trọng để hạn chế tình trạng vận dụng lý luận máy móc, chủ quan hoặc duy ý chí.

Thứ hai, trình độ phát triển và yêu cầu phát triển của đất nước tác động đến định hướng và nội dung ra quyết định ở cấp tỉnh.

Hoạt động ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh diễn ra trong mối quan hệ thống nhất giữa yêu cầu phát triển của địa phương với định hướng, mục tiêu phát triển chung của đất nước. Trình độ phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu hoàn thiện thể chế, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân và thực hiện các mục tiêu phát triển trong từng giai đoạn đặt ra những yêu cầu cụ thể đối với việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp ở cấp tỉnh. Vì vậy, cán bộ chủ chốt cấp tỉnh phải biết vận dụng các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện cụ thể

của địa phương; đồng thời chủ động phát hiện những vấn đề phát sinh từ thực tiễn để đề xuất điều chỉnh cách thức tổ chức thực hiện cho phù hợp. Sự gắn kết giữa yêu cầu chung của đất nước với điều kiện cụ thể của địa phương góp phần bảo đảm tính đúng đắn về định hướng, tính phù hợp và tính khả thi của quyết định.

Thứ ba, bối cảnh thời đại làm xuất hiện những yêu cầu mới đối với nhận thức và vận dụng lý luận trong việc ra quyết định.

Bối cảnh thời đại được thể hiện ở những đặc điểm và xu hướng vận động có tính khái quát của đời sống nhân loại, đặt ra những yêu cầu mới đối với quá trình phát triển của mỗi quốc gia và địa phương. Những biến đổi về phương thức sản xuất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, quan hệ giữa con người với tự nhiên và yêu cầu phát triển bền vững đòi hỏi cán bộ chủ chốt cấp tỉnh phải thường xuyên cập nhật nhận thức, nâng cao năng lực tư duy và vận dụng lý luận phù hợp với những điều kiện mới. Nếu nhận thức chậm trước sự biến đổi của thời đại hoặc vận dụng những kinh nghiệm, phương thức quản lý không còn phù hợp, các quyết định có thể thiếu tính đón đầu, không đáp ứng kịp yêu cầu phát triển. Ngược lại, nhận diện đúng xu hướng vận động của thời đại giúp chủ thể ra quyết định chủ động xác định vấn đề cần ưu tiên, dự báo những biến đổi có thể xảy ra và lựa chọn định hướng phát triển phù hợp.

Thứ tư, đặc điểm địa lý, tự nhiên và trình độ phát triển của vùng Nam Trung Bộ tạo ra những yêu cầu cụ thể đối với việc vận dụng lý luận trong ra quyết định.

Vùng Nam Trung Bộ có vị trí quan trọng về kinh tế biển, giao lưu kinh tế, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; đồng thời có sự đa dạng về điều kiện tự nhiên, tài nguyên, cơ cấu kinh tế và trình độ phát triển giữa các địa phương. Những lợi thế về biển, du lịch, năng lượng và kết nối giao thông tạo ra nhiều khả năng phát triển, trong khi thiên tai, biến đổi khí hậu, nguy cơ suy thoái tài

nguyên và sự chênh lệch về điều kiện phát triển cũng đặt ra những vấn đề cần giải quyết. Thực tiễn đó đòi hỏi cán bộ chủ chốt cấp tỉnh phải vận dụng lý luận gắn với điều kiện lịch sử - cụ thể, phát huy lợi thế, khắc phục hạn chế và tính đến mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống Nhân dân. Đồng thời, yêu cầu liên kết vùng đặt ra sự cần thiết phải xem xét các vấn đề phát triển trong mối quan hệ giữa địa phương với toàn vùng và cả nước, tránh cách tiếp cận cục bộ, thiếu tính liên kết.

Như vậy, điều kiện thực tiễn của địa phương, đất nước và bối cảnh thời đại tác động đến sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định chủ yếu thông qua việc quy định những vấn đề cần giải quyết, những điều kiện và khả năng hiện thực hóa mục tiêu, cũng như yêu cầu bổ sung, phát triển nhận thức và vận dụng lý luận. Nhận thức đúng điều kiện lịch sử - cụ thể, đặc điểm và yêu cầu phát triển của địa phương, đất nước và thời đại là cơ sở để cán bộ chủ chốt cấp tỉnh lựa chọn quyết định phù hợp, có tính khả thi và đáp ứng yêu cầu phát triển của vùng Nam Trung Bộ hiện nay.

2.4.3. Môi trường chính trị, kinh tế, xã hội và các tác động bên ngoài

Môi trường chính trị, kinh tế, xã hội và các tác động bên ngoài là nhân tố khách quan phản ánh những điều kiện vận hành, các quan hệ, cơ chế và sức ép của môi trường trong nước, quốc tế có ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh. Khác với điều kiện thực tiễn của địa phương, đất nước và bối cảnh thời đại được xem xét chủ yếu ở phương diện những điều kiện lịch sử - cụ thể và yêu cầu phát triển khách quan, nhân tố này tập trung làm rõ cách thức các yếu tố thuộc môi trường chính trị, kinh tế, xã hội và bên ngoài tác động đến quá trình tiếp nhận thông tin, nhận thức vấn đề, tham mưu, lựa chọn, thông qua và tổ chức thực hiện quyết định lãnh đạo, quản lý.

Môi trường chính trị, kinh tế, xã hội bao gồm các quan hệ và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị, tình hình và quan hệ kinh tế, các quan hệ xã hội,

hệ thống lợi ích, chuẩn mực đạo đức, pháp luật, văn hóa và văn hóa tổ chức. Các tác động bên ngoài bao gồm ảnh hưởng từ quá trình hội nhập quốc tế, quan hệ kinh tế đối ngoại, biến động của thị trường và tình hình khu vực, thế giới, cũng như sự lan tỏa của tiến bộ khoa học - công nghệ. Các yếu tố này có thể tạo điều kiện thuận lợi hoặc đặt ra những trở ngại, sức ép đối với hoạt động ra quyết định; đồng thời ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận thông tin, mức độ đồng thuận, việc huy động nguồn lực và hiệu quả tổ chức thực hiện quyết định.

Sự tác động của nhân tố này đến sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định được thể hiện trên một số phương diện cơ bản sau:

Thứ nhất, môi trường chính trị tác động đến cơ chế lãnh đạo, phối hợp và tổ chức thực hiện quyết định.

Môi trường chính trị với các cơ chế lãnh đạo, quản lý, phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức và việc thực hiện nguyên tắc tổ chức, hoạt động của hệ thống chính trị có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình cụ thể hóa chủ trương, đường lối thành các quyết định ở cấp tỉnh. Sự ổn định chính trị, tính thống nhất trong lãnh đạo, sự phối hợp có hiệu quả giữa các cơ quan và việc thực hiện đúng thẩm quyền tạo điều kiện để cán bộ chủ chốt tiếp nhận thông tin, huy động trí tuệ tập thể, lựa chọn phương án và tổ chức thực hiện quyết định. Ngược lại, sự phối hợp thiếu đồng bộ, trách nhiệm không rõ ràng hoặc việc thực thi thẩm quyền không đúng quy định có thể làm gián đoạn quá trình chuyển hóa chủ trương, lý luận thành hành động thực tiễn. Vì vậy, môi trường chính trị và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị có ảnh hưởng đến khả năng kết hợp giữa yêu cầu về định hướng chính trị, căn cứ khoa học và điều kiện thực tế trong việc ra quyết định.

Thứ hai, môi trường kinh tế tác động đến khả năng huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực để thực hiện quyết định.

Môi trường kinh tế không chỉ thể hiện ở trình độ phát triển và cơ cấu kinh tế mà còn ở các quan hệ kinh tế, khả năng huy động nguồn lực, điều kiện

phân bổ ngân sách, hoạt động đầu tư và sự tham gia của các chủ thể kinh tế. Những yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng lựa chọn và hiện thực hóa các phương án lãnh đạo, quản lý. Một quyết định có định hướng đúng nhưng chưa tính đầy đủ nguồn lực, cơ chế thực hiện và khả năng phối hợp giữa các chủ thể có thể gặp khó khăn khi triển khai. Ngược lại, việc đánh giá đúng điều kiện huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực giúp cán bộ chủ chốt lựa chọn phương án phù hợp, xác định lộ trình thực hiện và dự liệu những rủi ro có thể phát sinh. Qua đó, môi trường kinh tế tác động đến mức độ gắn kết giữa căn cứ lý luận, yêu cầu thực tiễn và tính khả thi của quyết định.

Thứ ba, môi trường xã hội tác động đến quá trình tiếp nhận thông tin, xác định lợi ích và tạo sự đồng thuận trong việc ra quyết định.

Các quan hệ xã hội, cơ cấu lợi ích, đặc điểm cộng đồng dân cư, dư luận xã hội và mức độ tham gia của người dân có ảnh hưởng đến việc nhận diện vấn đề, đánh giá tác động và lựa chọn phương án lãnh đạo, quản lý. Việc nắm bắt đầy đủ tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu và những khác biệt về lợi ích giữa các nhóm xã hội giúp cán bộ chủ chốt cấp tỉnh có thêm căn cứ thực tiễn để lựa chọn quyết định phù hợp, hạn chế những hệ quả không mong muốn và nâng cao sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

Trong môi trường xã hội, hệ thống lợi ích cùng các chuẩn mực đạo đức, pháp luật và văn hóa có vai trò định hướng, điều chỉnh hành vi của chủ thể ra quyết định. Việc xem xét và giải quyết các lợi ích phải đặt trong khuôn khổ pháp luật, gắn với trách nhiệm công vụ và yêu cầu bảo vệ lợi ích chung của Nhà nước, địa phương và Nhân dân. Nếu lợi ích cá nhân hoặc lợi ích cục bộ chi phối quá trình ra quyết định, chủ thể có thể lựa chọn phương án không xuất phát đầy đủ từ yêu cầu khách quan của thực tiễn, làm suy giảm tính đúng đắn và hiệu quả của quyết định. Ngược lại, việc nhận diện và xử lý hài hòa các quan hệ lợi ích trên cơ sở pháp luật và các chuẩn mực đạo đức, văn hóa góp phần nâng cao tính khách quan, trách nhiệm và tính khả thi của quyết định.

Bên cạnh đó, văn hóa tổ chức và mức độ thực hành dân chủ trong hoạt động lãnh đạo, quản lý ảnh hưởng đến chất lượng thông tin và quá trình xem xét, lựa chọn phương án. Môi trường làm việc khuyến khích trao đổi, phản biện, tiếp thu ý kiến của cơ quan tham mưu, chuyên gia và Nhân dân giúp mở rộng góc nhìn, phát hiện sớm những bất cập và hạn chế quyết định chủ quan, duy ý chí. Ngược lại, tình trạng thiếu dân chủ, né tránh phản biện, nể nang hoặc áp đặt ý chí cá nhân có thể làm sai lệch thông tin, hạn chế việc nhận diện đúng thực tiễn và ảnh hưởng tiêu cực đến sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định.

Thứ tư, các tác động bên ngoài ảnh hưởng đến khả năng tiếp nhận thông tin, dự báo và thích ứng trong hoạt động ra quyết định.

Trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh chịu ảnh hưởng từ biến động của thị trường quốc tế, quan hệ kinh tế đối ngoại, tình hình khu vực và thế giới, sự phát triển của khoa học - công nghệ và những thay đổi trong các chuỗi cung ứng, dòng vốn, thị trường và phương thức quản trị. Những tác động này có thể làm thay đổi cơ hội phát triển, gia tăng rủi ro hoặc đặt ra những yêu cầu mới đối với quá trình triển khai các quyết định của địa phương. Vì vậy, cán bộ chủ chốt cấp tỉnh cần chủ động tiếp nhận, kiểm chứng và phân tích thông tin, nâng cao năng lực dự báo, đánh giá tác động và lựa chọn phương án thích ứng phù hợp. Việc tiếp thu kinh nghiệm và tri thức từ bên ngoài phải gắn với điều kiện cụ thể của địa phương, tránh sao chép máy móc những mô hình hoặc giải pháp không phù hợp.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, những tác động từ thị trường, đầu tư, hội nhập quốc tế và tiến bộ khoa học - công nghệ có thể tạo thêm cơ hội phát triển kinh tế biển, du lịch, năng lượng và kết nối liên vùng; đồng thời đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh, quản trị rủi ro và thích ứng với những biến động bên ngoài. Các tác động này ảnh hưởng đến chất lượng thông tin, khả

năng dự báo và việc lựa chọn phương án của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh. Do đó, việc đánh giá đầy đủ cả cơ hội và rủi ro từ bên ngoài, kết hợp với phân tích điều kiện và nguồn lực trong nước, địa phương, là cơ sở quan trọng để vận dụng lý luận phù hợp và nâng cao hiệu quả quyết định.

Như vậy, môi trường chính trị, kinh tế, xã hội và các tác động bên ngoài ảnh hưởng đến sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định thông qua các cơ chế vận hành, quan hệ phối hợp, nguồn lực, lợi ích, mức độ đồng thuận và những tác động phát sinh từ môi trường trong nước, quốc tế. Việc nhận diện đúng các yếu tố này giúp cán bộ chủ chốt cấp tỉnh nâng cao chất lượng thông tin, phát huy dân chủ và trách nhiệm trong quá trình ra quyết định, chủ động xử lý những tác động bất lợi, đồng thời tận dụng các điều kiện thuận lợi để bảo đảm quyết định phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi và hiệu quả.

2.4.4. Năng lực, phẩm chất, bản lĩnh chính trị và kinh nghiệm thực tiễn của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh

Trong hệ thống các nhân tố ảnh hưởng đến sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay, năng lực, phẩm chất, bản lĩnh chính trị và kinh nghiệm thực tiễn của đội ngũ này là nhân tố thuộc về chủ thể, giữ vai trò trực tiếp và có ý nghĩa quyết định. Nếu các nhân tố khách quan tạo nên tiền đề, điều kiện và môi trường cho hoạt động ra quyết định thì các yếu tố thuộc về chủ thể quyết định khả năng nhận thức, vận dụng lý luận, tổng kết thực tiễn và chuyển hóa các yêu cầu khách quan thành các quyết định lãnh đạo, quản lý phù hợp. Vì vậy, chất lượng của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định.

Về bản chất, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định không hình thành một cách tự phát mà được thực hiện thông qua hoạt động có ý thức của chủ thể lãnh đạo, quản lý. Cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vừa là chủ thể nhận thức, vừa là chủ thể tổ chức thực tiễn; đồng thời là cầu nối giữa

chủ trương, đường lối của Đảng với điều kiện thực tiễn của địa phương. Do đó, năng lực nhận thức lý luận, tư duy biện chứng, phẩm chất chính trị, đạo đức công vụ, bản lĩnh chính trị và kinh nghiệm thực tiễn của đội ngũ này có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng các quyết định lãnh đạo, quản lý.

Sự tác động của nhân tố này đến sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định được thể hiện trên một số phương diện cơ bản sau:

Thứ nhất, năng lực nhận thức lý luận, tư duy biện chứng và năng lực dự báo ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn trong việc ra quyết định.

Năng lực nhận thức lý luận thể hiện ở khả năng nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và phương pháp luận khoa học để phân tích, đánh giá và giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra. Tuy nhiên, năng lực này không chỉ thể hiện ở việc tiếp thu tri thức lý luận mà còn ở khả năng vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương.

Tư duy biện chứng giúp chủ thể nhận thức đúng bản chất, mối liên hệ và xu hướng vận động của các quá trình kinh tế - xã hội; còn năng lực dự báo giúp nhận diện xu hướng phát triển, đánh giá các khả năng có thể xảy ra để lựa chọn phương án tối ưu. Trong điều kiện hiện nay, khi thực tiễn phát triển nhanh và phức tạp, năng lực tư duy lý luận và dự báo có ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, hạn chế khuynh hướng giáo điều, kinh nghiệm chủ nghĩa hoặc duy ý chí trong hoạt động ra quyết định.

Thứ hai, phẩm chất chính trị, đạo đức công vụ và ý thức trách nhiệm ảnh hưởng đến tính đúng đắn và khách quan của hoạt động ra quyết định.

Hoạt động ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh không chỉ là hoạt động quản lý mà còn là hoạt động chính trị gắn với lợi ích của Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Vì vậy, phẩm chất chính trị, đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ Nhân dân có ảnh hưởng trực tiếp đến việc vận dụng đúng đắn lý luận và phản ánh khách quan yêu cầu của thực tiễn.

Đồng thời, việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích xã hội trên cơ sở pháp luật, đạo đức và văn hóa công vụ là điều kiện quan trọng bảo đảm tính khách quan của các quyết định lãnh đạo, quản lý. Ngược lại, nếu thiếu bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ hoặc bị chi phối bởi chủ nghĩa cá nhân, lợi ích cục bộ thì quá trình nhận thức và vận dụng lý luận sẽ bị lệch lạc, làm giảm mức độ thống nhất giữa lý luận và thực tiễn.

Thứ ba, bản lĩnh chính trị ảnh hưởng đến khả năng xử lý những vấn đề mới và thích ứng với sự biến đổi của thực tiễn.

Trong quá trình lãnh đạo, quản lý, cán bộ chủ chốt cấp tỉnh thường xuyên phải giải quyết những vấn đề mới, phức tạp và chưa có tiền lệ. Bản lĩnh chính trị thể hiện ở khả năng giữ vững mục tiêu, nguyên tắc, độc lập trong tư duy, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Bản lĩnh chính trị không đồng nghĩa với sự cứng nhắc mà thể hiện ở khả năng kết hợp giữa kiên định về nguyên tắc với linh hoạt trong phương pháp giải quyết vấn đề. Đây là nhân tố quan trọng giúp chủ thể vừa giữ vững định hướng lý luận vừa thích ứng với sự vận động của thực tiễn, qua đó nâng cao mức độ thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định.

Thứ tư, kinh nghiệm thực tiễn và năng lực tổng kết thực tiễn ảnh hưởng đến quá trình bổ sung, phát triển nhận thức và hoàn thiện hoạt động ra quyết định.

Kinh nghiệm thực tiễn là kết quả tích lũy tri thức, kỹ năng và bài học được hình thành trong quá trình lãnh đạo, quản lý. Đây là cơ sở quan trọng giúp cán bộ chủ chốt cấp tỉnh nhận diện đúng vấn đề, dự báo tình huống và lựa chọn phương án phù hợp. Tuy nhiên, kinh nghiệm thực tiễn chỉ thực sự phát huy giá trị khi được soi sáng bởi lý luận khoa học. Ngược lại, lý luận cũng chỉ được kiểm nghiệm, bổ sung và phát triển thông qua tổng kết thực tiễn. Vì vậy, năng lực tổng kết thực tiễn không chỉ góp phần nâng cao chất lượng các quyết định cụ thể mà còn tạo điều kiện bổ sung, phát triển nhận thức lý luận và nâng cao năng lực ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Cơ chế phản hồi, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực tiễn cũng có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao năng lực ra quyết định của cán bộ chủ

chốt cấp tỉnh. Thông qua quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện quyết định, chủ thể có điều kiện phát hiện những hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn để điều chỉnh quyết định, đồng thời bổ sung, phát triển nhận thức lý luận. Đây chính là quá trình khép kín giữa nhận thức - hành động - kiểm nghiệm - tổng kết thực tiễn, bảo đảm sự thống nhất ngày càng chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn.

Đối với vùng Nam Trung Bộ hiện nay, trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế biển, tăng cường liên kết vùng, thích ứng với biến đổi khí hậu và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh không chỉ cần có trình độ lý luận, chuyên môn và năng lực quản lý mà còn phải có tư duy đổi mới, năng lực dự báo, khả năng tổng kết thực tiễn, bản lĩnh chính trị và ý thức tự học tập, tự rèn luyện để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động lãnh đạo, quản lý.

Như vậy, năng lực, phẩm chất, bản lĩnh chính trị và kinh nghiệm thực tiễn của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh là nhân tố chủ quan giữ vai trò quyết định đối với sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định. Việc không ngừng nâng cao trình độ lý luận, năng lực tư duy biện chứng, phẩm chất chính trị, đạo đức công vụ, bản lĩnh chính trị, năng lực tổng kết thực tiễn và ý thức tự học tập, tự rèn luyện của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh sẽ góp phần nâng cao chất lượng hoạt động ra quyết định, đáp ứng yêu cầu phát triển của vùng Nam Trung Bộ trong giai đoạn hiện nay.

Ngoài các nhân tố nêu trên, chất lượng hệ thống thông tin, dữ liệu và công tác tham mưu; cơ chế phản hồi, kiểm tra, giám sát và tổng kết thực tiễn; văn hóa tổ chức, mức độ phát huy dân chủ trong quá trình ra quyết định; điều kiện nguồn lực và mức độ ứng dụng công nghệ trong quản trị là những yếu tố có vai trò trung gian, tạo cầu nối giữa lý luận và thực tiễn. Các yếu tố này tác động trực tiếp đến chất lượng nhận thức, khả năng hiện thực hóa quyết định và hiệu quả kiểm nghiệm quyết định trong thực tiễn, qua đó góp phần bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Tiểu kết

Chương 2 của luận án đã tập trung luận giải và làm rõ những vấn đề lý luận về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay trên cơ sở phương pháp luận của triết học Mác - Lênin về nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Chương đã phân tích, làm rõ các khái niệm cơ bản như lý luận, thực tiễn, quyết định, ra quyết định lãnh đạo, quản lý, ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh; đồng thời xây dựng và luận giải khái niệm trung tâm "thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh", làm rõ nội hàm của khái niệm trên các phương diện chủ thể, cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn, phương thức thực hiện, mục tiêu và tính biện chứng giữa lý luận với thực tiễn. Bên cạnh đó, chương cũng khái quát những đặc điểm cơ bản của vùng Nam Trung Bộ và đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh với tư cách là chủ thể trực tiếp của hoạt động ra quyết định.

Trên cơ sở đó, chương đã xác định và phân tích các biểu hiện cơ bản của sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thể hiện ở việc quán triệt và vận dụng đúng đắn chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương; phản ánh đúng yêu cầu khách quan của thực tiễn; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của quyết định; đồng thời thông qua tổng kết thực tiễn góp phần bổ sung, phát triển nhận thức lý luận và nâng cao năng lực ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh. Chương cũng đã phân tích các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định, bao gồm cả các nhân tố khách quan và chủ quan tác động đến quá trình nhận thức, vận dụng lý luận, tổng kết thực tiễn và tổ chức thực hiện quyết định của chủ thể lãnh đạo, quản lý.

Những kết quả nghiên cứu của Chương 2 đã xây dựng cơ sở lý luận và phương pháp luận trực tiếp cho việc đánh giá thực trạng sự thống nhất giữa lý

luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ ở Chương 3; đồng thời là căn cứ khoa học để xác định những vấn đề đặt ra và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ ở Chương 4.

Chương 3
THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH VÙNG NAM TRUNG BỘ HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. THỰC TRẠNG THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH VÙNG NAM TRUNG BỘ HIỆN NAY

3.1.1. Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ - thành tựu và nguyên nhân

3.1.1.1. Thành tựu chủ yếu

Một là, các quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ đã cụ thể hóa được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn địa phương

Một trong những biểu hiện và kết quả nổi bật của việc bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay là đã cơ bản cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành các quyết định lãnh đạo, quản lý phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Kết quả này góp phần đưa các định hướng chiến lược của Trung ương vào thực tiễn phát triển của từng địa phương, đồng thời phản ánh quá trình hiện thực hóa lý luận trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Tuy nhiên, mức độ cụ thể hóa giữa các địa phương và trên từng lĩnh vực vẫn có sự khác biệt, tạo tiền đề cho việc tiếp tục hoàn thiện chất lượng ra quyết định trong giai đoạn mới.

Nếu ở tầm vĩ mô, chủ trương, đường lối của Đảng giữ vai trò xác định mục tiêu chiến lược, định hướng phát triển và những nguyên tắc chung của quá trình phát triển đất nước, thì ở cấp tỉnh, đội ngũ cán bộ chủ chốt giữ vai trò là chủ thể trực tiếp chuyển hóa các định hướng đó thành nghị quyết, chương trình hành động, quy hoạch, kế hoạch phát triển và các quyết định

lãnh đạo, quản lý phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Trong quá trình này, quyết định lãnh đạo, quản lý trở thành cầu nối giữa lý luận với thực tiễn, giữa mục tiêu chiến lược chung với yêu cầu phát triển của địa phương. Nhìn chung, quá trình cụ thể hóa đã góp phần phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương trong tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuy nhiên, hiệu quả cụ thể hóa còn phụ thuộc vào điều kiện phát triển và năng lực tổ chức thực hiện của từng địa phương.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, lý luận chỉ phát huy giá trị khi phản ánh đúng hiện thực khách quan và được kiểm nghiệm thông qua thực tiễn; thực tiễn đồng thời là cơ sở, động lực, mục đích và tiêu chuẩn của chân lý [83, tr.124-128]. Từ phương diện đó, giá trị của các quyết định lãnh đạo không chỉ được thể hiện ở sự phù hợp về mặt hình thức với chủ trương chung, mà còn ở khả năng chuyển hóa các định hướng lý luận thành những giải pháp cụ thể có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn phát triển của địa phương.

Thực tiễn vùng Nam Trung Bộ trong thời gian qua cho thấy nhiều địa phương đã từng bước khắc phục tình trạng vận dụng máy móc, rập khuôn các chủ trương chung; thay vào đó là xu hướng chủ động xác định các khâu đột phá, lựa chọn mô hình phát triển phù hợp với điều kiện thực tiễn cụ thể và phát huy hiệu quả các lợi thế so sánh của địa phương.

Thành phố Đà Nẵng là trường hợp tiêu biểu cho quá trình vận dụng định hướng chiến lược của Trung ương thành các quyết định phát triển cụ thể. Trên cơ sở Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, thành phố đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch và cơ chế triển khai đồng bộ nhằm cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược vào thực tiễn quản lý và phát triển địa phương [153]; [191]. Nội dung cụ thể hóa tập trung vào việc xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm kinh tế - xã hội lớn của khu vực miền

Trung và cả nước; phát triển đô thị sinh thái, thông minh và hiện đại; thúc đẩy mô hình tăng trưởng dựa trên đổi mới sáng tạo, kinh tế số, dịch vụ chất lượng cao và quản trị đô thị hiện đại.

Thực tiễn triển khai cho thấy hiệu quả rõ nét của quá trình này. Giai đoạn 2021 - 2023, Đà Nẵng liên tục xếp thứ nhất toàn quốc về Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) [42]. Đồng thời, Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của thành phố luôn duy trì ở mức cao: giai đoạn 2017-2020 dao động từ khoảng 82% - 86%; giai đoạn 2021 - 2024 cơ bản duy trì trên 79% và tăng trở lại trên 83% trong các 2023 - 2024 [35]. Những kết quả đó phản ánh sự chuyển biến trong tư duy lãnh đạo và phương thức quản trị của địa phương. Điều đó cho thấy chủ thể lãnh đạo không chỉ tiếp nhận các định hướng từ Trung ương theo hướng chấp hành đơn thuần mà đã chủ động lựa chọn phương thức vận dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, qua đó tạo ra những chuyển biến rõ nét về hiệu quả lãnh đạo, quản lý và chất lượng phục vụ người dân.

Tại tỉnh Quảng Ngãi, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn được thể hiện khá rõ trong lĩnh vực phát triển kinh tế biển gắn với phát triển công nghiệp. Trên cơ sở Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ban hành Kế hoạch số 187-KH/TU ngày 24/4/2019 nhằm cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế biển phù hợp với điều kiện của địa phương [17]; [176]. Tiếp đó, Tỉnh ủy Quảng Ngãi ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 20/5/2022 về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025, tạo cơ sở định hướng cho việc phát huy lợi thế biển và khai thác hiệu quả các nguồn lực phát triển [179]. Những quyết định này cho thấy định hướng chiến lược của Trung ương đã được vận dụng linh hoạt vào điều kiện thực tiễn của tỉnh thông qua việc lựa chọn các khâu đột phá phù hợp như phát triển Khu kinh tế Dung

Quất, công nghiệp lọc hóa dầu, công nghiệp nặng, dịch vụ logistics và hệ thống hạ tầng ven biển. Qua đó, lý luận không chỉ dừng lại ở vai trò định hướng mà từng bước được chuyển hóa thành các chương trình phát triển cụ thể, gắn với lợi thế và yêu cầu thực tiễn phát triển của địa phương.

Kết quả thực tiễn phản ánh tính đúng đắn của quá trình vận dụng đó. Năm 2025, GRDP của tỉnh tăng 10,02%, thuộc nhóm sáu địa phương có tốc độ tăng trưởng cao nhất cả nước; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 14,85%, đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng chung chung [54]. Quy mô nền kinh tế đạt khoảng 191.612 tỷ đồng; thu ngân sách nhà nước năm 2025 đạt 35.370 tỷ đồng [230].

Tại tỉnh Khánh Hòa, việc cụ thể hóa chủ trương của Đảng được thể hiện nổi bật trong phát triển kinh tế biển và du lịch chất lượng cao. Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Tỉnh ủy Khánh Hòa đã ban hành Chương trình hành động số 30-CTr/TU năm 2022 và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhiều kế hoạch triển khai nhằm phát triển Khánh Hòa trở thành trung tâm kinh tế biển lớn của cả nước, cực tăng trưởng của khu vực Nam Trung Bộ và trung tâm dịch vụ - du lịch quốc tế [29]; [170]. Các quyết định phục hồi du lịch sau đại dịch Covid-19, phát triển Khu kinh tế Vân Phong, mở rộng không gian đô thị Nha Trang - Cam Ranh cho thấy khả năng vận dụng chủ trương chung vào thực tiễn địa phương một cách chủ động và linh hoạt [206]. Đây là minh chứng cho vai trò năng động, sáng tạo của chủ thể trong quá trình hiện thực hóa đường lối của Đảng. Đó cũng là biểu hiện của sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh Khánh Hòa.

Tại tỉnh Đắk Lắk, việc bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong ra quyết định được thể hiện rõ trong quá trình triển khai chuyển đổi số và xây dựng chính quyền số. Thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số

quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các kế hoạch triển khai nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số và nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước [157; 164].

Các quyết định này cho thấy chủ trương của Trung ương đã được cụ thể hóa tương đối kịp thời thành các chương trình hành động phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, góp phần từng bước chuyển từ mô hình quản lý hành chính truyền thống sang mô hình quản trị số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đây là biểu hiện của quá trình chuyển hóa các định hướng mang tính lý luận thành hoạt động thực tiễn trong các quyết định lãnh đạo, quản lý ở địa phương.

Tại tỉnh Lâm Đồng, việc cụ thể hóa chủ trương của Trung ương được thể hiện rõ trong phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với liên kết chuỗi giá trị. Trên cơ sở Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững và Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Nghị quyết số 104/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 về hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh [156]; [47]; [88]. Điều này cho thấy các định hướng phát triển của Trung ương đã được vận dụng phù hợp vào điều kiện thực tiễn địa phương thông qua các cơ chế thúc đẩy liên kết giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp, góp phần khẳng định vai trò tiên phong của Lâm Đồng trong phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

Tại tỉnh Gia Lai, việc cụ thể hóa chủ trương phát triển bền vững được thể hiện rõ trong quá trình tái cơ cấu nông nghiệp gắn với phát triển cây công nghiệp chủ lực và năng lượng tái tạo. Trên cơ sở Nghị quyết số 23-NQ/TW

ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai đã ban hành Chương trình hành động số 63-CTr/TU ngày 13/7/2023 và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 2373/KH-UBND ngày 05/9/2023 nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương [30]; [167]; [203]. Nội dung cụ thể hóa tập trung vào phát huy lợi thế về đất đai, phát triển năng lượng tái tạo, nâng cao giá trị các ngành hàng nông nghiệp chủ lực và tăng cường liên kết vùng. Điều này cho thấy các định hướng chiến lược của Trung ương đã được vận dụng tương đối linh hoạt vào điều kiện lịch sử - cụ thể của địa phương, góp phần khai thác hiệu quả tiềm năng phát triển trong bối cảnh kết cấu hạ tầng và chất lượng nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế.

Nếu Đà Nẵng lựa chọn phát triển đô thị thông minh và chuyển đổi số làm khâu đột phá thì Quảng Ngãi ưu tiên công nghiệp và kinh tế biển; Khánh Hòa tập trung vào kinh tế biển và du lịch chất lượng cao; Đắk Lắk thúc đẩy chuyển đổi số và chính quyền số; Lâm Đồng phát triển nông nghiệp công nghệ cao; Gia Lai định hướng phát triển kinh tế xanh và năng lượng tái tạo. Sự khác biệt này phản ánh tính linh hoạt trong quá trình vận dụng lý luận vào thực tiễn, đồng thời cho thấy sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn không phải là sự đồng nhất cơ học mà là sự vận dụng sáng tạo phù hợp với điều kiện lịch sử - cụ thể.

Nhìn tổng thể, các địa phương vùng Nam Trung Bộ thời gian qua đã từng bước chủ động vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện thực tiễn của địa phương, qua đó đạt được nhiều kết quả tích cực trong cụ thể hóa các định hướng phát triển thành các quyết định lãnh đạo, quản lý. Những kết quả này phản ánh sự chuyển biến trong năng lực lãnh đạo, quản lý và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh. Tuy nhiên, mức độ cụ thể

hóa và hiệu quả tổ chức thực hiện giữa các địa phương, lĩnh vực vẫn còn có sự khác biệt. Giá trị của quyết định lãnh đạo không chỉ thể hiện ở sự phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước mà còn ở khả năng chuyển hóa nhận thức lý luận thành các hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Chính trong quá trình đó, lý luận tiếp tục được thực tiễn kiểm nghiệm, bổ sung và phát triển; đồng thời, thực tiễn được định hướng, soi sáng bởi lý luận, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Hai là, các quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ đáp ứng nhu cầu thực tiễn của địa phương

Một trong những biểu hiện quan trọng của việc bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay là phần lớn các quyết định được ban hành đã cơ bản xuất phát từ nhu cầu thực tiễn khách quan, những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn và yêu cầu phát triển của từng địa phương. Giá trị của quyết định lãnh đạo không chỉ thể hiện ở sự phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước mà còn ở khả năng phản ánh tương đối sát thực tiễn, tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm của địa phương và góp phần tạo ra những chuyển biến tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, thực tiễn là cơ sở, động lực, mục đích và tiêu chuẩn của nhận thức; mọi hoạt động nhận thức và cải tạo hiện thực đều phải xuất phát từ thực tiễn khách quan [83, tr.124-128]. Từ góc độ đó, việc ra quyết định trong hoạt động lãnh đạo, quản lý không phải là quá trình áp đặt chủ quan của chủ thể mà là quá trình nhận thức, lựa chọn và tác động vào thực tiễn trên cơ sở phản ánh đúng các yêu cầu khách quan đang vận động trong thực tiễn. Một quyết định chỉ thực sự có giá trị khi nó được hình thành trên cơ sở nhận diện đúng những mâu thuẫn, yêu cầu và xu hướng phát triển thực tiễn của địa phương trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Điều

đó đòi hỏi cán bộ chủ chốt cấp tỉnh phải có năng lực phân tích, dự báo, nhận diện đúng những vấn đề cốt lõi của thực tiễn và vận dụng sáng tạo lý luận trong lựa chọn phương án ra quyết định phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

Trong thời gian qua, vùng Nam Trung Bộ có sự khác biệt tương đối rõ về điều kiện tự nhiên, cơ cấu kinh tế, trình độ phát triển, lợi thế cạnh tranh và yêu cầu phát triển giữa các địa phương. Sự đa dạng đó đặt ra yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt không thể vận dụng máy móc các chủ trương chung mà phải xuất phát từ điều kiện thực tiễn cụ thể của từng địa phương, nhận diện đúng các vấn đề trọng tâm và lựa chọn phù hợp các khâu đột phá phát triển. Thực tiễn cho thấy nhiều địa phương trong vùng đã từng bước xử lý tương đối hiệu quả mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững, giữa yêu cầu trước mắt với mục tiêu chiến lược lâu dài. Tuy nhiên, mức độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hiệu quả giải quyết các vấn đề phát sinh còn có sự khác biệt giữa các địa phương và từng lĩnh vực, phản ánh những điều kiện phát triển và năng lực tổ chức thực hiện không hoàn toàn giống nhau.

Tại thành phố Đà Nẵng, trong bối cảnh dư địa phát triển công nghiệp truyền thống ngày càng thu hẹp, cạnh tranh thu hút đầu tư ngày càng gay gắt và tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực tiễn đặt ra yêu cầu phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tìm kiếm động lực phát triển mới dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và kinh tế số. Xuất phát từ yêu cầu đó, thành phố đã ban hành nhiều chủ trương, chương trình và quyết định nhằm phát triển Khu Công nghệ cao Đà Nẵng và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, từng bước xây dựng mô hình phát triển dựa trên tri thức, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao [153]; [192]. Thực tiễn triển khai cho thấy khu vực công nghệ thông tin, dịch vụ số và khởi nghiệp sáng tạo ngày càng trở thành động lực tăng trưởng quan trọng của thành phố. Năm 2024, doanh thu ngành thông tin và truyền thông đạt 39.888 tỷ đồng, tăng khoảng 9% so với năm trước; giá trị tăng thêm tương đương 6,8% GRDP của thành phố; tỷ trọng kinh tế số trong GRDP tăng từ 17% năm

2022 lên khoảng 22% năm 2024 [141]. Những kết quả này cho thấy các quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt thành phố không chỉ xuất phát từ định hướng chiến lược chung mà còn phản ánh tương đối sát yêu cầu thực tiễn phát triển của địa phương trong điều kiện mới.

Tại tỉnh Quảng Ngãi, yêu cầu thực tiễn đặt ra là khai thác hiệu quả lợi thế cảng biển nước sâu, mở rộng không gian phát triển ven biển và hình thành động lực tăng trưởng mới gắn với quá trình công nghiệp hóa. Trên cơ sở đó, tỉnh đã tập trung phát triển Khu kinh tế Dung Quất theo hướng trung tâm công nghiệp và dịch vụ biển với các lĩnh vực trọng điểm như lọc - hóa dầu, luyện kim, cơ khí, năng lượng và logistics, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ban hành Kế hoạch số 187-KH/TU ngày 24/4/2019 thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đồng thời ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 20/5/2022 về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025 [16]; [20]; [21]. Những quyết định này cho thấy việc ra quyết định đã xuất phát tương đối sát từ yêu cầu khách quan của thực tiễn địa phương, đồng thời lựa chọn đúng các lĩnh vực có khả năng tạo sức lan tỏa, góp phần phát huy lợi thế địa kinh tế và thúc đẩy tăng trưởng của tỉnh.

Thực tiễn triển khai cho thấy các quyết định này đã góp phần tạo ra những chuyển biến rõ nét trong cơ cấu kinh tế của địa phương. Giai đoạn 2021 - 2025, GRDP của tỉnh duy trì mức tăng trưởng khá (bình quân ước đạt khoảng 7,3%/năm); quy mô nền kinh tế tiếp tục mở rộng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Khu kinh tế Dung Quất tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng của tỉnh [63]. Điều đó cho thấy các quyết định phát triển công nghiệp ven biển không phải là sự lựa chọn mang tính chủ quan mà được hình thành trên cơ sở nhận thức đúng nhu cầu khách quan của thực tiễn địa phương. Việc xác định Khu kinh tế Dung Quất là khâu đột phá đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo động lực tăng trưởng mới và nâng cao vị thế của Quảng Ngãi trong vùng Nam Trung Bộ.

Tại tỉnh Khánh Hòa, trước yêu cầu nâng cao chất lượng tăng trưởng ngành du lịch và chuyển đổi mô hình phát triển từ chiều rộng sang chiều sâu, đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh đã ban hành nhiều quyết định theo hướng phát triển du lịch xanh, hiện đại và bền vững [207]; [211]. Những quyết định này không chỉ phản ánh xu thế phát triển mới của ngành du lịch mà còn xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của địa phương trong điều kiện cạnh tranh ngày càng lớn giữa các trung tâm du lịch trong nước và quốc tế.

Thực tiễn cho thấy các quyết định trên bước đầu mang lại hiệu quả tích cực. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2020 - 2025 của Khánh Hòa ước đạt khoảng 8,2%/năm; GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt khoảng 114,2 triệu đồng [10, tr.2-3]. Những kết quả đó cho thấy các quyết định phát triển của địa phương đã phản ánh tương đối đúng yêu cầu khách quan của thực tiễn. Qua đó, Khánh Hòa là minh chứng cho thấy chất lượng quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh được thể hiện ở khả năng xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng quy luật khách quan và chuyển hóa lợi thế tiềm năng thành động lực phát triển thực tế.

Bên cạnh đó, trên địa bàn Ninh Thuận trước đây (nay thuộc tỉnh Khánh Hòa), việc ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TU [13] về phát triển năng lượng tái tạo cũng là minh chứng tiêu biểu cho tư duy ra quyết định xuất phát từ thực tiễn địa phương. Quyết định này được xây dựng trên cơ sở nhận diện đúng lợi thế nổi trội của khu vực như cường độ bức xạ mặt trời cao, số giờ nắng lớn, tốc độ gió ổn định và quỹ đất phù hợp để phát triển các dự án năng lượng quy mô lớn. Đây là cách tiếp cận thể hiện sự tôn trọng thực tiễn khách quan, biết xuất phát từ điều kiện thực tiễn sẵn có của địa phương để lựa chọn hướng đi phù hợp, thay vì phát triển dàn trải hoặc sao chép mô hình từ nơi khác. Thực tiễn phát triển cho thấy hướng đi đó là đúng đắn. Tính đến năm 2024, tổng công suất các nguồn điện đã đưa vào vận hành tại khu vực Ninh Thuận cũ đạt trên 3.700 MW, trong đó điện mặt trời khoảng trên 2.500 MW, điện gió khoảng 900 MW, còn lại là các nguồn năng lượng khác [145]. Năng lượng tái tạo đã trở thành ngành trụ cột trong cơ cấu kinh tế địa phương, đồng

thời góp phần quan trọng vào bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh. Trường hợp Ninh Thuận cho thấy chất lượng quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh được thể hiện ở khả năng phát hiện đúng thực tiễn lợi thế so sánh, lựa chọn đúng lĩnh vực đột phá và chuyển hóa tiềm năng tự nhiên thành nguồn lực phát triển hiện thực.

Tại tỉnh Đắk Lắk, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, yêu cầu cải cách hành chính, hiện đại hóa nền công vụ và nâng cao chất lượng phục vụ người dân ngày càng trở nên cấp thiết. Xuất phát từ yêu cầu đó, tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 10717/KH-UBND ngày 30/11/2020 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng; đồng thời Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 [201]; [164]. Thực tiễn triển khai cho thấy công tác chuyển đổi số của tỉnh từng bước đạt được những kết quả tích cực; chỉ số chuyển đổi số tiếp tục được cải thiện, nhiều dịch vụ công trực tuyến, nền tảng dữ liệu và ứng dụng số trong quản trị nhà nước được mở rộng và đưa vào vận hành [40]. Những kết quả này cho thấy các quyết định của tỉnh được hình thành từ yêu cầu khách quan của thực tiễn, qua đó từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức quản trị địa phương trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Tại tỉnh Lâm Đồng, thực tiễn phát triển đặt ra mâu thuẫn giữa lợi thế nổi trội về nông nghiệp công nghệ cao với tình trạng sản xuất còn phân tán, quy mô hộ sản xuất nhỏ và liên kết chuỗi giá trị chưa thật sự bền vững. Trên cơ sở nhận diện những vấn đề đó, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 104/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh [88]. Thực tiễn triển khai cho thấy quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp tiếp tục đạt được những kết quả tích cực; diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng tăng lên, tỷ lệ ứng dụng công nghệ cao được mở rộng và giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích canh tác duy trì ở

mức cao. Đồng thời, các mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ hiện đại và liên kết chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ từng bước được nhân rộng [217]. Những kết quả đó cho thấy các quyết định của tỉnh được hình thành từ yêu cầu thực tiễn của địa phương, góp phần thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Thực tế cho thấy, mỗi địa phương trong vùng Nam Trung Bộ có điều kiện phát triển, lợi thế và những mâu thuẫn cần giải quyết khác nhau; vì vậy, nhiều quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh không dừng lại ở việc vận dụng các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước theo cách máy móc mà đã từng bước xuất phát từ thực tiễn địa phương, nhận diện các vấn đề trọng tâm và lựa chọn những khâu đột phá phù hợp với điều kiện phát triển của từng địa phương. Điều đó phản ánh sự chuyển biến trong năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh. Tuy nhiên, mức độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hiệu quả giải quyết các vấn đề phát sinh giữa các địa phương vẫn còn có sự khác biệt, đòi hỏi tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động ra quyết định.

Đồng thời, thực tiễn luôn vận động và biến đổi, kéo theo sự thay đổi của các yêu cầu và nhiệm vụ đối với hoạt động lãnh đạo, quản lý. Vì vậy, việc bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định không phải là trạng thái tĩnh mà là quá trình thường xuyên theo dõi, tổng kết thực tiễn, bổ sung nhận thức và điều chỉnh quyết định phù hợp với những điều kiện mới. Đây vừa là kết quả bước đầu đã đạt được, vừa là yêu cầu khách quan đặt ra đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ trong bối cảnh phát triển hiện nay.

Ba là, đa số các quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ được thực tiễn địa phương kiểm nghiệm là đúng đắn

Trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, giá trị và hiệu lực của một quyết định không chỉ được thể hiện ở tính hợp lý về mặt nhận thức hay sự phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, mà còn

phải được khẳng định thông qua kết quả thực tiễn của quá trình tổ chức thực hiện. Một quyết định dù được xây dựng trên cơ sở nhận thức khoa học, có căn cứ lý luận và định hướng phát triển đúng đắn cũng chưa thể khẳng định giá trị thực sự của nó nếu chưa được hiện thực hóa trong đời sống xã hội. Chỉ khi được triển khai trong thực tiễn và tạo ra những chuyển biến tích cực đối với đời sống kinh tế - xã hội của địa phương, quyết định mới từng bước được kiểm nghiệm và khẳng định về tính đúng đắn, tính phù hợp và hiệu quả.

Trong quá trình lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh, việc ra quyết định là khâu trung tâm kết nối giữa nhận thức của chủ thể lãnh đạo với thực tiễn của địa phương. Một quyết định chỉ có thể phát huy giá trị khi những mục tiêu, giải pháp và định hướng được lựa chọn phù hợp với điều kiện thực tiễn khách quan, đồng thời được hiện thực hóa bằng những kết quả cụ thể trong đời sống kinh tế - xã hội. Vì vậy, những chuyển biến đạt được sau khi quyết định được triển khai không chỉ phản ánh hiệu quả của hoạt động lãnh đạo, quản lý mà còn là cơ sở quan trọng để đánh giá mức độ thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Thực tiễn phát triển của các tỉnh vùng Nam Trung Bộ trong thời gian qua cho thấy nhiều quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh đã cơ bản bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời từng bước được thực tiễn địa phương kiểm nghiệm về tính phù hợp và hiệu quả. Những chuyển biến tích cực trong tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, khai thác các tiềm năng, lợi thế của địa phương và mở rộng không gian phát triển là những minh chứng quan trọng cho kết quả đó. Tuy nhiên, mức độ phát huy hiệu quả của các quyết định giữa các địa phương và trên từng lĩnh vực vẫn còn có sự khác biệt, phản ánh sự khác nhau về điều kiện phát triển, nguồn lực và năng lực tổ chức thực hiện. Điều đó cho thấy nhiều quyết định không chỉ xuất phát từ yêu cầu khách quan của thực tiễn mà còn được thực tiễn tiếp tục kiểm nghiệm, điều chỉnh và hoàn thiện trong quá trình triển khai thực hiện.

Tỉnh Quảng Ngãi là một trường hợp tiêu biểu cho việc thực tiễn địa phương kiểm nghiệm tính đúng đắn của các quyết định lãnh đạo, quản lý trong phát triển công nghiệp trọng điểm. Trên cơ sở nhận thức vai trò chiến lược của Khu kinh tế Dung Quất đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh, đội ngũ cán bộ chủ chốt tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành nhiều quyết định liên quan đến quy hoạch không gian phát triển, mở rộng quỹ đất công nghiệp, đầu tư kết cấu hạ tầng và hoàn thiện cơ chế quản lý khu kinh tế nhằm tạo nền tảng cho thu hút đầu tư và phát triển công nghiệp quy mô lớn [220]; [221]; [226]. Những quyết định này phản ánh quá trình nhận thức và lựa chọn phương hướng phát triển dựa trên điều kiện thực tiễn của địa phương, đồng thời thể hiện sự vận dụng các định hướng phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào thực tiễn cụ thể của tỉnh.

Việc xác định Khu kinh tế Dung Quất là động lực tăng trưởng chủ yếu của địa phương không đơn thuần là một lựa chọn mang tính chủ quan mà là kết quả của quá trình nhận thức các điều kiện khách quan, các lợi thế địa kinh tế, vị trí địa lý và khả năng phát triển công nghiệp của tỉnh. Quá trình đó thể hiện sự thống nhất giữa yêu cầu của thực tiễn địa phương với định hướng phát triển chung của đất nước. Tuy nhiên, giá trị của những quyết định này không chỉ được đánh giá ở thời điểm ban hành mà còn phải được kiểm nghiệm bằng những kết quả thực tiễn đạt được trong quá trình triển khai.

Thực tiễn phát triển của tỉnh Quảng Ngãi cho thấy các quyết định liên quan đến phát triển Khu kinh tế Dung Quất từng bước được kiểm nghiệm và khẳng định tính đúng đắn. So với giai đoạn 2015 - 2020, giai đoạn 2021 - 2025 ghi nhận sự cải thiện rõ rệt về tốc độ tăng trưởng kinh tế, quy mô nền kinh tế và năng lực thu ngân sách của địa phương. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân tăng từ khoảng 4,83% lên khoảng 7,3%/năm; quy mô nền kinh tế tiếp tục được mở rộng; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng gần gấp hai lần so với giai đoạn trước. Riêng năm 2025, tốc độ tăng trưởng GRDP đạt khoảng 10,02%, thuộc nhóm địa phương có mức tăng trưởng cao trong cả

nước [14]; [15]. Những kết quả này cho thấy việc lựa chọn phát triển Khu kinh tế Dung Quất làm trung tâm tăng trưởng của tỉnh là phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, đồng thời phản ánh hiệu quả của quá trình vận dụng lý luận vào giải quyết những yêu cầu thực tiễn cụ thể của địa phương. Qua đó, thực tiễn đã góp phần khẳng định tính đúng đắn của những quyết định được hình thành trên cơ sở nhận thức đúng đắn các điều kiện khách quan và nhu cầu phát triển của tỉnh.

Trường hợp tỉnh Kon Tum (nay thuộc tỉnh Quảng Ngãi) cũng là một minh chứng tiêu biểu cho vai trò kiểm nghiệm của thực tiễn đối với các quyết định lãnh đạo, quản lý. Xuất phát từ việc nhận diện những lợi thế đặc thù về điều kiện tự nhiên, khí hậu, thổ nhưỡng, hệ sinh thái rừng và nguồn gen dược liệu quý hiếm, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 19/5/2022 về đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 [19]. Nghị quyết thể hiện sự lựa chọn hướng phát triển phù hợp với điều kiện lịch sử - cụ thể của địa phương, đồng thời phản ánh nhận thức về yêu cầu khai thác hiệu quả các tiềm năng bản địa gắn với xu hướng phát triển kinh tế xanh và phát triển bền vững.

Quá trình lựa chọn phát triển dược liệu là một biểu hiện của việc xuất phát từ thực tiễn khách quan để xác định mục tiêu và phương hướng phát triển. Chủ thể lãnh đạo không áp đặt ý chí chủ quan lên thực tiễn mà dựa trên việc nhận thức những điều kiện hiện có, những khả năng phát triển và những yêu cầu đặt ra từ thực tiễn địa phương để đưa ra quyết định phù hợp. Điều đó phản ánh yêu cầu cơ bản của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định lãnh đạo, quản lý.

Kết quả thực tiễn triển khai nghị quyết cho thấy định hướng phát triển dược liệu của tỉnh Kon Tum từng bước được kiểm nghiệm bằng những chuyển biến tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tỉnh đã hình thành vùng dược liệu trọng điểm có ý nghĩa quốc gia, đặc biệt đối với các loại dược liệu có giá trị kinh tế cao. Đến năm 2025, diện tích trồng dược

liệu tiếp tục được mở rộng, trong đó diện tích Sâm Ngọc Linh và các loại dược liệu chủ lực tăng lên đáng kể; nhiều chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt mục tiêu nghị quyết đề ra [181]. Đồng thời, phát triển dược liệu đã tạo thêm nguồn giá trị gia tăng cho nền kinh tế địa phương, mở rộng sinh kế cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi, đồng thời góp phần gắn phát triển kinh tế với quản lý, bảo vệ rừng và sử dụng bền vững tài nguyên [181].

Những kết quả đạt được cho thấy việc lựa chọn phát triển dược liệu không chỉ phù hợp với thực tiễn lợi thế so sánh của địa phương mà còn đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn mới. Thực tiễn đã chứng minh rằng khi các quyết định lãnh đạo được xây dựng trên cơ sở nhận thức đúng điều kiện khách quan, khai thác hợp lý tiềm năng địa phương và được tổ chức thực hiện hiệu quả thì có thể tạo ra những tác động tích cực đối với quá trình phát triển. Qua đó, tính đúng đắn của quyết định không còn dừng lại ở phương diện nhận thức hay định hướng mà được khẳng định bằng những kết quả cụ thể trong thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội.

Tại thành phố Đà Nẵng, vai trò kiểm nghiệm của thực tiễn đối với các quyết định lãnh đạo được thể hiện rõ trong bối cảnh ứng phó với đại dịch Covid-19 và phục hồi phát triển kinh tế - xã hội sau dịch. Trong điều kiện dịch bệnh diễn biến phức tạp, đội ngũ cán bộ chủ chốt thành phố đã ban hành nhiều quyết định liên quan đến bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ người dân gặp khó khăn, người lao động và các nhóm dễ bị tổn thương, đồng thời triển khai các giải pháp phòng, chống dịch phù hợp với diễn biến thực tiễn [193]; [195].

Các quyết định này phản ánh quá trình nhận thức và đánh giá đúng những yêu cầu cấp bách của thực tiễn, từ đó lựa chọn các giải pháp ưu tiên nhằm bảo đảm ổn định xã hội và giảm thiểu tác động tiêu cực của khủng hoảng. Điều quan trọng là hiệu quả của các quyết định không chỉ được thể hiện ở việc ban hành chính sách mà còn được phản ánh thông qua khả năng duy trì ổn định xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân và tạo nền tảng cho quá trình phục hồi sau đại dịch.

Trong giai đoạn phục hồi và phát triển, thành phố tiếp tục triển khai các định hướng phát triển dịch vụ - du lịch theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng không gian tiêu dùng và nâng cao giá trị gia tăng. Thực tiễn cho thấy những định hướng này đã phát huy hiệu quả tích cực. Năm 2023, thành phố đón khoảng 7,39 triệu lượt khách lưu trú, tăng gần gấp hai lần so với năm 2022; doanh thu lưu trú, ăn uống và lữ hành đạt khoảng 28 nghìn tỷ đồng [197]. Những kết quả đó phản ánh khả năng phục hồi nhanh của nền kinh tế địa phương, đồng thời cho thấy tính phù hợp của các quyết định được ban hành trong bối cảnh cụ thể của thành phố.

Quá trình vận động của đời sống kinh tế - xã hội tại Đà Nẵng đã trở thành môi trường khách quan kiểm nghiệm tính đúng đắn của các quyết định lãnh đạo, quản lý. Thực tiễn không chỉ là nơi hiện thực hóa các quyết định mà còn là căn cứ để đánh giá mức độ phù hợp của nhận thức và hiệu quả của hoạt động lãnh đạo, quản lý. Điều đó cho thấy một quyết định chỉ thực sự có giá trị khi được kiểm chứng bằng những kết quả thực tế và đáp ứng được các yêu cầu thực tiễn phát triển đặt ra từ đời sống xã hội.

Tại Khánh Hòa, Nghị quyết số 34-NQ/TU ngày 22/12/2023 của Tỉnh ủy về phát huy các giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 là một ví dụ thể hiện sự gắn kết giữa yêu cầu bảo tồn giá trị văn hóa với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện mới [9]. Nghị quyết xác định nhiệm vụ bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của địa phương gắn với xây dựng các sản phẩm du lịch mang bản sắc riêng, từng bước hình thành động lực phát triển du lịch bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch tỉnh [9].

Trước thời điểm nghị quyết được ban hành, ngành du lịch Khánh Hòa đã có sự phục hồi đáng kể sau đại dịch Covid-19, tạo cơ sở thực tiễn thuận lợi cho việc xây dựng định hướng phát triển mới. Năm 2023, địa phương đón hơn 7 triệu lượt khách du lịch, doanh thu du lịch đạt khoảng 28.000 tỷ đồng [53];

Trên cơ sở đó, tỉnh tiếp tục triển khai các chương trình bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, tăng cường khai thác giá trị văn hóa bản địa và phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với di sản, sinh thái và văn hóa địa phương [10, tr.5]. Những kết quả bước đầu cho thấy định hướng phát triển du lịch dựa trên nền tảng khai thác hợp lý các giá trị văn hóa truyền thống đã góp phần mở rộng không gian phát triển, đồng thời tạo sự gắn kết giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với yêu cầu giữ gìn bản sắc văn hóa của địa phương.

Trường hợp Khánh Hòa cho thấy quá trình chuyển hóa các nhận thức về giá trị văn hóa thành các chương trình hành động và kết quả thực tiễn cụ thể trong phát triển kinh tế - xã hội. Điều đó phản ánh vai trò của thực tiễn như một môi trường hiện thực hóa và kiểm nghiệm các quyết định lãnh đạo. Thực tiễn triển khai nghị quyết không chỉ cho phép đánh giá mức độ phù hợp của các chủ trương phát triển mà còn góp phần tiếp tục bổ sung cơ sở thực tiễn cho quá trình ra quyết định trong những giai đoạn tiếp theo.

Từ các trường hợp trên có thể thấy rằng, thực tiễn địa phương đóng vai trò là tiêu chuẩn khách quan để kiểm nghiệm tính phù hợp và hiệu quả của các quyết định lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ. Giá trị của một quyết định không chỉ được đánh giá trên cơ sở mục tiêu, định hướng hay ý chí của chủ thể ra quyết định mà còn phải được kiểm chứng thông qua kết quả tổ chức thực hiện trong thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội. Chính quá trình triển khai và kiểm nghiệm trong thực tiễn là căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Những kết quả đạt được ở Quảng Ngãi, Kon Tum, Đà Nẵng và Khánh Hòa cho thấy khi đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh xuất phát từ điều kiện thực tiễn cụ thể của địa phương, nhận diện đúng các tiềm năng, lợi thế và những vấn đề đặt ra, đồng thời vận dụng phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong quá trình ra quyết định thì nhiều quyết định đã góp phần tạo ra những chuyển biến tích cực trong phát triển

kinh tế - xã hội. Thông qua quá trình triển khai, thực tiễn từng bước kiểm nghiệm tính phù hợp và hiệu quả của các quyết định, đồng thời cung cấp cơ sở để tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện nhận thức và nâng cao chất lượng hoạt động ra quyết định.

Ý nghĩa phương pháp luận của vấn đề không chỉ dừng lại ở việc thực tiễn kiểm nghiệm tính đúng đắn của quyết định, mà còn thể hiện ở quá trình tác động biện chứng giữa thực tiễn và lý luận trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo, quản lý. Thực tiễn của địa phương với những điều kiện, mâu thuẫn, nhu cầu và yêu cầu phát triển cụ thể là điểm xuất phát của quá trình nhận thức. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, khái quát kinh nghiệm và vận dụng các tri thức lý luận, đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh hình thành nhận thức về các vấn đề cần giải quyết, từ đó lựa chọn mục tiêu, phương hướng và ban hành các quyết định phù hợp. Khi được tổ chức thực hiện, các quyết định đó lại tác động trở lại đời sống kinh tế - xã hội, làm xuất hiện những điều kiện mới, những vấn đề mới và những yêu cầu mới của thực tiễn. Chính những biến đổi đó tiếp tục trở thành cơ sở để đội ngũ cán bộ chủ chốt tổng kết thực tiễn, bổ sung nhận thức, nâng cao năng lực vận dụng lý luận và hoàn thiện các quyết định trong những giai đoạn tiếp theo.

Như vậy, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh không phải là trạng thái bất biến hay sự phù hợp đạt được một lần là hoàn tất, mà là quá trình vận động, bổ sung và phát triển không ngừng theo chu trình biện chứng: thực tiễn - nhận thức - quyết định - thực tiễn mới. Trong chu trình đó, thực tiễn vừa là điểm xuất phát, vừa là môi trường hiện thực hóa, đồng thời là tiêu chuẩn khách quan để kiểm nghiệm, đánh giá và tiếp tục hoàn thiện quyết định. Mỗi kết quả đạt được trong thực tiễn không chỉ phản ánh mức độ phù hợp và hiệu quả của quyết định mà còn cung cấp những dữ liệu, kinh nghiệm và bài học để tiếp tục bổ sung nhận thức, nâng cao năng lực vận dụng lý luận và chất lượng ra quyết định trong những giai đoạn tiếp theo.

Điều đó cho thấy bản chất của sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định không chỉ nằm ở việc bảo đảm sự phù hợp giữa chủ

trương, đường lối của Đảng với điều kiện thực tiễn của địa phương, mà còn thể hiện ở khả năng chuyển hóa tri thức lý luận thành hoạt động thực tiễn có hiệu quả, đồng thời thông qua thực tiễn tiếp tục bổ sung, phát triển và hoàn thiện nhận thức cũng như năng lực vận dụng lý luận của đội ngũ cán bộ chủ chốt. Đây là cơ sở phương pháp luận quan trọng để nâng cao chất lượng hoạt động ra quyết định trong bối cảnh phát triển mới. Tuy nhiên, những kết quả đạt được chưa thật sự đồng đều giữa các địa phương và trên các lĩnh vực, vì vậy vẫn còn những hạn chế cần tiếp tục khắc phục nhằm bảo đảm sự thống nhất ngày càng cao giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định.

3.1.1.2. Nguyên nhân của thành tựu

Những thành tựu trong việc bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ thời gian qua là kết quả tổng hợp của nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Các nguyên nhân này không tồn tại tách rời mà có mối quan hệ tác động qua lại, trong đó nguyên nhân chủ quan giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với chất lượng ra quyết định, còn nguyên nhân khách quan giữ vai trò điều kiện và nền tảng.

Về nguyên nhân chủ quan

Những thành tựu đạt được trong việc bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ thời gian qua trước hết bắt nguồn từ những nhân tố thuộc về chủ thể lãnh đạo, quản lý. Đây là những nguyên nhân giữ vai trò trực tiếp, phản ánh năng lực nhận thức, năng lực tổ chức thực tiễn, ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện về đạo đức, lối sống, cũng như khả năng vận dụng lý luận vào điều kiện cụ thể của địa phương trong quá trình ra quyết định.

Thứ nhất, trình độ nhận thức lý luận và năng lực vận dụng của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh là nguyên nhân có ý nghĩa nền tảng

Trong những năm qua, cùng với quá trình đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, giáo dục, tự giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo

đức, lối sống và tổng kết thực tiễn, trình độ nhận thức lý luận của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ từng bước được nâng lên. Việc quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ngày càng đi vào chiều sâu, không chỉ dừng lại ở tiếp thu nội dung văn bản mà từng bước được chuyển hóa thành năng lực phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra. Sự nâng cao nhận thức lý luận gắn với quá trình tự rèn luyện bản lĩnh chính trị và đạo đức công vụ đã góp phần giúp đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh nhận diện đầy đủ hơn các yêu cầu phát triển, các mâu thuẫn và những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình lãnh đạo, quản lý địa phương. Trên cơ sở đó, việc vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn ngày càng phù hợp hơn với điều kiện lịch sử - cụ thể của từng địa phương, từng bước khắc phục khuynh hướng giáo điều, máy móc hoặc duy ý chí trong hoạt động ra quyết định. Đây là cơ sở quan trọng để bảo đảm sự gắn kết giữa yêu cầu của lý luận với đòi hỏi của thực tiễn phát triển.

Thứ hai, sự đổi mới tư duy và phương pháp ra quyết định theo hướng khoa học, bám sát thực tiễn là một nguyên nhân quan trọng tạo nên những kết quả tích cực trong thời gian qua

Trước yêu cầu phát triển ngày càng cao và những biến động phức tạp của bối cảnh trong nước, quốc tế, đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh đã từng bước đổi mới cách tiếp cận đối với các vấn đề phát triển địa phương theo hướng toàn diện, khách quan và dựa trên cơ sở thực tiễn nhiều hơn. Quá trình ra quyết định ngày càng chú trọng điều tra, khảo sát thực tiễn, thu thập và xử lý thông tin, đánh giá tác động của các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường phát triển; đồng thời phát huy dân chủ, tăng cường tham vấn, phản biện và lắng nghe ý kiến của các cơ quan chuyên môn, chuyên gia và Nhân dân. Nhờ đó, nhiều quyết định được ban hành trên cơ sở nhận thức tương đối đầy đủ các điều kiện khách quan, các nguồn lực hiện có cũng như những cơ hội và thách thức đặt ra đối với địa phương. Đồng thời, việc vận dụng các chủ trương, định hướng chung của Trung ương cũng trở nên linh

hoạt hơn, phù hợp hơn với đặc điểm của từng địa phương. Điều này phản ánh sự vận dụng ngày càng tốt hơn quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử - cụ thể và nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý.

Thứ ba, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và hiệu lực tổ chức thực hiện của chính quyền địa phương là nguyên nhân trực tiếp góp phần tạo nên những thành tựu trong việc bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

Thực tiễn cho thấy các cấp ủy, chính quyền trong vùng đã chủ động quán triệt, cụ thể hóa các nghị quyết, chủ trương của Trung ương thành các chương trình, kế hoạch và quyết định phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương. Quá trình cụ thể hóa đó không chỉ là sự triển khai các yêu cầu chung mà còn là quá trình chuyển hóa các định hướng mang tính lý luận thành những quyết định phù hợp với điều kiện thực tiễn cụ thể. Cùng với việc chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, phát hiện, trọng dụng người có năng lực và kiểm soát quyền lực trong thực thi công vụ, công tác lãnh đạo, chỉ đạo ngày càng gắn với kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và điều chỉnh kịp thời những nội dung chưa phù hợp trong quá trình thực hiện. Nhờ vậy, nhiều quyết định sau khi ban hành đã được triển khai tương đối đồng bộ, phát huy hiệu quả trong thực tiễn và tạo ra những chuyển biến tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thứ tư, kinh nghiệm thực tiễn và năng lực tổng kết thực tiễn của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh ngày càng được nâng cao

Trong quá trình lãnh đạo, quản lý, nhiều địa phương đã chú trọng công tác sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án và chính sách phát triển; qua đó kịp thời phát hiện những hạn chế, bất cập, rút ra bài học kinh nghiệm và bổ sung các căn cứ thực tiễn cho việc ra quyết định. Thông qua tổng kết thực tiễn, nhiều kinh nghiệm được khái quát thành những luận cứ phục vụ cho việc hoàn thiện nhận thức và nâng cao chất lượng lãnh đạo, quản lý. Đồng thời, những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cũng trở thành cơ sở để điều chỉnh các

quyết định và phương thức tổ chức thực hiện cho phù hợp hơn với điều kiện thực tế. Việc tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm giữa các địa phương trong vùng, gắn với tinh thần tự phê bình và phê bình, xây dựng văn hóa trách nhiệm và kiên quyết đấu tranh chống biểu hiện quan liêu, độc đoán, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, cũng góp phần nâng cao năng lực nhận diện vấn đề và xử lý các tình huống phát triển đặt ra trong quá trình quản lý địa phương.

Nhìn tổng thể, những kết quả đạt được trong việc bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ là kết quả của quá trình từng bước nâng cao trình độ lý luận, đổi mới tư duy, chú trọng giáo dục, tự giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống, xây dựng đội ngũ cán bộ, phát huy dân chủ và tăng cường kiểm soát quyền lực, đồng thời phát huy vai trò lãnh đạo, tổ chức thực hiện và tổng kết thực tiễn. Tuy nhiên, mức độ phát huy các nhân tố này giữa các địa phương vẫn còn có sự khác biệt. Về bản chất, đó là quá trình tác động biện chứng giữa nhận thức và thực tiễn, trong đó thực tiễn cung cấp cơ sở cho nhận thức, nhận thức định hướng hoạt động ra quyết định, còn kết quả thực hiện các quyết định tiếp tục bổ sung kinh nghiệm và hoàn thiện năng lực vận dụng lý luận của đội ngũ cán bộ chủ chốt.

Về nguyên nhân khách quan

Những thành tựu đạt được trong việc bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ thời gian qua không chỉ bắt nguồn từ các nhân tố chủ quan mà còn được tạo nên bởi những điều kiện khách quan thuận lợi. Đây là những yếu tố giữ vai trò tiền đề, môi trường và cơ sở thực tiễn, tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vận dụng lý luận vào hoạt động lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện các quyết định trong thực tiễn.

Thứ nhất, sự định hướng chiến lược đúng đắn và chỉ đạo kịp thời của Trung ương

Đây là nhân tố khách quan có ý nghĩa định hướng đối với việc ra quyết định của các địa phương. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban

hành nhiều chủ trương, nghị quyết quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển vùng. Đặc biệt, Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác lập những định hướng chiến lược quan trọng cho các địa phương trong khu vực. Các chủ trương, định hướng đó cùng với sự chỉ đạo kịp thời của Trung ương đã tạo cơ sở chính trị và định hướng phát triển để đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh cụ thể hóa thành các quyết định phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Nhờ đó, hoạt động ra quyết định vừa bảo đảm tính thống nhất với chiến lược phát triển chung của đất nước, vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương trong tổ chức thực hiện.

Thứ hai, sự hoàn thiện của thể chế và cơ chế quản lý

Quá trình hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và đổi mới thể chế phát triển đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động lãnh đạo, quản lý ở địa phương. Hệ thống pháp luật ngày càng đồng bộ, cùng với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực đã góp phần xác định rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa Trung ương với địa phương. Nhờ đó, đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh có điều kiện chủ động hơn trong cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và xử lý các vấn đề phát sinh từ thực tiễn. Đây là cơ sở khách quan quan trọng bảo đảm cho các quyết định vừa tuân thủ yêu cầu pháp lý, vừa phù hợp với điều kiện phát triển cụ thể của từng địa phương.

Thứ ba, điều kiện phát triển và lợi thế đặc thù của vùng Nam Trung Bộ

Vùng Nam Trung Bộ có vị trí địa kinh tế quan trọng, là cầu nối giữa duyên hải miền Trung với Tây Nguyên và các vùng kinh tế động lực của cả nước. Khu vực này có nhiều tiềm năng về kinh tế biển, công nghiệp, du lịch, dịch vụ, năng lượng và liên kết vùng. Đồng thời, mỗi địa phương trong vùng

lại có những điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội riêng, tạo nên sự đa dạng trong mô hình phát triển. Những điều kiện đó vừa tạo tiền đề vật chất cho việc triển khai các quyết định phát triển, vừa tạo ra môi trường thực tiễn phong phú để kiểm nghiệm tính đúng đắn của các quyết định trong quá trình thực hiện. Đây là cơ sở quan trọng để đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vận dụng linh hoạt chủ trương, đường lối của Đảng vào điều kiện lịch sử - cụ thể của từng địa phương.

Thứ tư, sự ổn định của môi trường chính trị, kinh tế, xã hội và những yêu cầu phát triển mới

Sự ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội cùng những thành tựu của công cuộc đổi mới đã tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động lãnh đạo, quản lý ở địa phương. Đồng thời, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng đặt ra những yêu cầu mới đối với chất lượng và hiệu quả việc ra quyết định. Sự vận động của thực tiễn phát triển tạo ra những yêu cầu khách quan buộc đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh phải thường xuyên đổi mới tư duy, nâng cao năng lực dự báo và tăng cường gắn kết giữa nhận thức lý luận với yêu cầu thực tiễn. Qua đó, chất lượng các quyết định lãnh đạo, quản lý từng bước được nâng lên, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển của địa phương.

Thứ năm, sự đồng thuận xã hội và sự tham gia của các chủ thể xã hội, đặc biệt là sự ủng hộ của Nhân dân

Sự đồng thuận của các chủ thể xã hội, đặc biệt là Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội và các lực lượng xã hội khác là điều kiện quan trọng bảo đảm cho các quyết định được triển khai hiệu quả trong thực tiễn. Trong quá trình phát triển, các chủ thể xã hội, đặc biệt là Nhân dân không chỉ là đối tượng chịu tác động của quyết định mà còn là nguồn cung cấp thông tin, phản hồi và kinh nghiệm thực tiễn cho hoạt động lãnh đạo, quản lý. Thông qua sự tham gia, giám sát và phản hồi của xã hội, đặc biệt là Nhân dân, nhiều vấn đề thực tiễn được nhận diện đầy đủ hơn, tạo

điều kiện để các quyết định được điều chỉnh và hoàn thiện trong quá trình thực hiện. Điều đó góp phần tăng cường mối liên hệ giữa hoạt động ra quyết định với yêu cầu khách quan của đời sống kinh tế - xã hội địa phương.

Tóm lại, những thành tựu đạt được trong việc bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ là kết quả của sự tác động tổng hợp giữa các điều kiện khách quan và các nhân tố chủ quan. Trong đó, các điều kiện khách quan tạo tiền đề, môi trường và những khả năng phát triển; còn các nhân tố chủ quan, đặc biệt là trình độ lý luận, tư duy biện chứng, phẩm chất chính trị, đạo đức công vụ và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn của đội ngũ cán bộ chủ chốt, giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với chất lượng việc ra quyết định. Tuy nhiên, sự phát huy các nhân tố này còn phụ thuộc vào điều kiện phát triển, nguồn lực và năng lực tổ chức thực hiện của từng địa phương. Vì vậy, kết quả đạt được giữa các địa phương vẫn còn có sự khác biệt, đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao chất lượng ra quyết định trong thời gian tới.

3.1.2. Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ - hạn chế và nguyên nhân

3.1.2.1. Hạn chế chủ yếu

Một là, còn có những quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ chưa cụ thể hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với thực tiễn địa phương

Trong hệ thống chính trị nước ta, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước giữ vai trò định hướng chiến lược, tạo cơ sở chính trị, pháp lý và phương pháp luận cho quá trình lãnh đạo, quản lý và phát triển đất nước. Tuy nhiên, các chủ trương và định hướng chung chỉ có thể phát huy hiệu quả khi được chuyển hóa thành những quyết định cụ thể phù hợp với điều kiện thực tiễn cụ thể địa phương, đặc điểm phát triển, nguồn lực và nhu cầu thực tiễn của từng địa phương. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, cái chung chỉ tồn tại và biểu hiện thông qua cái riêng; các

nguyên lý, chủ trương mang tính phổ quát muốn trở thành sức mạnh vật chất phải được vận dụng linh hoạt vào những điều kiện thực tiễn cụ thể xác định. Do đó, nếu quá trình cụ thể hóa còn máy móc, rập khuôn hoặc chưa gắn chặt với thực tiễn địa phương thì quyết định quản lý tuy đúng về định hướng chung nhưng chưa chắc đã tạo ra hiệu quả tương ứng trong thực tiễn.

Trong những năm qua, đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ cơ bản đã quán triệt và vận dụng tương đối hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào hoạt động lãnh đạo, quản lý địa phương. Nhiều quyết định đã tạo chuyển biến rõ rệt về tăng trưởng kinh tế, phát triển kết cấu hạ tầng, cải cách hành chính, phát triển kinh tế biển, chuyển đổi số và nâng cao đời sống nhân dân. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn hiện nay, ở một số trường hợp vẫn còn những quyết định chưa cụ thể hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương; việc chuyển hóa định hướng chiến lược thành các chính sách, chương trình và phương án phát triển cụ thể chưa thật sự đồng bộ, sát hợp và hiệu quả.

Hạn chế này thường biểu hiện ở hai khuynh hướng cơ bản là giáo điều và kinh nghiệm chủ nghĩa. Nếu khuynh hướng giáo điều tuyệt đối hóa những nguyên lý, chủ trương chung và kinh nghiệm đã có, vận dụng theo lối máy móc, thiếu căn cứ vào điều kiện lịch sử - cụ thể của địa phương, thì khuynh hướng kinh nghiệm chủ nghĩa lại tuyệt đối hóa kinh nghiệm thực tiễn cục bộ, coi những kinh nghiệm thành công trong quá khứ như khuôn mẫu cho hiện tại và tương lai. Cả hai khuynh hướng này đều làm suy giảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định, bởi lý luận chỉ phát huy giá trị khi được kiểm nghiệm và vận dụng sáng tạo trong thực tiễn cụ thể; ngược lại, kinh nghiệm thực tiễn chỉ có ý nghĩa khi được khái quát thành tri thức có tính hệ thống và tiếp tục được kiểm chứng trong điều kiện mới. Vì vậy, khi quá trình cụ thể hóa chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước chưa xử lý

hài hòa giữa lý luận với điều kiện thực tiễn, giữa tính phổ biến với tính đặc thù, quyết định dễ rơi vào tình trạng hoặc xa rời thực tiễn, hoặc lệ thuộc vào kinh nghiệm cục bộ.

Một trong những biểu hiện của hạn chế này là việc vận dụng chủ trương, chính sách trong một số trường hợp còn mang tính cơ học, thiên về hình thức chấp hành, chưa thật sự chú trọng đến yêu cầu thực tiễn cụ thể của từng địa phương. Trong tư duy biện chứng, mọi chủ trương khi đi vào thực tiễn đều phải được cụ thể hóa phù hợp với điều kiện không gian, thời gian, nguồn lực và trình độ thực tiễn phát triển nhất định. Tuy nhiên, ở một số thời điểm vẫn xuất hiện khuynh hướng tiếp cận theo hướng áp dụng tương đối đồng nhất mô hình phát triển hoặc phương thức quản lý giữa các địa phương có điều kiện khác nhau.

Sau khi Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ được ban hành [29], các địa phương trong khu vực đều xây dựng chương trình hành động và kế hoạch triển khai. Đây là bước đi cần thiết nhằm cụ thể hóa định hướng phát triển của Trung ương. Tuy nhiên, trong một số văn bản cụ thể hóa, nội dung còn thiên về liệt kê nhiệm vụ chung, chưa xác định rõ khâu đột phá chiến lược gắn với lợi thế đặc thù của từng địa phương; việc lượng hóa mục tiêu, tiến độ thực hiện và phân công trách nhiệm chưa thật sự rõ nét. Điều đó cho thấy quá trình chuyển hóa chủ trương của Trung ương thành quyết sách địa phương ở một số trường hợp còn thiên về tính hành chính, trong khi yêu cầu đặt ra là phải tạo được sự sáng tạo và linh hoạt trên nền tảng định hướng thống nhất.

Bên cạnh đó, hạn chế này còn biểu hiện ở việc xử lý chưa thật sự hiệu quả mối quan hệ giữa yêu cầu phát triển chung với điều kiện thực tiễn cụ thể của địa phương. Vùng Nam Trung Bộ có sự khác biệt khá rõ về điều kiện tự nhiên, vị trí địa kinh tế và cơ cấu ngành nghề. Đà Nẵng có thế mạnh về dịch vụ chất lượng cao, công nghệ số và logistics; Quảng Ngãi nổi bật về công nghiệp nặng, lọc hóa dầu và cảng biển nước sâu; Khánh Hòa có ưu thế về kinh tế biển

tổng hợp và du lịch quốc tế; Ninh Thuận (nay thuộc tỉnh Khánh Hòa) có tiềm năng lớn về năng lượng tái tạo; Bình Định (nay thuộc tỉnh Gia Lai) có vai trò quan trọng trong liên kết vùng và phát triển kinh tế biển. Vì vậy, cùng một chủ trương phát triển nhưng việc cụ thể hóa phải dựa trên lợi thế riêng và điều kiện cụ thể của từng địa phương.

Tuy nhiên, trong thực tiễn phát triển ở một số giai đoạn, vẫn xuất hiện xu hướng lựa chọn mô hình phát triển có tính tương đồng, cạnh tranh cục bộ trong thu hút đầu tư hoặc dàn trải nguồn lực vào những lĩnh vực giống nhau mà chưa xuất phát đầy đủ từ điều kiện nội tại và lợi thế đặc thù của địa phương. Trong một số trường hợp, việc xác định mục tiêu phát triển còn chịu ảnh hưởng của tư duy nhiệm kỳ hoặc kỳ vọng tăng trưởng trước mắt, trong khi chưa lượng hóa đầy đủ khả năng huy động nguồn lực và năng lực hấp thụ đầu tư của địa phương.

Những hạn chế nêu trên không chỉ tồn tại ở bình diện nhận thức hay phương pháp tư duy, mà còn được phản ánh trong quá trình tổ chức và triển khai quyết định ở một số địa phương cụ thể. Khi việc cụ thể hóa chủ trương chung chưa gắn chặt với điều kiện khách quan, khả năng dự báo và yêu cầu phát triển thực tế, thì những bất cập trong quá trình ban hành và thực thi quyết định sẽ bộc lộ rõ hơn.

Thực tiễn tại tỉnh Khánh Hòa cho thấy, trong tháng 8 năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh đã liên tiếp ban hành các quyết định hủy bỏ một số quyết định phê duyệt giá đất cụ thể đã ký trước đó, gồm Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 16/8/2024, Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 19/8/2024, Quyết định số 2151/QĐ-UBND và Quyết định số 2161/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 [208]. Việc điều chỉnh quyết định để phù hợp với những thay đổi của Luật Đất đai năm 2024 là cần thiết, song việc phải xử lý liên tiếp nhiều quyết định trong thời gian ngắn cũng cho thấy yêu cầu tiếp tục nâng cao năng lực dự báo chính sách, chuẩn bị phương án chuyển tiếp thể chế và cập nhật kịp thời cơ sở pháp lý mới trong hoạt động điều hành. Điều này phản ánh ở một số thời

điểm, việc chuyển hóa các yêu cầu lý luận, pháp lý thành năng lực xử lý tình huống thực tiễn còn chưa thật sự kịp thời.

Về phương diện nhận thức luận, đây còn là biểu hiện của việc xử lý chưa thật đầy đủ mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định lãnh đạo, quản lý. Trong phép biện chứng duy vật, khả năng chỉ có thể chuyển hóa thành hiện thực thông qua những điều kiện xác định. Nếu quá trình cụ thể hóa chủ trương mới dừng ở mong muốn chủ quan hoặc định hướng chung mà chưa dự báo đầy đủ các điều kiện bảo đảm thực hiện, thì quyết định dù đúng về mục tiêu vẫn có thể gặp khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

Tương tự, tại thành phố Đà Nẵng, sau khi ban hành Quyết định số 42/2023/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 về quản lý hành lang bảo vệ bờ biển [198], quá trình triển khai phát sinh những vấn đề liên quan đến quyền sử dụng đất, hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh kế của một bộ phận người dân. Điều này cho thấy quản lý vùng ven biển là lĩnh vực có sự đan xen phức tạp giữa lợi ích phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và lợi ích xã hội. Nếu quá trình xây dựng quyết định chưa lượng hóa đầy đủ các tác động xã hội và chưa dự báo hết phản ứng từ thực tiễn thì chính sách dù đúng định hướng vẫn cần tiếp tục điều chỉnh trong quá trình triển khai.

Ngoài ra, trong lĩnh vực quy hoạch và phát triển không gian kinh tế, tại một số địa phương vùng Nam Trung Bộ từng xuất hiện tình trạng điều chỉnh quy hoạch cục bộ nhiều lần, tiến độ lập và phê duyệt quy hoạch còn chậm, việc xử lý chồng chéo giữa quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và quy hoạch ngành có thời điểm chưa kịp thời, đồng bộ. Quốc hội khi giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch cũng đã chỉ ra những hạn chế như chất lượng một số quy hoạch chưa cao, thiếu tính liên kết, còn mâu thuẫn, chồng lấn và phải điều chỉnh nhiều lần trong quá trình triển khai [136]. Những biểu hiện đó phản ánh hạn chế nhất định trong tư duy hệ thống và năng lực chuyển hóa định hướng phát triển chung thành quyết định cụ thể phù hợp với thực tiễn đa ngành, đa mục tiêu của địa phương.

Đồng thời, đây cũng là biểu hiện của việc giải quyết chưa thật hiệu quả mối quan hệ giữa lợi ích trước mắt và yêu cầu phát triển bền vững lâu dài. Trong điều kiện phát triển hiện nay, việc xử lý các vấn đề quy hoạch không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng trước mắt mà còn phải tính đến yêu cầu liên kết vùng, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm hiệu quả khai thác nguồn lực trong dài hạn. Khi tầm nhìn phát triển chưa bảo đảm tính tổng thể và tính dự báo, quyết định quản lý dễ thiên về xử lý từng vấn đề riêng lẻ thay vì giải quyết các mâu thuẫn mang tính cấu trúc.

Nhìn tổng quát, những hạn chế nêu trên phản ánh việc vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở một số địa phương vùng Nam Trung Bộ còn chưa đầy đủ. Xét đến cùng, đây không đơn thuần là sự thiếu hụt về tri thức hay kinh nghiệm quản lý, mà sâu xa hơn là biểu hiện của sự chưa hoàn thiện trong quá trình chuyển hóa tri thức lý luận thành năng lực quản trị thực tiễn; chưa xử lý thật hiệu quả mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, giữa tính phổ biến và tính đặc thù, giữa yêu cầu thống nhất quốc gia với điều kiện phát triển địa phương. Nghĩa là chưa có sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định lãnh đạo, quản lý. Điều đó không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng của một số quyết định quản lý mà còn làm giảm khả năng phát huy tiềm năng, lợi thế và tạo ra các động lực phát triển mới của vùng Nam Trung Bộ trong bối cảnh hiện nay. Đây cũng là cơ sở thực tiễn quan trọng để tiếp tục phân tích nguyên nhân của những hạn chế trong việc bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Hai là, một số quyết định chưa phản ánh đầy đủ yêu cầu và nhu cầu thực tiễn của địa phương, dẫn đến tính khả thi và hiệu quả thực hiện chưa cao

Một trong những yêu cầu cơ bản để bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh là các quyết định phải xuất phát từ thực tiễn khách quan, phản ánh đúng

nhu cầu phát triển của địa phương và hướng tới giải quyết hiệu quả những vấn đề thực tiễn đang đặt ra. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, thực tiễn không chỉ là cơ sở của nhận thức mà còn là mục đích và tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý. Bởi vậy, giá trị của một quyết định không chỉ thể hiện ở sự đúng đắn về mặt định hướng hay phù hợp về hình thức pháp lý, mà còn được xác nhận thông qua khả năng tác động vào hiện thực, giải quyết các mâu thuẫn phát triển và tạo ra hiệu quả xã hội cụ thể.

Đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ, yêu cầu này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi đây là khu vực có tính đa dạng cao về điều kiện tự nhiên, cơ cấu kinh tế và trình độ phát triển giữa các địa phương. Trong vùng tồn tại sự khác biệt tương đối lớn giữa các trung tâm dịch vụ - công nghiệp như Đà Nẵng, Khánh Hòa với các địa phương có lợi thế về công nghiệp nền tảng như Quảng Ngãi; giữa các địa phương phát triển năng lượng tái tạo như Ninh Thuận (nay thuộc tỉnh Khánh Hòa) với các địa phương có thế mạnh về nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển hoặc logistics. Đồng thời, khu vực này cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức như biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn, áp lực đô thị hóa, yêu cầu liên kết vùng và cạnh tranh thu hút đầu tư trong điều kiện hội nhập ngày càng sâu rộng. Chính vì vậy, quá trình ra quyết định đòi hỏi phải nhận diện đầy đủ nhu cầu phát triển thực tiễn của từng địa phương, xác định đúng những vấn đề trọng tâm cần ưu tiên giải quyết và lựa chọn phương án phù hợp với điều kiện cụ thể.

Thực tiễn thời gian qua cho thấy đa số quyết định phát triển ở các địa phương vùng Nam Trung Bộ đã từng bước gắn với nhu cầu thực tiễn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển kết cấu hạ tầng, cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao đời sống nhân dân. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, vẫn còn những quyết định chưa nhận diện đầy đủ nhu cầu phát triển ưu tiên, chưa xác định chính xác các điểm nghẽn thực tiễn hoặc chưa dự báo sát những biến động của quá trình phát triển địa phương. Điều này làm cho một số quyết định mặc dù phù hợp về định hướng phát triển nhưng khi triển khai

đã bộc lộ những hạn chế nhất định về tính đồng bộ và khả năng đáp ứng các điều kiện bảo đảm thực hiện.

Biểu hiện rõ ở việc Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận (nay thuộc tỉnh Khánh Hòa) ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 25/01/2022 về xây dựng Ninh Thuận thành trung tâm năng lượng, năng lượng tái tạo của cả nước đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; sau đó được cụ thể hóa bằng Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 và Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022. Mặc dù chủ trương này phù hợp với lợi thế phát triển của địa phương, song thực tiễn triển khai cho thấy có thời điểm tốc độ phát triển các dự án năng lượng tái tạo vượt khả năng đáp ứng của hệ thống truyền tải điện, dẫn đến tình trạng mất cân đối giữa nguồn điện và hạ tầng lưới điện. Điều đó phản ánh việc đánh giá các điều kiện thực tiễn và dự báo nhu cầu phát triển đồng bộ hạ tầng trong một số trường hợp chưa thật sự đầy đủ, làm ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện mục tiêu đề ra.

Biểu hiện trước hết là ở việc một số quyết định được xây dựng khi việc điều tra thực tiễn, đánh giá nguồn lực và dự báo tác động chưa đầy đủ, dẫn đến khoảng cách giữa mục tiêu đề ra với năng lực thực hiện trên thực tế. Chẳng hạn, HĐND tỉnh Khánh Hòa ban hành Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 19/10/2021 về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, chương trình đã được điều chỉnh thông qua Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh và tiếp tục được điều chỉnh bằng Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh nhằm cập nhật các chỉ tiêu, nhu cầu phát triển nhà ở và điều kiện thực hiện trong giai đoạn mới. Việc phải điều chỉnh một số nội dung của chương trình phản ánh rằng công tác dự báo nhu cầu phát triển đô thị, nhu cầu nhà ở và khả năng huy động nguồn lực thực hiện ở một số thời điểm chưa thật sự sát với diễn biến thực tiễn, làm cho một số mục tiêu và chỉ tiêu cần được rà soát, bổ sung để bảo đảm tính khả thi trong quá trình triển khai. Nếu chủ thể ra quyết định chưa đánh giá đầy đủ

những điều kiện đó hoặc tuyệt đối hóa mong muốn chủ quan thì rất dễ xuất hiện khuynh hướng duy ý chí trong việc ra quyết định lãnh đạo, quản lý.

Thực tiễn đầu tư công những năm gần đây phản ánh khá rõ hạn chế này. Theo Bộ Tài chính, đến ngày 31/01/2025, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 đạt 84,47% tổng kế hoạch và bằng 93,06% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; tuy nhiên vẫn còn nhiều bộ, ngành và địa phương có tỷ lệ giải ngân thấp hơn mức bình quân chung cả nước [38]. Tại một số địa phương vùng Nam Trung Bộ, quá trình triển khai dự án còn gặp khó khăn về giải phóng mặt bằng, thủ tục hành chính, cân đối nguồn lực và tổ chức thực hiện. Điều đó cho thấy ở một số trường hợp, quyết định phát triển chưa lượng hóa đầy đủ các điều kiện bảo đảm thực hiện ngay từ giai đoạn chuẩn bị chính sách. Đây là biểu hiện của việc chưa quán triệt tốt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định lãnh đạo, quản lý.

Bên cạnh đó, mức độ phản ánh nhu cầu phát triển đặc thù của từng địa phương ở một số quyết định chưa thật sự đầy đủ. Theo nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng, mọi sự vật đều tồn tại trong những điều kiện lịch sử - cụ thể nhất định; vì vậy, việc vận dụng cùng một định hướng phát triển cho các địa phương khác nhau mà không tính đến điều kiện thực tiễn riêng biệt sẽ làm giảm hiệu quả thực tiễn của quyết định.

Vùng Nam Trung Bộ có sự khác biệt đáng kể về vị trí địa kinh tế, cơ cấu ngành nghề và lợi thế cạnh tranh giữa các địa phương. Khánh Hòa có ưu thế về kinh tế biển tổng hợp, du lịch quốc tế và dịch vụ hàng hải; Bình Định (nay thuộc tỉnh Gia Lai) có tiềm năng phát triển logistics, công nghiệp chế biến và vai trò cửa ngõ ra biển của khu vực Tây Nguyên; Ninh Thuận có lợi thế nổi trội về năng lượng tái tạo; Phú Yên (nay thuộc tỉnh Đắk Lắk) có dư địa phát triển kinh tế biển và nông nghiệp công nghệ cao [159]. Tuy nhiên, trong một số thời kỳ phát triển, quá trình cụ thể hóa định hướng phát triển ở cấp địa phương vẫn còn xuất hiện biểu hiện vận dụng mô hình tương đồng hoặc chạy theo xu hướng phát triển phổ biến mà chưa xuất phát đầy đủ từ nhu cầu nội tại và lợi thế riêng của từng địa phương.

Ngoài ra, ở một số trường hợp, quyết định phát triển chưa thật sự tập trung vào những điểm nghẽn chiến lược của địa phương và của toàn vùng, làm cho nguồn lực bị phân tán, hiệu quả lan tỏa chưa cao. Trong bối cảnh hiện nay, các vấn đề như kết cấu hạ tầng liên kết vùng, logistics, nguồn nhân lực chất lượng cao, liên kết chuỗi giá trị du lịch biển, thích ứng biến đổi khí hậu và chuyển đổi số đang là những nhu cầu phát triển có tính cấp thiết đối với Nam Trung Bộ [159]. Tuy nhiên, trong thực tiễn ở một số thời điểm, việc phân bổ nguồn lực vẫn còn dàn trải vào nhiều mục tiêu ngắn hạn, trong khi những lĩnh vực mang tính động lực và tạo đột phá chưa được ưu tiên tương xứng [135]. Xét từ góc độ phương pháp luận, đây là biểu hiện của việc chưa quán triệt tốt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định lãnh đạo, quản lý.

Nhìn tổng quát, việc một số quyết định chưa phản ánh đầy đủ yêu cầu và nhu cầu thực tiễn của địa phương đã ảnh hưởng nhất định đến chất lượng, tính khả thi và hiệu quả thực hiện quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ. Về bản chất, đây là biểu hiện của việc chưa bảo đảm đầy đủ sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ. Điều đó đặt ra yêu cầu phải tiếp tục nâng cao năng lực điều tra thực tiễn, tư duy dự báo, phương pháp nhận diện vấn đề trọng tâm và khả năng xử lý các mối quan hệ biện chứng trong việc ra quyết định, nhằm bảo đảm các quyết định phát triển thực sự xuất phát từ thực tiễn, đáp ứng đúng nhu cầu địa phương và tạo hiệu quả bền vững trong giai đoạn hiện nay.

Ba là, còn có những quyết định chưa được thực tiễn địa phương kiểm nghiệm và chứng minh đầy đủ tính đúng đắn, thậm chí bộc lộ những bất cập, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện

Trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, giá trị thực sự của một quyết định không chỉ được xác định bởi tính hợp lý của mục tiêu, sự đầy đủ của căn cứ pháp lý hay tính logic trong nội dung quyết định, mà quan trọng hơn phải được thể hiện thông qua kết quả vận động của quyết định trong thực tiễn xã

hội. Vì vậy, một quyết định chỉ thực sự khẳng định được tính đúng đắn khi đi vào đời sống xã hội, tạo ra những biến đổi tích cực và được kiểm nghiệm bằng hiệu quả thực tế của quá trình tổ chức thực hiện. Ngược lại, nếu trong quá trình triển khai xuất hiện nhiều điều chỉnh, phát sinh những hệ quả ngoài dự kiến hoặc kết quả đạt được chưa tương xứng với mục tiêu đề ra thì điều đó cho thấy sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình ra quyết định chưa được bảo đảm đầy đủ.

Đối với hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay, yêu cầu này càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi phần lớn các quyết định phát triển đều liên quan đến những lĩnh vực có phạm vi tác động rộng, thời gian tác động dài và tính liên ngành cao như quy hoạch phát triển không gian, đầu tư kết cấu hạ tầng, quản lý tài nguyên, phát triển kinh tế biển, chuyển đổi số, đô thị hóa, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đây đều là những lĩnh vực chịu tác động đồng thời của nhiều nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường, luôn vận động trong điều kiện thực tiễn phức tạp và biến đổi nhanh chóng. Do đó, không phải mọi quyết định sau khi ban hành đều có thể ngay lập tức chứng minh được tính đúng đắn; trái lại, nhiều quyết định chỉ bộc lộ đầy đủ hiệu quả hoặc hạn chế thông qua quá trình triển khai, kiểm nghiệm và điều chỉnh trong thực tiễn.

Thực tiễn thời gian qua cho thấy đa số quyết định phát triển ở các địa phương vùng Nam Trung Bộ đã phát huy hiệu quả tích cực, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống xã hội và nâng cao hiệu quả quản lý địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp sau khi triển khai đã phát sinh những bất cập nhất định, phải điều chỉnh, sửa đổi hoặc bổ sung để phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn. Điều đó phản ánh rằng trong một số trường hợp, việc nhận thức và vận dụng thực tiễn vào quá trình ra quyết định chưa bảo đảm đầy đủ tính toàn diện, tính hệ thống và năng lực dự báo phát triển. Nghĩa là chưa quán triệt tốt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định lãnh đạo, quản lý.

Biểu hiện trước hết là ở việc một số quyết định sau khi triển khai đã xuất hiện khoảng cách nhất định giữa mục tiêu dự kiến với kết quả đạt được trên thực tế. Khoảng cách này phản ánh việc trong quá trình xây dựng và lựa chọn phương án quyết định, chủ thể quản lý chưa dự báo đầy đủ các yếu tố tác động, chưa lượng hóa đầy đủ các điều kiện bảo đảm thực hiện hoặc chưa đánh giá toàn diện những biến động có thể phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện quyết định.

Thực tiễn những năm gần đây cho thấy, bên cạnh nhiều quyết định phát huy hiệu quả tích cực, ở một số địa phương vùng Nam Trung Bộ vẫn còn những quyết định sau khi triển khai đã bộc lộ những hạn chế nhất định, dẫn đến việc phải điều chỉnh nội dung, thay đổi tiến độ hoặc xử lý lại cơ chế thực hiện. Những biểu hiện này không đồng nghĩa với việc quyết định hoàn toàn sai lầm, nhưng phản ánh thực tế rằng ở một số trường hợp, công tác dự báo, đánh giá tác động và kiểm nghiệm thực tiễn trước khi ban hành quyết định chưa thật sự toàn diện. Tại Gia Lai, Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi triển khai đã phải nhiều lần điều chỉnh, bổ sung thông qua các Nghị quyết số 81/NQ-HĐND (2021), 110/NQ-HĐND (2022), 127/NQ-HĐND (2022), 160/NQ-HĐND (2022) và Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 04/10/2022. Việc liên tục điều chỉnh cơ cấu vốn, danh mục dự án và nguồn lực đầu tư cho thấy trong một số nội dung, các điều kiện thực hiện và những biến động phát sinh trong quá trình triển khai chưa được dự báo đầy đủ ngay từ giai đoạn xây dựng kế hoạch, dẫn đến việc phải tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện trong thực tiễn. Điều đó cho thấy giữa quá trình hình thành quyết định với sự vận động thực tế của đời sống kinh tế - xã hội vẫn còn tồn tại những khoảng cách nhất định.

Một minh chứng là tại Khánh Hòa, quá trình rà soát các dự án liên quan đến đất đai, quy hoạch và đầu tư trong những năm gần đây cho thấy nhiều dự án phải điều chỉnh hoặc xử lý lại các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình

triển khai [209]. Việc điều chỉnh là yêu cầu cần thiết nhằm bảo đảm tính phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thực tiễn mới; tuy nhiên, ở góc độ quản lý, điều đó cũng cho thấy trong một số trường hợp, những biến động của môi trường pháp lý và điều kiện triển khai thực tế chưa được nhận diện và lường trước đầy đủ trong quá trình xây dựng quyết định.

Tại Quảng Ngãi, mặc dù tỉnh đạt nhiều kết quả tích cực trong phát triển công nghiệp và tăng trưởng kinh tế, song một số dự án đầu tư trọng điểm vẫn gặp khó khăn trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư và bảo đảm tiến độ thực hiện [229, tr.12-15]. Điều đó cho thấy trong một số trường hợp, việc xác định mục tiêu phát triển và lựa chọn phương án triển khai chưa lượng hóa đầy đủ các yếu tố xã hội, nguồn lực tổ chức thực hiện và mức độ đồng thuận của cộng đồng dân cư.

Trong lĩnh vực quy hoạch phát triển, Quốc hội khi giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch cũng đã chỉ ra tình trạng một số quy hoạch chất lượng chưa cao, còn chồng chéo, thiếu liên kết và phải điều chỉnh nhiều lần trong quá trình triển khai [136]. Những biểu hiện đó phản ánh thực tế rằng ở một số trường hợp, việc dự báo mối quan hệ giữa các ngành, lĩnh vực và yêu cầu phát triển tổng thể chưa thật đầy đủ, dẫn đến việc phải tiếp tục điều chỉnh và hoàn thiện trong quá trình thực hiện.

Bên cạnh đó, yêu cầu phát triển liên kết vùng ở Nam Trung Bộ vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Mặc dù định hướng phát triển theo tư duy liên kết không gian kinh tế đã được xác định rõ, song trên thực tế, tiến độ triển khai một số dự án kết nối hạ tầng, logistics và hợp tác phát triển du lịch giữa các địa phương còn chưa đồng bộ, làm giảm hiệu quả lan tỏa của các quyết định phát triển. Điều này cho thấy tác động thực tế của quyết định không chỉ phụ thuộc vào nội dung quyết định, mà còn chịu ảnh hưởng bởi mức độ phối hợp giữa các chủ thể và khả năng tổ chức thực hiện trong thực tiễn.

Trong quá trình phát triển đô thị, du lịch và kinh tế biển tại một số địa phương vùng Nam Trung Bộ thời gian qua, việc mở rộng nhanh không gian

phát triển đã tạo động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế địa phương. Tuy nhiên, cùng với đó cũng phát sinh những yêu cầu mới liên quan đến quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, hạ tầng xã hội, sinh kế của người dân và yêu cầu phát triển bền vững. Tại Bình Thuận (nay thuộc tỉnh Lâm Đồng), việc triển khai Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 24/10/2021 về phát triển du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã tạo động lực quan trọng cho phát triển kinh tế địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, nhiều dự án du lịch và đô thị ven biển phải rà soát, điều chỉnh quy hoạch, xử lý các vấn đề liên quan đến đất đai, môi trường và tiến độ đầu tư. Điều đó cho thấy một số nội dung quyết định phát triển mặc dù phù hợp về định hướng nhưng khi đi vào thực tiễn vẫn phát sinh những yếu tố mới cần tiếp tục kiểm nghiệm, điều chỉnh và hoàn thiện trong quá trình tổ chức thực hiện. Thực tiễn đó cho thấy một số quyết định phát triển mặc dù tạo ra hiệu quả tích cực trong ngắn hạn nhưng giá trị và hiệu quả lâu dài vẫn cần tiếp tục được thực tiễn kiểm nghiệm.

Ngoài ra, ở một số trường hợp, cơ chế theo dõi, đánh giá và phản hồi chính sách sau khi ban hành quyết định còn chưa thật sự hiệu quả, làm cho việc phát hiện những bất cập phát sinh từ thực tiễn chưa kịp thời. Trong điều kiện thực tiễn phát triển biến động nhanh hiện nay, một quyết định đúng tại thời điểm ban hành chưa chắc tiếp tục phù hợp trong điều kiện mới. Tuy nhiên, ở một số địa phương, hoạt động tổng kết thực tiễn và phản hồi chính sách vẫn còn thiên về tổng hợp tình hình hoặc đánh giá theo chỉ tiêu hành chính, trong khi việc phân tích sâu những tác động thực chất của quyết định đối với phát triển kinh tế - xã hội chưa được thực hiện đầy đủ. Điều này làm giảm khả năng phát hiện sớm các hạn chế phát sinh và ảnh hưởng đến quá trình điều chỉnh quyết định cho phù hợp với yêu cầu mới của thực tiễn.

Xét dưới góc độ phương pháp luận duy vật biện chứng, những biểu hiện trên phản ánh việc ở một số trường hợp vẫn chưa giải quyết đầy đủ mối quan hệ giữa lý luận với thực tiễn, giữa ý chí chủ quan của chủ thể quản lý với điều kiện khách quan của sự phát triển, giữa mục tiêu trước mắt với yêu cầu phát

triển bền vững lâu dài. Khi thực tiễn vận động nhanh hơn khả năng dự báo và điều chỉnh của chủ thể quản lý thì quyết định dễ bộc lộ những giới hạn nhất định trong quá trình triển khai thực hiện. Điều đó cũng cho thấy tính đúng đắn của quyết định không phải là yếu tố bất biến, mà luôn phải được kiểm nghiệm, bổ sung và hoàn thiện thông qua thực tiễn vận động của đời sống xã hội.

Nhìn tổng quát, việc một số quyết định chưa được thực tiễn địa phương kiểm nghiệm và chứng minh đầy đủ tính đúng đắn, thậm chí bộc lộ những bất cập trong quá trình triển khai thực hiện, phản ánh sự chưa bảo đảm đầy đủ tính thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ. Sâu xa hơn, đây là biểu hiện của những hạn chế trong năng lực dự báo, năng lực tổng kết thực tiễn và khả năng chuyển hóa kinh nghiệm thực tiễn thành cơ sở khoa học cho quá trình ra quyết định. Điều đó đặt ra yêu cầu cần tiếp tục nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn, hoàn thiện cơ chế phản hồi chính sách, tăng cường đánh giá tác động và nâng cao năng lực dự báo trong hoạt động quản lý, nhằm bảo đảm các quyết định phát triển không chỉ đúng về định hướng mà còn được thực tiễn kiểm nghiệm, khẳng định hiệu quả và tính bền vững trong quá trình vận động lâu dài của đời sống xã hội.

3.1.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Những hạn chế trong bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay không phải là hiện tượng cá biệt hay nhất thời mà là kết quả của sự tác động tổng hợp giữa các nguyên nhân chủ quan và khách quan. Theo quan điểm duy vật biện chứng, mọi hoạt động của con người đều diễn ra trong những điều kiện khách quan nhất định, nhưng kết quả cuối cùng phụ thuộc trực tiếp vào năng lực nhận thức, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, phương pháp tư duy và năng lực tổ chức thực tiễn của chủ thể. Vì vậy, nhận diện đúng các nguyên nhân của những hạn chế là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ trong giai đoạn mới.

Về nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, trình độ lý luận và năng lực vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của một bộ phận cán bộ chủ chốt cấp tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong điều kiện mới

Mặc dù nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và được quán triệt trong nhiều nghị quyết, quy định của Đảng về công tác cán bộ, song ở một số nơi việc học tập, tự học tập, tự giáo dục nâng cao trình độ lý luận, năng lực tư duy và vận dụng nguyên tắc này chưa thật sự sâu sắc. Lý luận chưa thực sự trở thành phương pháp luận để nhận diện bản chất sự vật, phân tích mâu thuẫn, dự báo xu hướng phát triển và lựa chọn phương án tối ưu; trong một số trường hợp mới dừng ở vai trò dẫn chiếu hoặc hợp thức hóa các quyết định đã hình thành từ trước. Đồng thời, việc tự rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống và ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ chưa thường xuyên, làm hạn chế khả năng chuyển hóa tri thức lý luận thành năng lực tư duy và hành động thực tiễn.

Hệ quả là trong hoạt động ra quyết định vẫn tồn tại hai khuynh hướng lệch lạc: giáo điều, máy móc trong vận dụng chủ trương, chính sách; hoặc kinh nghiệm chủ nghĩa, quá phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân, chưa coi trọng đầy đủ cơ sở khoa học, dữ liệu và dự báo. Xét về bản chất triết học, đây là biểu hiện của việc chưa giải quyết đúng mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, giữa tính phổ biến của lý luận với tính đặc thù của thực tiễn địa phương.

Thứ hai, tư duy và phương pháp ra quyết định ở một số cán bộ còn chậm đổi mới theo yêu cầu quản trị phát triển hiện đại

Trong bối cảnh chuyển đổi số, kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, hoạt động ra quyết định không chỉ dựa trên kinh nghiệm mà phải dựa trên thông tin đầy đủ, dữ liệu tin cậy, đánh giá tác động chính sách và dự báo chiến lược. Tuy nhiên, ở một số cán bộ, quy trình ra quyết định vẫn còn mang dấu ấn tư duy hành chính truyền thống, thiên về giải quyết

các vấn đề trước mắt, chưa coi trọng đầy đủ quản trị dựa trên bằng chứng và dữ liệu. Bên cạnh đó, việc phát huy dân chủ, tham vấn, phản biện và tiếp thu ý kiến của các cơ quan chuyên môn, chuyên gia và Nhân dân trong một số trường hợp còn hạn chế, làm giảm tính khách quan và toàn diện của thông tin phục vụ ra quyết định.

Báo cáo Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh trong những năm gần đây cho thấy mức độ phát triển chính quyền số giữa các địa phương còn có sự chênh lệch đáng kể. Điều đó phản ánh sự khác biệt về năng lực ứng dụng công nghệ, khai thác dữ liệu và phương thức quản trị hiện đại, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thông tin đầu vào của hoạt động ra quyết định.

Thứ ba, trong một số trường hợp vẫn còn biểu hiện tư duy nhiệm kỳ, lợi ích cục bộ, bệnh thành tích và hạn chế trong kiểm soát quyền lực

Một số quyết định còn ưu tiên mục tiêu ngắn hạn, chú trọng kết quả trước mắt, trong khi chưa tính toán đầy đủ hiệu quả lâu dài, chi phí cơ hội và yêu cầu phát triển bền vững. Điều này có thể dẫn đến đầu tư dàn trải, phân tán nguồn lực hoặc lựa chọn dự án chưa thật sự dựa trên ưu tiên chiến lược và khả năng hấp thụ của địa phương. Ở một số nơi, việc phát huy dân chủ, kiểm soát quyền lực và rèn luyện đạo đức công vụ chưa thật sự hiệu quả; vẫn còn nguy cơ phát sinh biểu hiện quan liêu, né tránh trách nhiệm, cục bộ, thậm chí tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong quá trình thực thi công vụ. Đây là biểu hiện của việc chưa giải quyết đúng mối quan hệ giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài, giữa bộ phận và toàn cục, giữa ý chí chủ quan với điều kiện khách quan.

Thứ tư, năng lực tổ chức thực hiện quyết định và điều phối nguồn lực ở một số cán bộ còn hạn chế

Trong nhiều trường hợp, quyết định được ban hành tương đối đúng về định hướng nhưng quá trình cụ thể hóa thành kế hoạch hành động, bố trí nguồn lực, phân công trách nhiệm, phối hợp liên ngành và kiểm tra, giám sát chưa thật sự đồng bộ, quyết liệt. Bên cạnh đó, việc phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng và trọng dụng đội ngũ cán bộ có năng lực ở một số lĩnh vực chưa đáp ứng yêu cầu, ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức thực hiện quyết định.

Thực tế giải ngân vốn đầu tư công và triển khai một số dự án hạ tầng trong khu vực thời gian qua cho thấy vẫn còn tình trạng chậm tiến độ, phải điều chỉnh kế hoạch hoặc kéo dài thời gian thực hiện. Điều đó phản ánh khoảng cách giữa năng lực hoạch định và năng lực tổ chức thực hiện vẫn là điểm nghẽn trong hoạt động quản lý nhà nước ở một số địa phương.

Thứ năm, công tác tổng kết thực tiễn, phản hồi chính sách và học tập kinh nghiệm ở một số cán bộ chưa thường xuyên và chưa thật sự đi vào chiều sâu

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, thực tiễn không chỉ là cơ sở mà còn là tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý và nguồn bổ sung, phát triển lý luận. Tuy nhiên, việc sơ kết, tổng kết ở một số cán bộ vẫn thiên về đánh giá kết quả và tiến độ thực hiện, chưa chú trọng phân tích nguyên nhân, những mâu thuẫn mới nảy sinh và các bài học có giá trị phương pháp luận. Việc tự phê bình, phê bình và tiếp thu phản hồi từ doanh nghiệp, Nhân dân và các chủ thể xã hội trong một số trường hợp còn hình thức, làm hạn chế khả năng điều chỉnh và hoàn thiện quyết định.

Những biến động của một số chỉ số thành phần trong Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tại khu vực Nam Trung Bộ cũng phản ánh việc tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi từ thực tiễn vào quá trình hoạch định, điều chỉnh chính sách chưa thật sự đồng đều của cán bộ giữa các địa phương.

Tóm lại, những hạn chế trong bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ chủ yếu bắt nguồn từ việc chưa chuyển hóa đầy đủ lý luận thành năng lực tư duy khoa học, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực hành động thực tiễn của một bộ phận cán bộ. Điều đó cho thấy các nhân tố chủ quan như giáo dục và tự giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống, xây dựng đội ngũ cán bộ, phát huy dân chủ, kiểm soát quyền lực và tổng kết thực tiễn có ý nghĩa quyết định trực tiếp đối với việc bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định. Khi lý luận chưa thực sự trở thành phương pháp nhận thức, còn thực tiễn chưa được coi trọng đầy

đủ là điểm xuất phát, động lực và tiêu chuẩn kiểm nghiệm của nhận thức thì chất lượng, hiệu quả các quyết định khó đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Về nguyên nhân khách quan

Bên cạnh những nguyên nhân chủ quan, các hạn chế trong bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ còn chịu tác động của nhiều nhân tố khách quan gắn với điều kiện phát triển của vùng và bối cảnh đổi mới đất nước. Theo quan điểm duy vật biện chứng, hoạt động của con người luôn diễn ra trong những điều kiện lịch sử - cụ thể nhất định; các điều kiện đó vừa tạo ra tiền đề, cơ hội, vừa đặt ra những giới hạn và sức ép đối với quá trình nhận thức và tổ chức thực tiễn của chủ thể. Vì vậy, những hạn chế trong hoạt động ra quyết định không chỉ xuất phát từ năng lực của đội ngũ cán bộ mà còn chịu sự chi phối của các điều kiện khách quan.

Thứ nhất, đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và cấu trúc phát triển của vùng Nam Trung Bộ tạo ra nhiều khó khăn khách quan đối với hoạt động ra quyết định

Vùng Nam Trung Bộ có không gian phát triển rộng, điều kiện tự nhiên không đồng đều, thường xuyên chịu tác động của bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn và biến đổi khí hậu. Đồng thời, trình độ phát triển giữa các địa phương còn chênh lệch, nguồn lực nội tại của một số tỉnh còn hạn chế, trong khi yêu cầu đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế biển, tăng cường liên kết vùng, bảo đảm an sinh xã hội và thích ứng với biến đổi khí hậu ngày càng lớn.

Trong điều kiện đó, đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh phải giải quyết đồng thời nhiều mối quan hệ như giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường; giữa phát triển nhanh với phát triển bền vững; giữa nhu cầu đầu tư trước mắt với ổn định lâu dài. Việc phải cân đối nhiều mục tiêu trong điều kiện nguồn lực hữu hạn làm cho quá trình lựa chọn phương án phát triển và tổ chức thực hiện quyết định trở nên phức tạp hơn, gia tăng nguy cơ xuất hiện

những quyết định chưa đạt được sự hài hòa giữa yêu cầu của lý luận và điều kiện thực tiễn.

Theo Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, khu vực vẫn còn những điểm nghẽn về kết cấu hạ tầng, liên kết vùng, chất lượng nguồn nhân lực và năng lực tham gia chuỗi giá trị. Đây là những yếu tố khách quan tác động trực tiếp đến chất lượng hoạt động hoạch định và thực thi quyết định của các địa phương.

Thứ hai, hệ thống cơ chế, chính sách và pháp luật trên một số lĩnh vực đang trong quá trinh hoàn thiện, làm gia tăng tính phức tạp của môi trường ra quyết đinh

Quá trình đổi mới thể chế trên các lĩnh vực như quy hoạch, đất đai, đầu tư, xây dựng, đấu thầu và tài nguyên, môi trường đã tạo động lực quan trọng cho phát triển. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuyển tiếp, việc sửa đổi, bổ sung nhiều chính sách trong thời gian ngắn khiến một số quy định chưa thật sự đồng bộ hoặc cần tiếp tục được hướng dẫn, hoàn thiện.

Điều đó làm cho môi trường pháp lý luôn vận động, đòi hỏi cán bộ cấp tỉnh Nam trung bộ phải có năng lực thích ứng cao. Trong một số trường hợp, việc cụ thể hóa chủ trương thành quyết định quản lý còn gặp khó khăn do sự thay đổi của cơ chế hoặc sự thiếu thống nhất giữa các quy định có liên quan, làm phát sinh tâm lý thận trọng hoặc phải điều chỉnh quyết định trong quá trình triển khai ở một số cán bộ.

Thứ ba, bối cảnh phát triển trong nước và quốc tế biến động nhanh làm gia tăng tính bất định của việc ra quyết định

Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh cùng với biến động kinh tế thế giới, cạnh tranh thương mại, rủi ro địa chính trị và yêu cầu phát triển bền vững đang làm thay đổi sâu sắc môi trường phát triển của các địa phương. Đối với vùng Nam Trung Bộ, nơi có độ mở kinh tế lớn và nhiều lợi thế về kinh tế biển, du lịch, logistics và công nghiệp, những biến động này vừa tạo cơ hội phát triển, vừa đặt ra nhiều thách thức mới.

Trong bối cảnh đó, thực tiễn luôn vận động nhanh và chứa đựng nhiều yếu tố khó dự báo. Những căn cứ thực tiễn của quyết định có thể thay đổi trong quá trình tổ chức thực hiện, làm gia tăng khoảng cách giữa dự báo và hiện thực, ảnh hưởng đến tính ổn định và hiệu quả lâu dài của các quyết định lãnh đạo, quản lý của cán bộ cấp tỉnh vùng Nam trung bộ.

Thứ tư, yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực đặt ra những thách thức mới đối với việc ra quyết định

Chủ trương tăng cường phân cấp, phân quyền nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của chính quyền địa phương là yêu cầu khách quan của quá trình đổi mới quản trị quốc gia. Tuy nhiên, khi quyền hạn và trách nhiệm được mở rộng, yêu cầu về năng lực quản trị, chất lượng đội ngũ cán bộ, khả năng điều phối nguồn lực và cơ chế kiểm soát quyền lực cũng trở nên cao hơn.

Trong khi đó, giữa các địa phương vẫn còn sự khác biệt về trình độ phát triển, chất lượng nguồn nhân lực, năng lực quản trị và khả năng huy động nguồn lực. Điều này dẫn đến sự khác nhau trong khả năng tiếp nhận và thực hiện các quyền hạn được phân cấp, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả ra quyết định.

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, những nguyên nhân khách quan nêu trên phản ánh sự quy định của hoàn cảnh lịch sử - cụ thể đối với hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người. Tuy nhiên, các điều kiện khách quan không quyết định trực tiếp kết quả hoạt động của chủ thể mà chỉ tạo nên môi trường, tiền đề và giới hạn cho hoạt động đó. Việc biến những khó khăn khách quan thành động lực phát triển hay để chúng trở thành lực cản phụ thuộc chủ yếu vào năng lực nhận thức, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức thực tiễn của đội ngũ cán bộ chủ chốt.

Tóm lại, những hạn chế trong bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ là kết quả của sự tác động biện chứng giữa các nhân tố chủ

quan và khách quan. Theo quan điểm duy vật biện chứng, điều kiện khách quan là tiền đề hiện thực của hoạt động nhận thức và thực tiễn, còn nhân tố chủ quan quyết định khả năng nhận thức đúng quy luật khách quan và chuyển hóa nhận thức đó thành hoạt động thực tiễn có hiệu quả. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh chỉ có thể đạt được khi đồng thời hoàn thiện môi trường thể chế và phát huy vai trò của nhân tố con người.

3.2. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TRẠNG THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH VÙNG NAM TRUNG BỘ HIỆN NAY

3.2.1. Mâu thuẫn giữa yêu cầu nâng cao nhận thức, năng lực quán triệt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định với những hạn chế về nhận thức và năng lực vận dụng của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ

Trong bối cảnh đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ đứng trước yêu cầu ngày càng cao về nhận thức lý luận, tư duy biện chứng và năng lực vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, giữa yêu cầu khách quan đó với năng lực nhận thức và vận dụng của một bộ phận cán bộ vẫn còn khoảng cách nhất định, tạo nên mâu thuẫn cần được giải quyết nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động ra quyết định.

Một mặt, thực tiễn phát triển hiện nay đòi hỏi đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh phải không ngừng nâng cao trình độ lý luận chính trị, nắm vững và vận dụng sáng tạo nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động lãnh đạo, quản lý. Trong điều kiện các vấn đề phát triển ngày càng phức tạp, đa chiều và biến động nhanh, việc ra quyết định không thể chỉ dựa vào kinh nghiệm quản lý truyền thống, mà đòi hỏi phải có tư duy biện chứng, năng lực phân tích khoa

học, khả năng dự báo và xử lý linh hoạt các mối quan hệ như giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững, giữa phát triển với bảo vệ môi trường, giữa lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài. Theo đó, lý luận không chỉ giữ vai trò định hướng chung, mà còn phải được chuyển hóa thành phương pháp tư duy và công cụ phân tích khoa học nhằm nhận diện đúng bản chất vấn đề và lựa chọn phương án quyết định phù hợp với điều kiện lịch sử - cụ thể của từng địa phương. Đối với vùng Nam Trung Bộ, yêu cầu này càng trở nên cấp thiết do sự khác biệt giữa các địa phương về điều kiện tự nhiên, cơ cấu kinh tế, lợi thế phát triển, mức độ đô thị hóa và khả năng huy động nguồn lực.

Mặt khác, thực tiễn cũng cho thấy ở một số địa phương và trong một số lĩnh vực, năng lực nhận thức lý luận, tư duy biện chứng và năng lực vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của một bộ phận cán bộ chủ chốt vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đặt ra. Việc học tập, quán triệt lý luận có lúc còn nặng về tiếp thu nội dung mà chưa gắn chặt với việc phân tích, giải quyết những vấn đề thực tiễn cụ thể của địa phương. Vì vậy, trong một số trường hợp, lý luận chưa thực sự trở thành phương pháp tư duy khoa học định hướng hoạt động ra quyết định, dẫn đến quyết định tuy phù hợp về chủ trương chung nhưng chưa phản ánh đầy đủ điều kiện lịch sử - cụ thể của địa phương, ảnh hưởng đến tính khả thi và hiệu quả tổ chức thực hiện.

Mâu thuẫn này còn biểu hiện ở sự tồn tại đồng thời hai khuynh hướng lệch lạc trong tư duy ra quyết định. Một là khuynh hướng giáo điều, thể hiện ở việc vận dụng lý luận, chủ trương, chính sách theo hướng máy móc, rập khuôn, chưa được cụ thể hóa trên cơ sở phân tích điều kiện thực tiễn của địa phương. Hai là khuynh hướng kinh nghiệm chủ nghĩa, biểu hiện ở việc dựa chủ yếu vào kinh nghiệm cá nhân, tiền lệ cục bộ hoặc cách làm truyền thống, trong khi thiếu cơ sở phân tích khoa học và chưa khai thác hiệu quả thông tin, dữ liệu phục vụ ra quyết định. Sự đan xen của hai khuynh hướng này không chỉ làm suy giảm tư duy biện chứng, mà còn làm cho quá trình ra quyết định thiếu tính nhất quán và khó thích ứng với sự biến đổi nhanh chóng của thực tiễn phát triển.

Về bản chất, mâu thuẫn trên phản ánh việc chưa giải quyết thật tốt mối quan hệ biện chứng giữa cái chung và cái riêng trong hoạt động ra quyết định. Lý luận với tư cách là cái chung chỉ có thể phát huy giá trị khi được vận dụng sáng tạo vào điều kiện lịch sử - cụ thể của từng địa phương; ngược lại, thực tiễn địa phương chỉ có thể được nhận thức đúng và định hướng hiệu quả khi được soi sáng bởi lý luận khoa học. Việc chưa xử lý hài hòa mối quan hệ này là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các biểu hiện giáo điều hoặc kinh nghiệm chủ nghĩa trong việc ra quyết định.

Trong thực tiễn vùng Nam Trung Bộ, mâu thuẫn này thể hiện ở chỗ một số quyết định phát triển chưa thật sự bám sát những điểm nghẽn, yêu cầu và lợi thế đặc thù của từng địa phương. Có nơi việc cụ thể hóa chủ trương của Trung ương còn thiên về áp dụng theo khuôn mẫu, chưa được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn; trong khi ở nơi khác, việc đề xuất chủ trương, chính sách lại dựa nhiều vào kinh nghiệm quản lý, chưa được hỗ trợ đầy đủ bởi cơ sở lý luận và phân tích khoa học. Điều đó làm cho một số quyết định phải điều chỉnh trong quá trình thực hiện hoặc chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế và nguồn lực của địa phương.

Như vậy, mâu thuẫn giữa yêu cầu ngày càng cao về nhận thức lý luận, tư duy biện chứng và năng lực vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn với những hạn chế còn tồn tại trong nhận thức và năng lực của một bộ phận cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ đang trở thành một trong những vấn đề cơ bản cần được giải quyết. Đây không chỉ là vấn đề thuộc về năng lực của chủ thể ra quyết định mà còn liên quan đến cơ chế đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, sử dụng cán bộ và môi trường thực thi công vụ. Nếu mâu thuẫn này không được giải quyết đồng bộ thì việc bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định khó có thể đạt được một cách thực chất, qua đó ảnh hưởng đến chất lượng lãnh đạo, quản lý và mục tiêu phát triển nhanh, bền vững của vùng Nam Trung Bộ trong giai đoạn mới.

3.2.2. Mâu thuẫn giữa yêu cầu hoàn thiện quy trình, cơ chế bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định với những bất cập trong quy trình và cơ chế ra quyết định hiện nay

Trong bối cảnh phát triển mới, khi yêu cầu quản trị địa phương ngày càng cao dưới tác động của chuyển đổi số, hội nhập quốc tế, biến động kinh tế - xã hội và yêu cầu phát triển bền vững, hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ đòi hỏi quy trình và cơ chế ra quyết định ngày càng khoa học, hiện đại và bảo đảm sự thống nhất chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, giữa yêu cầu đó với thực trạng quy trình và cơ chế ra quyết định ở một số địa phương vẫn còn những bất cập nhất định, tạo nên mâu thuẫn cần được giải quyết nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động lãnh đạo, quản lý.

Theo quan điểm của triết học Mác - Lênin, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn phải được thể hiện xuyên suốt trong toàn bộ quá trình nhận thức và hoạt động cải tạo hiện thực. Trong hoạt động ra quyết định lãnh đạo, quản lý, điều đó đòi hỏi quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện quyết định phải được đặt trên cơ sở nhận thức đúng thực tiễn, vận dụng đúng lý luận và thường xuyên được kiểm nghiệm, điều chỉnh thông qua thực tiễn. Vì vậy, quy trình và cơ chế ra quyết định không chỉ là công cụ tổ chức hoạt động quản lý, mà còn là điều kiện bảo đảm để chuyển hóa lý luận thành thực tiễn và phản ánh thực tiễn trở lại trong quá trình hoàn thiện quyết định. Do đó, chất lượng của quy trình và cơ chế ra quyết định có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng hiện thực hóa nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Nếu thiếu một quy trình khoa học và cơ chế vận hành phù hợp thì sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn khó có thể được bảo đảm một cách thực chất.

Trong điều kiện hiện nay, yêu cầu hoàn thiện quy trình ra quyết định không chỉ là hoàn thiện các bước kỹ thuật của hoạt động quản lý mà quan trọng hơn là bảo đảm sự gắn kết hữu cơ giữa các khâu nhận diện vấn đề, thu

thập và xử lý thông tin, phân tích, dự báo, lựa chọn phương án, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và điều chỉnh quyết định trên cơ sở phản hồi từ thực tiễn. Trong toàn bộ quá trình đó, lý luận giữ vai trò định hướng phương pháp luận, còn thực tiễn vừa là điểm xuất phát, vừa là môi trường kiểm nghiệm và điều chỉnh quyết định.

Cùng với việc hoàn thiện quy trình, cơ chế ra quyết định cũng cần tiếp tục được đổi mới theo hướng tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của các chủ thể liên quan, đặc biệt là người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Trong điều kiện chuyển đổi số và phát triển kinh tế tri thức hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống dữ liệu dùng chung, sử dụng các công cụ phân tích chính sách, dự báo và đánh giá tác động trở thành yêu cầu quan trọng nhằm nâng cao tính khoa học và tính khách quan của hoạt động ra quyết định. Đồng thời, đối với vùng Nam Trung Bộ, cơ chế phối hợp liên ngành, liên địa phương và chia sẻ dữ liệu phục vụ ra quyết định cũng cần tiếp tục được hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển liên kết vùng.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy ở một số địa phương vùng Nam Trung Bộ, quy trình và cơ chế bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định vẫn còn những bất cập. Mặc dù quy trình ra quyết định đã từng bước được đổi mới, song vẫn còn biểu hiện mang tính hành chính, thiếu tính liên thông và cơ chế phản hồi hiệu quả giữa các khâu. Công tác phân tích chính sách, đánh giá tác động và dự báo trong một số trường hợp chưa được thực hiện đầy đủ; việc thu thập, xử lý và khai thác dữ liệu phục vụ ra quyết định còn hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng dự báo và lựa chọn phương án phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện quyết định ở một số địa phương còn chưa thật sự chặt chẽ và hiệu quả, dẫn đến tình trạng thông tin thiếu thống nhất hoặc chồng chéo trong quá trình triển khai thực hiện. Việc tham vấn ý kiến của các đối tượng chịu

tác động, đặc biệt là người dân và cộng đồng doanh nghiệp, ở một số trường hợp vẫn còn mang tính hình thức, chưa thực sự trở thành kênh phản ánh thực tiễn quan trọng để kiểm chứng tính khả thi của quyết định trước khi ban hành. Điều đó làm cho khoảng cách giữa nội dung quyết định với yêu cầu thực tiễn của đời sống kinh tế - xã hội chưa được thu hẹp một cách hiệu quả.

Đáng chú ý, cơ chế theo dõi, giám sát, tổng kết thực tiễn và phản hồi chính sách sau khi ban hành quyết định ở một số địa phương còn chưa được thiết lập đầy đủ và vận hành hiệu quả. Việc đánh giá kết quả thực hiện quyết định trong nhiều trường hợp còn thiên về hình thức hoặc nặng về chỉ tiêu hành chính, trong khi việc phân tích những tác động thực chất của quyết định đối với phát triển kinh tế - xã hội chưa được thực hiện sâu sắc và toàn diện. Điều này dẫn đến việc phát hiện và xử lý những bất cập phát sinh từ thực tiễn còn chậm, làm giảm khả năng điều chỉnh kịp thời quyết định trước những biến động nhanh chóng của thực tiễn phát triển. Điều đó cũng làm hạn chế quá trình bổ sung nhận thức và hoàn thiện năng lực vận dụng lý luận của chủ thể ra quyết định thông qua tổng kết thực tiễn.

Về bản chất, những bất cập trên phản ánh mâu thuẫn giữa yêu cầu hoàn thiện quy trình, cơ chế bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn với thực trạng quy trình và cơ chế ra quyết định ở một số địa phương còn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển mới. Một quy trình khoa học không chỉ là vấn đề kỹ thuật quản lý mà còn là hình thức tổ chức của quá trình nhận thức và hoạt động thực tiễn. Khi quy trình thiếu tính khoa học, thiếu cơ chế phản hồi và điều chỉnh từ thực tiễn thì lý luận khó được vận dụng đầy đủ, còn thực tiễn không được phản ánh kịp thời trong nội dung quyết định.

Như vậy, mâu thuẫn giữa yêu cầu hoàn thiện quy trình, cơ chế bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn với những bất cập trong quy trình và cơ chế ra quyết định hiện nay đang trở thành một trong những vấn đề cần được tập trung giải quyết. Việc đổi mới quy trình, hoàn thiện cơ chế phối hợp, tăng cường ứng dụng dữ liệu và công nghệ số, phát huy cơ chế tham vấn,

phản hồi chính sách và tổng kết thực tiễn không chỉ góp phần nâng cao tính khoa học và tính khả thi của quyết định mà còn tạo điều kiện để thực tiễn thường xuyên kiểm nghiệm, bổ sung và hoàn thiện nhận thức lý luận trong hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ.

3.2.3. Mâu thuẫn giữa yêu cầu bảo đảm tính thống nhất trong thực hiện chủ trương, đường lối của Trung ương với yêu cầu vận dụng phù hợp đặc thù thực tiễn của các địa phương vùng Nam Trung Bộ

Trong hệ thống quản lý nhà nước thống nhất, các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước giữ vai trò định hướng chiến lược, bảo đảm tính thống nhất trong lãnh đạo, quản lý và phát triển trên phạm vi cả nước. Đối với vùng Nam Trung Bộ, việc quán triệt và cụ thể hóa các chủ trương, chính sách từ Trung ương là điều kiện quan trọng để bảo đảm sự thống nhất về mục tiêu phát triển, đồng thời tạo cơ sở chính trị - pháp lý cho việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh. Tuy nhiên, giữa yêu cầu bảo đảm tính thống nhất trong quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối của Trung ương với yêu cầu vận dụng phù hợp điều kiện lịch sử - cụ thể của từng địa phương luôn tồn tại một mâu thuẫn khách quan cần được nhận thức và giải quyết đúng đắn trong quá trình ra quyết định. Đây không chỉ là vấn đề quản lý phát triển địa phương mà còn là biểu hiện trực tiếp của việc giải quyết mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ.

Một mặt, yêu cầu khách quan đặt ra là phải bảo đảm tính thống nhất trong việc quán triệt và thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương. Tính thống nhất này thể hiện ở việc các địa phương phải bám sát định hướng chiến lược, mục tiêu tổng thể và các nguyên tắc cơ bản đã được xác lập trong các nghị quyết của Đảng, quy hoạch quốc gia và các chính sách vĩ mô. Điều đó nhằm bảo đảm tính chỉnh thể trong phát triển quốc gia, tránh tình trạng phát triển cục bộ, manh mún, thiếu liên kết và bảo đảm sự đồng bộ giữa các

địa phương trong quá trình phát triển. Đối với vùng Nam Trung Bộ, nơi có vị trí chiến lược về kinh tế biển, quốc phòng - an ninh, liên kết vùng và kết nối Tây Nguyên, yêu cầu này càng trở nên quan trọng trong việc khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế và phát huy vai trò động lực của từng địa phương trong tổng thể phát triển chung của vùng và cả nước. Đồng thời, tính thống nhất còn là cơ sở bảo đảm sự liên kết phát triển giữa các địa phương trong vùng Nam Trung Bộ và giữa vùng với chiến lược phát triển quốc gia.

Mặt khác, thực tiễn phát triển của các địa phương trong vùng lại đặt ra yêu cầu phải tôn trọng và phát huy tính đặc thù trong quá trình cụ thể hóa chủ trương, chính sách. Các tỉnh vùng Nam Trung Bộ có sự khác biệt khá rõ về điều kiện tự nhiên, cơ cấu kinh tế, trình độ phát triển và định hướng phát triển chiến lược. Sự khác biệt về điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển, cơ cấu kinh tế, nguồn lực và lợi thế so sánh giữa các địa phương trong vùng làm cho yêu cầu cụ thể hóa chủ trương của Trung ương không thể thực hiện theo một khuôn mẫu thống nhất. Vì vậy, đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh phải xuất phát từ điều kiện lịch sử - cụ thể của từng địa phương để nhận diện đúng tiềm năng, lợi thế, điểm nghẽn phát triển và lựa chọn phương án phù hợp. Đây chính là quá trình chuyển hóa cái chung thành cái riêng trong việc ra quyết định.

Chính trong sự tác động đồng thời của hai yêu cầu trên đã hình thành mâu thuẫn giữa tính phổ biến của chủ trương chung với tính đặc thù của thực tiễn địa phương trong hoạt động ra quyết định. Nếu quá nhấn mạnh tính thống nhất mà xem nhẹ tính đặc thù sẽ dẫn đến khuynh hướng vận dụng chủ trương, chính sách theo hướng cơ học, rập khuôn, làm giảm tính khả thi và hiệu quả của quyết định. Đồng thời làm hạn chế khả năng phát huy tính chủ động, sáng tạo của chủ thể ra quyết định trong việc vận dụng lý luận vào điều kiện cụ thể của địa phương. Thực tiễn cho thấy, ở một số địa phương, việc cụ thể hóa chủ trương của Trung ương còn mang tính "sao chép mô hình", thiếu sự điều chỉnh phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, dẫn đến tình trạng quy hoạch, chính sách phát triển chưa thật sự phù hợp với nhu cầu và tiềm năng

phát triển thực tế. Ngược lại, nếu tuyệt đối hóa tính đặc thù mà xem nhẹ tính thống nhất sẽ dẫn đến nguy cơ phát triển cục bộ, thiếu liên kết vùng, làm suy giảm tính đồng bộ trong phát triển và có thể ảnh hưởng đến định hướng chiến lược chung của quốc gia.

Mâu thuẫn trên chính là biểu hiện cụ thể của mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng trong hoạt động nhận thức và thực tiễn. Cái chung, ở đây là chủ trương, đường lối và chính sách của Trung ương, mang tính định hướng và khái quát phương pháp luận; còn cái riêng là điều kiện thực tiễn cụ thể của từng địa phương, luôn vận động đa dạng và biến đổi. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, cái chung chỉ tồn tại thông qua cái riêng, còn cái riêng là hình thức biểu hiện cụ thể của cái chung. Vì vậy, việc vận dụng đúng đắn chủ trương, chính sách của Trung ương vào việc ra quyết định ở địa phương đòi hỏi phải kết hợp chặt chẽ giữa việc quán triệt sâu sắc cái chung với việc nhận thức đầy đủ cái riêng trên cơ sở điều kiện lịch sử - cụ thể. Nếu không giải quyết tốt mối quan hệ này, việc ra quyết định dễ rơi vào hai khuynh hướng lệch lạc: hoặc giáo điều, máy móc; hoặc tùy tiện, cục bộ địa phương. Việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ này cũng chính là điều kiện để thực tiễn địa phương tiếp tục kiểm nghiệm, bổ sung và phát triển nhận thức trong quá trình cụ thể hóa chủ trương của Trung ương.

Thực tiễn vùng Nam Trung Bộ cho thấy, trong những trường hợp xử lý tốt mối quan hệ giữa tính phổ biến và tính đặc thù, các địa phương đã ban hành được những quyết định phù hợp với điều kiện thực tiễn, phát huy hiệu quả lợi thế so sánh và tạo động lực phát triển rõ nét. Ngược lại, ở một số địa phương, việc cụ thể hóa chủ trương còn thiếu linh hoạt hoặc chưa tính đầy đủ yêu cầu liên kết vùng nên hiệu quả thực hiện quyết định chưa đạt như kỳ vọng và phải tiếp tục điều chỉnh trong quá trình triển khai. Điều đó cho thấy năng lực xử lý mối quan hệ giữa tính phổ biến và tính đặc thù không chỉ là vấn đề kỹ thuật quản lý, mà còn là biểu hiện tập trung của trình độ tư duy lý luận, năng lực nhận thức thực tiễn và khả năng vận dụng phương pháp luận của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Trong điều kiện phát triển hiện nay, vấn đề đặt ra là phải tiếp tục nâng cao năng lực nhận thức và xử lý mối quan hệ giữa tính phổ biến của chủ trương, chính sách Trung ương với tính đặc thù của thực tiễn địa phương trong việc ra quyết định. Điều này đòi hỏi đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh không chỉ nắm vững chủ trương, định hướng chung, mà còn phải có khả năng phân tích sâu sắc thực tiễn địa phương, nhận diện đúng tiềm năng, lợi thế, hạn chế và yêu cầu phát triển cụ thể để cụ thể hóa chủ trương một cách sáng tạo, linh hoạt và phù hợp. Đồng thời, cần tăng cường cơ chế phối hợp, liên kết vùng và trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương nhằm bảo đảm sự hài hòa giữa lợi ích cục bộ và lợi ích tổng thể, giữa phát triển riêng của từng địa phương với phát triển chung của vùng và quốc gia. Đặc biệt, trong bối cảnh thực hiện các chủ trương phát triển vùng, phát triển kinh tế biển, hành lang kinh tế Đông - Tây và kết nối với Tây Nguyên, yêu cầu xử lý hài hòa giữa lợi ích của từng địa phương với lợi ích phát triển chung của vùng càng trở nên cấp thiết.

Như vậy, mâu thuẫn giữa yêu cầu bảo đảm tính thống nhất trong thực hiện chủ trương, đường lối của Trung ương với yêu cầu vận dụng phù hợp đặc thù thực tiễn của các địa phương vùng Nam Trung Bộ là một mâu thuẫn khách quan trong việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh. Giải quyết đúng đắn mâu thuẫn này không chỉ góp phần nâng cao tính khả thi, tính hiệu quả và tính đặc thù của các quyết định lãnh đạo, quản lý mà còn tạo điều kiện để thực tiễn địa phương kiểm nghiệm, bổ sung và phát triển nhận thức trong quá trình vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng vào điều kiện cụ thể. Đây cũng là cơ sở quan trọng để bảo đảm sự thống nhất ngày càng chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ.

3.2.4. Mâu thuẫn giữa yêu cầu đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, phản hồi chính sách với những hạn chế trong tổng kết thực tiễn và phản hồi chính sách trong việc ra quyết định

Trong triết học Mác - Lênin, thực tiễn giữ vai trò là cơ sở, động lực của nhận thức và là tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý. Vì vậy, tổng kết thực tiễn và

phản hồi chính sách không chỉ là một khâu kỹ thuật trong hoạt động quản lý nhà nước mà còn là yêu cầu phương pháp luận có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định. Thông qua tổng kết thực tiễn, những kinh nghiệm, dữ liệu và vấn đề nảy sinh trong đời sống xã hội được khái quát thành các luận cứ khoa học phục vụ hoạch định và điều chỉnh chính sách; đồng thời, thông qua cơ chế phản hồi chính sách, thực tiễn tiếp tục tác động trở lại quá trình nhận thức, kiểm nghiệm, bổ sung và hoàn thiện các quyết định lãnh đạo, quản lý.

Một mặt, trong bối cảnh phát triển mới của vùng Nam Trung Bộ với yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường liên kết vùng và phát triển bền vững, việc ra quyết định đòi hỏi công tác tổng kết thực tiễn và phản hồi chính sách phải được thực hiện một cách thường xuyên, khoa học, khách quan và kịp thời. Tổng kết thực tiễn không chỉ nhằm đánh giá kết quả thực hiện mà còn phải phát hiện những vấn đề mới, nhận diện các mâu thuẫn nảy sinh, khái quát thành các luận cứ khoa học phục vụ hoàn thiện lý luận và nâng cao chất lượng quyết định. Đồng thời, cơ chế phản hồi chính sách phải bảo đảm các thông tin từ thực tiễn được thu nhận, xử lý và phản ánh kịp thời vào quá trình điều chỉnh chính sách và ra quyết định, qua đó tạo lập chu trình biện chứng "thực tiễn - nhận thức - quyết định - thực tiễn mới".

Mặt khác, thực tiễn ở một số địa phương vùng Nam Trung Bộ cho thấy công tác tổng kết thực tiễn và phản hồi chính sách vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đặt ra, tạo nên khoảng cách giữa yêu cầu khách quan với thực trạng triển khai trong hoạt động ra quyết định.

Trước hết, công tác tổng kết thực tiễn ở một số địa phương vẫn chưa theo kịp yêu cầu của quản trị phát triển hiện đại, còn thiên về tổng hợp tình hình và báo cáo kết quả hành chính, trong khi việc khái quát hóa những vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận và giá trị định hướng chính sách còn hạn chế. Tại tỉnh Quảng Ngãi, Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần

thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 cho thấy nhiều kết quả tích cực về tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách và phát triển xã hộ [15]. Tuy nhiên, nội dung tổng kết chủ yếu vẫn tập trung vào các chỉ tiêu định lượng, trong khi việc phân tích chiều sâu về chất lượng tăng trưởng, mức độ lan tỏa của chính sách, tính bền vững của mô hình phát triển và những tác động xã hội, môi trường trong quá trình thực hiện quyết định chưa thật sự đầy đủ. Điều đó cho thấy ở một số lĩnh vực, việc chuyển hóa dữ liệu và kinh nghiệm thực tiễn thành các luận cứ khoa học phục vụ hoạch định chính sách vẫn còn hạn chế.

Thực tiễn ở một số địa phương vùng Nam Trung Bộ cũng cho thấy trong quá trình triển khai quy hoạch, thu hút đầu tư và phát triển kết cấu hạ tầng vẫn xuất hiện tình trạng một số dự án phải điều chỉnh tiến độ, bổ sung cơ chế thực hiện hoặc xử lý lại những vấn đề phát sinh từ thực tiễn. Tại Khánh Hòa, trong quá trình triển khai Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, một số dự án đầu tư phải điều chỉnh tiến độ hoặc gia hạn chủ trương đầu tư do phát sinh khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện [86]. Điều này phản ánh rằng ở một số trường hợp, công tác đánh giá điều kiện thực tiễn, dự báo tác động và tổng kết kinh nghiệm quản lý chưa thật sự theo kịp yêu cầu của hoạt động hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách.

Bên cạnh đó, cơ chế phản hồi chính sách từ thực tiễn lên các cơ quan có thẩm quyền ở nhiều địa phương vẫn chưa thật sự đồng bộ và hiệu quả. Mặc dù các tỉnh trong vùng đã từng bước đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử và chuyển đổi số trong quản lý nhà nước [43], song việc khai thác dữ liệu phục vụ phân tích, dự báo và điều chỉnh chính sách vẫn còn nhiều hạn chế. Ở một số nơi, dữ liệu giữa các cơ quan còn phân tán, thiếu liên thông; việc sử dụng thông tin thực tiễn phục vụ hoạch định chính sách còn thiên về yêu cầu quản lý hành chính trước mắt, chưa phát huy đầy đủ vai trò của dữ liệu như một công cụ phản ánh thực tiễn và hỗ trợ hoạt động nhận thức chính sách. Điều đó cho thấy quá trình chuyển hóa thông tin thực tiễn thành tri thức quản lý và luận cứ khoa học ở một số địa phương vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển mới.

Một biểu hiện đáng chú ý khác là ở một số trường hợp vẫn còn tồn tại độ trễ giữa sự vận động của thực tiễn với quá trình điều chỉnh và hoàn thiện chính sách. Nhiều vấn đề phát sinh từ đời sống kinh tế - xã hội chưa được phản ánh và xử lý kịp thời trong quá trình tổ chức thực hiện quyết định. Tại tỉnh Khánh Hòa, trong giai đoạn 2022 - 2024, một số văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh trong các lĩnh vực đất đai, đầu tư và xây dựng phải sửa đổi, bổ sung sau thời gian ngắn ban hành do phát sinh những bất cập trong quá trình thực thi [87]. Điều này cho thấy công tác đánh giá tác động, dự báo và phản hồi chính sách ở một số lĩnh vực vẫn chưa theo kịp sự vận động của thực tiễn.

Ngoài ra, ở một số địa phương, mối liên hệ giữa tổng kết thực tiễn với phát triển lý luận và hoạch định chính sách chiến lược vẫn chưa được thiết lập chặt chẽ. Trong nhiều trường hợp, kết quả tổng kết chủ yếu phục vụ yêu cầu quản lý trước mắt hoặc báo cáo chuyên môn, chưa được hệ thống hóa thành các luận cứ có giá trị khái quát và định hướng phát triển lâu dài. Tại Gia Lai, mặc dù nhiều chương trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2021 - 2025 được triển khai đúng tiến độ, song việc tổng kết mô hình liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp vẫn chưa được chuẩn hóa thành hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả chính sách có tính ổn định và khả năng áp dụng rộng rãi [204]. Tương tự, tại tỉnh Lâm Đồng, dù nhiều mô hình phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với du lịch sinh thái đạt được kết quả tích cực, song việc tổng kết và khái quát hóa thành các mô hình phát triển có khả năng nhân rộng trên phạm vi toàn vùng vẫn còn hạn chế [219], Điều này cho thấy quá trình chuyển hóa kinh nghiệm thực tiễn thành tri thức lý luận và cơ sở khoa học phục vụ hoạch định chính sách ở một số lĩnh vực vẫn chưa được thực hiện đầy đủ.

Như vậy, mâu thuẫn đặt ra hiện nay là yêu cầu ngày càng cao về tăng cường công tác tổng kết thực tiễn và phản hồi chính sách nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định, trong khi công tác tổng kết thực tiễn và phản hồi chính sách ở một số địa phương vẫn còn

những hạn chế về chất lượng, tính hệ thống, tính kịp thời và hiệu quả vận hành. Mâu thuẫn này làm cho quá trình chuyển hóa thực tiễn thành tri thức lý luận và chuyển hóa lý luận thành các quyết định phù hợp chưa thật sự thông suốt, ảnh hưởng đến khả năng thích ứng của hoạt động lãnh đạo, quản lý trước những biến động nhanh của thực tiễn.

Trong bối cảnh phát triển hiện nay, việc giải quyết mâu thuẫn trên đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới công tác tổng kết thực tiễn theo hướng khoa học, hệ thống và liên tục; đồng thời hoàn thiện cơ chế phản hồi chính sách, tăng cường ứng dụng chuyển đổi số, khai thác dữ liệu và mở rộng sự tham gia của người dân, doanh nghiệp, chuyên gia trong quá trình đánh giá, điều chỉnh chính sách. Chỉ khi thực tiễn thực sự trở thành điểm xuất phát của nhận thức, là cơ sở kiểm nghiệm và là nguồn bổ sung, phát triển lý luận, thì mới có thể bảo đảm sự thống nhất thực chất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay.

Tiểu kết

Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của triết học Mác - Lênin, đồng thời là cơ sở bảo đảm tính khoa học, tính đúng đắn và hiệu quả của hoạt động lãnh đạo, quản lý. Đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ, việc quán triệt và vận dụng nguyên tắc này trong quá trình ra quyết định có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi đây là địa bàn có vị trí chiến lược về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh; đồng thời có điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội đa dạng, nhiều tiềm năng nhưng cũng đặt ra không ít yêu cầu và thách thức trong quá trình phát triển.

Kết quả nghiên cứu Chương 3 cho thấy, thời gian qua việc bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Nhiều quyết định đã từng bước cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương; bám sát yêu cầu phát triển và góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế,

chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kết cấu hạ tầng, nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị - xã hội. Những kết quả đó khẳng định giá trị của việc vận dụng đúng đắn lý luận vào điều kiện lịch sử - cụ thể của từng địa phương, đồng thời cho thấy thực tiễn là môi trường kiểm nghiệm tính đúng đắn và hiệu quả của các quyết định lãnh đạo, quản lý.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định vẫn còn những hạn chế nhất định. Ở một số địa phương, nhận thức lý luận và năng lực vận dụng của chủ thể ra quyết định chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn; một số quyết định chưa thật sự sát thực tiễn, tính khả thi và hiệu quả chưa cao hoặc chậm được điều chỉnh trước những biến động mới. Quy trình và cơ chế ra quyết định ở một số lĩnh vực còn thiếu tính khoa học và cơ chế phản hồi từ thực tiễn; chất lượng dự báo, tham vấn, phản biện chính sách, tổng kết thực tiễn và đánh giá tác động vẫn còn là những khâu cần tiếp tục hoàn thiện. Điều đó cho thấy sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định ở một số trường hợp vẫn chưa được bảo đảm đầy đủ và thực chất.

Những hạn chế trên xuất phát từ cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó nguyên nhân chủ quan giữ vai trò trực tiếp. Trình độ tư duy lý luận, năng lực tổng kết thực tiễn, khả năng dự báo và năng lực vận dụng của một bộ phận cán bộ còn hạn chế; trong khi đó, yêu cầu phát triển mới cùng tác động của chuyển đổi số, hội nhập quốc tế, biến đổi khí hậu và những bất cập trong một số cơ chế, chính sách đã làm cho việc ra quyết định ở cấp tỉnh trở nên phức tạp hơn, đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới cả về tư duy, quy trình và phương thức lãnh đạo, quản lý.

Từ thực trạng trên đã bộc lộ những mâu thuẫn và yêu cầu cần tiếp tục giải quyết nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ. Đó là mâu thuẫn giữa yêu cầu nâng cao nhận thức và năng lực vận dụng với những

hạn chế hiện có của đội ngũ cán bộ; giữa yêu cầu hoàn thiện quy trình, cơ chế ra quyết định với những bất cập trong tổ chức thực hiện; giữa yêu cầu bảo đảm tính thống nhất trong thực hiện chủ trương của Trung ương với yêu cầu vận dụng phù hợp đặc thù thực tiễn địa phương; và giữa yêu cầu tăng cường công tác tổng kết thực tiễn, phản hồi chính sách với những hạn chế trong công tác tổng kết thực tiễn và phản hồi chính sách trong hoạt động ra quyết định. Đây là cơ sở lý luận và thực tiễn trực tiếp để luận án đề xuất các giải pháp ở Chương 4 nhằm nâng cao hiệu quả bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay.

Chương 4
GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUÁN TRIỆT SỰ THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH VÙNG NAM TRUNG BỘ THỜI GIAN TỚI

4.1. NÂNG CAO NĂNG LỰC NHẬN THỨC LÝ LUẬN VÀ TƯ DUY BIỆN CHỨNG CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH VÙNG NAM TRUNG BỘ TRONG VẬN DỤNG SỰ THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VÀO VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH

Trong hệ thống các giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ, nâng cao năng lực nhận thức lý luận và tư duy biện chứng giữ vai trò nền tảng, bởi chất lượng quyết định phụ thuộc trước hết vào năng lực nhận thức, phân tích và vận dụng lý luận của chủ thể. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, lý luận phải xuất phát từ hiện thực khách quan, được vận dụng sáng tạo vào thực tiễn và thường xuyên được kiểm nghiệm, bổ sung thông qua thực tiễn. Vì vậy, nâng cao năng lực nhận thức lý luận và tư duy biện chứng là điều kiện quan trọng để hạn chế tình trạng chủ quan, giáo điều, kinh nghiệm chủ nghĩa trong quá trình ra quyết định.

Hoạt động ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh đòi hỏi khả năng nhận diện đúng vấn đề, phân tích các mối quan hệ, dự báo xu hướng và lựa chọn phương án phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương. Trong điều kiện phân cấp, phân quyền ngày càng gắn với yêu cầu nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương, năng lực đó không chỉ thể hiện ở trình độ lý luận mà còn ở khả năng chuyển hóa tri thức thành phương án, chính sách và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Hiện nay, vùng Nam Trung Bộ đang đứng trước những yêu cầu phát triển mới, gắn với việc sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức lại không gian phát

triển, tăng cường liên kết vùng, phát huy lợi thế kinh tế biển, logistics, du lịch, năng lượng tái tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh. Tuy nhiên, các địa phương trong vùng có sự khác biệt về điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển, kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực và cơ cấu dân cư; bên cạnh các đô thị, khu kinh tế ven biển còn có địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và những khu vực thường xuyên chịu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu. Thực tiễn đó đòi hỏi cán bộ chủ chốt phải có năng lực phân tích điều kiện lịch sử - cụ thể, nhận diện lợi thế và hạn chế của từng địa phương, đồng thời xử lý hài hòa các mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và giữ vững quốc phòng, an ninh.

Từ yêu cầu trên, việc nâng cao năng lực nhận thức lý luận và tư duy biện chứng cần gắn với đổi mới đào tạo, bồi dưỡng, phát huy tinh thần tự học, hoàn thiện cơ chế sử dụng cán bộ và rèn luyện phương pháp tư duy khoa học. Trên cơ sở đó, cần tập trung thực hiện các nội dung sau:

Thứ nhất, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo hướng nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn lãnh đạo, quản lý của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ.

Đổi mới đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cần hướng trực tiếp vào phát triển năng lực vận dụng sáng tạo lý luận trong lãnh đạo, quản lý và ra quyết định. Kết quả nghiên cứu ở Chương 3 cho thấy, năng lực vận dụng lý luận, cập nhật tri thức mới, tổng kết thực tiễn và phân tích, dự báo của một bộ phận cán bộ còn hạn chế. Vì vậy, cần khắc phục tình trạng nặng về truyền thụ kiến thức, chưa chú trọng đúng mức đến khả năng giải quyết những vấn đề cụ thể phát sinh trong thực tiễn địa phương.

Nội dung đào tạo, bồi dưỡng cần kết hợp trang bị lý luận nền tảng với cập nhật chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kiến thức về phân tích chính sách, tư duy chiến lược, chuyển đổi số, quản trị rủi ro, phát triển bền vững. Phương pháp giảng dạy cần tăng cường nghiên cứu tình

huống, thảo luận, khảo sát thực tế, phân tích phương án và đánh giá kết quả thực hiện quyết định, qua đó hình thành năng lực vận dụng lý luận thay vì chỉ kiểm tra khả năng ghi nhớ kiến thức.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, chương trình bồi dưỡng cần lựa chọn những vấn đề sát với đặc điểm và yêu cầu phát triển của từng địa phương, như phát triển kinh tế biển, liên kết vùng, quản lý tài nguyên, phòng chống thiên tai, phát triển vùng miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số, tổ chức không gian phát triển sau sắp xếp đơn vị hành chính. Các cơ sở đào tạo cần phối hợp với cơ quan lãnh đạo, quản lý địa phương xây dựng tình huống từ thực tiễn, tổ chức khảo sát và trao đổi kinh nghiệm giữa các địa bàn có điều kiện tương đồng hoặc khác biệt, tránh áp dụng một chương trình thực hành giống nhau cho mọi địa phương.

Cùng với đó, cần đổi mới đánh giá kết quả đào tạo theo hướng kết hợp kết quả học tập với khả năng phân tích, đề xuất và tổ chức thực hiện quyết định trong thực tiễn công tác. Việc đánh giá cần dựa trên sản phẩm công việc, kết quả thực hiện nhiệm vụ và mức độ tiến bộ của cán bộ sau đào tạo, bảo đảm phù hợp với chức trách, thẩm quyền và điều kiện thực tế của từng vị trí công tác.

Thứ hai, phát huy ý thức tự giác học tập, tự nghiên cứu và rèn luyện của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ nhằm nâng cao năng lực vận dụng sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định.

Bên cạnh đào tạo, bồi dưỡng có hệ thống, ý thức tự học tập, tự nghiên cứu và rèn luyện là điều kiện trực tiếp để cán bộ chủ chốt bổ sung tri thức, nâng cao năng lực tư duy và thích ứng với những biến đổi của thực tiễn. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhận thức phải gắn với thực tiễn và không ngừng được phát triển thông qua hoạt động thực tiễn. Vì vậy, cán bộ lãnh đạo, quản lý cần chủ động cập nhật tri thức, nghiên cứu lý luận, tổng kết kinh nghiệm và tự điều chỉnh phương pháp làm việc.

Trước yêu cầu phát triển mới của vùng Nam Trung Bộ, nội dung tự học cần gắn với những vấn đề trực tiếp thuộc lĩnh vực phụ trách, nhất là phát triển kinh tế biển, liên kết vùng, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, quản trị địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu. Cán bộ cần kết hợp nghiên cứu tài liệu với khảo sát cơ sở, đối thoại với người dân, doanh nghiệp, chuyên gia và phân tích kết quả thực hiện các quyết định để nhận diện những vấn đề lý luận cần bổ sung, những kinh nghiệm có thể vận dụng và những cách làm không còn phù hợp.

Để việc tự học, tự nghiên cứu đi vào thực chất, mỗi cán bộ cần xây dựng kế hoạch học tập gắn với yêu cầu chức trách, nhiệm vụ và những hạn chế trong năng lực công tác; định kỳ tự đánh giá kết quả vận dụng kiến thức vào giải quyết công việc. Cơ quan quản lý cán bộ cần tạo điều kiện về thời gian, tài liệu, môi trường trao đổi chuyên môn và cơ hội nghiên cứu thực tiễn; đồng thời gắn kết quả tự học, khả năng đổi mới phương pháp làm việc với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Qua đó, từng bước hình thành đội ngũ cán bộ có năng lực tự học, tự đổi mới và vận dụng sáng tạo lý luận vào điều kiện cụ thể của địa phương.

Thứ ba, gắn công tác đào tạo, bồi dưỡng với thực hiện đồng bộ chính sách cán bộ nhằm nâng cao chất lượng ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ.

Nâng cao năng lực nhận thức lý luận và tư duy biện chứng chỉ phát huy hiệu quả khi gắn với quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng, đánh giá và luân chuyển cán bộ. Nếu công tác đào tạo không gắn với yêu cầu vị trí việc làm và nhiệm vụ được giao, kiến thức, kỹ năng được trang bị sẽ khó chuyển hóa thành năng lực lãnh đạo, quản lý và chất lượng ra quyết định. Vì vậy, cần bảo đảm sự thống nhất giữa yêu cầu phát triển năng lực với cơ chế sử dụng và phát huy năng lực của cán bộ sau đào tạo.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cần xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của từng địa phương, lĩnh vực và vị trí

công tác; chú trọng năng lực quản lý phát triển kinh tế biển, liên kết vùng, quản lý đô thị, phát triển miền núi, chuyển đổi số và ứng phó với thiên tai. Trong điều kiện tổ chức lại đơn vị hành chính và không gian phát triển, cần rà soát yêu cầu năng lực của đội ngũ cán bộ theo chức trách mới, xác định những lĩnh vực còn thiếu kiến thức, kinh nghiệm hoặc kỹ năng để có kế hoạch bồi dưỡng phù hợp, tránh đào tạo dàn trải và hình thức.

Cùng với đó, cần hoàn thiện tiêu chí đánh giá cán bộ theo hướng coi trọng cả phẩm chất chính trị, trình độ lý luận, năng lực tư duy, chất lượng tham mưu, tính khả thi của quyết định và kết quả tổ chức thực hiện. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển và sử dụng cán bộ phải căn cứ vào tiêu chuẩn chức danh, năng lực thực tế và yêu cầu nhiệm vụ; đồng thời thực hiện cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo quy định. Đây là điều kiện để tri thức lý luận và năng lực tư duy được chuyển hóa thành hiệu quả lãnh đạo, quản lý thực chất.

Thứ tư, phát triển tư duy biện chứng và tư duy chiến lược của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ trong việc ra quyết định.

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, các sự vật, hiện tượng tồn tại trong mối liên hệ, vận động và phát triển. Vì vậy, phát triển tư duy biện chứng và tư duy chiến lược là yêu cầu quan trọng để cán bộ chủ chốt nhận diện đúng bản chất vấn đề, đánh giá đầy đủ các khả năng, dự báo xu hướng và lựa chọn phương án quyết định phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, rèn luyện tư duy biện chứng cần tập trung vào khả năng xử lý các mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội; khai thác lợi thế với bảo vệ tài nguyên, môi trường; phát triển địa phương với liên kết vùng; lợi ích trước mắt với mục tiêu lâu dài. Đặc biệt, cán bộ cần nhận thức rõ sự khác biệt về điều kiện phát triển giữa các địa phương ven biển, đô thị, miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, từ đó lựa chọn

mục tiêu, lộ trình và phương thức thực hiện phù hợp, tránh đồng nhất hóa các mô hình phát triển.

Để thực hiện, cần tăng cường bồi dưỡng phương pháp phân tích hệ thống, đánh giá tác động chính sách, dự báo các kịch bản và nhận diện rủi ro; đồng thời yêu cầu các cơ quan tham mưu làm rõ căn cứ lý luận, dữ liệu thực tiễn, phương án lựa chọn, nguồn lực và điều kiện tổ chức thực hiện trước khi trình quyết định. Đối với những vấn đề liên ngành, liên địa phương hoặc có tác động dài hạn, cần tăng cường phối hợp, tham vấn chuyên gia và lấy ý kiến các đối tượng chịu tác động. Qua đó, nâng cao tính toàn diện, tính dự báo và tính khả thi của quyết định, hạn chế cách nhìn phiến diện, ngắn hạn hoặc thiên về lợi ích cục bộ.

Thứ năm, khắc phục bệnh giáo điều và kinh nghiệm chủ nghĩa trong quá trình ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ.

Giáo điều và kinh nghiệm chủ nghĩa là những biểu hiện làm suy giảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Giáo điều thể hiện ở việc vận dụng máy móc lý luận, chủ trương hoặc mô hình của địa phương khác mà không xem xét điều kiện lịch sử - cụ thể; kinh nghiệm chủ nghĩa thể hiện ở việc tuyệt đối hóa kinh nghiệm cá nhân, xem nhẹ cơ sở lý luận, bằng chứng khoa học và yêu cầu dự báo. Cả hai khuynh hướng đều có thể dẫn đến quyết định thiếu căn cứ, không phù hợp với điều kiện thực tế hoặc khó đạt hiệu quả khi tổ chức thực hiện.

Trong điều kiện vùng Nam Trung Bộ có sự khác biệt về nguồn lực, kết cấu hạ tầng, cơ cấu kinh tế, trình độ phát triển và đặc điểm dân cư, việc sao chép mô hình hoặc dựa chủ yếu vào kinh nghiệm quản lý truyền thống đều tiềm ẩn những hạn chế. Chẳng hạn, phương án phát triển kinh tế biển, logistics hoặc du lịch không thể áp dụng đồng nhất giữa các địa phương nếu chưa xem xét điều kiện hạ tầng, nguồn nhân lực, tài nguyên, môi trường và khả năng huy động vốn. Tương tự, chính sách phát triển miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số cần tính đến điều kiện tiếp cận dịch vụ công, sinh kế, văn hóa và khả năng tổ chức thực hiện tại cơ sở.

Để khắc phục, cán bộ chủ chốt cần kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn, giữa kinh nghiệm quản lý với dữ liệu và bằng chứng khoa học; trước khi quyết định phải đánh giá điều kiện áp dụng, nguồn lực, rủi ro và khả năng thực hiện. Đồng thời, cần duy trì cơ chế tham vấn, phản biện, kiểm tra và đánh giá sau thực hiện, kịp thời điều chỉnh những nội dung không còn phù hợp. Việc khắc phục giáo điều và kinh nghiệm chủ nghĩa vì thế không chỉ là yêu cầu rèn luyện cá nhân mà còn cần được hỗ trợ bằng quy trình ra quyết định khoa học, minh bạch và có cơ chế phản hồi.

Thứ sáu, quán triệt thực tiễn là điểm xuất phát, tiêu chuẩn kiểm nghiệm tính đúng đắn và mục tiêu của mọi quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ.

Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, thực tiễn là cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức và là tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý. Vì vậy, quyết định của cán bộ chủ chốt phải xuất phát từ yêu cầu khách quan, dựa trên thông tin đáng tin cậy, được định hướng bằng lý luận khoa học và hướng tới giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra. Tính đúng đắn của quyết định không chỉ được xem xét ở căn cứ ban đầu mà còn phải được kiểm nghiệm thông qua kết quả tổ chức thực hiện và những tác động thực tế.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, việc ra quyết định cần căn cứ vào dữ liệu kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, nhu cầu của người dân và doanh nghiệp, cũng như khả năng phối hợp giữa các cơ quan, địa phương. Đối với những vấn đề liên quan đến quy hoạch, phát triển kinh tế biển, quản lý tài nguyên, phòng chống thiên tai hoặc liên kết vùng, cần đánh giá cả tác động trước mắt và lâu dài, tính đến sự khác biệt về điều kiện phát triển giữa các địa bàn. Đối với địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cần coi trọng khảo sát cơ sở, điều kiện sinh kế, khả năng tiếp cận dịch vụ công và sự tham gia của cộng đồng trong quá trình xây dựng, thực hiện quyết định.

Để bảo đảm yêu cầu này, cán bộ chủ chốt cần duy trì chế độ khảo sát thực tế, đối thoại với Nhân dân, doanh nghiệp và các đối tượng chịu tác động;

nâng cao chất lượng thu thập, phân tích và cập nhật thông tin trước khi quyết định. Sau khi ban hành, cần xác định rõ mục tiêu, tiến độ, nguồn lực, trách nhiệm thực hiện và tiêu chí đánh giá kết quả; tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết, tiếp nhận phản hồi để kịp thời điều chỉnh những nội dung không phù hợp. Việc thực hiện cần gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, bảo đảm quyết định được kiểm nghiệm bằng hiệu quả thực tế, không chỉ dừng lại ở việc hoàn thành thủ tục hoặc ban hành văn bản.

Như vậy, nâng cao năng lực nhận thức lý luận và tư duy biện chứng của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ là giải pháp nền tảng để nâng cao hiệu quả vận dụng sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định. Hiệu quả của giải pháp phụ thuộc vào sự kết hợp giữa đổi mới đào tạo, bồi dưỡng, phát huy tự học, hoàn thiện chính sách cán bộ và xây dựng phương pháp tư duy khoa học gắn với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Thực hiện đồng bộ các nội dung này sẽ góp phần nâng cao chất lượng nhận thức, phân tích, dự báo và lựa chọn phương án quyết định, đồng thời tạo tiền đề thực hiện các giải pháp về đổi mới quy trình ra quyết định, tăng cường gắn kết giữa chủ trương của Trung ương với thực tiễn địa phương, tổng kết thực tiễn, phản hồi chính sách, kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của vùng Nam Trung Bộ trong giai đoạn mới.

4.2. ĐỔI MỚI QUY TRÌNH VÀ HOÀN THIỆN CƠ CHẾ BẢO ĐẢM THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH

Đổi mới quy trình và hoàn thiện cơ chế bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định là giải pháp trực tiếp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả lãnh đạo, quản lý của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ. Giải pháp này không chỉ liên quan đến trình tự, thủ tục hành chính mà còn thể hiện yêu cầu vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng vào toàn bộ quá trình nhận thức, lựa chọn và tổ chức thực hiện quyết định. Theo đó, mọi quyết định phải xuất phát từ thực

tiễn khách quan, được soi sáng bởi lý luận khoa học, phù hợp với điều kiện lịch sử - cụ thể và được kiểm nghiệm, điều chỉnh thông qua kết quả thực hiện.

Kết quả nghiên cứu ở Chương 3 cho thấy, việc thu thập, xử lý thông tin, phân tích chính sách, dự báo và phản hồi từ thực tiễn ở một số nơi còn những hạn chế nhất định; sự phối hợp giữa các chủ thể tham gia quá trình ra quyết định có lúc chưa chặt chẽ, việc đánh giá hiệu quả thực hiện chưa gắn đầy đủ với yêu cầu điều chỉnh quyết định. Những hạn chế này có thể làm giảm tính khách quan, tính khả thi và khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương. Vì vậy, đổi mới quy trình và hoàn thiện cơ chế ra quyết định phải hướng vào khắc phục những khâu còn bất cập, bảo đảm sự liên thông giữa nhận thức, quyết định, tổ chức thực hiện và kiểm nghiệm bằng thực tiễn.

Về bản chất, chủ thể, quy trình và cơ chế ra quyết định có mối quan hệ chặt chẽ, tạo thành một chỉnh thể thống nhất. Chủ thể là người nhận thức, lựa chọn và chịu trách nhiệm về quyết định; quy trình xác định trình tự chuyển hóa nhận thức thành quyết định và tổ chức thực hiện; cơ chế tạo lập các điều kiện, quy định và phương thức phối hợp để quy trình vận hành khoa học, khách quan, hiệu quả. Do đó, nâng cao năng lực của cán bộ cần đi đôi với hoàn thiện quy trình và cơ chế vận hành. Nếu quy trình thiếu chặt chẽ, thông tin không đầy đủ hoặc phản hồi từ thực tiễn không được tiếp nhận kịp thời thì ngay cả chủ thể có trình độ lý luận cũng khó đưa ra quyết định phù hợp.

Dưới góc độ triết học Mác - Lênin, thực tiễn là cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức và là tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý. Vận dụng quan điểm đó vào hoạt động ra quyết định đòi hỏi phải duy trì mối liên hệ thường xuyên giữa lý luận với thực tiễn trong tất cả các khâu: phát hiện vấn đề, thu thập thông tin, phân tích nguyên nhân, xây dựng phương án, lựa chọn quyết định, tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả. Đồng thời, quá trình này phải bảo đảm việc vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, không máy móc, rập khuôn, cũng không tùy tiện xa rời định hướng chung.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, yêu cầu đổi mới quy trình và hoàn thiện cơ chế càng trở nên quan trọng trong điều kiện tổ chức lại đơn vị hành chính, hình thành không gian phát triển mới, tăng cường liên kết nội vùng và liên vùng, phát huy lợi thế kinh tế biển, cảng biển, logistics, du lịch, năng lượng và kết nối với Tây Nguyên. Bên cạnh đó, vùng phải giải quyết đồng thời các vấn đề về phát triển kết cấu hạ tầng, bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Những yêu cầu này đòi hỏi quy trình ra quyết định phải có căn cứ khoa học, dựa trên dữ liệu đáng tin cậy, xác định rõ nguồn lực và trách nhiệm thực hiện, đồng thời tính đến sự khác biệt giữa các địa phương ven biển, đô thị, miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Trên cơ sở đó, đổi mới quy trình và hoàn thiện cơ chế bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định cần tập trung vào các nội dung sau:

Thứ nhất, chuẩn hóa quy trình ra quyết định theo hướng bảo đảm sự thống nhất giữa các khâu nhận thức, hành động và kiểm nghiệm thực tiễn.

Chuẩn hóa quy trình ra quyết định là yêu cầu đầu tiên nhằm khắc phục tình trạng xử lý công việc theo kinh nghiệm đơn thuần, thiếu căn cứ hoặc chưa chú trọng đầy đủ đến đánh giá tác động và kiểm nghiệm kết quả. Quy trình cần được thiết kế thành các khâu có quan hệ chặt chẽ: phát hiện vấn đề từ thực tiễn; khảo sát, thu thập và kiểm chứng thông tin; phân tích nguyên nhân và xác định yêu cầu cần giải quyết; xây dựng, so sánh các phương án; đánh giá tác động và điều kiện thực hiện; lựa chọn, ban hành quyết định; tổ chức thực hiện; theo dõi, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh. Việc chuẩn hóa không có nghĩa là áp dụng một trình tự cứng nhắc cho mọi loại quyết định, mà phải bảo đảm các yêu cầu cốt lõi, đồng thời phù hợp với tính chất, mức độ phức tạp và thẩm quyền giải quyết của từng vấn đề.

Đối với những quyết định có phạm vi tác động lớn, liên quan đến quy hoạch phát triển, thu hút đầu tư, quản lý đất đai, khai thác tài nguyên, xây

dựng kết cấu hạ tầng hoặc bảo đảm an sinh xã hội, cần đặc biệt coi trọng việc xác định đúng vấn đề, làm rõ căn cứ lý luận và thực tiễn, đánh giá các phương án thay thế, dự kiến nguồn lực, nhận diện rủi ro và xác định trách nhiệm tổ chức thực hiện. Đối với những vấn đề cấp bách, cần rút ngắn thời gian xử lý theo thẩm quyền nhưng vẫn phải bảo đảm căn cứ pháp lý, thông tin thiết yếu và cơ chế kiểm tra sau quyết định. Như vậy, tính khoa học của quy trình phải được kết hợp với tính linh hoạt, tránh cả hai khuynh hướng: hành chính hóa, kéo dài thủ tục hoặc tùy tiện bỏ qua những khâu cần thiết.

Để quy trình được vận hành thống nhất, cần quy định rõ trách nhiệm của cơ quan tham mưu, cơ quan phối hợp, người đứng đầu và chủ thể có thẩm quyền quyết định; xác định yêu cầu về hồ sơ, căn cứ, thời hạn xử lý và phương thức đánh giá kết quả ở từng khâu. Trong điều kiện tổ chức chính quyền địa phương và phân cấp, phân quyền có những thay đổi, việc rà soát quy trình cần gắn với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền hiện hành, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót trách nhiệm. Đồng thời, cần phân biệt rõ trách nhiệm đề xuất, thẩm định, quyết định và tổ chức thực hiện, bảo đảm quyết định được xem xét khách quan và có thể truy xuất căn cứ khi cần kiểm tra.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, việc chuẩn hóa cần chú trọng các quyết định có tính liên ngành, liên địa phương và tác động dài hạn, nhất là quy hoạch không gian phát triển, kết nối giao thông, logistics, quản lý tài nguyên nước, phát triển kinh tế biển và phòng, chống thiên tai. Các địa phương cần chủ động phối hợp, chia sẻ thông tin và thống nhất phương thức xử lý đối với những vấn đề vượt ra ngoài phạm vi một địa bàn, trên cơ sở đúng thẩm quyền và quy định pháp luật. Chất lượng tuân thủ quy trình, năng lực tham mưu và kết quả thực hiện quyết định cần được xem xét trong đánh giá cán bộ, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu. Qua đó, quy trình không chỉ là yêu cầu thủ tục mà trở thành công cụ bảo đảm sự thống nhất giữa nhận thức lý luận, quyết định quản lý và kết quả thực tiễn.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế thu thập, xử lý và sử dụng thông tin thực tiễn làm cơ sở cho việc ra quyết định.

Chất lượng thông tin đầu vào có ảnh hưởng trực tiếp đến tính khách quan và độ tin cậy của quyết định. Nếu thông tin thiếu cập nhật, không đầy đủ hoặc chưa được kiểm chứng, việc phân tích vấn đề và lựa chọn phương án dễ dẫn đến nhận định sai lệch về tình hình thực tế. Vì vậy, cần hoàn thiện cơ chế thu thập, xử lý, chia sẻ và sử dụng thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp, người dân và những chủ thể có liên quan. Việc sử dụng thông tin phải bảo đảm tính xác thực, phù hợp mục đích, tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu và bí mật nhà nước, đồng thời tạo điều kiện để các chủ thể có thẩm quyền tiếp cận thông tin cần thiết phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý.

Cùng với việc khai thác các nguồn dữ liệu thống kê và báo cáo chuyên ngành, cần tăng cường điều tra, khảo sát thực địa, tiếp xúc với người dân và doanh nghiệp, tổ chức đối thoại với các đối tượng chịu tác động trực tiếp của quyết định. Kết hợp thông tin định lượng với thông tin định tính sẽ giúp nhận diện rõ hơn nguyên nhân của vấn đề, sự khác biệt giữa các nhóm dân cư và những yếu tố mà số liệu tổng hợp chưa phản ánh đầy đủ. Cần khắc phục tình trạng phụ thuộc quá mức vào báo cáo hành chính hoặc chỉ lựa chọn thông tin thuận chiều với phương án đã định trước. Đối với những thông tin còn khác biệt, cần kiểm chứng từ nhiều nguồn và làm rõ căn cứ trước khi sử dụng.

Trong điều kiện đẩy mạnh chuyển đổi số, cần từng bước nâng cao khả năng kết nối, chia sẻ và khai thác cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan, lĩnh vực và địa phương theo quy định. Việc ứng dụng công nghệ số, công cụ phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo có thể hỗ trợ tổng hợp thông tin, nhận diện xu hướng và xây dựng phương án, nhưng không thay thế trách nhiệm kiểm chứng thông tin, phân tích bối cảnh và quyết định của cán bộ có thẩm quyền. Hiệu quả ứng dụng công nghệ phụ thuộc vào chất lượng dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật, năng lực của đội ngũ sử

dụng và khả năng bảo đảm an toàn thông tin. Vì vậy, cần triển khai phù hợp với nguồn lực thực tế, ưu tiên những lĩnh vực có nhu cầu rõ ràng và khả năng khai thác dữ liệu hiệu quả, tránh đầu tư dàn trải hoặc chạy theo hình thức.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, thông tin phục vụ ra quyết định phải phản ánh được sự khác biệt về điều kiện phát triển giữa khu vực ven biển, đô thị, miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời thể hiện những mối liên hệ về giao thông, logistics, thị trường lao động, nguồn nước, môi trường và chuỗi cung ứng giữa các địa phương. Những quyết định có tác động liên vùng cần sử dụng thông tin có khả năng đối chiếu, thống nhất về phương pháp và thời điểm thống kê, hạn chế tình trạng dữ liệu thiếu đồng bộ hoặc không thể so sánh. Trên cơ sở đó, cần phân công rõ cơ quan cung cấp, cập nhật, kiểm chứng và khai thác thông tin; nâng cao trách nhiệm của cán bộ tham mưu trong việc xác định nguồn, thời điểm và giới hạn sử dụng dữ liệu. Cơ chế thông tin được hoàn thiện sẽ tạo nền tảng thực tiễn vững chắc cho việc vận dụng lý luận và nâng cao chất lượng quyết định.

Thứ ba, xây dựng cơ chế tham vấn, phản biện và đối thoại chính sách nhằm nâng cao chất lượng quyết định.

Sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn đòi hỏi quyết định phải được hình thành trên cơ sở xem xét đầy đủ các khía cạnh của vấn đề, tiếp nhận những thông tin đa chiều và nhận diện các lợi ích có liên quan. Vì vậy, cần hoàn thiện cơ chế tham vấn chuyên gia, phản biện khoa học và đối thoại chính sách đối với những quyết định quan trọng, nhất là các vấn đề về chiến lược phát triển, quy hoạch, đầu tư, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội. Tham vấn và phản biện không làm giảm vai trò, trách nhiệm của chủ thể quyết định mà giúp bổ sung căn cứ, phát hiện những hạn chế của phương án và nâng cao tính khách quan trước khi quyết định được ban hành.

Để cơ chế này phát huy hiệu quả, cần xác định rõ nội dung cần tham vấn, đối tượng tham gia, thời điểm lấy ý kiến và cách thức tiếp thu, giải trình. Việc

tham vấn phải được tiến hành đủ sớm để ý kiến đóng góp có khả năng tác động đến phương án, tránh thực hiện mang tính hình thức sau khi chủ trương cơ bản đã được xác định. Đối với những vấn đề phức tạp, cần huy động chuyên gia có chuyên môn phù hợp, cơ sở nghiên cứu và các đối tượng chịu tác động; đồng thời công khai thông tin trong phạm vi được phép, tổng hợp các ý kiến khác nhau và làm rõ căn cứ tiếp thu hoặc không tiếp thu. Điều này vừa nâng cao chất lượng quyết định, vừa góp phần tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, cần phát huy vai trò của các học viện, trường đại học, trường chính trị, viện nghiên cứu và đội ngũ chuyên gia trong các lĩnh vực kinh tế biển, quy hoạch, logistics, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Những quyết định liên quan đến không gian phát triển ven biển, kết nối giao thông, sử dụng tài nguyên nước hoặc phát triển các chuỗi giá trị liên tỉnh cần được xem xét trong mối quan hệ giữa lợi ích của từng địa phương với lợi ích chung của vùng. Các địa phương cần tăng cường trao đổi thông tin, tham vấn lẫn nhau và phối hợp giải quyết những vấn đề có tính liên kết, trên cơ sở bảo đảm thẩm quyền và cơ chế phối hợp theo quy định.

Bên cạnh tham vấn chuyên gia, cần phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong cung cấp thông tin, phản biện và giám sát việc thực hiện những quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Đối với địa bàn miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phương thức đối thoại cần phù hợp với điều kiện tiếp cận thông tin, đặc điểm văn hóa và ngôn ngữ của cộng đồng. Qua đó, cơ chế tham vấn không chỉ bổ sung tri thức mà còn giúp cán bộ chủ chốt hiểu rõ nhu cầu, điều kiện và khả năng tiếp nhận chính sách của các nhóm đối tượng, hạn chế tư duy cục bộ và nâng cao tính khả thi của quyết định.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế dự báo, đánh giá tác động và xây dựng các kịch bản phát triển trong quá trình ra quyết định.

Một quyết định phù hợp không chỉ phản ánh đúng tình hình hiện tại mà còn phải tính đến xu hướng vận động của thực tiễn và những khả năng có thể phát sinh trong tương lai. Vì vậy, cần hoàn thiện cơ chế dự báo, đánh giá tác động và xây dựng các kịch bản phát triển trước khi ban hành những quyết định có phạm vi ảnh hưởng lớn hoặc thời gian thực hiện dài. Hoạt động này phải dựa trên dữ liệu đáng tin cậy, phương pháp phân tích khoa học, việc nhận diện các mối liên hệ và quy luật vận động, đồng thời xem xét những yếu tố bất định có thể làm thay đổi kết quả dự kiến. Trên cơ sở đó, cán bộ chủ chốt có điều kiện so sánh các phương án, nhận diện rủi ro và lựa chọn quyết định phù hợp hơn với mục tiêu phát triển.

Đánh giá tác động cần làm rõ lợi ích dự kiến, chi phí, nguồn lực, đối tượng chịu tác động, tác động kinh tế - xã hội và môi trường, cũng như khả năng tổ chức thực hiện. Đối với những quyết định chưa đủ căn cứ để dự báo chính xác, cần xây dựng một số kịch bản phù hợp với các điều kiện khác nhau, xác định dấu hiệu cần theo dõi và phương án ứng phó tương ứng. Việc dự báo không nên dừng ở các chỉ tiêu mong muốn mà phải xem xét cả những yếu tố bất lợi, giới hạn nguồn lực và khả năng phối hợp giữa các cơ quan. Đây là cơ sở để hạn chế cách ra quyết định thiên về mục tiêu trước mắt, thiếu tính toán đầy đủ về điều kiện và hệ quả lâu dài.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, yêu cầu dự báo cần tập trung vào những lĩnh vực chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu, thiên tai, biến động thị trường và quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, như kinh tế biển, du lịch, năng lượng, logistics, đô thị ven biển, tài nguyên nước và phát triển miền núi. Các phương án phát triển cần xem xét mối quan hệ giữa khả năng khai thác lợi thế với sức chịu tải của môi trường, giữa tăng trưởng kinh tế với yêu cầu bảo đảm sinh kế và an sinh xã hội, giữa phát triển địa phương với liên kết vùng. Đối với những vấn đề liên quan đến nhiều địa phương, cần tăng cường

trao đổi thông tin và phối hợp xây dựng kịch bản, tránh tình trạng mỗi địa phương dự báo, lựa chọn phương án riêng mà chưa xem xét đầy đủ tác động qua lại.

Để thực hiện hiệu quả, cần nâng cao năng lực dự báo của cơ quan tham mưu, phát huy sự tham gia của cơ sở nghiên cứu và chuyên gia, đồng thời bồi dưỡng cán bộ về phân tích chính sách, quản trị rủi ro và tư duy chiến lược. Việc lựa chọn công cụ dự báo phải phù hợp với tính chất vấn đề và điều kiện dữ liệu; định kỳ cập nhật giả định, kết quả dự báo theo diễn biến thực tế. Sau khi quyết định được triển khai, cần so sánh kết quả thực hiện với các kịch bản ban đầu để nhận diện sai lệch, rút kinh nghiệm và điều chỉnh phương án khi cần thiết. Nhờ đó, dự báo trở thành bộ phận thường xuyên của quy trình ra quyết định, góp phần nâng cao tính chủ động và khả năng thích ứng trước những biến động của thực tiễn.

Thứ năm, hoàn thiện cơ chế giám sát, tổng kết thực tiễn và điều chỉnh quyết định trong quá trình thực hiện.

Thực tiễn luôn vận động và phát triển, vì vậy quyết định cần được theo dõi, đánh giá và điều chỉnh trên cơ sở kết quả thực hiện. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm nghiệm tính đúng đắn của nhận thức. Vận dụng nguyên tắc này đòi hỏi phải xây dựng cơ chế giám sát và đánh giá không chỉ tập trung vào việc hoàn thành thủ tục hoặc tiến độ mà còn xem xét mức độ đạt mục tiêu, chất lượng kết quả, hiệu quả sử dụng nguồn lực và những tác động phát sinh. Qua đó, có thể phát hiện kịp thời những bất cập trong nội dung quyết định hoặc trong quá trình tổ chức thực hiện để xác định biện pháp khắc phục phù hợp.

Để cơ chế giám sát có hiệu quả, ngay từ khi ban hành quyết định cần xác định mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá, thời hạn thực hiện, nguồn lực, cơ quan chịu trách nhiệm và chế độ báo cáo. Việc kiểm tra cần kết hợp giữa theo dõi thường xuyên với đánh giá theo từng giai đoạn; chú trọng kiểm chứng kết quả bằng dữ liệu và phản hồi từ các đối tượng chịu tác động. Khi phát hiện sai

lệch, cần làm rõ nguyên nhân thuộc về căn cứ nhận thức, chất lượng dự báo, thiết kế phương án, phân bổ nguồn lực hay tổ chức thực hiện. Trên cơ sở đó, chủ thể có thẩm quyền quyết định việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế nội dung không còn phù hợp, bảo đảm đúng quy định và không làm gián đoạn những nhiệm vụ thiết yếu.

Cùng với giám sát, cần coi trọng sơ kết, tổng kết thực tiễn như một khâu quan trọng trong quá trình phát triển nhận thức lý luận. Tổng kết phải đi vào những vấn đề thực chất: điều kiện nào làm cho quyết định đạt hiệu quả; những hạn chế phát sinh từ đâu; kinh nghiệm nào có thể khái quát và vận dụng trong những điều kiện tương đồng; những yếu tố nào mang tính đặc thù, không thể áp dụng máy móc ở địa phương khác. Việc tổng kết cần kết hợp dữ liệu định lượng với phân tích định tính, ý kiến chuyên gia và phản hồi của người dân, doanh nghiệp; tránh đánh giá chủ yếu theo thành tích hoặc chỉ nêu kết quả mà chưa làm rõ hạn chế và nguyên nhân.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, cần chú trọng tổng kết những quyết định liên quan đến phát triển kinh tế biển, kết nối hạ tầng, quản lý tài nguyên, phòng, chống thiên tai, phát triển du lịch, chuyển đổi số và thực hiện chính sách đối với vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số. Những mô hình có hiệu quả cần được phân tích đầy đủ về điều kiện hình thành, nguồn lực, cơ chế tổ chức và khả năng nhân rộng; không coi kết quả tại một địa phương là căn cứ đủ để áp dụng nguyên trạng ở địa phương khác. Đối với các vấn đề liên vùng, cần tăng cường trao đổi kết quả tổng kết giữa các địa phương để nhận diện những kinh nghiệm có giá trị chung và những yêu cầu phải điều chỉnh theo điều kiện cụ thể.

Đồng thời, cần gắn kết quả giám sát, tổng kết thực tiễn và trách nhiệm giải trình với đánh giá chất lượng tham mưu, năng lực tổ chức thực hiện và trách nhiệm của người đứng đầu. Việc đánh giá cán bộ phải khách quan, căn cứ vào chức trách, thẩm quyền, điều kiện thực hiện và kết quả thực tế; phân biệt rõ hạn chế do nhận định, quyết định thiếu căn cứ với những khó khăn

khách quan phát sinh dù đã thực hiện đúng quy trình và trách nhiệm. Cách tiếp cận này vừa tăng cường kỷ luật, kỷ cương, vừa tạo điều kiện để cán bộ thẳng thắn báo cáo khó khăn, tiếp nhận phản hồi và chủ động điều chỉnh phương thức thực hiện vì hiệu quả chung.

Như vậy, đổi mới quy trình và hoàn thiện cơ chế bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định là giải pháp trực tiếp nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo, quản lý của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ. Việc chuẩn hóa quy trình, nâng cao chất lượng thông tin, mở rộng tham vấn và phản biện, tăng cường dự báo, giám sát và tổng kết thực tiễn sẽ tạo lập cơ chế vận hành khoa học, giúp các quyết định có căn cứ rõ ràng, phù hợp với điều kiện thực tế và có khả năng điều chỉnh trước những biến đổi của môi trường phát triển.

Hiệu quả của giải pháp phụ thuộc vào sự phối hợp đồng bộ giữa chủ thể ra quyết định, cơ quan tham mưu, cơ quan phối hợp và các chủ thể có liên quan; đồng thời đòi hỏi điều kiện về dữ liệu, nhân lực, nguồn lực tổ chức thực hiện và trách nhiệm giải trình. Đối với vùng Nam Trung Bộ, cần vận dụng linh hoạt các yêu cầu chung vào đặc điểm của từng địa phương, chú trọng những vấn đề liên ngành, liên vùng và những lĩnh vực chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tổ chức lại không gian phát triển. Qua đó, góp phần hiện thực hóa nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động ra quyết định, nâng cao tính khoa học, tính khả thi và hiệu quả thực hiện các quyết định, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của vùng trong giai đoạn mới.

4.3. TĂNG CƯỜNG GẮN KẾT GIỮA CHỦ TRƯƠNG CHUNG CỦA TRUNG ƯƠNG VỚI ĐIỀU KIỆN THỰC TIỄN ĐỊA PHƯƠNG VÙNG NAM TRUNG BỘ TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH

Tăng cường gắn kết giữa chủ trương chung của Trung ương với điều kiện thực tiễn địa phương vùng Nam Trung Bộ là giải pháp có ý nghĩa phương pháp luận và thực tiễn quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng

sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh. Chất lượng quyết định không chỉ phụ thuộc vào tính đúng đắn của chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước mà còn phụ thuộc vào khả năng nhận thức, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện lịch sử - cụ thể của từng địa phương. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là phải chuyển hóa những định hướng chung thành mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và quyết định có căn cứ thực tiễn, xác định rõ nguồn lực, lộ trình và trách nhiệm thực hiện; đồng thời, thông qua thực tiễn địa phương để kiểm nghiệm, bổ sung và kiến nghị hoàn thiện chủ trương, chính sách.

Dưới góc độ phép biện chứng duy vật, cái chung và cái riêng tồn tại trong mối quan hệ thống nhất, tác động và chuyển hóa lẫn nhau. Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thể hiện những định hướng, nguyên tắc và yêu cầu chung; còn điều kiện thực tiễn của từng địa phương là môi trường cụ thể để những định hướng đó được vận dụng và hiện thực hóa. Do đó, ra quyết định ở cấp tỉnh là quá trình vận dụng cái chung vào cái riêng trên cơ sở nhận thức đúng bản chất của chủ trương, đặc điểm của địa phương và những quy luật khách quan của sự phát triển. Tuyệt đối hóa cái chung có thể dẫn đến vận dụng máy móc, giáo điều; ngược lại, tuyệt đối hóa cái riêng dễ dẫn đến cục bộ địa phương, kinh nghiệm chủ nghĩa hoặc xa rời định hướng phát triển chung.

Vì vậy, gắn kết giữa chủ trương chung của Trung ương với thực tiễn địa phương không có nghĩa là áp dụng đồng nhất một mô hình phát triển cho mọi địa phương, cũng không phải là đề cao sự khác biệt địa phương một cách biệt lập. Bản chất của giải pháp là bảo đảm sự thống nhất về định hướng, mục tiêu và nguyên tắc, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo trong lựa chọn nhiệm vụ, phương thức và bước đi phù hợp với điều kiện cụ thể. Quá trình này cần duy trì mối liên hệ hai chiều: chủ trương của Trung ương định hướng hoạt động ra quyết định ở địa phương; thực tiễn địa

phương cung cấp căn cứ kiểm nghiệm, phát hiện những vấn đề mới và đề xuất điều chỉnh chính sách.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, yêu cầu trên càng có ý nghĩa trong bối cảnh tổ chức lại đơn vị hành chính và không gian phát triển, tăng cường liên kết nội vùng và liên vùng, phát huy lợi thế kinh tế biển, logistics, du lịch, năng lượng và kết nối với Tây Nguyên. Các địa phương trong vùng có sự khác biệt về điều kiện tự nhiên, kết cấu hạ tầng, cơ cấu kinh tế, nguồn nhân lực và khả năng huy động nguồn lực. Những khu vực đô thị, công nghiệp, dịch vụ ven biển có yêu cầu phát triển khác với địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và những khu vực chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, các vấn đề về giao thông, nguồn nước, môi trường, thị trường lao động và chuỗi cung ứng có mối liên hệ vượt ra ngoài địa giới hành chính của từng tỉnh. Những đặc điểm này đòi hỏi cán bộ chủ chốt phải kết hợp tư duy phát triển địa phương với tư duy liên kết vùng, bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của từng địa phương với mục tiêu phát triển chung của vùng và cả nước.

Từ yêu cầu đó, để tăng cường gắn kết giữa chủ trương chung của Trung ương với điều kiện thực tiễn địa phương vùng Nam Trung Bộ trong việc ra quyết định, cần tập trung thực hiện các nội dung sau:

Thứ nhất, nâng cao năng lực cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

Cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước là quá trình nhận thức đúng nội dung, mục tiêu và yêu cầu của định hướng chung, đồng thời phân tích những điều kiện cụ thể để lựa chọn phương thức thực hiện phù hợp. Đây không phải là sự sao chép cơ học các văn bản của cấp trên mà là quá trình vận dụng sáng tạo trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, thẩm quyền, quy định pháp luật và quy luật khách quan. Năng lực cụ thể

hóa vì vậy thể hiện trực tiếp khả năng kết hợp giữa tri thức lý luận, hiểu biết thực tiễn và năng lực tổ chức thực hiện của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

Để nâng cao năng lực này, cán bộ chủ chốt cần nắm vững mục tiêu, yêu cầu, nội dung và phạm vi vận dụng của từng chủ trương; đồng thời phân tích toàn diện điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và khả năng huy động nguồn lực của địa phương. Trên cơ sở đó, xác định những vấn đề cần ưu tiên giải quyết, những lợi thế có thể phát huy, những điểm nghẽn cần tháo gỡ và những điều kiện cần thiết để thực hiện. Các mục tiêu và nhiệm vụ phải được cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch và quyết định có căn cứ, xác định rõ kết quả cần đạt, thời hạn, nguồn lực và trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, việc cụ thể hóa chủ trương cần đặt trong mối quan hệ giữa định hướng phát triển quốc gia, quy hoạch vùng và điều kiện thực tiễn của từng địa phương. Chẳng hạn, các quyết định về kinh tế biển, cảng biển, logistics, du lịch và năng lượng cần xem xét đồng thời lợi thế vị trí, kết cấu hạ tầng, khả năng kết nối thị trường, nguồn nhân lực và yêu cầu bảo vệ môi trường. Đối với địa bàn miền núi, cần quan tâm đến giao thông kết nối, sinh kế, chất lượng nguồn nhân lực, điều kiện tiếp cận dịch vụ công và khả năng khai thác bền vững tài nguyên. Những quyết định liên quan đến phòng, chống thiên tai, quản lý nguồn nước và bảo vệ hệ sinh thái cần tính đến mối liên hệ giữa khu vực thượng nguồn với hạ lưu, giữa miền núi với đồng bằng và ven biển. Như vậy, cùng một định hướng chung có thể cần những phương thức triển khai khác nhau tùy theo điều kiện và yêu cầu của từng địa bàn.

Để bảo đảm tính khả thi, trước khi quyết định, cơ quan tham mưu cần làm rõ căn cứ lý luận, dữ liệu thực tiễn, sự phù hợp với quy hoạch và các quy định hiện hành, khả năng cân đối nguồn lực, những rủi ro có thể phát sinh và phương án tổ chức thực hiện. Đối với vấn đề phức tạp hoặc có tác động liên

ngành, cần tham vấn chuyên gia, doanh nghiệp, người dân và các cơ quan liên quan; đối với vấn đề liên vùng, cần đánh giá tác động đến các địa phương có liên quan để hạn chế quyết định cục bộ. Đồng thời, phải phân biệt rõ những nội dung được chủ động quyết định theo thẩm quyền với những nội dung cần phối hợp hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét.

Nâng cao năng lực cụ thể hóa chủ trương cần gắn với công tác đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá và sử dụng cán bộ; chú trọng phát triển tư duy biện chứng, tư duy chiến lược, năng lực phân tích chính sách và dự báo. Việc đánh giá cần coi trọng chất lượng tham mưu, tính phù hợp của phương án, khả năng tổ chức thực hiện và kết quả thực tế, không chỉ căn cứ vào số lượng văn bản hoặc mức độ hoàn thành thủ tục. Qua đó, tạo điều kiện để chủ trương chung được chuyển hóa thành những quyết định phù hợp với điều kiện cụ thể, vừa bảo đảm định hướng thống nhất, vừa phát huy lợi thế riêng của từng địa phương.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình trong quá trình vận dụng chủ trương chung.

Phân cấp, phân quyền là điều kiện quan trọng để phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương trong vận dụng chủ trương của Trung ương. Dưới góc độ phép biện chứng duy vật, đây là yêu cầu kết hợp giữa tính thống nhất trong lãnh đạo, quản lý với tính chủ động của các chủ thể trực tiếp giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn. Nếu quyền quyết định tập trung quá mức ở cấp trên, địa phương có thể thiếu tính linh hoạt trong xử lý những vấn đề cụ thể; ngược lại, nếu phân cấp, phân quyền không rõ ràng hoặc thiếu kiểm soát, nguy cơ chồng chéo trách nhiệm, lạm quyền và cục bộ địa phương có thể gia tăng.

Vì vậy, cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền theo hướng xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp giữa các cấp, các ngành, phù hợp với quy định pháp luật và năng lực thực thi. Việc giao quyền chủ động phải gắn với điều kiện bảo đảm thực hiện, bao gồm nhân lực, tài chính, thông tin, cơ sở dữ liệu và năng lực tổ chức thực

hiện. Những nhiệm vụ cần xử lý sát thực tiễn địa phương nên được phân định rõ thẩm quyền để giảm khâu trung gian, nâng cao tính kịp thời và trách nhiệm của cơ quan giải quyết. Đối với vấn đề liên ngành, liên địa phương hoặc vượt quá thẩm quyền, cần có cơ chế phối hợp và báo cáo, xin ý kiến cấp có thẩm quyền phù hợp.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, việc thực hiện phân cấp, phân quyền cần gắn với yêu cầu tổ chức lại không gian phát triển sau sắp xếp đơn vị hành chính, nâng cao hiệu quả quản trị địa phương và tăng cường liên kết vùng. Các địa phương cần chủ động trong phạm vi thẩm quyền để phát huy lợi thế về kinh tế biển, công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp, du lịch, năng lượng và kết nối với Tây Nguyên. Tuy nhiên, những quyết định có khả năng tác động đến hệ thống hạ tầng liên tỉnh, tài nguyên dùng chung, môi trường, nguồn nước hoặc các hành lang phát triển cần được xem xét trong mối quan hệ với lợi ích chung, tránh tình trạng mỗi địa phương chỉ tối ưu hóa lợi ích riêng mà chưa tính đầy đủ hệ quả đối với địa bàn khác.

Cùng với phân cấp, phân quyền, cần tăng cường kiểm soát quyền lực, kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình. Quyết định phải có căn cứ rõ ràng, đúng thẩm quyền, tuân thủ quy định pháp luật và có thể kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện. Cần công khai thông tin theo quy định, làm rõ trách nhiệm của cơ quan tham mưu, người đứng đầu và chủ thể quyết định; đồng thời thiết lập cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị và phát hiện những biểu hiện lạm quyền, lợi ích cục bộ hoặc sử dụng nguồn lực không hiệu quả. Việc kiểm soát quyền lực không nhằm hạn chế sự chủ động chính đáng mà nhằm bảo đảm quyền hạn được thực hiện đúng mục đích, gắn với trách nhiệm và hiệu quả phục vụ lợi ích chung.

Để cơ chế này vận hành thực chất, cần xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền, chú trọng chất lượng quyết định, tiến độ, hiệu quả sử dụng nguồn lực, mức độ đạt mục tiêu và tác động đối với

người dân, doanh nghiệp. Kết quả đánh giá phải gắn với trách nhiệm giải trình và được sử dụng phù hợp trong công tác cán bộ. Đồng thời, cần phân biệt hạn chế do năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện với những khó khăn khách quan hoặc vấn đề phát sinh ngoài khả năng kiểm soát, trên cơ sở xem xét đầy đủ căn cứ và trách nhiệm. Thực hiện tốt nội dung này sẽ góp phần bảo đảm sự thống nhất giữa định hướng chung của Trung ương với tính chủ động, sáng tạo của địa phương, nâng cao chất lượng và tính khả thi của các quyết định.

Thứ ba, chuyển mạnh từ tư duy phát triển đơn tỉnh sang tư duy liên kết vùng trong quá trình cụ thể hóa chủ trương của Trung ương.

Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, các nguồn lực, chuỗi sản xuất, thị trường và kết cấu hạ tầng ngày càng có mối liên hệ vượt ra ngoài địa giới hành chính. Vì vậy, nhiều vấn đề phát triển không thể được giải quyết hiệu quả nếu chỉ xem xét trong phạm vi một tỉnh. Đối với vùng Nam Trung Bộ, yêu cầu liên kết thể hiện rõ trong phát triển kinh tế biển, cảng biển, logistics, du lịch, giao thông, quản lý tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và kết nối giữa khu vực ven biển với Tây Nguyên. Điều đó đòi hỏi cán bộ chủ chốt phải đặt quyết định của địa phương trong tổng thể các mối liên hệ vùng, kết hợp mục tiêu phát triển riêng với yêu cầu bổ trợ và phối hợp giữa các địa phương.

Theo phép biện chứng duy vật, mỗi địa phương vừa có những đặc điểm, lợi thế riêng, vừa là bộ phận của chỉnh thể phát triển vùng và quốc gia. Tư duy liên kết vùng không có nghĩa làm mất đi tính chủ động của từng địa phương hoặc buộc các địa phương lựa chọn cùng một mô hình phát triển. Ngược lại, liên kết nhằm phát huy lợi thế khác biệt, khắc phục những hạn chế riêng lẻ và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực thông qua phối hợp. Vì vậy, khi cụ thể hóa chủ trương của Trung ương, cần xem xét khả năng kết nối giữa các quy hoạch, sự tương thích giữa các chương trình đầu tư và tác động qua lại giữa các quyết định của địa phương.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, cần ưu tiên tăng cường phối hợp trong quy hoạch và phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, cảng biển, logistics, các tuyến kết nối với Tây Nguyên và những hành lang kinh tế có tính liên vùng. Đồng thời, cần phát triển liên kết chuỗi giá trị giữa sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến, dịch vụ vận tải, du lịch và thị trường tiêu thụ; phối hợp bảo vệ hệ sinh thái, quản lý nguồn nước, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Việc lựa chọn các lĩnh vực liên kết phải căn cứ vào lợi thế thực tế, nhu cầu thị trường, khả năng huy động nguồn lực và mức độ bổ trợ giữa các địa phương, tránh xác định mục tiêu liên kết quá rộng nhưng thiếu cơ chế thực hiện cụ thể.

Để nâng cao hiệu quả liên kết vùng, cần hoàn thiện phương thức phối hợp giữa các địa phương thông qua trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu, thống nhất những nội dung có liên quan trong quy hoạch và chương trình phát triển, đồng thời xác định rõ đầu mối, trách nhiệm và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phối hợp. Đối với dự án hoặc vấn đề có tác động đến nhiều địa phương, cần làm rõ lợi ích, chi phí, trách nhiệm đóng góp nguồn lực và cơ chế giải quyết những khác biệt trong quá trình triển khai. Các cơ sở nghiên cứu, trường đại học, trường chính trị, doanh nghiệp và chuyên gia cần được huy động phù hợp để cung cấp luận cứ khoa học, đánh giá phương án và tổng kết mô hình liên kết.

Bên cạnh đó, cần khắc phục tư duy cạnh tranh cục bộ trong thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng và phân bổ nguồn lực. Mỗi địa phương cần xác định rõ lĩnh vực có lợi thế, lĩnh vực có thể bổ trợ cho địa phương khác và những vấn đề cần phối hợp giải quyết. Việc đánh giá kết quả ra quyết định không chỉ căn cứ vào lợi ích trực tiếp của một tỉnh mà còn cần xem xét mức độ đóng góp vào kết nối, bổ trợ và hiệu quả phát triển chung, trong phạm vi chức năng, thẩm quyền và mục tiêu được giao. Qua đó, tư duy liên kết vùng trở thành căn cứ quan trọng trong việc vận dụng chủ trương chung, giúp các quyết định phù

hợp hơn với cấu trúc không gian phát triển và yêu cầu phát triển bền vững của vùng Nam Trung Bộ.

Thứ tư, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn địa phương và phát huy vai trò của tổng kết thực tiễn trong việc bổ sung, hoàn thiện chủ trương, chính sách.

Theo chủ nghĩa Mác - Lênin, thực tiễn là cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức và là tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý. Vì vậy, tổng kết thực tiễn không chỉ nhằm đánh giá kết quả thực hiện chủ trương, chính sách mà còn là quá trình phân tích, khái quát kinh nghiệm, phát hiện những vấn đề mới và bổ sung luận cứ cho việc hoàn thiện nhận thức, cơ chế và chính sách. Đây là khâu quan trọng bảo đảm mối liên hệ hai chiều giữa định hướng của Trung ương với thực tiễn địa phương, giúp hạn chế tình trạng chủ trương chậm được điều chỉnh trước những biến đổi của đời sống xã hội.

Các địa phương cần duy trì việc sơ kết, tổng kết theo từng lĩnh vực, chương trình và giai đoạn thực hiện; đánh giá khách quan mục tiêu đạt được, những hạn chế, nguyên nhân và điều kiện tác động. Việc tổng kết phải làm rõ sự khác biệt giữa mục tiêu dự kiến với kết quả thực tế, phân biệt nguyên nhân chủ quan với nguyên nhân khách quan, xác định những nội dung cần tiếp tục thực hiện, điều chỉnh hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét. Đặc biệt, cần tránh cách tổng kết thiên về báo cáo thành tích, chỉ mô tả kết quả mà chưa phân tích đầy đủ những bất cập, mâu thuẫn và vấn đề mới nảy sinh trong quá trình thực hiện.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, nội dung tổng kết cần gắn với những vấn đề có tính đặc thù và liên vùng như phát triển kinh tế biển, thu hút đầu tư, kết nối hạ tầng, chuyển đổi số, phát triển du lịch, bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trong điều kiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức lại không gian phát triển, cần đánh giá những thay đổi về yêu cầu quản trị, phân bổ nguồn lực, phối hợp giữa các cơ quan và khả năng cung cấp dịch vụ công. Đồng

thời, cần phân tích những khác biệt giữa các địa phương để xác định kinh nghiệm nào có thể vận dụng rộng rãi, kinh nghiệm nào chỉ phù hợp với những điều kiện nhất định.

Để nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn, cần kết hợp số liệu thống kê, báo cáo chuyên môn, khảo sát thực địa, ý kiến chuyên gia và phản hồi từ người dân, doanh nghiệp. Các cơ quan tham mưu cần chủ động phát hiện vấn đề, xây dựng nội dung tổng kết gắn với yêu cầu ra quyết định và đề xuất những giải pháp có căn cứ. Các cơ sở nghiên cứu, học viện, trường đại học và trường chính trị có thể tham gia nghiên cứu, phản biện, khái quát kinh nghiệm và cung cấp luận cứ khoa học theo chức năng, nhiệm vụ. Việc tổng kết cũng cần được thực hiện trong mối quan hệ phối hợp giữa các địa phương đối với những vấn đề liên vùng, nhằm nhận diện đầy đủ tác động qua lại và những kinh nghiệm có giá trị chung.

Quan trọng hơn, kết quả tổng kết thực tiễn cần được chuyển hóa thành kiến nghị cụ thể về điều chỉnh chương trình, kế hoạch, cơ chế phối hợp hoặc chính sách theo thẩm quyền. Những vấn đề vượt quá thẩm quyền địa phương cần được tổng hợp, phân tích và báo cáo cấp có thẩm quyền, kèm theo căn cứ thực tiễn, đánh giá tác động và phương án đề xuất. Đồng thời, cần khuyến khích cán bộ chủ động nghiên cứu khoa học, phát hiện vấn đề mới và đề xuất sáng kiến trên cơ sở tuân thủ quy định, bảo đảm lợi ích chung. Kết quả tổng kết, chất lượng tham mưu và năng lực vận dụng sáng tạo chủ trương cần được xem xét trong đánh giá cán bộ, qua đó thúc đẩy việc học hỏi từ thực tiễn và nâng cao trách nhiệm trong hoạt động lãnh đạo, quản lý.

Như vậy, tăng cường gắn kết giữa chủ trương chung của Trung ương với điều kiện thực tiễn địa phương vùng Nam Trung Bộ là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh. Thông qua nâng cao năng lực cụ thể hóa chủ trương, hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền gắn

với kiểm soát quyền lực, phát triển tư duy liên kết vùng và đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, các quyết định có điều kiện được hình thành trên cơ sở khoa học, phù hợp với đặc điểm địa phương, đồng thời bảo đảm sự thống nhất với định hướng phát triển chung.

Hiệu quả của giải pháp phụ thuộc vào năng lực của cán bộ chủ chốt, chất lượng tham mưu, khả năng phối hợp giữa các cơ quan và địa phương, điều kiện nguồn lực và cơ chế tiếp nhận phản hồi từ thực tiễn. Vì vậy, quá trình thực hiện cần được tiến hành đồng bộ nhưng có trọng tâm, ưu tiên những vấn đề cấp thiết, có tác động lớn và có khả năng tạo chuyển biến rõ rệt; đồng thời thường xuyên kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh phương thức thực hiện. Đây chính là quá trình vận dụng mối quan hệ biện chứng giữa cái chung và cái riêng, giữa định hướng lý luận với điều kiện thực tiễn, góp phần nâng cao tính đúng đắn, tính khả thi và hiệu quả của các quyết định, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của vùng Nam Trung Bộ trong giai đoạn mới.

4.4. ĐẨY MẠNH TỔNG KẾT THỰC TIỄN, PHẢN HỒI CHÍNH SÁCH, KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH

Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, phản hồi chính sách, kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình là giải pháp quan trọng nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ. Nếu các giải pháp trước tập trung nâng cao năng lực nhận thức lý luận, đổi mới quy trình ra quyết định và cụ thể hóa chủ trương của Trung ương phù hợp với điều kiện địa phương thì giải pháp này hướng đến hoàn thiện cơ chế kiểm nghiệm, giám sát và tự điều chỉnh các quyết định trong quá trình thực hiện. Qua đó, những kết quả, hạn chế và vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn được nhận diện, phân tích và chuyển hóa thành căn cứ phục vụ việc điều chỉnh quyết định, hoàn thiện phương thức lãnh đạo, quản lý.

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, thực tiễn vừa là cơ sở, động lực, vừa là mục đích và tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý của nhận

thức. Vì vậy, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định không chỉ thể hiện ở tính đúng đắn của căn cứ và nội dung quyết định khi ban hành, mà còn ở khả năng được kiểm nghiệm, bổ sung và điều chỉnh trong quá trình tổ chức thực hiện. Thực tiễn phát triển luôn vận động, trong khi điều kiện, nguồn lực và các quan hệ kinh tế - xã hội có thể thay đổi; do đó, nếu thiếu cơ chế tổng kết, phản hồi, kiểm soát quyền lực và giải trình phù hợp, quyết định dễ chậm thích ứng, thậm chí không còn đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn.

Những hạn chế được phân tích ở Chương 3 như tổng kết thực tiễn có lúc còn hình thức, đánh giá sau ban hành chưa thường xuyên, phản hồi chính sách chưa kịp thời, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình còn những bất cập cho thấy yêu cầu phải gắn việc ra quyết định với cơ chế kiểm nghiệm và điều chỉnh thực chất. Đối với vùng Nam Trung Bộ, yêu cầu này càng có ý nghĩa trong bối cảnh không gian phát triển và tổ chức hành chính có những thay đổi, đồng thời đặt ra yêu cầu khai thác hiệu quả tiềm năng kinh tế biển, công nghiệp, logistics, du lịch, nông nghiệp, năng lượng tái tạo và tăng cường kết nối giữa khu vực ven biển với khu vực phía tây. Sự khác biệt về điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển, cơ cấu kinh tế, hạ tầng và năng lực thực thi giữa các địa bàn đòi hỏi việc đánh giá, điều chỉnh quyết định phải dựa trên dữ liệu thực tế, đặc điểm cụ thể và tác động dài hạn, tránh áp dụng máy móc một cách làm cho mọi địa phương.

Để thực hiện giải pháp này, cần kết hợp hoàn thiện cơ chế, quy trình và trách nhiệm của các cơ quan với phát huy tính chủ động, tự giác của từng cán bộ chủ chốt. Việc tổng kết, phản hồi và giải trình phải gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ, có tiêu chí đánh giá rõ ràng, xác định chủ thể chịu trách nhiệm và quy định việc sử dụng kết quả đánh giá trong điều chỉnh quyết định cũng như công tác cán bộ. Trên cơ sở đó, tập trung thực hiện các nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng và hiệu quả tổng kết thực tiễn, gắn với toàn bộ chu trình ra quyết định

Tổng kết thực tiễn cần được xác định là hoạt động thường xuyên, có trọng tâm và là khâu quan trọng trong chu trình ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh. Hoạt động này không chỉ nhằm đánh giá kết quả cuối cùng mà còn phải xem xét quá trình hình thành, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định; làm rõ mức độ phù hợp giữa mục tiêu, căn cứ lý luận, điều kiện thực tế và kết quả đạt được. Qua đó, nhận diện nguyên nhân thành công, hạn chế, những vấn đề mới phát sinh và các yếu tố khách quan, chủ quan tác động đến hiệu quả quyết định, khắc phục tình trạng tổng kết thiên về báo cáo thành tích hoặc chưa làm rõ trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

Để nâng cao tính thực chất, cần xây dựng tiêu chí tổng kết phù hợp với từng loại quyết định, chú trọng tính khả thi, hiệu quả sử dụng nguồn lực, tác động kinh tế - xã hội, tính bền vững môi trường, mức độ đáp ứng yêu cầu của người dân và khả năng hoàn thành mục tiêu đề ra. Đối với những quyết định có thời gian thực hiện dài hoặc tác động lớn, cần kết hợp đánh giá định kỳ với đánh giá khi xuất hiện những biến động đáng kể về nguồn lực, thị trường, môi trường hoặc chính sách có liên quan. Kết quả tổng kết phải được lưu trữ, đối chiếu và sử dụng trong quá trình xây dựng các quyết định tiếp theo, tránh tình trạng tổng kết xong nhưng không chuyển hóa thành bài học và hành động cụ thể.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, cần chú trọng tổng kết thực tiễn theo cả địa bàn và lĩnh vực, nhất là phát triển kinh tế biển, công nghiệp, logistics, du lịch, kết cấu hạ tầng kết nối, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đặc biệt, cần đánh giá tác động của các quyết định đối với quan hệ phát triển giữa khu vực ven biển và khu vực phía tây, giữa các trung tâm đô thị, công nghiệp với khu vực nông thôn, miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trong điều kiện địa giới, tổ chức hành chính và không gian phát triển có sự thay đổi, việc chuẩn

hóa số liệu, rà soát kết quả của từng địa bàn trước và sau sắp xếp cần được coi trọng để bảo đảm tính liên tục, chính xác và khả năng so sánh của đánh giá.

Cơ quan tham mưu, cơ quan chuyên môn và các đơn vị trực tiếp thực hiện cần phối hợp cung cấp số liệu, phân tích kết quả theo chức năng, nhiệm vụ; cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu có trách nhiệm chỉ đạo tổng kết, xem xét kết quả và quyết định việc điều chỉnh thuộc thẩm quyền. Đồng thời, cần gắn kết quả tổng kết với đánh giá cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ, chú trọng khả năng phát hiện vấn đề, khái quát kinh nghiệm, nhận diện hạn chế và vận dụng sáng tạo lý luận vào thực tiễn.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế phản hồi chính sách, bảo đảm kết quả thực tiễn được sử dụng trong điều chỉnh quyết định

Phản hồi chính sách là cơ chế kết nối quá trình tổ chức thực hiện với việc xem xét, điều chỉnh và hoàn thiện quyết định. Để cơ chế này phát huy hiệu quả, cần xác định rõ đầu mối tiếp nhận, phương thức xử lý, thời hạn phản hồi và trách nhiệm của cơ quan, cá nhân có liên quan. Thông tin phản hồi phải được thu thập từ nhiều nguồn, gồm cơ quan thực thi, chính quyền cơ sở, người dân, doanh nghiệp, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, chuyên gia và nhà khoa học; đồng thời được kiểm chứng, phân loại theo mức độ cấp thiết, phạm vi tác động và thẩm quyền xử lý.

Việc ứng dụng công nghệ số trong tiếp nhận, tổng hợp và phân tích thông tin cần gắn với yêu cầu chuẩn hóa dữ liệu, bảo đảm độ tin cậy, khả năng truy xuất và bảo vệ thông tin theo quy định. Không nên đồng nhất số lượng ý kiến hoặc phản ánh với chất lượng phản hồi; điều quan trọng là phải phân tích đúng bản chất vấn đề, xác định nguyên nhân và lựa chọn phương án xử lý phù hợp. Đối với những phản ánh thuộc thẩm quyền, cơ quan có trách nhiệm cần giải quyết hoặc trả lời rõ ràng; đối với vấn đề vượt thẩm quyền hoặc có tác động liên tỉnh, cần tổng hợp, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, đồng thời thông tin về kết quả xử lý trong phạm vi phù hợp.

Ở vùng Nam Trung Bộ, cần ưu tiên cơ chế phản hồi đối với các vấn đề có tính liên ngành, liên địa bàn như quy hoạch, giao thông kết nối, phát triển cảng và logistics, khai thác tài nguyên, quản lý nguồn nước, bảo vệ môi trường biển, phòng, chống thiên tai và chuyển đổi năng lượng. Những vấn đề này thường không dừng lại trong phạm vi một địa phương, nên cần tăng cường trao đổi dữ liệu, chia sẻ thông tin và phối hợp xử lý giữa các cơ quan, địa phương liên quan. Cơ chế phối hợp phải dựa trên chức năng, thẩm quyền và các quy hoạch, chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tránh hình thức hoặc tạo thêm đầu mối không cần thiết.

Cùng với đó, cần thực hiện đánh giá sau ban hành đối với những quyết định quan trọng theo các tiêu chí đã xác định, làm rõ mức độ đạt mục tiêu, chi phí thực hiện, tác động xã hội, môi trường và sự hài lòng của người dân. Kết quả đánh giá phải dẫn đến một trong các hướng xử lý cụ thể: tiếp tục thực hiện, điều chỉnh nội dung hoặc cách thức thực hiện, bổ sung nguồn lực, kiến nghị sửa đổi cơ chế, chính sách hoặc chấm dứt những nội dung không còn phù hợp theo thẩm quyền. Đây là điều kiện để phản hồi chính sách thực sự trở thành căn cứ điều chỉnh quyết định, thay vì chỉ dừng lại ở việc thu thập thông tin.

Thứ ba, phát huy dân chủ, tăng cường công khai, minh bạch trong việc ra quyết định và tổ chức thực hiện

Phát huy dân chủ, công khai và minh bạch tạo điều kiện để chủ thể ra quyết định tiếp cận thông tin đa chiều, nhận diện đầy đủ hơn nhu cầu, lợi ích và những tác động có thể phát sinh trong thực tiễn. Đây cũng là phương thức hạn chế tư duy chủ quan, duy ý chí, lợi ích cục bộ; đồng thời củng cố sự đồng thuận xã hội và nâng cao tính khả thi của quyết định. Tuy nhiên, việc tham gia góp ý cần được tổ chức đúng đối tượng, đúng thời điểm, phù hợp với tính chất của từng quyết định và các quy định pháp luật có liên quan.

Đối với những quyết định có tác động lớn đến đời sống dân cư, hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng đất đai, tài nguyên, môi trường hoặc bố trí

kết cấu hạ tầng, cần chú trọng cung cấp thông tin và tổ chức tham vấn các đối tượng chịu tác động trực tiếp, đồng thời tiếp thu ý kiến của chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan. Việc tham vấn không chỉ nhằm hoàn thiện nội dung quyết định trước khi ban hành mà còn giúp nhận diện sớm những khó khăn trong quá trình thực hiện, những xung đột lợi ích có thể phát sinh và điều kiện cần thiết để tạo sự đồng thuận. Các ý kiến góp ý quan trọng cần được tổng hợp, phân tích và phản hồi; những nội dung không tiếp thu cần được giải thích trên cơ sở thẩm quyền, căn cứ khoa học và quy định hiện hành.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, việc tham vấn cần phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn và nhóm đối tượng chịu tác động. Các quyết định về phát triển kinh tế biển, du lịch, công nghiệp, cảng biển, hạ tầng kết nối cần chú trọng ý kiến của cộng đồng dân cư, doanh nghiệp và các chủ thể trực tiếp sử dụng không gian, tài nguyên; các quyết định liên quan đến khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số cần có phương thức truyền đạt, tham vấn phù hợp với điều kiện tiếp cận thông tin, ngôn ngữ và sinh kế của người dân. Đối với vấn đề có phạm vi ảnh hưởng liên địa bàn, cần mở rộng trao đổi giữa các cơ quan, địa phương liên quan để hạn chế tình trạng mỗi địa phương chỉ xem xét lợi ích trong phạm vi quản lý của mình.

Công khai, minh bạch phải được thực hiện theo quy định, gắn với việc cung cấp đầy đủ, dễ tiếp cận các thông tin cần công khai về căn cứ, mục tiêu, tiến độ, kết quả thực hiện và trách nhiệm của cơ quan có liên quan. Mỗi cán bộ chủ chốt cần có thái độ cầu thị, tôn trọng ý kiến phản biện và phân biệt rõ giữa phản biện có căn cứ với thông tin chưa được kiểm chứng. Đồng thời, cần đưa chất lượng tổ chức tham vấn, việc tiếp thu ý kiến và thực hiện công khai, minh bạch thành những nội dung xem xét trong đánh giá trách nhiệm của cơ quan, người đứng đầu, qua đó nâng cao tính khoa học và tính thực tiễn của quyết định.

Thứ tư, tăng cường kiểm soát quyền lực, phòng ngừa sự chi phối của lợi ích cục bộ trong việc ra quyết định

Kiểm soát quyền lực là yêu cầu tất yếu nhằm bảo đảm việc ra quyết định đúng chủ trương, đúng thẩm quyền, tuân thủ pháp luật và hướng đến lợi ích chung. Khi thiếu cơ chế kiểm soát hiệu quả, quyết định có nguy cơ bị chi phối bởi nhận thức chủ quan, lợi ích cục bộ, sự nể nang hoặc việc lạm dụng quyền hạn; từ đó làm suy giảm tính khách quan và hiệu quả thực hiện. Vì vậy, kiểm soát quyền lực cần được tiến hành trong cả quá trình chuẩn bị, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định, đồng thời gắn với cơ chế giám sát, phát hiện và xử lý vi phạm theo quy định.

Cần phát huy vai trò kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng; giám sát của cơ quan dân cử; hoạt động thanh tra, kiểm toán và giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và nhân dân theo chức năng, thẩm quyền. Đối với quyết định liên quan đến quy hoạch, đầu tư công, đất đai, tài nguyên, môi trường, lựa chọn nhà đầu tư và phân bổ nguồn lực, cần đặc biệt chú trọng tính công khai của căn cứ, trình tự, tiêu chí lựa chọn và kết quả thực hiện; kiểm soát chặt chẽ xung đột lợi ích, việc thực hiện thẩm quyền và trách nhiệm của từng chủ thể. Cơ chế kiểm soát phải có trọng tâm, dựa trên mức độ rủi ro và phạm vi tác động của quyết định, tránh hình thức hoặc gây cản trở không cần thiết đối với hoạt động quản lý hợp pháp.

Trong điều kiện vùng Nam Trung Bộ có sự khác biệt về tiềm năng, nguồn lực và yêu cầu phát triển giữa các địa bàn, kiểm soát quyền lực cần góp phần hạn chế tình trạng chạy theo lợi ích trước mắt, cạnh tranh thiếu phối hợp hoặc ưu tiên dự án không phù hợp với quy hoạch, khả năng cân đối nguồn lực và yêu cầu bảo vệ môi trường. Đối với các quyết định có tác động liên địa bàn, cần làm rõ căn cứ phối hợp, trách nhiệm của từng cơ quan và cơ chế xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện. Việc kiểm soát phải bảo đảm đúng thẩm quyền, có chứng cứ, có quy trình và kết luận rõ ràng; đồng

thời phân biệt sai phạm, thiếu trách nhiệm với những khó khăn khách quan hoặc cách làm mới được thực hiện đúng quy định nhưng chưa đạt kết quả như dự kiến.

Bên cạnh kiểm soát từ bên ngoài, cần nâng cao ý thức tự kiểm tra, tự giám sát của cán bộ chủ chốt, đề cao đạo đức công vụ và trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu. Cần thực hiện nghiêm việc xử lý hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, đồng thời bảo vệ người phản ánh, kiến nghị và người dám đổi mới vì lợi ích chung theo quy định. Kết quả kiểm tra, giám sát phải được sử dụng để khắc phục hạn chế, hoàn thiện quy trình và xem xét trách nhiệm cá nhân, tránh tình trạng phát hiện bất cập nhưng chậm xử lý hoặc không làm rõ trách nhiệm. Đây là điều kiện quan trọng để quyền lực được thực thi đúng mục đích và quyết định được hình thành trên cơ sở lý luận khoa học, thực tiễn khách quan.

Thứ năm, nâng cao trách nhiệm giải trình, gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả thực hiện quyết định

Trách nhiệm giải trình là biểu hiện của trách nhiệm chính trị, pháp lý và đạo đức công vụ của cán bộ lãnh đạo, quản lý; đồng thời là cơ chế thúc đẩy việc đối chiếu giữa căn cứ, mục tiêu của quyết định với kết quả thực hiện. Chủ thể ra quyết định cần làm rõ căn cứ chính trị, pháp lý, khoa học và thực tiễn; lý do lựa chọn phương án; điều kiện bảo đảm thực hiện; những tác động dự kiến và trách nhiệm của các cơ quan, cá nhân liên quan. Khi kết quả khác với mục tiêu ban đầu, việc giải trình phải chỉ rõ nguyên nhân, mức độ tác động của yếu tố khách quan và chủ quan, biện pháp khắc phục cũng như trách nhiệm thuộc phạm vi quản lý.

Để nâng cao tính khả thi, cần xác định rõ nội dung, chủ thể, thời điểm và hình thức giải trình phù hợp với từng loại quyết định và quy định hiện hành. Trách nhiệm giải trình không chỉ được đặt ra khi có sai phạm hoặc khi phát sinh yêu cầu chất vấn, mà cần gắn với việc theo dõi tiến độ, đánh giá kết quả

và xử lý những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện. Đối với quyết định quan trọng, cần xác định từ đầu mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá, thời hạn thực hiện và cơ chế báo cáo; trên cơ sở đó, người đứng đầu và cơ quan tham mưu có căn cứ kiểm tra, giải thích kết quả và đề xuất điều chỉnh khi cần thiết.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, trách nhiệm giải trình cần gắn với hiệu quả sử dụng nguồn lực, tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, chất lượng dịch vụ công, tác động đối với người dân và mức độ đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững. Những quyết định liên quan đến quy hoạch, hạ tầng kết nối, kinh tế biển, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển khu vực miền núi cần làm rõ cả lợi ích dự kiến, chi phí, rủi ro và phương án xử lý những hệ quả phát sinh. Khi có sự phối hợp giữa nhiều cơ quan hoặc địa phương, phải phân định rõ trách nhiệm của từng chủ thể, tránh tình trạng trách nhiệm chung chung, đùn đẩy hoặc không xác định được đầu mối giải quyết.

Kết quả giải trình cần được xem xét cùng kết quả tổng kết thực tiễn, phản hồi chính sách và kiểm tra, giám sát để phục vụ điều chỉnh quyết định, khắc phục hạn chế và đánh giá cán bộ. Việc đánh giá phải bảo đảm khách quan, toàn diện, không chỉ căn cứ vào kết quả cuối cùng mà còn xem xét chất lượng chuẩn bị, mức độ tuân thủ quy định, khả năng nhận diện rủi ro, tinh thần tiếp thu phản hồi và trách nhiệm khắc phục sai sót. Mỗi cán bộ chủ chốt cần chủ động học tập, nghiên cứu lý luận, sâu sát cơ sở, trung thực trong báo cáo và sẵn sàng chịu trách nhiệm đối với quyết định thuộc thẩm quyền. Qua đó, trách nhiệm giải trình trở thành động lực nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn và xây dựng phong cách lãnh đạo, quản lý khoa học, dân chủ, liêm chính.

Tiểu kết

Trên cơ sở những vấn đề đặt ra từ thực trạng quán triệt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ được phân tích ở Chương 3, Chương 4 đã đề xuất hệ

thống giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quán triệt nguyên tắc này trong hoạt động lãnh đạo, quản lý hiện nay. Các giải pháp được xây dựng trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn, đồng thời chú trọng đặc điểm kinh tế, chính trị, xã hội, điều kiện phát triển và yêu cầu liên kết vùng Nam Trung Bộ trong giai đoạn mới.

Hệ thống giải pháp tập trung vào bốn nhóm nội dung cơ bản: nâng cao năng lực nhận thức lý luận và tư duy biện chứng của cán bộ chủ chốt; đổi mới quy trình và hoàn thiện cơ chế bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định; tăng cường gắn kết chủ trương của Trung ương với điều kiện thực tiễn của từng địa phương và toàn vùng; đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, phản hồi chính sách, phát huy dân chủ, kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình. Việc triển khai các giải pháp cần căn cứ vào đặc điểm từng địa bàn, lĩnh vực, nguồn lực và năng lực tổ chức thực hiện; đồng thời gắn với hoàn thiện chính sách cán bộ, phát huy ý thức tự giác học tập, rèn luyện và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ chủ chốt.

Các giải pháp có mối quan hệ biện chứng, bổ sung và tác động qua lại lẫn nhau. Nâng cao năng lực nhận thức lý luận và tư duy biện chứng tạo cơ sở về chủ thể; đổi mới quy trình và cơ chế bảo đảm tạo điều kiện về phương pháp và tổ chức; gắn kết chủ trương của Trung ương với điều kiện thực tiễn địa phương góp phần nâng cao tính phù hợp, khả thi của quyết định; còn tổng kết thực tiễn, phản hồi chính sách, phát huy dân chủ, kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình tạo cơ chế kiểm nghiệm, điều chỉnh và hoàn thiện quyết định. Sự kết hợp này bảo đảm quá trình ra quyết định gắn kết từ nhận thức, hoạch định đến tổ chức thực hiện, đánh giá và tiếp tục bổ sung, phát triển nhận thức trên cơ sở thực tiễn.

Triển khai đồng bộ, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương và yêu cầu phát triển chung của vùng sẽ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ,

đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và tăng cường liên kết vùng trong giai đoạn mới. Qua đó, Chương 4 làm rõ ý nghĩa thực tiễn của việc vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động lãnh đạo, quản lý và việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh hiện nay.

KẾT LUẬN

Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phản ánh quy luật vận động của quá trình nhận thức và cải tạo hiện thực khách quan. Trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, nguyên tắc này giữ vai trò định hướng đối với chất lượng, hiệu lực và hiệu quả của việc ra quyết định. Đối với cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ, việc quán triệt và vận dụng đúng đắn nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là điều kiện quan trọng để các quyết định vừa bảo đảm đúng định hướng của Đảng, Nhà nước, vừa phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương và của toàn vùng trong giai đoạn mới.

Trên cơ sở nghiên cứu hệ thống cả về lý luận và thực tiễn, luận án rút ra một số kết luận chủ yếu sau:

Một là, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh là quá trình vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc nhận diện, lựa chọn và tổ chức thực hiện các quyết định phù hợp với điều kiện lịch sử - cụ thể của địa phương. Đây là quá trình tác động biện chứng, trong đó lý luận giữ vai trò định hướng, còn thực tiễn là cơ sở, động lực, mục đích và tiêu chuẩn kiểm nghiệm tính đúng đắn của quyết định.

Hai là, việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ chịu sự chi phối của nhiều nhân tố có quan hệ tác động qua lại, bao gồm năng lực nhận thức lý luận và tư duy biện chứng của chủ thể; chất lượng thông tin, dữ liệu; quy trình và phương pháp ra quyết định; cơ chế thể chế hóa chủ trương của Trung ương; điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; cùng các cơ chế kiểm tra, giám sát, phản hồi chính sách và trách nhiệm giải trình.

Ba là, thực tiễn vùng Nam Trung Bộ cho thấy việc quán triệt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định đã đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân. Tuy nhiên, giữa các địa

phương vẫn còn sự khác biệt về năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, chất lượng dự báo, tính khoa học của quy trình ra quyết định, hiệu quả phối hợp, cơ chế phản hồi, kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình.

Bốn là, nâng cao hiệu quả quán triệt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn cần được thực hiện đồng bộ trên cả phương diện chủ thể, quy trình, thể chế và cơ chế bảo đảm. Theo đó, cần nâng cao năng lực lý luận và tư duy biện chứng của cán bộ chủ chốt; đổi mới quy trình và cơ chế ra quyết định; tăng cường gắn kết chủ trương của Trung ương với điều kiện đặc thù của vùng Nam Trung Bộ; đồng thời đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, phản hồi chính sách, phát huy dân chủ, kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình. Trong đó, thực hiện tốt chính sách cán bộ và phát huy ý thức tự giác học tập, rèn luyện của đội ngũ cán bộ chủ chốt là điều kiện quan trọng bảo đảm nâng cao chất lượng ra quyết định.

Từ những kết quả nghiên cứu, luận án có một số đóng góp chủ yếu sau:

Về lý luận, luận án góp phần làm rõ nội hàm, biểu hiện, các nhân tố tác động và yêu cầu phương pháp luận của sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh dưới góc độ triết học Mác - Lênin; qua đó bổ sung cách tiếp cận nghiên cứu hoạt động ra quyết định từ phương diện triết học.

Về thực tiễn, luận án phản ánh tương đối toàn diện thực trạng quán triệt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ; đồng thời đề xuất hệ thống giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động ra quyết định. Kết quả nghiên cứu có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và hoạch định chính sách ở địa phương.

Kết quả nghiên cứu tiếp tục khẳng định rằng sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn không chỉ là yêu cầu đối với nhận thức của chủ thể lãnh đạo mà còn là nguyên tắc xuyên suốt toàn bộ quá trình ra quyết định, từ nhận diện

vấn đề, xây dựng phương án, tổ chức thực hiện đến kiểm nghiệm và điều chỉnh quyết định. Mọi quyết định đúng đắn đều phải xuất phát từ thực tiễn khách quan, được soi sáng bởi lý luận khoa học và được kiểm nghiệm bằng chính thực tiễn. Đây không chỉ là yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ mà còn là nguyên tắc có ý nghĩa phương pháp luận đối với hoạt động lãnh đạo, quản lý trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát triển đất nước hiện nay.

Do giới hạn về phạm vi nghiên cứu, nguồn tư liệu khảo sát và điều kiện tiếp cận thực tiễn, luận án chưa có điều kiện mở rộng nghiên cứu theo hướng so sánh với các vùng kinh tế - xã hội khác hoặc phân tích sâu tác động của chuyển đổi số và các công nghệ quản trị hiện đại trong việc ra quyết định. Đây là những hướng nghiên cứu cần tiếp tục được triển khai nhằm bổ sung và phát triển sâu sắc hơn cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ

1. Đào Văn Quang (2026), "The Dialectical Relationship between Theory and Practice in Ho Chi Minh's Thought Has Illuminated the Path toward Socialism and the Cause of Renewal, Integration, and Development in Contemporary Vietnam (Biện chứng giữa lý luận và thực tiễn trong tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường đi lên CNXH và sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển ở Việt Nam hiện nay)", *Humanities and Technology Applications*. Issue No.2, 2026, page 18 - 25.
2. Đào Văn Quang (2026), "Yêu cầu nâng cao năng lực lý luận và thực tiễn đối với đội ngũ cán bộ cấp tỉnh trong kỷ nguyên phát triển mới", tại trang https://lyluanchinhtri.vn/yeu-cau-nang-cao-nang-luc-ly-luan-va-thuc-tien-doi-voi-doi-ngu-can-bo-cap-tinh-trong-ky-nguyen-phat-trien-moi-11438.html ngày 19-01-2026.
3. Đào Văn Quang (2026), "Trau dồi đạo đức cách mạng - giải pháp quan trọng quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ", *Tạp chí Nghiên cứu Triết học*, (30), tr.68-74.
4. Trần Văn Phòng và Đào Văn Quang (2026), "Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng - chìa khóa phòng, chống lãng phí trong kỷ nguyên số". *Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị*, (2).
5. Đào Văn Quang (2026), "Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ - Thực trạng và giải pháp", *Tạp chí Nghiên cứu Triết học*, (33), tr.40-47.
6. Đào Văn Quang (2026), "Phát huy dân chủ trong ra việc quyết định của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh vùng Nam Trung Bộ hiện nay", tại trang tapchicongsan.org.vn/web/guest/thuc-tien-kinh-nghiem1/-/2018/1291702/phat-huy-dan-chu-trong-ra-viec-quyet-dinh-cua-can-bo-chu-chot-cap-tinh-vung-nam-trung-bo-hien-nay.aspx?gidzl=p-b1RsuoL6BFyKXlRYjTPy7_GMHsTWriZQCHCtT_3Mg8zaKq8dvOEThrHcKdBWrftVGICJ2PxIqwPp5LR0, ngày 23/8/2026.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Tiền Tú Anh (2018), "Vận dụng mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn trong việc nâng cao chất lượng đào tạo", *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, (4).
2. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (2020), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Đà Nẵng.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (2025), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Đà Nẵng.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk (2020), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Đắk Lắk.
5. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đăk Lắk (2025), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ* tỉnh *Đắk Lắk.lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Đắk Lắk.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (2020), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Gia Lai.
7. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (2025), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Gia Lai.
8. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa (2020), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Khánh Hòa.
9. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa (2023), *Nghị quyết số 34-NQ/TU ngày 22/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa về phát huy các giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, Khánh Hòa.
10. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa (2025), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Khánh Hòa.
11. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (2020), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Lâm Đồng.

12. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (2025), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Lâm Đồng.
13. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận (2022), *Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 25/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về xây dựng Ninh Thuận thành Trung tâm năng lượng, năng lượng tái tạo của cả nước đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, Ninh Thuận.
14. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (2020), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Quảng Ngãi.
15. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (2025), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Quảng Ngãi.
16. Ban Chấp hành Trung ương (2018), *Nghị quyết số 26-NQ/TW về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*, Hà Nội.
17. Ban Chấp hành Trung ương (2018), *Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
18. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hoà (2021), *Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 27/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hoà về phát triển kinh tế biển giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030*, Khánh Hòa.
19. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum (2022), *Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 19/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum về đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, Kon Tum.
20. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi (2019), *Kế hoạch số 187-KH/TU ngày 24/4/2019 thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII*, Quảng Ngãi.
21. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi (2022), *Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 20/5/2022 về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025*, Quảng Ngãi.

22. Vicki M. Bier (2024), "Xu hướng trong phân tích quyết định", *Decision Analysis*, 21 (1), tr. 1 - 3.
23. Nguyễn Đức Bình (2005), *Về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Du Khả Bình (2020), *Hiện đại hóa Quản trị Nhà nước của Trung Quốc*, Nhà xuất bản: World Scientific.
25. Sergey Bodrunov (2023), *Hệ kinh tế tri thức / Nền kinh tế phi kinh tế* (Noonomy), Nxb VAK (Hội đồng Kiểm định Nhà nước Nga) phối hợp với Viện INIR.
26. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/1/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
27. Bộ Chính trị (2020), *Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
28. Bộ Chính trị (2020), *Quy định số 214-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về "Khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý"*, Hà Nội.
29. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
30. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
31. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.

32. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Hà Nội.
33. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2024), *Báo cáo tổng hợp phát triển kinh tế vùng miền Trung - Tây Nguyên*, Hà Nội.
34. Bộ Nội vụ (2024), *Báo cáo về chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021 - 2024*, Hà Nội.
35. Bộ Nội vụ (2024), *Báo cáo Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS) các năm 2017 - 2024*, Hà Nội.
36. Bộ Quốc phòng (2024), *Một số vấn đề về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, Hà Nội.
37. Bộ Tài chính (2024), *Báo cáo ngân sách nhà nước năm 2024*, Hà Nội.
38. Bộ Tài chính (2025), *Công văn số 768/BTC-ĐT ngày 20/01/2025 về tình hình giải ngân vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước 12 tháng, ước 13 tháng kế hoạch năm 2024*, Hà Nội.
39. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2024), *Kịch bản biến đổi khí hậu và đánh giá tác động tại Việt Nam*, Hà Nội.
40. Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), *Báo cáo đánh giá mức độ chuyển đổi số cấp bộ,* cấp tỉnh năm 2022, Hà Nội.
41. Bộ Thông tin và Truyền thông (2024), *Báo cáo Chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh và của quốc gia năm 2023*, Hà Nội.
42. Bộ Thông tin và Truyền thông (2024), *Báo cáo Chỉ số chuyển đổi số (DTI) các năm 2021, 2022 và 2023*, Hà Nội.
43. Bộ Thông tin và Truyền thông (2024), *Báo cáo chuyển đổi số quốc gia năm 2024*, Hà Nội.
44. Nguyễn Bá Chiến, Lê Hải Bình đồng chủ biên (2024), *Quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả - Cơ sở lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
45. Nguyễn Bá Chiến (2025), *Quản trị nhân tài - Từ lý thuyết đến thực tiễn*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

46. Mai Văn Chính (2022), “Nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, (2).
47. Chính phủ (2018), *Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*, Hà Nội.
48. Chính phủ (2025), *Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05/10/2025 về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.
49. David Cotton (Mai Tâm dịch) (2020), *Rèn luyện kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề,* Nxb Lao động, Hà Nội.
50. Nguyễn Hữu Công, Nguyễn Thị Thảo (2025), "Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị hiện nay: thành tựu và giải pháp", *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (349).
51. Nguyễn Thị Thu Cúc (2018), “Những vấn đề trong sự tham gia của cộng đồng dân cư vào quá trình ra quyết định của chính quyền cơ sở”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (5).
52. Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng (2025), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2024*, Đà Nẵng.
53. Cục Thống kê Khánh Hòa (2024), *Niên giám thống kê tỉnh Khánh Hòa năm 2023*, Khánh Hòa.
54. Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi (2025), *Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi năm 2025*, Quảng Ngãi.
55. Lê Duy Chương (2002), “Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận trong thời kỳ mới”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (8).
56. Peter F. Drucker (2001), *Drucker tinh hoa*, Nxb HarperBusiness.
57. Vũ Cao Đàm (2011), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
58. Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (2025), *Nghị quyết đại hội đại biểu thành phố Đà Nẵng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Đà Nẵng.
59. Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk (2025), *Nghị quyết đại hội đại biểu tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Đắk Lắk.

60. Đảng bộ tỉnh Gia Lai (2025), *Nghị quyết đại hội đại biểu tỉnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Gia Lai.
61. Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa (2025), *Nghị quyết đại hội đại biểu tỉnh Khánh Hòa lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Khánh Hòa.
62. Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (2025), *Nghị quyết đại hội đại biểu tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Lâm Đồng.
63. Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (2025), *Nghị quyết đại hội đại biểu tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Quảng Ngãi.
64. Đảng ủy Chính phủ (2025), *Thông báo số 65-TB/ĐU ngày 04/6/2025 của Đảng ủy Chính phủ về định hướng điều chỉnh phân vùng và quy hoạch vùng kinh tế - xã hội, vùng Nam Trung Bộ*, Hà Nội.
65. Bùi Phương Đình (2017), *Vai trò của người đứng đầu trong quá trình ra các quyết định lãnh đạo chiến lược hiện nay*, Đề tài khoa học cấp bộ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
66. Teppo Felin và cộng sự (2024), "Ra quyết định dựa trên lý thuyết: Cơ sở nền tảng và nhập môn", *Strategy Science*, 9 (4), tr. 297 - 310.
67. William P. Fox (2024), *Phân tích quyết định thông qua mô hình hóa và lý thuyết trò chơi*, Nxb CRC Press, Hoa Kỳ.
68. Vladimir V. Glukhov (2024), *Quản trị chiến lược và ra quyết định trong điều kiện bất định*, Nxb Springer.
69. Nguyễn Thanh Giang (2020), *Kỹ năng và nghệ thuật lãnh đạo - Những vấn đề lý luận và thực tiễn,* Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
70. Võ Nguyên Giáp (2002), "Thấm nhuần hơn nữa quan điểm thực tiễn, phát triển sáng tạo lý luận, đưa đất nước tiến lên nhanh hơn, vững mạnh hơn", *Tạp chí Cộng sản*, (15).
71. Nguyễn Thị Hà, Lê Văn Hòa (2012), *Các kỹ năng cần thiết cho cán bộ chính quyền cấp cơ sở,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
72. Nguyễn Thị Hà (2025), "Nâng cao năng lực ra quyết định lãnh đạo đáp ứng yêu cầu của bối cảnh mới", *Tạp chí Quản lý nhà nước*.
73. Vũ Mạnh Hà (2006), "Bám sát thực tiễn có tầm nhìn xa trong công tác cán bộ", *Tạp chí Xây dựng Đảng*, (3).

74. Nguyễn Hữu Hải (2014), *Khoa học ra quyết định quản lý*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
75. Hoàng Văn Hải (2016), *Ra quyết định quản trị*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
76. Ngô Thị Hạnh (2012), "Kỹ năng ra quyết định của cán bộ lãnh đạo", *Tạp chí Quản lý giáo dục*, (5).
77. Vũ Văn Hiền (Chủ biên) (2007), *Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
78. Trần Đình Hoan (2002), "Gắn nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn và nghiên cứu khoa học nhằm không ngừng phát triển công tác lý luận của Đảng", *Tạp chí Cộng sản*, (1).
79. Trần Đình Hoan (Chủ nhiệm) (2008), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về đánh giá, quy hoạch, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Đề tài khoa học xã hội cấp Nhà nước, Ban Tổ chức Trung ương, Hà Nội.
80. Đặng Xuân Hoan (2020), *Quản lý công trong bối cảnh mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
81. Ronald A. Howard và các cộng sự (1984, tái bản nhiều lần), *Các bài đọc về nguyên lý và ứng dụng của phân tích quyết định*, Nxb Strategic Decisions Group.
82. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2019), *Năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
83. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2023), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin dùng cho hệ đào tạo cao cấp lý luận chính trị*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
84. Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng (2021), *Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025*, Đà Nẵng.

85. Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa (2024), *Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 về chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050*, Khánh Hòa.
86. Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa (2024), *Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện các dự án chậm tiến độ trên địa bàn tỉnh*, Khánh Hòa.
87. Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa (2024), *Báo cáo kết quả giám sát công tác ban hành và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh*, Khánh Hòa.
88. Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng (2018), *Nghị quyết số 104/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*, Lâm Đồng.
89. Đoàn Minh Huấn (2019), "Tổng kết thực tiễn phục vụ nghiên cứu lý luận của Đảng - thực trạng và những vấn đề đặt ra", *Tạp chí Cộng sản*, (1).
90. Nguyễn Thị Huệ (2007), "Thông tin với việc ra quyết định của cán bộ chủ chốt cấp cơ sở", *Tạp chí Triết học*, (195).
91. Nguyễn Thị Huệ, Lương Công Lý (2018), *Thông tin chính trị - xã hội với việc RQĐ của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp cơ sở vùng Đồng bằng sông Hồng hiện nay,* Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
92. Phạm Anh Hùng (2023), "Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam", *Tạp chí Lý luận chính trị*, (546).
93. Hồ Diệu Huy (Hu Yaohui) (2025), "Triết học với tư cách là một thực hành lý luận: Diễn giải lại quan niệm triết học Mác-xít của Althusser", *Teaching and Research* (Giảng dạy và Nghiên cứu), Tập 59, (6), tr.124-136.
94. Đoàn Phú Hưng (2023), "Tấm gương Hồ Chí Minh về gắn tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận với đề ra chủ trương, chính sách và sự vận dụng của Đảng ta", *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, (12).
95. Nguyễn Thị Hương (2024), "Nâng cao năng lực tư duy chiến lược cho đội ngũ cán bộ cấp chiến lược ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (33).

96. Nguyễn Thị Thu Hường (2023), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển con người toàn diện trong quá trình xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
97. Daniel Kahneman (2011), *Tư duy nhanh và chậm*, Nxb Farrar, Straus and Giroux, New York.
98. Ralph L. Keeney (2004), *Xây dựng năng lực ra quyết định tốt hơn*, Institute for Operations Research and the Management Sciences.
99. Ki-tốp A.I. (1985), *Những đặc điểm tâm lý của việc thông qua những quyết định quản lý*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội.
100. Vũ Khoan (2014), *Kinh nghiệm và những bài học thực tiễn khi ra quyết định lãnh đạo,* Chuyên đề bài giảng Khoa học Lãnh đạo, Hà Nội.
101. Kiểm toán nhà nước (2024), *Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước giai đoạn 2021 - 2024*, Hà Nội.
102. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 18, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
103. V.I. Lênin (2006), *Toàn tập*, tập 29, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
104. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (2024), *Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2023*, Hà Nội.
105. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (2025), *Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2024*, Hà Nội.
106. Trịnh Vĩnh Lưu (Zheng Yong-liu) và Trần Lỗ Hạ (Chen Lu-xia) (2021), "Triết học thực tiễn và lý thuyết về thực tiễn", *Tạp chí Đại học Sư phạm Hoa Đông* (Khoa học Xã hội và Triết học), Tập 53, (6), tr. 32-43.
107. C Mác và Ph. Ăngghen (2004), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội.
108. C Mác và Ph. Ăngghen (2004), *Toàn* tập, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội.
109. C Mác và Ph. Ăngghen (2004), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội.
110. C Mác và Ph. Ăngghen (2004), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội.

111. Nguyễn Thị Tuyết Mai (Chủ biên) (2007), *Nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn của cán bộ chủ chốt cấp xã, (Qua khảo sát ở đồng bằng sông Hồng)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
112. Son Masayoshi (2019), *Bí quyết ra quyết định dành cho lãnh đạo*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
113. Mauboussin M. J (dịch bởi Yến Phương, Tiểu Vân) (2006), *Kỹ năng ra quyết định (Decision making)*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.
114. Mahmutović, O. (2025), "Ma trận nhận thức luận của tính chủ thể hiện thực trong học thuyết thực tiễn của C. Mác", *Theoria*, Tập 12, (1), tr. 85-109.
115. Michael Nicholas (Thu Trang dịch) (2018), *Kỹ năng ra quyết định hiệu quả,* Nxb Lao động, Hà Nội.
116. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
117. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
118. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
119. Lê Hữu Nghĩa (2000), "Trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nguồn gốc thắng lợi của cách mạng nước ta", *Tạp chí Cộng sản*, (5).
120. Mai Đức Ngọc (2007), *Vai trò cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp xã trong việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở nông thôn nước ta hiện nay (Qua thực tế vùng đồng bằng sông Hồng)*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
121. Gregory S. Parnell và cộng sự (2013), *Cẩm nang phân tích quyết định*, Nhà xuất bản John Wiley & Sons.
122. Maria Palazzo và Alessandra Micozzi (2024), *Đổi mới tư duy về chiến lược và công cụ ra quyết định*, Nxb Emerald Publishing.
123. Trần Văn Phòng (1994), *Bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa ở đội ngũ cán bộ nước ta trong quá trình xây dựng CNXH*, Luận án phó tiến sĩ khoa học Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

124. Trần Văn Phòng (2000), *Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong tư tưởng triết học Hồ Chí Minh,* Nxb Lao động, Hà Nội.
125. Trần Văn Phòng (2002), "Nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh", *Tạp chí Lý luận chính trị*, (3).
126. Trần Văn Phòng (2005), "Quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình đổi mới của Đảng", *Tạp chí Khoa học chính trị*, (4).
127. Trần Văn Phòng (2006), "Tư tưởng Hồ Chí Minh về thống nhất giữa lý luận và thực tiễn nhằm khắc phục bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều", *Tạp chí Khoa học xã hội*, (5).
128. Trần Văn Phòng (2007), *Nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn của đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh vùng đồng bằng Sông Hồng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
129. Trần Văn Phòng (2008), *Nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn của đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
130. Trần Văn Phòng (2010), *Tổng kết thực tiễn với việc phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
131. Trần Văn Phòng (2026), "Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng - chìa khóa phòng, chống lãng phí trong kỷ nguyên số", *Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị*, (2), tr.10-16.
132. Trần Văn Phòng, Đào Văn Quang (2026), "Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng - chìa khóa phòng, chống lãng phí trong kỷ nguyên số", *Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị*, (2).
133. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (2024), *Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) - Khánh Hòa 2020-2024*, Hà Nội.
134. Nguyễn Vinh Quang (2003), *25 vấn đề lý luận trong công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia (dịch), Hà Nội.
135. Quốc hội (2019), *Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, ban hành ngày 13/6/2019*, Hà Nội.

136. Quốc hội (2022), *Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch*, Hà Nội.
137. Quốc hội (2022), *Nghị quyết số 55/2022/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa*, Hà Nội.
138. Quốc hội (2023), *Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.
139. Nguyễn Đức Quyền (2010), *Nâng cao năng lực tư duy lý luận cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp huyện ở tỉnh Lạng Sơn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
140. Nguyễn Duy Quý (chủ biên) (2005), *Tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
141. Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Đà Nẵng (2025), *Báo cáo tổng kết hoạt động ngành Thông tin và Truyền thông năm 2024, phương hướng nhiệm vụ năm 2025*, Đà Nẵng.
142. Trịnh Thanh Tâm (2025), "Giải pháp tăng cường thực hiện trách nhiệm giải trình của cán bộ lãnh đạo, quản lý hiện nay", *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, (7).
143. Lê Hữu Tầng (2003), *Chủ nghĩa xã hội từ lý luận đến thực tiễn những bài học kinh nghiệm chủ yếu*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
144. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (2022), *Báo cáo tình hình vận hành hệ thống điện quốc gia giai đoạn 2019 - 2022*, Hà Nội.
145. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (2024), *Báo cáo thường niên của Tập đoàn Điện lực Việt Nam*, Hà Nội.
146. Nguyễn Xuân Thắng (2023), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về đổi mới, phát triển đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
147. Lưu Kiếm Thanh (2022), "Vai trò của yếu tố chủ quan trong việc Ra quyết định hành chính", *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (315).

148. Phạm Ngọc Thanh (Chủ biên) (2013), *Đổi mới văn hóa lãnh đạo và quản lý ở Việt Nam hiện nay,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
149. Nguyễn Văn Thạo, Nguyễn Viết Thông (2018), *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn cấp thiết liên quan trực tiếp đến đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
150. Thanh tra Chính phủ (2020), *Kết luận thanh tra số 250/KL-TTCP ngày 11/9/2020 về các dự án đầu tư xây dựng, sử dụng đất tại tỉnh Khánh Hòa*, Hà Nội.
151. Thanh tra Chính phủ (2024), *Kết luận thanh tra số 358/KL-TTCP ngày 27/9/2024 của Thanh tra Chính phủ đối với Dự án Khu đô thị mới Bắc Lục Khẩu (khu A) của Công ty TNHH MTV Việt Long*, Hà Nội.
152. Trần Thành (2001), "Tư duy lý luận đối với người cán bộ lãnh đạo chỉ đạo thực tiễn", *Tạp chí Lý luận chính trị,* (2).
153. Thành ủy Đà Nẵng (2019), *Chương trình số 29-CTr/TU ngày 10/5/2019 thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Đà Nẵng.
154. Thành ủy Đà Nẵng (2021), *Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17/6/2021 của Thành ủy Đà Nẵng về chuyển đổi số trên địa bàn thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030,* Đà Nẵng.
155. Hà Văn Thiều (2020), "Vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy các môn Khoa học xã hội và nhân văn", *Tạp chí Quốc phòng Toàn dân*, (6).
156. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững*, Hà Nội.
157. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.

158. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 về điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
159. Thủ tướng Chính phủ (2023), *Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.
160. Thủ tướng Chính phủ (2023), *Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 02/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.
161. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2025), "Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn", *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (9).
162. Vũ Công Thương (2012), "Giải pháp nâng cao trình độ tư duy lý luận đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở nước ta hiện nay", *Tạp chí Giáo dục lý luận,* (3).
163. Vũ Công Thương (2017), *Sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo của CBCC cấp xã ở các tỉnh miền Đông Nam bộ hiện nay: Qua thực tế tỉnh Bình Phước,* Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
164. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2021), *Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030,* Đắk Lắk.
165. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2021), *Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 19/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045,* Đắk Lắk.
166. Tỉnh ủy Gia Lai (2022), *Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai khóa XVI về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030,* Gia Lai.
167. Tỉnh ủy Gia Lai (2023), *Chương trình hành động số 63-CTr/TU ngày 13/7/2023 thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị*, Gia Lai.

168. Tỉnh ủy Khánh Hòa (2021), *Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 10/01/2021 về phát triển Khu kinh tế Vân Phong giai đoạn 2021 - 2025,* Khánh Hòa.
169. Tỉnh ủy Khánh Hòa (2021), *Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 11/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa (khóa XVIII) về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025,* Khánh Hòa.
170. Tỉnh ủy Khánh Hòa (2022), *Chương trình hành động số 30-CTr/TU thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị*, Khánh Hòa.
171. Tỉnh ủy Khánh Hòa (2025), *Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14/7/2025 về tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2025 - 2030,* Khánh Hòa.
172. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2016), *Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025,* Lâm Đồng.
173. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2016), *Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/11/2016 về phát triển du lịch chất lượng cao tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025,* Lâm Đồng.
174. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2022), *Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030,* Lâm Đồng.
175. Tỉnh ủy tỉnh Lâm Đồng (2022), *Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, Lâm Đồng.
176. Tỉnh ủy Quảng Ngãi (2019), *Kế hoạch số 187-KH/TU ngày 24/4/2019 thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Quảng Ngãi.
177. Tỉnh ủy Quảng Ngãi (2021*), Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 11/5/2021 về huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp,* Quảng Ngãi.
178. Tỉnh ủy Quảng Ngãi (2021), *Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 02/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về đẩy mạnh phát triển du lịch, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn,* Quảng Ngãi.

179. Tỉnh ủy Quảng Ngãi (2022), *Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 20/5/2022 về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025*, Quảng Ngãi.

180. Tỉnh ủy Quảng Ngãi (2024), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, nhiệm vụ năm 2024*, Quảng Ngãi.

181. Tỉnh ủy Quảng Ngãi (2026), *Báo cáo tổng kết Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 19/5/2022 của Tỉnh ủy về đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, Quảng Ngãi.

182. Tổng cục Thống kê (2025), *Niên giám Thống kê Việt Nam 2024*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

183. Trần Quốc Toản, Phùng Hữu Phú, Tạ Ngọc Tấn (2021), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong phát triển đất nước: Hiện trạng - vấn đề đặt ra - định hướng trong giai đoạn mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

184. Trần Thị Bích Trà (2021), "Ra quyết định và tổ chức thực hiện quyết định", *Tạp chí Tâm lý học*, (10).

185. Nguyễn Phú Trọng (2005), "Tổng kết thực tiễn - một nhiệm vụ trọng yếu của công tác lý luận hiện nay", *Tạp chí Cộng sản,* (15).

186. Nguyễn Phú Trọng (2021), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

187. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

188. Trần Thiên Tú (2025), *Nâng cao năng lực tư duy chiến lược của CBCC cấp tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ Việt Nam hiện nay*, Luận văn tiến sĩ Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

189. Nguyễn Trọng Tứ (2016), "Thực hiện nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy lý luận chính trị", *Tạp chí Lý luận chính trị*, (7).

190. Đào Trí Úc (chủ biên) (2017), *Quản trị địa phương ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
191. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2019), *Kế hoạch số 4844/KH-UBND ngày 18/7/2019 về triển khai Chương trình số 29-CTr/TU*, Đà Nẵng.
192. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2020), *Nghị quyết số 330/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025*, Đà Nẵng.
193. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2021), Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 về việc hỗ trợ lương thực và nhu yếu phẩm thiết yếu cho hộ dân khó khăn do thực hiện biện pháp cấp bách để phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, Đà Nẵng.
194. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2021), *Quyết định số 3770/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, Đà Nẵng.
195. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2021), *Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 14/8/2021 về bổ sung và điều chỉnh một số biện pháp cấp bách để phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*, Đà Nẵng.
196. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2022), *Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 phê duyệt "Đề án phát triển kinh tế ban đêm tại thành phố Đà Nẵng đến năm 2030"*, Đà Nẵng.
197. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2023), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2023*, Đà Nẵng.
198. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2023), *Quyết định 42/2023/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*, Đà Nẵng.
199. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2024), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 và nhiệm vụ năm 2024*, Đà Nẵng.

200. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (2024), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 và nhiệm vụ năm 2025*, Bình Định.
201. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2020), *Kế hoạch số 10717/KH-UBND ngày 30/11/2020 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng*, Đắk Lắk.
202. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (2020), *Kế hoạch số 2415/KH-UBND ngày 03/12/2020 về chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030,* Gia Lai.
203. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (2023), *Kế hoạch số 2373/KH-UBND ngày 05/9/2023 về triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị*, Gia Lai.
204. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (2024), *Báo cáo kết quả thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2021 - 2025*, Gia Lai.
205. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (2021), *Kế hoạch số 975/KH-UBND ngày 01/10/2021 về triển khai đón khách du lịch, thích ứng an toàn trong phòng, chống dịch covid-19 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa*, Khánh Hòa.
206. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (2023), *Các kế hoạch triển khai phát triển kinh tế biển, du lịch và Khu kinh tế Vân Phong*, Khánh Hòa.
207. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hoà (2024), *Kế hoạch số 11891/KH-UBND ngày 22/10/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về phát triển du lịch xanh và bền vững đến năm 2030*, Khánh Hòa.
208. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (2024), *Các Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 16/8/2024; số 2133/QĐ-UBND ngày 19/8/2024; số 2151/QĐ-UBND và số 2161/QĐ-UBND ngày 20/8/2024*, Khánh Hòa.
209. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (2024), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2024*, Khánh Hòa.
210. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (2024), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 và nhiệm vụ năm 2024*, Khánh Hòa.

211. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hoà (2025), *Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Bộ Tiêu chuẩn Du lịch xanh tỉnh Khánh Hòa đã tạo khuôn khổ định hướng để doanh nghiệp du lịch đổi mới mô hình quản trị, nâng cao chất lượng dịch vụ, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường và từng bước tiếp cận các chuẩn mực phát triển bền vững*, Khánh Hòa.
212. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (2017), *Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025,* Lâm Đồng.
213. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (2021), *Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 về việc ban hành Quy định tạm thời tiêu chí nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng,* Lâm Đồng.
214. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (2022), *Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 về việc phê duyệt Đề án tổ chức kết nối nông nghiệp với công nghiệp chế biến, phát triển thị trường xuất khẩu nông sản và chuỗi giá trị toàn cầu tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022 - 2025,* Lâm Đồng.
215. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (2022), *Kế hoạch số 5731/KH-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng về thực hiện chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, Lâm Đồng.
216. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (2022), *Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050,* Lâm Đồng.
217. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (2023), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024*, Lâm Đồng.
218. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (2024), *Báo cáo kinh tế - xã hội năm 2023 và phương hướng năm 2024*, Lâm Đồng.

219. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (2025), *Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và phát triển nông nghiệp công nghệ cao,* Lâm Đồng.
220. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2013), *Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2013 về phê duyệt Quy hoạch Khu công nghiệp phía Đông Dung Quất*, Quảng Ngãi.
221. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2017), *Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 về phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch Khu công nghiệp phía Tây Dung Quất*, Quảng Ngãi.
222. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2020), *Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 về việc ban hành Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030,* Quảng Ngãi.
223. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2021), *Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025,* Quảng Ngãi.
224. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2022), *Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 về việc phê duyệt Đề án phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030,* Quảng Ngãi.
225. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2022), *Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 về việc phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030,* Quảng Ngãi.
226. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2023), *Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi*, Quảng Ngãi.
227. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2023), *Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 ban hành Quy định mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi,* Quảng Ngãi.
228. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2023), *Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị, dịch vụ Đông Nam Dung Quất và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch phân khu,* Quảng Ngãi.

229. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2024), *Báo cáo kinh tế - xã hội năm 2023 và phương hướng năm 2024*, Quảng Ngãi.
230. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2025), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026*, Quảng Ngãi.
231. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2023), *Phát triển bền vững vùng miền Trung - Tây Nguyên trong bối cảnh mới*, Hà Nội.
232. Trương Hiểu Yến (2022), *Nghiên cứu lý luận và thực tiễn ra quyết định của Đảng Cộng sản Trung Quốc*.

Tiếng Anh

233. Anne-Sophie Chaxel (2020), *How Do Governments And Individuals Make Decisions In A Time Of Crisis? The Case Of The Coronavirus*.
234. Charles Conteh và Frank L. K. Ohemeng (2009), *The politics of decision making in developing countries*, Abingdon: Taylor & Francis, ISSN 1471-9037, ZDB-ID 2046437-X. - Vol. 11.2009, 1, p. 57-77.

Tiếng Nga

235. Anatoly Viktorovich Karpov (2024): Tâm lý học - quản lý (Психология принятия управленческих решений). Nhà xuất bản: Yurayt (Nga).
236. Baruch Fischhoff (2025), *Decisions: Studying and Supporting People Facing Hard, The MIT Press*, Cambridge, Massachusetts, Hoa Kỳ.
237. Busov V.I. (2024): Lý luận và thực tiễn quản lý (Thế hệ mới) (Теория и практика принятия управленческих решений), Nhà xuất bản: Yurait.
238. Nazarov Azamat Sottarovich (2020), *"Các khía cạnh tâm lý của việc RQĐ quản lý"* (Психологические аспекты принятия управленческих решений), Tạp chí khoa học quốc tế Молодой ученый, số 44 (334), tr.45-48.
239. Jari Stenvall, Tony Kinder & Hanna Vakkala (Eds.) (2026), *Emerging Technologies and Innovative Problem Solving in Public Administration*, Palgrave Macmillan, Cham (Thụy Sĩ).
240. S.M.Turpin, M.A.Marais (2022): *Ra quyết định: Lý luận và thực tiễn* (Принятие решений: теория и практика), Nhà xuất bản: Knorus / ResearchGate

241. Vladimir Viktorovich Glukhov (2024), Quản trị chiến lược và - trong điều kiện bất định (Стратегическое управление và принятие решений в условиях неопределенности). Nhà xuất bản của Đại học Tổng hợp Kỹ thuật St. Petersburg.

Tiếng Trung

242. Tập Cận Bình (Quyển 1, 2014; Quyển 5, 2024), *Về quản trị đất nước* (Xi Jinping: The Governance of China, 习近平谈治国理政), Nxb Ngoại văn, Trung Hoa.

243. Viện Nghiên cứu Xây dựng Đảng Trung ương Trung Quốc (2022), *Sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong công tác xây dựng Đảng*, **建理**论与实践的统一), Nhà xuất bản Nghiên cứu Đảng Cộng sản Trung Quốc.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

SỐ LIỆU VỀ BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ VÀ ĐỘI NGŨ GIÁM ĐỐC CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC UBND CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG NAM TRUNG BỘ, NHIỆM KỲ 2025 - 2030

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tổng số	Nữ	DTTS	Cử nhân	Thạc sĩ	Tiến sĩ
1	Đà Nẵng	75	16	1	15	46	14*
2	Quảng Ngãi	70	14	13	20	42	8
3	Gia Lai	60	14	3	24	32	4
4	Đắk Lắk	61	14	11	15	44	2
5	Khánh Hòa	54	9	2	22	29	3
6	Lâm Đồng	93	14	9	25	68	0
Tổng		**413**	**81**	**39**	**121**	**261**	**31**

* Đà Nẵng: có 02 Phó Giáo sư, Tiến sĩ

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp từ Ban Tổ chức Tỉnh ủy/Thành ủy các tỉnh vùng Nam Trung Bộ, cập nhật đến tháng 4/2026.

PHỤ LỤC 2
CƠ CẤU CHUNG CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ KHẢO SÁT

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cán bộ nữ	81	19,6
Cán bộ dân tộc thiểu số	39	9,4
Trình độ cử nhân	121	29,3
Trình độ sau đại học	292	70,7
Trong đó tiến sĩ	31	7,5

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp từ Ban Tổ chức Tỉnh ủy/Thành ủy các tỉnh vùng Nam Trung Bộ, cập nhật đến tháng 4/2026.

PHỤ LỤC 3
KẾT QUẢ PCI, PAR INDEX, SIPAS CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG NAM TRUNG BỘ

TT	Tỉnh/ Thành phố	PCI 2024	Đánh giá PCI	PAR INDEX 2024	SIPAS 2024	Nhận xét khái quát
1	Đà Nẵng	69,24*	Khá	Nhóm khá	Mức cao	Nổi bật về cải cách hành chính, chính quyền số
2	Quảng Ngãi	66,36*	Trung bình khá	Trung bình khá	Khá	Cải thiện môi trường đầu tư, công nghiệp trọng điểm
3	Gia Lai	64,46*	Trung bình khá	Trung bình	Khá	Địa bàn rộng, điều hành chịu áp lực vùng dân tộc
4	Đắk Lắk	65,1 *	Trung bình khá	Nhóm khá	Khá	Có chuyển biến về cải cách thủ tục hành chính
5	Khánh Hòa	67,66*	Khá	Nhóm khá	Cao	Mạnh về thu hút đầu tư, du lịch, kinh tế biển
6	Lâm Đồng	65,08*	Trung bình khá	Nhóm khá	Cao	Dịch vụ công và du lịch phát triển tương đối tốt

Ghi chú:

(1) PCI (Provincial Competitiveness Index) là Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, phản ánh chất lượng điều hành kinh tế, mức độ thuận lợi của môi trường đầu tư kinh doanh và cảm nhận của cộng đồng doanh nghiệp đối với chính quyền địa phương.

(2) PAR INDEX là Chỉ số cải cách hành chính, phản ánh kết quả triển khai chương trình cải cách hành chính nhà nước tại địa phương.

(3) SIPAS là Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

(4) Dấu (*) thể hiện số liệu sử dụng cho mục đích tham chiếu, so sánh tương quan trong phạm vi nghiên cứu; khi nộp lưu chiểu chính thức, nghiên cứu sinh cần rà soát lần cuối theo báo cáo gốc của năm tương ứng.

Nhận xét tổng hợp:

Kết quả PCI, PAR INDEX và SIPAS cho thấy giữa các địa phương khảo sát tồn tại sự khác biệt nhất định về năng lực điều hành, chất lượng cải cách hành chính và mức độ hài lòng của người dân. Những khác biệt này phản ánh tương đối rõ hiệu quả ra quyết định, năng lực tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách và trình độ quản trị địa phương của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh. Các địa phương có chỉ số cao hơn thường gắn với môi trường hành chính minh bạch hơn, mức độ phục vụ tốt hơn và khả năng thích ứng chính sách nhanh hơn trước yêu cầu phát triển mới. Ngược lại, những địa phương có chỉ số ở mức trung bình cho thấy yêu cầu tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và tăng cường gắn kết giữa chủ trương với thực tiễn quản lý địa phương.

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp từ các tỉnh/thành phố vùng Nam Trung Bộ, cập nhật đến tháng 4/2026.

PHỤ LỤC 4
MỘT SỐ NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CHỦ YẾU CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG VÙNG NAM TRUNG BỘ GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

(Phục vụ nghiên cứu về bối cảnh ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh)

I. ĐÀ NẴNG				
TT	**Văn bản**	**Cơ quan ban hành**	**Năm**	**Nội dung khái quát**
1	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần XXI, nhiệm kỳ 20215 - 2020.	Thành ủy Đà Nẵng	2015	Phát triển đô thị hiện đại, dịch vụ - du lịch, CNTT, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng sống.
2	Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/1/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Bộ Chính trị	2019	Xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm kinh tế - xã hội lớn, đô thị biển thông minh, động lực vùng miền Trung
3	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.	Thành ủy Đà Nẵng	2020	Định hướng phát triển đô thị thông minh, dịch vụ và du lịch
4	Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 10/12/2020 của Thành ủy Đà Nẵng về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.	Thành ủy Đà Nẵng	2020	Triển khai Nghị quyết Đại hội XXII, tập trung phát triển kinh tế số, đô thị thông minh, cải cách hành chính, nâng cao năng lực quản trị.
5	Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17/6/2021 của Thành ủy Đà Nẵng về chuyển đổi số trên địa bàn thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Thành ủy Đà Nẵng	2021	Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh bền vững.
II. QUẢNG NGÃI				
TT	Văn bản	Cơ quan ban hành	Năm	Nội dung khái quát
6	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần XIX, nhiệm kỳ 2015 - 2020.	Tỉnh ủy Quảng Ngãi	2015	Phát triển công nghiệp Dung Quất, kinh tế biển, giảm nghèo bền vững, cải cách hành chính, xây dựng tỉnh công nghiệp hiện đại.
7	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.	Tỉnh ủy Quảng Ngãi	2020	Phát triển công nghiệp Dung Quất, kinh tế biển, đô thị hóa, giảm nghèo, cải cách hành chính, hướng tới tỉnh công nghiệp hiện đại.
8	Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	2021	Ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, cụ thể hóa mục tiêu tăng trưởng, cơ cấu lại kinh tế và phát triển bền
9	Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 11/5/2021 về huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển công	Tỉnh ủy Quảng Ngãi	2021	Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực, thúc đẩy phát triển công nghiệp, nâng cao năng lực sản xuất và tăng trưởng kinh tế.

	nghiệp.			
10	Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 02/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về đẩy mạnh phát triển du lịch, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.	Tỉnh ủy Quảng Ngãi	2021	Đẩy mạnh phát triển du lịch, xây dựng thành ngành kinh tế mũi nhọn, nâng cao chất lượng dịch vụ và sản phẩm du lịch.
11	Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị định hướng phát triển các trung tâm công nghiệp, năng lượng và lọc hóa dầu quy mô lớn tại vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ	Bộ Chính trị	2022	Nghị quyết định hướng phát triển KKT Dung Quất thành hạt nhân công nghiệp - năng lượng của vùng, gắn với lọc hóa dầu, công nghiệp nặng, cảng biển và logistics quy mô lớn, đóng vai trò động lực tăng trưởng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ.
12	Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 về việc phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	2022	Phê duyệt đề án phát triển đô thị thông minh, thúc đẩy chuyển đổi số, hiện đại hóa quản lý đô thị đến năm 2030.
III. GIA LAI				
TT	Văn bản	Cơ quan ban hành	Năm	Nội dung khái quát
13	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần XV, nhiệm kỳ 2015 - 2020.	Tỉnh ủy Gia Lai	2015	Phát triển nông nghiệp là trụ cột, đẩy mạnh công nghiệp chế biến, hạ tầng kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng Tây Nguyên.
14	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.	Tỉnh ủy Gia Lai	2020	Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo, giảm nghèo bền vững, xây dựng Gia Lai phát triển nhanh và bền vững.
15	Kế hoạch số 2415/KH-UBND ngày 03/12/2020 về chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	UBND tỉnh Gia Lai	2020	Triển khai chuyển đổi số toàn diện tỉnh Gia Lai, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số đến 2030.
16	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Gia Lai.	HĐND tỉnh Gia Lai	2021	Kế hoạch tập trung phát triển kinh tế nhanh, bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và chuyển đổi số.
17	Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai khóa XVI về Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Tỉnh ủy Gia Lai	2022	Nghị quyết số 04-NQ/TU tập trung phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; xây dựng hạ tầng, dữ liệu và nền tảng số phục vụ phát triển tỉnh Gia Lai

18	Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai khóa XVI về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030	Tỉnh ủy Gia Lai	2022	Nghị quyết số 06-NQ/TU tập trung phát triển lâm nghiệp bền vững, nâng cao độ che phủ rừng, gắn bảo vệ rừng với sinh kế và thích ứng biến đổi khí hậu.
19	Kế hoạch số 2366/KH-UBND ngày 31/8/2023 về triển khai thực hiện Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022 - 2025	UBND tỉnh Gia Lai	2023	Xây dựng vùng nguyên liệu nông lâm sản đạt chuẩn, nâng cao chất lượng, truy xuất nguồn gốc, phục vụ tiêu thụ và xuất khẩu.
IV. ĐẮK LẮK				
TT	Văn bản	Cơ quan ban hành	Năm	Nội dung khái quát
20	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020.	Tỉnh ủy Đắk Lắk	2015	Phát triển kinh tế bền vững, đầu tư hạ tầng, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao đời sống nhân dân và bảo đảm quốc phòng - an ninh.
21	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.	Tỉnh ủy Đắk Lắk	2020	Định hướng phát triển kinh tế - xã hội gắn với tái cơ cấu kinh tế, phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và khai thác lợi thế địa phương.
22	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tỉnh Đắk Lắk 5 năm, giai đoạn 2021-2025.	HĐND tỉnh Đắk Lắk	2021	Phát triển kinh tế nhanh, bền vững; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy chuyển đổi số và phát huy lợi thế vùng.
23	Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 về việc chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.	Tỉnh ủy Đắk Lắk	2021	Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số tỉnh Đắk Lắk.
24	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 về nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.	HĐND tỉnh Đắk Lắk	2022	Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao.
V. KHÁNH HÒA				
TT	Văn bản	Cơ quan ban hành	Năm	Nội dung khái quát
25	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2015 - 2020.	Tỉnh ủy Khánh Hòa	2015	Định hướng phát triển kinh tế bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, phát huy kinh tế biển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và bảo đảm an sinh xã hội

26	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025	Tỉnh ủy Khánh Hòa	2020	Phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; phát huy lợi thế kinh tế biển, dịch vụ, du lịch, đô thị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
27	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 07/12/2020 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025.	HĐND tỉnh Khánh Hòa	2020	Phát triển kinh tế nhanh, bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ, du lịch, công nghiệp hiện đại và nâng cao chất lượng tăng trưởng.
28	Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 10/01/2021 về phát triển Khu kinh tế Vân Phong giai đoạn 2021 - 2025.	Tỉnh ủy Khánh Hòa	2021	Phát triển Khu kinh tế Vân Phong thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, cảng trung chuyển quốc tế, công nghiệp công nghệ cao và động lực tăng trưởng của tỉnh.
29	Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 11/01/2021 về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025	Tỉnh ủy Khánh Hòa	2021	Phát triển hệ thống đô thị đồng bộ, hiện đại; nâng cao chất lượng hạ tầng, mở rộng không gian đô thị và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội.
30	Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Bộ Chính trị	2022	Nghị quyết định hướng xây dựng Khánh Hòa trở thành đô thị trực thuộc Trung ương; phát triển kinh tế biển, dịch vụ, công nghiệp hiện đại và trung tâm tăng trưởng vùng
VI. LÂM ĐỒNG				
TT	Văn bản	Cơ quan ban hành	Năm	Nội dung khái quát
31	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần X, nhiệm kỳ 2015 - 2020.	Tỉnh ủy Lâm Đồng	2015	Phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; phát huy lợi thế nông nghiệp công nghệ cao, du lịch và xây dựng Đà Lạt thành đô thị thông minh.
32	Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.	Tỉnh ủy Lâm Đồng	2016	Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao, tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, nâng cao năng suất và giá trị gia tăng.
33	Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/11/2016 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển du lịch chất lượng cao giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	Tỉnh ủy Lâm Đồng	2016	Phát triển du lịch chất lượng cao thành ngành kinh tế động lực; nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm và phát huy lợi thế địa phương.
34	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.	Tỉnh ủy Lâm Đồng	2020	Phát triển nhanh, toàn diện, bền vững; phát huy lợi thế nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, đô thị thông minh và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
35	Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	HĐND tỉnh Lâm Đồng	2021	Phát triển kinh tế nhanh, bền vững; phát huy lợi thế nông

	về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Lâm Đồng.			nghiệp công nghệ cao, du lịch chất lượng cao và nâng cao chất lượng tăng trưởng.
36	Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Tỉnh ủy Lâm Đồng	2022	Phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; xây dựng hạ tầng số, dữ liệu số và nâng cao hiệu quả quản lý.
37	Kế hoạch số 5731/KH-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng về thực hiện chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	UBND tỉnh Lâm Đồng	2022	Triển khai chuyển đổi số toàn diện; phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; xây dựng hạ tầng, dữ liệu số và nâng cao hiệu quả quản lý.

NHẬN XÉT KHÁI QUÁT

Các văn bản nêu trên phản ánh định hướng phát triển chủ yếu của các tỉnh, thành phố vùng Nam Trung Bộ trong giai đoạn 2020-2025, tập trung vào ba trục chính: phát triển kinh tế biển - công nghiệp - dịch vụ; tái cơ cấu nông nghiệp gắn với công nghệ cao; và nâng cao chất lượng quản trị, cải cách hành chính. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng chi phối hoạt động ra quyết định của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh trong vùng.

NGUỒN TÀI LIỆU

Văn kiện Đại hội Đảng bộ các tỉnh, thành phố nhiệm kỳ 2020-2025

Cổng thông tin điện tử Tỉnh ủy, Thành ủy các địa phương

Cổng thông tin điện tử UBND các tỉnh, thành phố

Báo cáo phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2020 - 2025

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp từ các tỉnh/thành phố vùng Nam Trung Bộ, cập nhật đến tháng 4/2026.

PHỤ LỤC 5
DANH MỤC MỘT SỐ VĂN BẢN CHỈ ĐẠO VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ

I. VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG LÀM CƠ SỞ THỐNG NHẤT

TT	Số hiệu / Tên văn bản	Cơ quan ban hành	Năm	Nội dung trọng tâm
1	Quy định số 89-QĐ/TW ngày 4/8/2017 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp	Bộ Chính trị	2017	Xác định khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng tiêu chí đánh giá năng lực, phẩm chất đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý.
2	Quy định số 205-QĐ/TW ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền	Bộ Chính trị	2019	Quy định cơ chế kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý hành vi chạy chức, chạy quyền.
3	Quy định số 214-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý	Bộ Chính trị	2020	Quy định khung tiêu chuẩn chức danh và tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.
4	Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung	Bộ Chính trị	2021	Đề ra chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung
5	Quy định số 377-QĐ/TW ngày 8/10/2025 về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối	Bộ Chính trị	2025	Quy định nguyên tắc, thẩm quyền và trách nhiệm trong phân cấp quản lý cán bộ, công tác quy hoạch, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ.

	với cán bộ			

II. MỘT SỐ VĂN BẢN, QUY ĐỊNH VÀ CƠ CHẾ THỰC HIỆN Ở CÁC ĐỊA PHƯƠNG VÙNG NAM TRUNG BỘ

TT	Địa phương	Nhóm văn bản / cơ chế chủ yếu	Cơ quan ban hành / thực hiện	Nội dung trọng tâm
6	Đà Nẵng	Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Thành ủy theo nhiệm kỳ; quy định phân cấp quản lý cán bộ	Thành ủy Đà Nẵng	Phân định thẩm quyền, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, nâng cao hiệu lực lãnh đạo
7	Quảng Ngãi	Quy chế làm việc của cấp ủy; quy định quản lý cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý	Tỉnh ủy Quảng Ngãi	Chuẩn hóa quy trình nhân sự, gắn công tác cán bộ với phát triển công nghiệp
8	Gia Lai	Quy chế làm việc của cấp ủy; quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức lãnh đạo quản lý	Tỉnh ủy Gia Lai	Tăng cường quản lý cán bộ địa bàn rộng, đa dân tộc
9	Đắk Lắk	Quy chế làm việc của cấp ủy; quy định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ	Tỉnh ủy Đắk Lắk	Nâng cao chất lượng đội ngũ lãnh đạo, quản lý
10	Khánh Hòa	Quy chế làm việc của cấp ủy; quy định phân cấp quản lý cán bộ gắn yêu cầu phát triển mới	Tỉnh ủy Khánh Hòa	Xây dựng đội ngũ cán bộ phục vụ đột phá kinh tế biển, đô thị hiện đại
11	Lâm Đông	Quy chế làm việc của cấp ủy; quy định quy hoạch, đào tạo, luân chuyển cán bộ	Tỉnh ủy Lâm Đông	Phát triển đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu tăng trưởng xanh, du lịch chất lượng cao

III. NHÓM VĂN BẢN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ TỔ CHỨC THỰC THI Ở CẤP TỈNH

TT	Loại văn bản	Cơ quan ban hành	Nội dung
12	Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành	UBND các tỉnh, thành phố trong	Phân công trách nhiệm, chế độ điều hành, phối hợp công

	phố	vùng.	tác
13	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm	UBND tỉnh/Thành phố, Sở Nội vụ	Nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản trị công
14	Kế hoạch luân chuyển, điều động, bố trí cán bộ	Cấp ủy, chính quyền địa phương	Tạo nguồn cán bộ lãnh đạo kế cận
15	Chương trình kiểm tra, giám sát công tác cán bộ	Ủy ban Kiểm tra cấp ủy	Phòng ngừa sai phạm, tăng cường kỷ luật, kỷ cương

IV. NHẬN XÉT KHÁI QUÁT

Hệ thống văn bản về công tác cán bộ ở các tỉnh, thành phố vùng Nam Trung Bộ được triển khai trên cơ sở thống nhất các quy định của Trung ương và được cụ thể hóa phù hợp với điều kiện phát triển của từng địa phương. Các quy chế làm việc, quy định phân cấp quản lý cán bộ, kế hoạch đào tạo và cơ chế kiểm tra, giám sát đã tạo thành khung thể chế quan trọng bảo đảm cho việc lựa chọn, bố trí, sử dụng và quản lý đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh.

V. NGUỒN TÀI LIỆU

- Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Các nghị quyết, quy định, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị về công tác cán bộ.
- Văn kiện Đại hội Đảng bộ các tỉnh, thành phố vùng Nam Trung Bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025.
- Cổng thông tin điện tử Tỉnh ủy, Thành ủy, UBND các tỉnh, thành phố trong vùng.
- Báo cáo công khai của các cơ quan tổ chức cán bộ địa phương.

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp từ các quy định của Trung ương, tỉnh/thành phố vùng Nam Trung Bộ, cập nhật đến tháng 4/2026.